

NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG

(Nguyễn Dữ)

Đề 1: Phân tích nhân vật của Vũ Nương trong tác phẩm “Chuyện người con gái của Nam Xương” của Nguyễn Dữ

Dàn ý tham khảo

1, Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm

Viết về người phụ nữ - Một đề tài không còn mới lạ trong văn học, ta có thể kể đến các tác giả như nổi tiếng như Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm... đây là những cây bút tiêu biểu cho mảng đề tài này. Bên cạnh đó Nguyễn Dữ cũng là một gương mặt tiêu biểu ngòi bút nhân văn của ông luôn hướng về người phụ nữ. Tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong những tác phẩm đặc sắc của nhà văn Nguyễn Dữ. Qua câu chuyện, nhà văn đã xây dựng hình ảnh Vũ Nương với cuộc đời đầy bất hạnh, đau khổ.

2, Thân bài

a. Khái quát chung

- Hoàn cảnh ra đời
- Tóm tắt

Nhà văn Nguyễn Dữ là cây bút văn xuôi xuất sắc nhất của văn học thế kỷ XVI. Ông sống ở thời kỳ chế độ phong kiến bắt đầu bước vào giai đoạn suy vong, các cuộc chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến kéo dài liên miên gây đau khổ cho nhân dân. Vốn không đồng tình với chế độ phong kiến bất công, thối nát, ông đã thể hiện kín đáo tình cảm ấy của mình qua tác phẩm Truyền kì mạn lục gồm hai mươi truyện ngắn. Chuyện người con gái Nam Xương là một trong hai mươi truyện trên.

b. Phân tích

* Luận điểm 1: Vũ Nương là một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết

- Ngay từ đầu truyện Vũ Nương được giới thiệu là người phụ nữ đẹp người đẹp nết “tính đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”.

- Trong xã hội phong kiến, một người phụ nữ đẹp phải hội tụ đủ các yếu tố: “tam tông, tứ đức”, “công, dung, ngôn, hạnh”. Trong đó, dung chính là vẻ bề ngoài của nàng mà Trương Sinh đã xin mẹ “đem 100 lạng vàng cưới về”. Chi tiết này đã tô đậm vẻ đẹp nhan sắc và phẩm chất của nàng.

=> Nhân vật Vũ Nương đã được tác giả khắc họa với những nét chân dung về người phụ nữ mang vẻ đẹp toàn vẹn nhất trong xã hội phong kiến.

Song có thể hiểu thật chi tiết về Vũ Nương, chúng ta cần phải đặt nhân vật trong những hoàn cảnh và mối quan hệ khác nhau:

Luận cứ 1: Trong mối quan hệ với chồng: Nàng là người vợ thủy chung, yêu thương chồng hết mực.

* **Trong cuộc sống vợ chồng bình thường:** nàng hiểu chồng có tính “đa nghi”, “phòng ngừa quá mức” nên Vũ Nương đã khéo léo cư xử đúng mực, nhường nhịn, giữ gìn khuôn phép nên không lúc nào vợ chồng thất hòa.

=> Nàng là người phụ nữ hiểu chồng, biết mình, người phụ nữ đức hạnh. Qua đây ta thấy đã hé lộ mâu thuẫn tính cách giữa hai người và đầy tính dự báo.

*** Khi xa chồng:**

- Vũ Nương là người vợ thủy chung yêu thương chồng hết mực. Nỗi nhớ chồng cứ đi cùng năm tháng: “mỗi khi bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi”, nàng lại “thốn thức tâm tình, buồn thương da diết”.

- Nàng mơ về một tương lai gần sẽ lại bên chồng như hình với bóng: Đỗ con, nàng chỉ cái bóng của mình trên vách mà rằng cha Đản.

- Tiết hạnh ấy được khẳng định trong câu nói thanh minh, phân trần sau này của nàng với chồng: “Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót”.

=> Qua tâm trạng băng khuâng, nhớ thương, đau buồn của Vũ Nương, Nguyễn Dữ vừa cảm thông vừa ca ngợi tấm lòng son sắc, thủy chung của nàng. Và nỗi nhớ ấy, tâm trạng ấy cũng chính là tâm trạng chung của những người phụ nữ trong thời loạn lạc, chiến tranh.

*** Khi bị chồng nghi oan:**

- Nàng hết sức phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng trinh bạch của mình:

+ Trước hết, nàng nhắc đến thân phận của mình để có được tình nghĩa vợ chồng: “Thiếp con kẻ khó được nâng tựa nhà giàu”

+ Thiếp theo, nàng khẳng định tấm lòng thủy chung, trong trắng, vẹn nguyên chờ chồng: “Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết”.

+ Cuối cùng, nàng cầu xin chồng đừng nghi oan : “Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”

=> Nàng đã hết lời tha thiết, hết lòng nhún nhường để cứu vãn, hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ bị tan vỡ. Qua những lời nói thiết tha đó, nó còn cho ta thấy thái độ trân trọng chồng và gia đình nhà chồng của nàng.

- Khi không còn hi vọng, nàng nói trong đau đớn và thất vọng:

+ Hạnh phúc gia đình, “*thú vui nghi gia, nghi thất*” là niềm khát khao và tôn thờ cả đời giờ đã tan vỡ.

+ Tình yêu giờ đây của nàng được cụ thể bằng những hình ảnh ước lệ: “*bình rơi trầm gậy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió.*”

+ Đến nỗi đau chờ chồng đến hóa đá của “cổ nhân” nàng cũng không có được: “*đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa*”.

=> Vậy là tình yêu, hạnh phúc gia đình vốn là cơ sở tồn tại của người vợ trẻ giờ đã không còn có ý nghĩa.

- Cuối cùng, bị cự tuyệt quyền yêu, quyền hạnh phúc cũng đồng nghĩa với việc nàng bị cự tuyệt quyền tồn tại. Nàng tìm đến cái chết sau mọi sự cố gắng không thành.

=> Hành động trầm mình tự vẫn của nàng là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo vệ phẩm giá. Đối với người con gái đức hạnh và giàu đức hi sinh, phẩm giá còn cao hơn sự sống.

*** Những năm tháng sống dưới thủy cung**

- Ở chốn làn mây, cung nước nhưng nàng vẫn một lòng hướng về chồng con, quê hương và khao khát được đoàn tụ.

+ Nàng nhận ra Phan Lang người cùng làng.

+ Nghe Phan lang kể về chuyện gia đình mà ứa nước mắt xót thương.

- Nàng khao khát được trả lại phẩm giá, danh dự: Gửi chiếc thoa vàng, nhờ Phan Lang nói với TS lập đàn giải oan cho mình.

- Nàng là người trọng tình, trọng nghĩa: Dù thương nhớ chồng con, khao khát được đoàn tụ nhưng vẫn quyết giữ lời hứa sống chết bên Linh Phi.

=> Với vai trò là một người vợ, VN là một người phụ nữ chung thủy, mẫu mực, lí tưởng trong xã hội phong kiến. Trong trái tim của người phụ nữ ấy chỉ có tình yêu, lòng bao dung và sự vị tha.

Luận cứ 2: Trong mối quan hệ với mẹ chồng: Nàng là người con dâu hiếu thảo.

- Vũ Nương đã thay TS làm tròn bốn phận người con, người trụ cột đối với gia đình nhà chồng: Chăm sóc mẹ chồng khi già yếu, ốm đau. “Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khuyên lơn”.

- Mẹ chồng mất, nàng hết lòng thương xót, lo liệu ma chay chu đáo đối với cha mẹ đẻ mình.

- Lời trăn trối của bà mẹ chồng trước khi mất đã khẳng định lòng hiếu thảo, tình cảm chân thành và công lao to lớn của Vũ Nương: “Xanh kia quyết chẳng phụ nàng cũng như con đã chẳng phụ mẹ”.

Luận cứ 3: Trong mối quan hệ với con: Nàng là người mẹ yêu thương con hết mực.

- Thiếu vắng chồng, nàng vẫn một mình sinh con, và nuôi dạy con khôn lớn.

- Không chỉ trong vai trò là một mình sinh con, và nuôi dạy con khôn lớn. Không chỉ trong vai trò là một người mẹ, nàng còn đóng vai trò là một người cha hết lòng yêu thương con, không để con phải thiếu thốn tình cảm.

- Nàng còn là một người mẹ tâm lí, không chỉ chăm lo cho con về vật chất, mà còn lo cho con cả về mặt tinh thần: Bé Đản sinh ra chưa biết mặt cha, lo con thiếu thốn tình cảm của cha nên chỉ vào cái bóng của mình trên vách mà bảo cha Đản. Hơn hết, nàng sớm định hình cho con về một mái ấm, một gia đình hoàn chỉnh.

=> VN không chỉ hoàn thành tốt trách nhiệm của một người vợ, người con, người mẹ, người cha mà còn là một người trụ cột của gia đình. Nàng xứng đáng được hưởng những gì hạnh phúc, tuyệt vời nhất. Thế nhưng trở trêu thay hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng.

*** Luận điểm 2: Vũ Nương là một người phụ nữ có số phận oan nghiệt.**

- Số phận bi kịch:

+ Chồng đi lính trở về - nghe con - một mực nghi oan - đánh đuổi đi

+ Hết lời thanh minh, bày tỏ nỗi lòng qua lời than => tự vẫn.

- Cái chết của nàng:

+ Tắm gội chay sạch

+ Than

=> Hành động có suy tính => Phản kháng chế độ phong kiến nam quyền bất công

- Nguyên nhân:

+ Trực tiếp: lời nói ngây thơ của bé Đản

+ Gián tiếp:

- TS đa nghi, hay ghen, gia trưởng, thô bạo, thiếu niềm tin và tôn trọng phụ nữ

- Hôn nhân không bình đẳng: sự rẻ rúng của con nhà hào phú với con nhà kẻ khó
- XHPK hà khắc, trình tiết hơn mạng sống
- Chiến tranh phi nghĩa
- Kết thúc: Chi tiết kì ảo - vũ nương trở về - tạ từ - biến mất: hoàn thiện vẻ đẹp VN, nhưng không giảm đi tính bi kịch.
- Thân phận của Vũ Nương cũng là thân phận của biết bao người phụ nữ trong xã hội xưa:

*“Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”*

c. Đánh giá nghệ thuật

- Nhân vật VN được đặt vào nhiều tình huống, từ đó, thể hiện số phận bất hạnh và những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật.
- Chi tiết chọn lọc, ngôn ngữ đối thoại và tự bạch phù hợp, yếu tố hoang đường, kì ảo mang đặc trưng của thể loại truyền kì và thể hiện ước vọng của nhân dân về kết thúc có hậu cho số phận nhân vật.

3. Kết bài:

- Khái quát lại vấn đề nghị luận
- Cảm xúc của bản thân

Đề 2: Phân tích giá trị của chiếc bóng trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ

1 Mở bài

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm “ Người con gái Nam Xương” (Giống đề 1)
- Đọc tác phẩm này người đọc không chỉ ấn tượng với Truyện ngắn của Nguyễn Dữ khi sử dụng các chi tiết hoang đường, kì ảo mà còn thực sự ấn tượng với chi tiết cái bóng, chi tiết này ẩn chứa những ý nghĩa văn chương sâu sắc.

2. Thân bài

Trong tác phẩm tự sự chi tiết là một yếu tố vô cùng quan trọng, chi tiết chiếc bóng cùng với những chi tiết khác tạo nên sự hấp dẫn của “Chuyện Người con gái Nam Xương”

Trong tác phẩm “ Chuyện người con gái Nam Xương”, Chi tiết cái bóng xuất hiện 2 lần đó là chiếc bóng của Vũ Nương trên tường vào ban đêm do bé Đản nhớ lại kể chuyện với Trương Sinh, chiếc bóng đó xuất hiện thường xuyên vào ban đêm trong thời gian Trương Sinh đi lính, chiếc bóng xuất hiện lần thứ hai là chiếc bóng của Trương Sinh trên tường xuất hiện vào ban đêm sau khi Vũ Nương đã mất.

Trong suy nghĩ của bé Đản chiếc bóng trên tường ở cả hai hoàn cảnh trên đều là cha của nó.

+ Giá trị của chiếc bóng: Ở cả hai hoàn cảnh xuất hiện chi tiết cái bóng đều có ý nghĩa cả về nghệ thuật và nội dung. Ở lần xuất hiện thứ nhất cái bóng xuất hiện là cái bóng của Vũ Nương, chiếc bóng xuất hiện lần này qua lời kể ngày thơ của bé Đản là có giá trị đặc sắc về nghệ thuật gió thổi bùng lên cơn ghen trong lòng anh

chàng Trương sinh khiến anh ta đã bao lần khiens Trương Sinh vốn đa nghi liền tin ngay Vũ Nương thất tiết, khiến Vũ Nương phải đối mặt với một nỗi oan tày trời, không thể thanh minh trước cơn ghen của Trương Sinh, cuối cùng trong nỗi đau tuyệt vọng nàng phải chọn cái chết để giải thoát. Nỗi đau về cả thể xác, lẫn tinh thần.

Bên cạnh giá trị về nghệ thuật chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất còn có những giá trị nội dung rất lớn việc Vũ Nương chỉ bóng mình trên tường và nói với bé Đản đó là cha của nó. đã cho người đọc hiểu được tình yêu thương của nàng bằng hành động này nàng không muốn đứa con nhỏ của mình bị tổn thương về mặt tinh thần, muốn cho con hiểu rằng nó vẫn đang được lớn lên trong hoàn cảnh gia đình có cả cha lẫn mẹ.

Việc coi bóng mình trên tường là Trương Sinh, còn cho ta thấy Vũ Nương là một người vợ có tình yêu thương chồng tha thiết, chiến tranh chỉ có thể khiến nàng xa chồng về không gian, thời gian chứ không thể chia cắt về tình nghĩa vợ chồng vô tình mà bền chặt, nếu nàng là hình thì Trương Sinh là bóng, bóng và hình luôn quấn quýt bên nhau không thể tách.

Việc sử dụng chi tiết cái bóng xuất hiện trong lời kể của bé Đản còn nhằm tố cáo chiến tranh phi nghĩa, bất chính. Cuộc chiến tranh này đã khiến cho bao người phụ nữ phải chịu nỗi khổ của người chinh phu xa chồng, lo lắng cho sự nguy nan của chồng, một mình gánh vác mọi công việc trong gia đình và luôn phải sống trong trông chờ, khao khát.

-Việc Vũ Nương coi cái bóng mình trên tường là chồng còn phản ánh một niềm hi vọng, niềm khao khát chính đáng của người chinh phụ nữ đó là khát vọng đoàn tụ. Điều này giúp ta hiểu Nguyễn Dữ đã thấu hiểu thật sâu sắc nỗi lòng của người phụ nữ khi có chồng đi đánh trận. Mặt khác chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất còn nhằm gửi gắm tâm sự của Nguyễn Dữ trong xã hội phong kiến xưa ẩn khuất quanh người phụ nữ, đặc biệt là những người phụ nữ bình dân và có thể ập xuống cuộc đời họ bất cứ lúc nào mà họ không thể lường trước được. Ngoài những ý nghĩa nói trên chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất còn thể hiện tình cảm ngây thơ hồn nhiên của bé Đản một đứa trẻ luôn tin lời người mẹ của mình.

+ Nỗi oan của Vũ Nương xoay quanh chi tiết cái bóng lần thứ nhất (một tình huống vì chồng nghi oan là thất tiết) cho ta liên tưởng tới nỗi oan của nhân vật chị Kính trong vở chèo “Quan Âm Thị Kính”. Họ là những người phụ nữ thật đáng thương, không có cơ hội thanh minh mỗi khi đối mặt với nỗi oan,

Sau khi Vũ Nương tự vẫn Trương Sinh bé Đản sống lặng lẽ, vào một đêm khuya bên ngọn đèn dầu bé Đản trông bóng Trương Sinh trên tường và nói “cha Đản lại đến kia kìa” Trương Sinh nhìn theo hướng chỉ của bé Đản và lúc mấy giờ anh anh mới hiểu ra nỗi oan của vợ. Thì ra người cha trước kia thường đến vào ban đêm, luôn kề kề bên cạnh Vũ Nương chính là cái bóng của nàng trên tường cũng giống

như người cha trong suy nghĩ của bé Đản bây giờ là cái bóng của Trương Sinh trên tường mà thôi,

+ **Cũng giống như chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất chiếc bóng lần này có ý nghĩa sâu sắc về nội dung và nghệ thuật**

+ **Về nghệ thuật:** Chiếc bóng lần này có ý nghĩa mở nút câu chuyện, nó giúp Trương Sinh hiểu ra nỗi oan của vợ giúp cho sự tức tối, hờn ghen vẫn luôn đọng lại trong tâm trí, trái tim của anh ta bỗng tan biến. Lúc này anh ta hiểu rất rõ về người cha trước kia của bé Đản “Tại sao chỉ đến vào ban đêm, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bé Đản cả” lúc này anh ta cũng hiểu người vợ xinh đẹp của mình lại hết lời thanh minh trong nước mắt như vậy. Chiếc bóng lần này thực sự đã giải oan cho Vũ Nương và chắc chắn khiến cho linh hồn của Vũ Nương được thanh thản.

+**Về nội dung:** Chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ hai giúp người đọc hiểu được tình cảm ngây thơ hồn nhiên của bé Đản, mặt khác chiếc bóng lần này giúp Vũ Nương giải oan nhưng lại giúp người đọc nhận ra một thực tế phũ phàng rằng những người phụ nữ bình dân Việt Nam trong xã hội xưa ra khi mắc oan sẽ khó có cơ hội được giải oan cho mình vì thân phận và tiếng nói của họ đâu có được. Và nếu có cơ hội may mắn được giải oan thì chỉ rơi vào tình cảnh “Cởi được vạ thì má đã xưng”.

=>**Đánh giá:** Có thể khẳng định chi tiết chiếc bóng là một trong những yếu tố nghệ thuật đặc sắc góp phần tạo nên giá trị của tác phẩm. “Chuyện người con gái Nam Xương”. Việc sử dụng chi tiết chiếc bóng vừa thể hiện tài năng, nghệ thuật, vừa thể hiện tấm lòng nhân đạo cao cả của nhà văn Nguyễn Dữ.

3. Kết bài

- Khẳng định sự đóng góp của tác giả
- Khẳng định giá trị của tác phẩm
- Khẳng định lại chi tiết của chiếc bóng

Có thể thấy “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ là một tác phẩm xuất sắc. Và chi tiết “cái bóng” là một trong những yếu tố góp phần làm nên điều ấy. Quả đúng là “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”. Chi tiết cái bóng đã góp phần thể hiện được tư tưởng của nhà văn Nguyễn Dữ. Một tư tưởng chưa đựng những giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc.

HỒI THỨ 14: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ

(Ngô Gia Văn Phái)

. Phân tích

1. Hình tượng vua Quang Trung – Nguyễn Huệ

* **Bối cảnh đất nước:** Theo lời cầu xin của vua Lê Chiêu Thống quân Thanh kéo 29 vạn quân sang xâm lược nước ta với mục đích giúp nhà Lê giữ vững

ngai vàng, đánh lại quân Tây Sơn nhưng thực chất chúng muốn thôn tính nước ta.

=> **Nhận xét:** Tình thế nguy kịch trước cảnh của nhân dân trong tình thế “*Ngàn cân treo sợi tóc*”

- Từ đó càng làm nổi bật lên vai trò và sự anh minh sáng suốt của vua Quang Trung khi đánh tan 29 vạn quân Thanh lập lên chiến công lẫy lừng.

a. Lòng yêu nước tự hào, tự tôn dân tộc

- Nghe tin quân Thanh tràn vào Thăng Long, Nguyễn Huệ rất giận định cầm quân đi ngay. => Như vậy chứng tỏ lòng căm thù giặc sâu sắc, không thể chấp nhận được đất nước có giặc ngoại xâm chiếm đóng.

- Lòng yêu nước của vua còn thể hiện rõ nét qua lời phủ dụ. Nhà vua nhắc lại tinh thần yêu nước quật cường của dân tộc trong lịch sử gắn với tên tuổi của những bậc anh hùng. Điều này chứng tỏ với ông tình yêu nước đã được thấm nhuần và trở thành sợi chỉ đỏ chi phối những suy nghĩ hành động vì nước, vì dân.

- Khi lên ngôi Nguyễn Huệ xưng “*đế*” chứ không phải xưng “*vương*”. Vì vương và vua chỉ là ở một nước nhỏ, một nước chư hầu còn đế là vua của một nước lớn để khẳng định sự ngang hàng giữa nước ta với các nước phương Bắc.

b. Hành động mạnh mẽ nhưng quyết đoán

- Trong khoảng thời gian ngắn (hơn 1 tháng) từ ngày nghe tin quân Thanh tràn vào Thăng Long vào ngày 22/11/1788 đến ngày 5/1/1789 ông đã làm được nhiều việc lớn: tế cáo trời đất, lên ngôi hoàng đế, đốc suất đại binh ra bắc, gặp người cống sỹ là Nguyễn Thiếp ở Nghệ An, tuyển mộ quân lính, mở cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An, đọc lời phủ dụ, định kế hoạch hành quân và đánh giặc, lên kế hoạch đối phó với quân Thanh sau khi ta chiến thắng.

=> Nhận xét: Từ đầu đến cuối đoạn trích luôn hành động sâu sắc nhanh gọn và rất quả quyết. Rõ ràng với ông việc quân Thanh tràn vào Thăng Long không làm nao núng tinh thần. Ông vẫn bình tĩnh đưa ra những quyết định và hành động đúng đắn để đối phó với quân Thanh.

c. Trí tuệ sáng suốt nhạy bén

- Sáng suốt trong việc phân tích tình hình thời cuộc, thế tương quan giữa ta và địch: Ông nhận ra rằng dù quân Thanh rất đông chiếm được Thăng Long dễ dàng nên sinh thói chủ quan, chúng chỉ tập trung tiệt chủng mà lơ là việc quân sỹ. Nhân cơ hội đó nhà vua khẩn trương xây dựng kế sách hành binh, chủ động đánh ra Thăng Long đánh bất ngờ quân Thanh.

- Trong lời phủ dụ quân sĩ, ông chỉ rõ dã tâm của giặc hòng biến phương Nam thành một quận, huyện của chúng để chúng vơ vét của cải, đàn áp dân lành. Hành động của chúng không hợp với lẽ trời, hợp với lòng người, từ đó khích lệ được tinh thần đấu tranh của tướng sĩ.

- Việc dùng người của nhà vua cũng thể hiện sự sáng suốt, ông đủ tin mình và tin người để trọng dụng những tự thân của nhà Lê bởi ông nhận ra được cái tài và cái tâm của họ. Ông cũng là người hiểu sở trường, sở đoản của các tướng sỹ, xử lý đúng người, đúng tội khen chê kịp thời. Khi đến Tam Điệp ông đã tha

chết cho Sở và Lân. Ông hiểu rằng họ rút quân từ Thăng Long đến Tam Điệp là kế sách của Ngô Thì Nhậm.

=> **Đánh giá:** Như vậy với trí tuệ nhạy bén, nhà vua đã có những cách xử lí linh hoạt kịp thời với lòng người, ý trời.

d. Ý chí quyết chiến, quyết thắng và tầm nhìn xa trông rộng

- Mặc dù chưa dành được một tấc đất nhưng vua Quang Trung đã khẳng định: “Chỉ đánh mười ngày là thắng”. Thực tế thắng lợi trước quân Thanh còn sớm hơn dự định. Như vậy với tầm nhìn xa trông rộng, vua Quang Trung đã có những dự đoán chính xác.

- Trong lời phủ dụ tướng sỹ, ông cũng nghiêm khắc răn đe những kẻ ăn ở hai lòng: “Chớ có quen thói cũ ... chớ bảo ta không nói trước” Chính lời răn đe nghiêm khắc ấy đã thể hiện ý chí quyết chiến, quyết thắng của vị tướng tài ba.

- Ông còn cử Ngô Thì Nhậm lo việc ngoại giao giữa quân ta và quân Phương Bắc để tạo hòa khí, vì phương Bắc lớn gấp 10 lần nước mình khi thua trận sẽ trả thù. Nếu chúng quay lại chiếm đánh ngay sẽ gây khó dễ cho ta, chỉ bằng ta giả bộ thân thiện “Lùi một bước để tiến 10 bước” có thời gian xây dựng lực lượng, lúc đó đánh bại chúng khó gì?

e. Vua Quang Trung là một thiên tài quân sự

- Kế sách hành binh: Cuộc hành binh thần tốc do vua QT chỉ huy đến nay vẫn khiến người đời kinh ngạc và thần phục. Với quãng đường dài từ Phú Xuân về Thăng Long số lượng quân sỹ đông, hành binh phải đảm bảo bí mật, an toàn sức khỏe để ra đến Thăng Long phải đánh trận ngay lập tức vậy mà “Cơ nào, đội ấy” vẫn chinh tề. Thậm chí trên đường hành quân còn phải đối mặt với quân do thám của giặc nhưng quân đội Tây Sơn đều vượt qua. Vì thế quân Thanh ở Thăng Long không hề biết được quân Tây Sơn đang hành binh tiến về. Có thể thấy việc hành binh của quân tây sơn dưới sự chỉ đạo của vua Quang Trung được ví là “Xuất quỷ, nhập thần”

- Đánh Hà Hồi sử dụng kế “nghi binh” sử dụng kế đánh trận là nửa đêm cho quân sỹ bắc loa tay truyền gọi, trống rong truyền mở vang khắp cả một vùng, quân Thanh trong thế bị động ngỡ quân Tây Sơn rất đông nên sợ hãi lần lượt nộp vũ khí xin hàng ta chiếm đồn Hà Hồi không mất một hòn tên, mũi đạn nào.

+ Kế sách đánh Ngọc Hồi: Do lúc này quân Thanh đã có sự chuẩn bị nên ông vận dụng linh hoạt kế sách đánh trận. Tuy nhiên nhà vua chỉ đạo quân sỹ đánh trận trong tình thế chủ động tấn công ứng phó kịp thời với quân địch: Ông cho quân sỹ lấy rơm, gạo nước tạo thành bức bình phong vô hiệu hóa mũi tên lửa của quân Thanh. Quân Thanh hun khói nhằm che mục tiêu của quân Tây Sơn nhưng trời đổi gió thành ra chúng tự hại mình, quân ta thừa thắng xông lên chém giết lung tung.

- Bằng kế nghi binh ông tạo lên những đường mòn giả để quân Thanh thua trận sẽ tìm cách rút lui rồi dồn chúng vào đầm mương và lừa voi xuống giày xéo.

- Bố trí quân bến sông Nhị Hà, khi quân Thanh ừa xuống cầu phao tìm đường trốn thì cầu đứt, quân địch ngã xuống sông lúc này quân Tây Sơn bắn mũi tên khiến xác quân Thanh tắc nghẽn sông Nhị Hà.

=> **Nhận xét:** Với cách đánh trận linh hoạt đội quân Tây Sơn của vua Quang Trung đã chiến thắng một cách lừng lẫy trước hơn 20 vạn quân Thanh.

g. Hình ảnh lâm liệt của chiến trận

- Vua Quang Trung thân chinh cầm quân không chỉ trên danh nghĩa mà còn là một tổng chỉ huy chiến dịch thật sự: Hoạch định phương liệt tiến đánh, tổ chức quân sĩ, một mình thống lĩnh vực mũi tiến công, cưỡi voi đi đốc thúc, xông pha trên chiến trận. Hình ảnh vua Quang Trung cưỡi voi tiến vào kinh thành Thăng Long vào buổi trưa mùng 5 tháng giêng năm 1789, tấm áo choàng của vua sạm đen vị khói thuốc súng đã trở thành hình ảnh đẹp đẽ, rực rỡ, oai phong nhất trong lịch sử các vị vua của Việt Nam thời phong kiến.

=> Đánh giá khái quát: Qua Hồi 14 nhóm tác giả đã làm nổi bật hình ảnh của vua Quang Trung Nguyễn Huệ một con người tài - trí - đức vẹn toàn, một đấng minh quân tiêu biểu cho lòng yêu nước cho ý chí quật cường của dân tộc ta.

2. Hình ảnh vua tôi Lê Chiêu Thống và quân Thanh

a. Vua tôi Lê Chiêu Thống

- Vua Lê Chiêu Thống và bề tôi thân tín đã vì lợi ích riêng của dòng họ và của mình mà cầu viện nhà Thanh, đưa quân sang chiếm đóng nước ta, đem giang sơn và vận mệnh dân tộc đặt vào tay kẻ xâm lược. Là kẻ “công rắn cắn gà nhà”. Hình ảnh vua Lê quỳ gối nhận sắc phong tử tướng giặc tôn sĩ nghị đã trở thành nỗi nhục nhã của dân tộc.

- Hình ảnh vua tôi Lê Chiêu Thống cùng mấy bề tôi thân tín đưa thái hậu chạy bán sống, bán chết ra ngoài cướp thuyền của dân, mấy ngày không được ăn, may gặp người thổ hào thương tình đón về cho ăn và chỉ đường chạy chốn, chui lủi theo đường tắt biên giới may đuổi được Tôn Sĩ Nghị, vua tôi chỉ biết nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt. Cuối cùng ông ta đã phải gánh chịu hậu quả của kẻ bán nước bỏ xác nơi xứ người.

b. Quân Thanh

- Những kẻ cướp nước cũng chịu thất bại đau đớn trước quân Tây Sơn Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử, Tôn Sĩ Nghị thất trận tìm đường chạy trốn, lên ngựa không kịp đóng yên, quân thành đại bại. Quân sĩ các doanh khi nghe tin đều hoảng loạn, tan tác bỏ chạy, tranh nhau qua cầu sang sông, xô đẩy nhau rơi xuống mà chết đến nỗi sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được. Sự thảm hại của chúng còn tiếp diễn trên đường rút chạy về biên giới như một đám tàn quân ô hợp, không còn một chút sĩ khí.

IV. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Lời kể có sự kết hợp giữa yếu tố tự sự miêu tả

- Nghệ thuật tương phản đối lập được sử dụng triệt để từ đầu đến cuối đoạn trích: Nghệ thuật tương phản đối lập: Một bên là hình ảnh oai phong lẫm liệt xông xáo dũng cảm của đội quân Tây Sơn và vua Quang Trung, một bên là hình ảnh run sợ hoảng loạn với thất bại thảm hại của quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống.

- Nhịp điệu lời kể trong đoạn trích linh hoạt bộc lộ thái độ và cảm xúc của tác giả khi kể về quân Tây Sơn và vua Quang Trung nhịp nhanh, mạnh thể hiện niềm tự

hào, hả hê, sung sướng của tác giả khi kể về quân Thanh, giọng điệu lời kể mỉa mai, bộc lộ rõ sự khinh bỉ khi kể về vua Lê Chiêu Thống giọng chậm thể hiện sự buồn ngùi xót xa vì đây cũng là triều đại học từng tôn thờ.

- Đoạn trích mang đúng đặc điểm của thể chí, các tác giả được thể hiện rất trung thành khi chép lại những sự việc trong lịch sử một cách khách quan chân thực.

2. Nội dung

- Hồi 14 đã khắc họa chân thực về vẻ đẹp hình tượng của vua Quang Trung với chiến công lấy lừng đại phá hơn 20 vạn quân Thanh.

- Hồi 14 cũng phản ánh sự thất bại thảm hại của quân Thanh và vua tôi Lê Chiêu Thống.

CHỊ EM THÚY KIỀU

(Nguyễn Du)

Đề 1: Phân tích đoạn trích Chị em Thúy Kiều - Nguyễn Du.

Dàn ý tham khảo

I. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, trích dẫn thơ.

II. Thân bài

1. Khái quát chung

- Hoàn cảnh ra đời, nguồn gốc,...

- Vị trí đoạn trích

2. Phân tích

a. Bốn câu thơ đầu: Giới thiệu khái quát về hai chị em Thúy Kiều.

- Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Du đã sử dụng nghệ thuật ước lệ, cổ điển để giới thiệu về lai lịch, thứ tự trong gia đình và vẻ đẹp của hai chị em:

*“Đầu lòng hai ả tố nga
Thúy Kiều là chị em là Thúy Vân
Mai cốt cách tuyết tinh thần*

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười”

+ Lai lịch: Họ là hai người con gái đầu trong gia đình họ Vương

+ Thứ tự trong gia đình: Thúy Kiều là chị, Thúy Vân là em

+ Vẻ đẹp của hai chị em

- “Mai cốt cách”: Cốt cách thì thanh cao như hoa mai. Đó là một loài hoa mà sắc thì rực rỡ, hương thì quý phái

- “Tuyết tinh thần”: Phong thái, tinh thần thì trong trắng, tinh khiết như hoa tuyết.

- Nhịp điệu 4/4, 3/3 ở câu thơ thứ hai, nhịp nhàng, đối xứng, làm nổi bật được vẻ đẹp đến độ hoàn mỹ của cả hai chị em.

- Tác giả sử dụng lời bình để khép lại bốn câu thơ đầu:

+ “Mỗi người một vẻ”, cho thấy nét riêng từ nhan sắc, tính cách, tâm hồn của mỗi người.

+ “Mười phân vẹn mười”, đã tô đậm được vẻ đẹp đến độ toàn diện, hoàn hảo của hai chị em.

=> Lời giới thiệu vô cùng ngắn gọn, nhưng đã mang đến cho chúng ta nhiều thông tin phong phú và những ấn tượng đậm nét nhất về vẻ đẹp của hai nhân vật Thúy Vân và Thúy Kiều. Đồng thời, cũng bộc lộ được cảm hứng ca ngợi cái tài hoa, nhan sắc của con người qua nghệ thuật điều luyện, tài hoa của Nguyễn Du

b. Bốn câu thơ tiếp theo: Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân

* Chỉ bằng bốn câu thơ, Nguyễn Du đã tả một cách đầy đủ, trọn vẹn những đặc điểm của nhân vật Thúy Vân:

*“Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.”*

- Câu thơ đầu tiên giới thiệu khái quát phong thái của Thúy Vân

+ Từ “xem” thể hiện sự đánh giá mang tính chủ quan của người miêu tả

+ Từ “trang trọng” cho thấy sự xuất hiện của nhân vật Thúy Vân với vẻ đẹp mang phong thái đoan trang, cao sang, quý phái

=> Gợi ấn tượng tốt đẹp về một người phụ nữ trong khuôn khổ, lễ giáo của xã hội phong kiến

* Tiếp đó, tác giả miêu tả một cách chi tiết, trọn vẹn bức chân dung tuyệt đẹp của nhân vật Thúy Vân qua bút pháp ước lệ tượng trưng kết hợp thủ pháp ẩn dụ, nhân hóa, so sánh, liệt kê và đi kèm những từ ngữ giàu sức gợi:

- Hình ảnh ẩn dụ: “khuôn trăng đầy đặn” đã vẽ nên một khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu, xinh đẹp, sáng trong như mặt trăng; “nét ngài nở nang” gợi tả một đôi lông mày cong, sắc nét như mày ngài. Cặp lông mày ấy tạo nên vẻ cân xứng, hài hòa trên khuôn mặt trẻ trung của Vân.

- Hình ảnh nhân hóa: “hoa cười ngọc thốt” gợi tả khuôn miệng cười tươi tắn như hoa nở và tiếng nói trong trẻo thốt ra từ hàm răng ngọc ngà; “mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da” đã gợi tả mái tóc óng ả, nhẹ hơn mây, làn da trắng mịn màng hơn tuyết.

- Những từ ngữ giàu sức gợi: “đầy đặn”, “nở nang”, “đoan trang” làm nổi bật, nhấn mạnh vẻ đẹp đầy đặn, phúc hậu, quý phái của Thúy Vân

- Vẻ đẹp đoan trang của Thúy Vân được so sánh với những hình tượng đẹp nhất của thiên nhiên: trăng, hoa, ngọc, mây, tuyết.

* Nguyễn Du đã sử dụng rất có chọn lọc hai động từ “thua” và “nhường”. “Mây” và “tuyết” là của thiên nhiên, tạo hóa, hay đó còn là cả một xã hội phong kiến. Và với vẻ đẹp phúc hậu, hài hòa trong khuôn khổ của xã hội phong kiến, thì dẫu Vân có đẹp hơn những cái đẹp nhất của thiên nhiên thì nàng vẫn được đón nhận, bao bọc và yêu thương.

* Đặc biệt. từ bức chân dung ngoại hình của Thúy Vân, ta thấy được tính cách và số phận của nàng: tính cách rất trầm tĩnh, dịu dàng, đoan trang phúc hậu. Đó là hình mẫu lý tưởng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Nó dự đoán một số phận, một tương lai êm ấm và bình lặng đang chờ đón nàng.

=> Bằng bút pháp cổ điển ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã khắc họa thành công bức chân dung của nhân vật Thúy Vân để từ đó gợi cho người đọc thấy được tính cách và số phận của nàng.

c. Mười hai câu thơ tiếp theo: **Gợi tả vẻ đẹp nhan sắc và tài năng của Thúy Kiều**

* Nếu như miêu tả bức chân dung của Thúy Vân, Nguyễn Du chỉ dùng có bốn câu thì đến Thúy Kiều ông dùng đến mười hai câu. Chứng tỏ, tác giả đã ưu ái, dùng nhiều bút lực và sự yêu mến đặc biệt cho nhân vật này.

Sự yêu mến đó càng được khẳng định khi Nguyễn Du sử dụng nghệ thuật đòn bẩy một cách tài tình: Ông miêu tả nhân vật Thúy Vân trước như một tuyệt thế giai nhân để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều:

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn”*

Từ “càng” đứng trước từ láy liên tiếp: “sắc sảo”, “mặn mà” để tô đậm vẻ đẹp “sắc sảo” về trí tuệ và vẻ “mặn mà” về tâm hồn của Thúy Kiều.

=> Không tả một cách cụ thể, nhưng Nguyễn Du đã khắc sâu trong tâm trí người đọc một ấn tượng sâu sắc về đẹp vượt trội của Thúy Kiều

- Vẻ đẹp nhan sắc:

+ Khác với Thúy Vân, tác giả không miêu tả cụ thể, chi tiết mà chỉ đặc tả đôi mắt theo lối “điểm nhãn”, tức là vẽ hồn chân dung bằng những hình ảnh mang tính ước lệ:

*“Làn thu thủy nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”*

-“Làn thu thủy” đó là đôi mắt trong sáng, tĩnh lặng, sâu thẳm, huyền ảo như làn nước mùa thu.

-“Nét xuân sơn” đó là đôi lông mày thanh tú, xinh đẹp như dáng núi mùa xuân.

=> Không cần phải nhiều nét mà chỉ đặc tả đôi mắt, nhưng bức chân dung của nhân vật Thúy Kiều vẫn hiện lên với những gì hoàn mỹ nhất.

+ Hình ảnh nhân hóa “hoa ghen” và “liễu hờn” thể hiện thái độ của thiên nhiên trước vẻ đẹp của Kiều. Ông không tả trực tiếp vẻ đẹp ấy mà tả sự đố kị, ghen ghét, để thêm khẳng định cho vẻ đẹp ấy. Và để khách quan, ông đã để cho tạo hóa đánh giá vẻ đẹp nhan sắc của Thúy Kiều

+ Vẻ đẹp của Kiều không chỉ khiến cho hoa phải “ghen”, liễu phải “hờn” mà còn khiến cho nước phải nghiêng, thành phải đổ. Một sức ngưỡng mộ, mê say đến điên đảo cho vẻ đẹp của Kiều

+ Vẻ đẹp, chân dung của Thúy Kiều cũng dự báo về tính cách và số phận của nàng: Cái đẹp của Kiều không hài hòa mà vượt qua mọi khuôn khổ, chuẩn mực phép tắc của tạo hóa, xã hội. Vì vậy khiến cho các vẻ đẹp khác phải ghen ghét, oán hận, đố kị và chứa đựng ý muốn trả thù. Nó dự báo về một tính cách, tâm hồn đa sầu, đa cảm, một số phận sóng gió

=> Vẻ đẹp nhan sắc của Thúy Kiều mang một ấn tượng mạnh và sức gợi cho người đọc. Đó là vẻ đẹp tuyệt thế giai nhân, vẻ đẹp của chiều sâu, hơn những gì đẹp nhất.

- Vẻ đẹp của tài năng và tâm hồn

+ Không chỉ miêu tả là một giai nhân tuyệt thế, Nguyễn Du còn cho thấy nàng là người phụ nữ thông minh, có trí tuệ thiên bẩm và rất đa tài:

“Thông minh vốn sẵn tính trời,

*Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lầu bạc ngũ âm
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương”*

- Nàng là người con gái đa tài, đủ cả cầm (đàn), kì (cờ), họa (vẽ) và tài nào cũng đạt đến độ xuất chúng. Đặc biệt, tài đàn đã được Nguyễn Du tập trung miêu tả.
 - Đó là năng khiếu, là sở trường của nàng, tài đàn của nàng điêu luyện và vượt lên trên mọi người: “Lầu bạc ngũ âm”, “ăn đứt hồ cầm”
 - Không chỉ vậy, nàng còn giỏi cả sáng tác. “Bạc mệnh” chính là khúc nhạc mà nàng tự viết, khi cất lên ai cũng xúc động.
 - + Miêu tả tài đàn cũng là một cách mà Nguyễn Du tập trung gợi lên một thế giới tâm hồn nhạy cảm, tinh tế, đa sầu, đa cảm của Thúy Kiều.
 - + Đặc biệt cung “Bạc mệnh” như dự báo trước cuộc đời hồng nhan bạc mệnh, tài mệnh tương đối khó tránh khỏi của nàng.
- => Qua mười hai câu thơ, chúng ta thấy được vẻ đẹp hội tụ sắc-tài-tình, tất cả đều đến mức lí tưởng, xuất chúng của Thúy Kiều. Đồng thời, cho thấy sự tài hoa của Nguyễn Du trong nghệ thuật miêu tả nhân vật.

d. Bốn câu thơ cuối: Nhận xét chung về cuộc sống và phẩm hạnh của hai chị em.

- Hai chị em Thúy Vân, Thúy Kiều không chỉ là những bậc tuyệt thế giai nhân mà họ còn là những đức hạnh và sống có khuôn phép:

*“Phong lưu rất mực hồng quần,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê
Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.”*

- + Gia cảnh: Họ sống trong một gia đình “phong lưu”, khuôn phép, nề nếp
 - + Cuộc sống: Êm đềm, bình lặng, kín đáo trong “trướng rủ màn che”
 - + “Xuân xanh xấp xỉ”, “tuần cập kê” gợi đến cái tuổi “tóc búi, trâm cài” của cả hai chị em. Song họ vẫn sống một cuộc sống kín đáo, gia giáo sau bốn bức tường khép kín chưa từng biết đến chuyện nam nữ.
- => Hai chị em họ vẫn là những thiếu nữ có tâm hồn trong trắng, sống trong cảnh êm đềm, đúng với khuôn phép, mẫu mực của lễ giáo phong kiến.

3. Đánh giá chung về nghệ thuật

- Bút pháp ước lệ tượng trưng tạo được sức gợi.
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật tinh tế: xây dựng được những bức chân dung đa dạng, linh hoạt, thu hút.
- Nghệ thuật sử dụng ngôn từ độc đáo, đặc biệt là lựa chọn những từ ngữ có giá trị gợi tả cao.

III. Kết bài

- Khái quát lại vấn đề vừa phân tích
- Cảm xúc của bản thân.

Đề 2: Phân tích đoạn trích “ Chị em thúy Kiều” của Nguyễn Du

1. Mở bài

Nguyễn Du đại thi hào của dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới, tên tuổi của ông gắn liền với kiệt tác “Truyện Kiều”. Xét về nghệ thuật tác phẩm thành công trên mọi phương diện. Từ ngòi bút tả cảnh, đến ngòi bút miêu tả nội tâm nhân vật đều đạt đến độ tinh tế. Trong đó đặc sắc nhất là ngòi bút miêu tả chân dung nhân vật. Đến với đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” tác giả đã khắc họa bức chân dung của Thúy Vân, Thúy Kiều, ta không chỉ thấm thía ngòi bút tả chân dung nhân vật sáng tạo của thi nhân, mà còn cảm nhận vẻ đẹp của một trang tuyệt thế giai nhân.

2. Thân bài

Đoạn trích "Chị em Thúy Kiều" nằm trong phần: "Gặp gỡ và đính ước", sau phần giới thiệu gia cảnh gia đình Thúy Kiều. Với nhiệt tình trân trọng ngợi ca, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp nghệ thuật ước lệ cổ điển, lấy những hình ảnh thiên nhiên để gợi tả, khắc họa vẻ đẹp chị em Thúy Kiều thành những tuyệt sắc giai nhân. Trước hết, Nguyễn Du cho ta thấy vẻ đẹp bao quát của hai chị em Thúy Kiều trong bốn câu đầu:

*Đầu lòng hai ả tố nga,
Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,
Mỗi người mỗi vẻ mười phân vẹn mười.*

Đoạn thơ đã giới thiệu thân phận của hai chị em là hai cô con gái lớn của gia đình Vương viên ngoại, trong đó Thúy Kiều là chị cả, còn Thúy Vân là con thứ. Nhà thơ dùng từ Hán Việt "tố nga" chỉ những người con gái đẹp tinh tế để gọi chung hai chị em Thúy Vân, Thúy Kiều. Vẻ đẹp chung nhất của hai chị em được Nguyễn Du tóm gọn bằng một câu “Mai cốt cách, tuyết tinh thần”, tiêu biểu cho phong cách ước lệ gợi tả của tác giả. “Cốt cách” tức chỉ phẩm chất, tính cách của hai cô gái. Hai chị em được ví von có cốt cách thanh cao như hoa mai, có tâm hồn trong sáng như tuyết trắng. Mỗi người có vẻ đẹp riêng và đều đẹp một cách toàn diện. Từ cái nhìn bao quát ấy, nhà thơ đi miêu tả từng người. Sau khi giới thiệu vẻ đẹp chung về hình thức lẫn tâm hồn của hai chị em bằng bốn câu thơ, để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều Nguyễn Du đã tinh tế khéo léo miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân trước:

*Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.
Hoa cười góc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da,*

Bằng nghệ thuật ước lệ tượng trưng, liệt kê, nhân hoá, tác giả miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân là vẻ đẹp “trang trọng, khác vời”. Đó là một vẻ đẹp cao sang quý phái của gia đình quyền quý. Chỉ vài nét chấm phá, bức chân dung của Thúy Vân hiện

lên thật nghiêm trang, đứng đắn và phúc hậu. Gương mặt của nàng đầy đặn như trắng hôm rằm, gợi ra một vẻ đẹp đoan trang phúc hậu,

Điểm trên khuôn mặt đó là “nét ngài nở nang” gợi ra vẻ đẹp của đôi lông mày hơi đậm. Không chỉ vậy, tác giả còn khắc họa được giọng nói, nụ cười e thẹn, nhẹ nhàng và mang nét đoan trang: “hoa cười ngọc thốt đoan trang”. Đặc biệt nhất là vẻ đẹp của nàng Thúy Vân phải khiến cho tạo hóa phải nhường nhịn: “Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”. Việc miêu tả ngoại hình của Thúy Vân như muốn dự báo trước về một cuộc đời yên bình, hạnh phúc của nàng.

Miêu tả vẻ đẹp của nàng Thúy Vân trước, Nguyễn Du nhằm tạo đòn bẩy để người đọc thấy sự nổi bật của Thúy Kiều. Nếu ở Thúy Vân chỉ dừng lại ở nhan sắc, thì Thúy Kiều hội tụ vẻ đẹp Sắc, tài, tình:

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn
Làn thủy tinh, nét xuân sơn”*

Trong xã hội cũ, người ta luôn quan niệm rằng thiên nhiên là chuẩn mực của cái đẹp, con người thường được so sánh với thiên nhiên, hoặc hiện lên qua các hình ảnh ước lệ tượng trưng. Tác giả có dụng ý miêu tả Thúy Vân trước, khéo léo sử dụng thủ pháp đòn bẩy làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều. Nếu Thúy Vân với vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu thì Thúy Kiều lại “sắc sảo, mặn mà”, vẹn toàn cả tài lẫn sắc. Vẻ đẹp của Kiều được khắc họa một cách chấm phá chứ không miêu tả toàn diện như Vân, đó là cách tạo điểm nhấn rõ rệt. Khi đi miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều tác giả chú ý miêu tả đôi mắt, vì đôi mắt là cửa sổ tâm hồn. Một đôi mắt như “làn thu thủy” trong trẻo, dịu dàng như làn nước mùa thu, đôi mày sắc nét tươi mới như nét núi mùa xuân. Đôi mắt ấy còn hé lộ đời sống nội tâm đa sâu, đa cảm. Một hình ảnh ước lệ quen thuộc kết hợp với so sánh ẩn dụ đã khắc họa chân dung Thúy Kiều đẹp hoàn hảo. Vẻ đẹp khiến cho “hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”. “ghen”, “hờn” là các động từ chỉ sự ghen ghét, đố kỵ, nó mang một sắc thái mạnh biểu thị thái độ ghen tức của thiên nhiên đối với vẻ đẹp của Thúy Kiều, không một khuôn mẫu nào có thể so sánh được với vẻ đẹp của nàng kể cả thiên nhiên, một tiêu chí tối đa để gợi tả vẻ đẹp của tự nhiên, vẻ đẹp làm thành nghiêng nước mất, tiềm tàng tai họa. Và đằng sau sự nổi giận của tạo hóa ấy sẽ là sự trả thù theo quy luật tự nhiên: “trời xanh quen thói, má hồng đánh ghen”.

Nhưng qua nghệ thuật ước lệ tượng trưng, miêu tả vẻ đẹp lộng lẫy, đài các, kiêu sa, có sức cuốn hút mãnh liệt của Thúy Kiều. Nhất là các từ "ghen", "hờn", Nguyễn Du đã hé mở cho chúng ta thấy những cơn sóng gió bão tố của cuộc đời như chờ trực để vùi dập thân phận của nàng.

Nếu như ở Thúy Vân, Nguyễn Du chỉ miêu tả sắc đẹp thì ở Thúy Kiều, nhà thơ vừa miêu tả nhan sắc, vừa ca ngợi tài năng:

Sắc đành tài một, tài đành họa hai

Như vậy, về sắc thì đành chỉ có một mình Thúy Kiều về tài thì may ra, họa hoàn hảo mới có người thứ hai. Thứ nhất là trí thông minh sẵn có do tạo hóa ban tặng:

*“Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm
Cung thương lâu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương.”*

Ở nàng hội tụ đầy đủ các ngón tài: cầm, kì, thi, họa. Trong đó có tài đàn đạt đến độ tinh tế, không ai sánh được. Xét riêng về tài đánh đàn thì Thúy Kiều vượt xa những người khác. Đặc biệt, một bản nhạc nhan đề là "Bạc mệnh" – bản nhạc do nàng sáng tác đã trở thành tuyệt tác. Đã tác động vào cõi sâu thẳm trong tâm hồn của con người, khiến ai thưởng thức cũng phải đau khổ, sầu não đến rơi nước mắt, đến buốt nhói tim. Phải chăng "một thiên bạc mệnh lại càng não nhân" ấy như muốn dự báo những đau khổ, bất hạnh chồng chất trong suốt 15 năm ròng của đời người con gái tài sắc vẹn toàn?

Nhìn chung, Nguyễn Du có dụng ý rất rõ trong việc nhấn mạnh tài sắc của Thúy Kiều, nhà thơ đã cực tả Thúy Vân, tưởng như sắc đẹp của Thúy Vân không ai hơn được nữa, để rồi sau đó, Thúy Kiều xuất hiện thì Thúy Vân trở thành một cái nền làm tôn sắc đẹp của Thúy Kiều là tuyệt đỉnh. Còn tài của nàng cũng là tuyệt đỉnh. (Giáo sư Nguyễn Lộc)

Có thể nói rằng, lần đầu tiên trong lịch sử văn học nước nhà, hình ảnh người phụ nữ hoàn mỹ về hình thức lẫn tâm hồn được thể hiện dưới ngòi bút của thiên tài Nguyễn Du một cách say sưa, nồng nhiệt, tập trung và trân trọng nhất. Đó là một cái nhìn của con người có tấm lòng nhân đạo mênh mông như ngọn nước triều dâng. Nguyễn Du đã mở đường cho tư tưởng của mình đi trước thời đại. Bởi lẽ, trong xã hội phong kiến đầy rẫy những bất công, ngang trái, hà khắc, phụ nữ luôn bị lép vế, bị ruồng rẫy, chà đạp, xô đẩy đến bức đường cùng.

Một lần nữa ở bốn câu kết thúc của trích đoạn Chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du miêu tả cuộc sống phong lưu, êm đềm, khuôn phép, mẫu mực và ngời ca đức hạnh của cả hai chị em:

*Phong lưu rất mực hồng quần,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê,
Em đêm trướng rủ màn che.*

Tường đông ong bướm đi về mặc ai

Mặc dù đã đến tuổi búi tóc cài trâm “Cấp kê”, lại có nhiều người muốn hẹn ước tán tỉnh, nhưng Thúy Vân và Thúy Kiều vẫn sống hòa thuận, vui vẻ trong cảnh “trướng rủ màn che”, của những cô gái con nhà gia giáo. Chính những nét hồn nhiên, trong sáng, thơ ngây đã nuôi dưỡng, bồi đắp cho sự hình thành - phát triển

nhân cách và ý thức làm người cao cả của hai chị em sau này, đặc biệt là Thúy Kiều.

* Khái quát: Qua đoạn trích giúp ta nhận ra tư tưởng và tình cảm mà tác giả gửi gắm ngợi ca, trân trọng, vẻ đẹp của con người đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội phong kiến với vẻ đẹp về nhan sắc tài năng, phẩm hạnh. Qua đoạn trích Nguyễn Du cũng dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh biểu hiện của giá trị nhân đạo.

3. Kết bài

Mặc dù đã ra đời cách đây hàng trăm năm nhưng Truyện Kiều của Nguyễn Du luôn để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả nhiều thế hệ và đoạn thơ gợi tả về Thúy Kiều, Trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” đã góp phần làm nên thành công đó, trong số các tác phẩm viết về vẻ đẹp của người phụ nữ hoặc ngợi ca vẻ đẹp người phụ nữ trong xã hội xưa thì bức chân dung của Thúy Kiều trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” được đánh giá là xuất sắc nhất.

KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH

(Nguyễn Du)

Cảm nhận về diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều thể hiện qua đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du).

I. Mở bài

- Giới thiệu Nguyễn Du và “Truyện Kiều”.
- Giới thiệu đoạn trích và vấn đề cần nghị luận: Diễn biến tâm trạng của Thúy Kiều ở lầu Ngưng Bích.

II. Thân bài

1. Khái quát chung

- Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm
- Vị trí đoạn trích: Nằm ở phần 2 của “Truyện Kiều”, Tú Bà đưa Kiều ra sống một mình ở lầu Ngưng Bích thực chất là giam lỏng Kiều, rắp tâm chuẩn bị một âm mưu mới.

2. Cảm nhận

a. Khung cảnh trước lầu Ngưng Bích

- Sau bao sóng gió dập vùi, lầu Ngưng Bích là chốn yên thân của Thúy Kiều:
“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung”
- Hai chữ “khóa xuân” đã nói lên hoàn cảnh đáng thương đang bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích của Kiều
- Đặc biệt, từ “khóa xuân” thường được sử dụng để chỉ người con gái đẹp trong gia đình quyền quý thời xa xưa bị khóa kín tuổi xuân trong những khuôn khổ, phép tắc của gia đình và xã hội. Ở đây, Nguyễn Du đã sử dụng từ “khóa xuân” với hàm ý mỉa mai để nói về cảnh ngộ xót xa, trớ trêu của Thúy Kiều.

- Quang cảnh xung quanh lầu Ngưng Bích hiện lên mênh mông, hoang vắng, lạnh lẽo:

*“Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia”*

- Không gian vô cùng rộng lớn, mênh mông, bát ngát:

+ “Xa trông” gợi lên sự trông ngóng của Thúy Kiều về một dấu hiệu của sự sống hay quen biết nào đó.

+ Hình ảnh liệt kê “non xa, trăng gần” gợi không gian dài rộng, cao sâu vô tận. Đồng thời gợi sự chơ vơ, chênh vênh, lơ lửng của lầu Ngưng Bích.

+ Từ láy “bát ngát” càng tô đậm hơn cái vô cùng, vô tận của không gian.

- Không gian vô cùng trống trải, hoang vắng, không có dấu hiệu của sự sống:

+ Hình ảnh liệt kê “cát vàng”, “bụi hồng” đã nói lên sự phai nhạt của sự sống và ngôn ngữ của cảnh vật

+ Cặp tiểu đối “mây sớm” và “đèn khuya” gợi nỗi hắt hiu, trống vắng mênh mông của thiên nhiên

=> Quang cảnh xung quanh lầu Ngưng Bích cô liêu, thiếu vắng sự sống, gợi nỗi buồn cho thân phận nhân vật

- Quang cảnh đã gợi ở Kiều bao nỗi niềm tâm trạng:

*“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

- Sự cô đơn, lẻ loi đến cùng cực:

+ Cụm từ “mây sớm đèn khuya” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người và khắc sâu thêm nỗi cô đơn

+ Trong khung cảnh “bốn bề bát ngát” đó, Kiều chỉ biết bầu bạn với những vật vô tri, vô giác.

- Sự ngổn ngang tram mối day dứt, âu lo:

- Nỗi chua xót, “bẽ bàng” cho thân phận:

+ Bị đẩy dụa trong không gian vô cùng và thời gian vô tận lại càng khắc sâu nỗi cô đơn cùng cực khiến nàng cảm thấy “bẽ bàng”

+ Cụm từ “như chia tấm lòng” diễn tả nỗi niềm chua xót, nỗi lòng tan nát của Kiều

=> Bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, kết hợp hệ thống hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm. Nguyễn Du đã khắc họa bức tranh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng. Và trên nền của khung cảnh ấy là hình ảnh nàng Kiều lẻ loi, cô độc với bao nỗi niềm tâm sự đau thương.

b. Nỗi nhớ của Kiều.

b.1. Nỗi nhớ chàng Kim:

* Trong cảnh ngộ cô đơn nơi chân trời góc bể, Kiều đau đớn nhớ tới chàng Kim, mối tình đầu mãnh liệt mà trong sáng của nàng:

*“Trông người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luống những rày trông mai chờ”*

- Tại sao nỗi nhớ chàng Kim là nỗi nhớ đến trước mà không phải là cha mẹ? Bởi khi Kiều bán mình chuộc cha là nàng đã làm chữ hiếu dang dở chữ tình. Cái mặc cảm của một kẻ phụ tình luôn thường trực trong suy nghĩ của nàng nên nó đã xuất hiện trước.

- Nói về nỗi nhớ của Thúy Kiều, Nguyễn Du không dùng từ “nhớ” mà dùng từ “tưởng”:

+ Từ “tưởng” vừa là nhớ, vừa là hình dung, tưởng tượng ra người mình yêu.

+ Kiều “tưởng” như thấy lại đêm trăng đẹp nhất của cuộc đời mình. Cái đêm mà nàng cùng Kim Trọng thề nguyện đính ước bên nhau.

+ Thúy Kiều như tưởng tượng thấy, ở nơi xa kia, người yêu cũng đang nhớ về mình, đang ngày đêm đau đáu chờ tin nàng: “Tin sương luống những rày trông mai chờ”.

*Càng nhớ chàng Kim, càng nuối tiếc mối tình đầu, Kiều càng thấm thía tình cảnh của mình:

“Bên trời góc bể bơ vơ

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”

+ Kiều tủi nhục khi tấm lòng son đã bị vùi dập, hoen ố, không biết bao giờ mới gột rửa được

+ Dầu vậy, tấm lòng thủy chung, son sắt của nàng vẫn không nguôi nhớ về Kim Trọng.

=> Tấm lòng vị tha, thủy chung son sắt trước sau như một của Thúy Kiều thật đáng trân trọng.

b.2. Nỗi nhớ cha mẹ ở nơi xa:

Tâm trạng đau đớn, thương nhớ người yêu hân chưa nguôi, Kiều lại chồng chất thêm nỗi nhớ thương cha mẹ:

“Xót người tựa cửa hôm mai

Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?

Sân lai cách mấy nắng mưa

Có khi gốc tử đã vừa người ôm”

- Chữ “xót” diễn tả một cách chính xác tấm lòng của Kiều dành cho cha mẹ.

- Nàng xót xa khi hình dung ra chốn quê nhà cha mẹ vẫn ngày đêm tựa cửa ngóng trông, lo lắng cho nàng

- Nàng tự trách bản thân mình vì chưa làm tròn chữ hiếu:

+ Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” cho thấy sự day dứt khôn nguôi vì không thể tự hầu hạ, chăm sóc, nâng giấc cho cha mẹ.

+ Nàng lo lắng không biết giờ đây ai là người chăm sóc cha mẹ khi thời tiết đổi thay.

+ Nàng tưởng tượng nơi quê nhà đã đổi thay, “gốc tử đã vừa người ôm”, thời gian trôi đi mẹ càng ngày càng già yếu mà mình thì không thể phụng dưỡng.

- Cụm từ “cách mấy nắng mưa” vừa nói được sự xa cách bao mùa mưa nắng, vừa gợi sự tàn phá của thời gian đối với cảnh vật của con người, làm cho cha mẹ ngày càng già yếu, và cần bàn tay chăm sóc của nàng.

- Nỗi nhớ được bộc lộ qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm nên càng chân thực, cảm động.

=> Nỗi nhớ của Kiều dành cho Kim Trọng và cha mẹ nói lên nhân cách đáng trân trọng của nàng. Trong cảnh ngộ ở lầu Ngưng Bích, nàng mới là người đáng thương nhất. Nhưng quên đi cảnh ngộ của bản thân, nàng đã hướng yêu thương và

những người thân yêu nhất. Nàng thật sự là một người tình thủy chung, một người con hiếu thảo, một con người có tấm lòng vị tha, cao cả.

c. Nỗi buồn của Kiều.

- Mọi cảnh vật qua con mắt của Kiều đều gợi lên những nét buồn da diết:
- + Cách sử dụng ngôn ngữ độc thoại và điệp từ: Mỗi cặp lục bát làm thành một cảnh và đều được tác giả khắc họa, liên kết qua điệp từ “buồn trông”.
- + “Buồn trông” có nghĩa là buồn mà nhìn ra xa trông ngóng một gì đó mơ hồ sẽ đến làm đổi thay hiện tại, nhưng trông mà vô vọng
- + “Buồn trông” có cái thảng thốt lo âu, có cái xa lạ cuốn hút tâm nhìn của người con gái ngây thơ, lần đầu lạc bước giữa cuộc đời ngang trái, mang tính dự cảm hãi hùng.
- Điệp ngữ “buồn trông” kết hợp với những hình ảnh đứng sau đó đã diễn tả nỗi buồn ngày càng tăng với nhiều sắc độ khác nhau như những con sóng lòng không sao chịu nổi, những nỗi buồn vô vọng, vô tận:

*** Cảnh đầu tiên:**

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”*

- + Là bức tranh của cảnh chiều hôm nhớ nhà. Thời gian “chiều hôm” khiến cho nỗi buồn thân phận trở nên thấm thía
- + Hình ảnh ẩn dụ “cánh buồm” là hình ảnh rất đắt để thể hiện ngoại cảnh và nội tâm nhân vật. Cánh buồm nhỏ nhoi đơn độc giữa biển nước mênh mông trong ánh sáng le lói cuối cùng của mặt trời sắp tắt. Con thuyền mỗi lúc một xa, rồi gần như mất hút, biết bao giờ mới tìm được bến bờ neo đậu; cũng như Kiều còn lênh đênh giữa dòng đời, biết bao giờ mới được trở về sum họp, đoàn tụ với những người thân yêu.

=> Cảnh ấy gợi trong lòng người lưu lạc nỗi buồn nhớ da diết về quê nhà xa cách

*** Cảnh thứ hai:**

*“Buồn trông ngọn nước mới xa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?”*

- + Cùng với hình ảnh “cánh buồm”, hình ảnh ẩn dụ “hoa trôi” cũng thể hiện cho nỗi buồn, cho thân phận lênh đênh, nổi chìm giữa dòng đời của Thúy Kiều
- + Câu hỏi tu từ cho thấy sự mất phương hướng, gợi một nỗi băn khoăn thấp thỏm.
- + Tọa định được một bức tranh tương phản: một bên là không gian của cửa bể lúc thủy triều lên và một bên là hình ảnh những cánh hoa tàn trôi man mác trên mặt nước. Tác giả đã tô đậm sự nhỏ bé, lênh đênh, trôi dạt của con thuyền, của những cánh hoa đã tàn, đã rụng.

=> Câu thơ ẩn dụ cho thân phận nổi chìm giữa dòng đời của Thúy Kiều rồi sẽ trôi dạt, bị vùi dập nơi cao.

*** Cảnh thứ ba:**

*“Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”*

- + Đây là cảnh khá ấn tượng, dễ gợi liên tưởng đến cảnh xuân hôm nào trong tiết thanh minh. Tuy nhiên, không phải là “cỏ non xanh tận chân trời” đầy sức sống mà là “nội cỏ rầu rầu” với sắc xanh héo úa, nhàn nhạt trải từ mặt đất đến chân mây

- + Nét vẽ không gian: “nội cỏ”, chân mây”, “mặt đất” gợi một không gian, vô cùng rộng lớn đang đầy ắp nàng Kiều
 - + Từ láy “rầu rầu” vẽ nên cả một vùng cỏ cây tàn héo, và gợi nỗi sầu thương cô lẻ.
 - + Từ láy “ xanh xanh” gợi một sắc xanh nhạt nhòa, xa cách, nhạt phai
- =>Cảnh mờ mịt như sương lai mờ mịt, Thúy Kiều cảm nhận rõ sự cô đơn, nhỏ nhoi của thân phận.

*** Cảnh cuối:**

*“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

- + Bức tranh thiên nhiên dữ dội và đầy biến động: Gió cuốn mặt duềnh đầy giận dữ; sóng thì ầm ầm kêu réo khi thủy triều lên: thậm chí Kiều còn có cảm giác những con sóng dữ dội kia đang bủa vây ngay sát bên mình.
 - + Thiên nhiên là một ẩn dụ cho những biến cố kinh hoàng sắp sửa ập xuống cuộc đời nàng: ẩn dụ cho những con sóng số phận sắp sửa chôn vùi nàng: ẩn dụ cho một tương lai đầy sóng gió.
- => Thiên nhiên hiện lên chân thực, sinh động nhưng cũng rất ảo. Đó là cảnh được nhìn qua tâm trạng theo quy luật: “Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”

- Cảnh được nhìn từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động để diễn tả nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến bão táp của nội tâm.

=> Tám câu cuối là đoạn thơ tiêu biểu cho bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du. Đó là cách biểu hiện “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này”, là thực cảnh mà cũng là tâm cảnh.

3. Đánh giá chung: Với bút pháp nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tài hoa, Nguyễn Du đã khắc họa thật rõ nét từng nỗi lòng tâm trạng, nỗi buồn đau đáu của nàng Kiều trước lầu Ngưng Bích, đồng thời cũng làm sáng lên tấm lòng thủy chung, đức tính hiếu thảo rất đáng được trân trọng ở Thúy Kiều.

III. Kết bài

- Khái quát lại vấn đề nghị luận
- Cảm xúc của bản thân.

Đề 1: Phân tích đoạn trích “ Kiều ở lầu Ngưng Bích” của Nguyễn Du

1. Mở bài

Nguyễn Du đại thi hào của dân tộc ta, một danh nhân văn hóa thế giới. Tên tuổi ông gắn với kiệt tác “Truyện Kiều”. Ngoài hai giá trị lớn là giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo, Truyện Kiều còn rất thành công về mặt nghệ thuật. Chỉ xét riêng về nghệ thuật miêu tả nội tâm nhân vật và bút pháp tả cảnh ngụ tình, Nguyễn Du đã đạt đến độ tinh tế. Điều đó được thể hiện qua đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”. Qua đoạn trích tác giả đã miêu tả thành công cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi và tấm lòng thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều.

2. Thân bài

a. Khái quát

Đoạn trích nằm ở phần thứ hai "Gia biến và lưu lạc". Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt và làm nhục, bị Tú Bà mắng nhiếc, biết mình bị lừa vào chốn lầu xanh, Kiều uất ức định tự vẫn. Tú Bà sợ mất cả vốn lẫn lời, bèn lựa lời khuyên giải, cho người mua thuốc thang và hứa hẹn khi nàng bình phục, sẽ gả nàng cho một người đàn ông tốt nhưng thực chất là giam lỏng Kiều ở lầu Ngưng Bích, chờ thời cơ thực hiện âm mưu mới. Đoạn trích là những lời tự bộc bạch, là nỗi lòng cô đơn, buồn tủi của Kiều khi nhớ về người yêu, khi nghĩ về số phận đốn đau của đời mình.

Từ một thiếu nữ tài sắc sống trong cảnh “êm đềm trướng rủ màn che”, Kiều đã trở thành món hàng trong màn mua bán của Mã Giám Sinh và giờ đây nàng đang sống trong cô đơn, nhớ thương đau buồn, lo âu nơi lầu Ngưng Bích.

b. Luận điểm 1: Tâm trạng của Thúy Kiều trước cảnh lầu Ngưng Bích

Thiên nhiên trong sáu câu thơ đầu được miêu tả hoang vắng, bao la đến rợn ngợp:

*“Trước lầu Ngưng Bích khoá xuân
Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia”*

Sáu câu thơ đầu, tác giả nói lên hoàn cảnh sống và nỗi niềm cô đơn, tội nghiệp của nàng Kiều. Ngay câu thơ mở đầu: "Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân", Nguyễn Du đã nêu bật lên cảnh ngộ đáng thương của Kiều. "Khóa xuân" tức khóa kín tuổi xuân và ở đây ý nói về việc Kiều đang bị giam lỏng. Vậy là tuổi thanh xuân của nàng Kiều bị giam hãm, khóa kín trong cấm cung và không được giao tiếp với bên ngoài. Vì thế, lầu Ngưng Bích như là nhà tù giam lỏng cuộc đời Kiều, nó cho thấy tình cảnh đáng thương, xót xa mà nàng Kiều phải chịu đựng. Những câu thơ tiếp theo, tái hiện quang cảnh xung quanh lầu Ngưng Bích rộng lớn, mênh mông được nhìn dưới con mắt đầy tâm trạng của Kiều:

Ngồi trên lầu cao, nhìn phía trước là núi non trùng điệp, ngẩng lên phía trên là vầng trăng như sắp chạm đầu, nhìn xuống phía dưới là những đoạn “cát vàng” trải dài vô tận, lác đác như bụi hồng nhỏ bé như cànô tô đậm thêm cuộc sống cô đơn, lẻ loi của nàng lúc này: Cảnh được nhìn từ xa đến gần, từ cao xuống thấp nhưng lại hoang vắng rợn ngợp không một tiếng người, không có cả một tiếng chim hót. Cảnh thiên nhiên tác động đến tâm trạng của con người. Từ láy “bát ngát”, hình ảnh liệt kê “cát vàng”, “bụi hồng” đã nói lên sự phai nhạt của sự sống và ngổn ngang của cảnh vật. Hình ảnh “non xa, trăng gần” gợi không gian dài rộng, cao sâu vô tận. Đồng thời gợi sự chơ vơ, chênh vênh, trơ trọi của lầu Ngưng Bích. Không gian vô cùng trống trải, hoang vắng, không có dấu hiệu của sự sống: Có thể hình dung rất rõ một không gian mênh mông đang trải rộng ra trước mắt Kiều. Không gian ấy càng khiến Kiều xót xa, đau đớn:

*“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.”*

Từ láy “bẽ bàng” đã diễn tả được thật chuẩn xác nỗi lòng nàng Thúy Kiều. Cụm từ “mây sớm đèn khuya” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người và khắc sâu thêm nỗi cô đơn. Đó hẳn là tâm trạng vừa buồn tủi, vừa ngượng ngùng, vừa ê chề, vừa cay đắng, xót xa. Và chính tâm trạng ấy bắt gặp cảnh vật ngoài kia đã làm cõi lòng như càng thêm quặn thắt. Thiên nhiên không còn là những sự vật vô tri, vô giác nữa mà như sống động, có hồn bởi nó là tấm gương phản chiếu tâm trạng cô đơn, buồn tủi của nàng Kiều. Bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, kết hợp hệ thống hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm. Nguyễn Du đã khắc họa bức tranh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng. Và trên nền của khung cảnh ấy là hình ảnh nàng Kiều lẻ loi, cô độc với bao nỗi niềm tâm sự đau thương.

Trong tâm trạng cô đơn, buồn tủi nơi đất khách quê người, Kiều tìm về với những người thân của mình. Nỗi nhớ người yêu, nhớ cha mẹ được Nguyễn Du miêu tả rất xúc động trong những lời độc thoại nội tâm của nhân vật. Nỗi nhớ thương được chia đều: bốn câu đầu dành cho người yêu, bốn câu sau dành cho cha mẹ. Nhưng nỗi nhớ với chàng Kim được nói đến trước vì đây là nỗi nhớ nồng nàn và sâu thắm nhất. Nỗi nhớ đó được xoáy sâu và đêm thề nguyện dưới ánh trăng và nỗi đau cũng trào lên từ đó:

*“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng.
Tin sương luống những rày trông mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.”*

Nhớ người yêu, Kiều chỉ dám hình dung trong tưởng tượng, nhớ đến Kim Trọng uống chén rượu thề dưới ánh trăng, nguyện ở bên nhau đến trọn đời. Lời hẹn ước trăm năm ở vườn Thúy lại càng thương cho Kim Trọng. Chén rượu thề như còn đây mà nay mỗi người như mỗi ngả khiến nàng ân hận, xót xa như kẻ phụ tình. Nàng tưởng tượng Kim Trọng đang hướng về mình, “rày trông mai chờ” uống công vô ích khiến nàng càng thêm xót xa, càng thấp thỏm lo âu. Dù cho mỗi người một phương nhưng tình cảm, tấm lòng son của nàng dành cho Kim Trọng là mãi mãi, không thể phai mờ. Càng nghĩ Kiều càng lo lắng, khiến nàng bật lên câu hỏi tu từ không biết trên bước đường trôi dạt nơi “bên trời góc bể”, bao giờ nàng mới có thể gột rửa sạch những hoen ố của tấm lòng son chung thủy để có thể đáp lại tình yêu của Kim Trọng dành cho nàng. Ở nơi lầu cao ấy, nàng cũng không nguôi nhớ thương, lo lắng cho cha mẹ của mình:

*“Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt lồng ấp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa
Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

Sau nỗi nhớ người yêu đến quặn thắt, nàng càng xót xa khi nghĩ về cha mẹ. Không xót xa sao mỗi khi nghĩ đến cảnh cha già, mẹ héo tựa cửa nhìn xa, ngóng trông tin

con mồn mõi. Rồi khi trời oi nóng, biết ai quạt mát cho cha mẹ yên giấc, khi trời giá lạnh, biết ai ấp ủ chăn ấm cho cha mẹ nằm. Các thành ngữ và điển cố “tựa cửa hôm mai”, “quạt nồng ấp lạnh”, “sân lai”, “gốc tử” để thể hiện nỗi xót xa, lo lắng, bồn chồn của người con có hiếu dù đang trong hoàn cảnh éo le, vẫn đau đáu nghĩ về cha mẹ trong niềm nhớ thương khôn nguôi.

Nhớ người yêu, nhớ cha mẹ, nhưng rồi cuối cùng nàng Kiều lại quay về với cảnh ngộ của mình, sống với tâm trạng và thân phận hiện tại của chính mình. Mỗi cảnh vật qua con mắt, cái nhìn của Kiều lại gợi lên trong tâm trí nàng một nét buồn. Và nàng Kiều mỗi lúc lại càng chìm sâu vào nỗi buồn của mình. Nỗi buồn sâu sắc của Kiều được ngòi bút bậc thầy Nguyễn Du mỗi lúc càng tô đậm thêm bằng cách dùng điệp ngữ liên hoàn rất độc đáo trong tám câu thơ tả cảnh ngụ tình:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.”*

Nguyễn Du quan niệm:

*“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”*

Mỗi cảnh vật hiện ra qua con mắt của Kiều ở lầu Ngưng Bích đều nhuộm màu tâm trạng. Mỗi cặp câu gợi ra một nỗi buồn. “Buồn trông” là buồn mà nhìn ra xa, nhưng cũng là buồn mà trông ngóng một cái gì đó mơ hồ sẽ đến làm đổi thay tình trạng hiện tại. Hình như Kiều mong cánh buồm, nhưng cánh buồm chỉ “thấp thoáng, xa xa” không rõ, như một ước vọng mơ hồ, mỗi lúc mỗi xa. Kiều lại trông ngọn nước mới từ cửa sông chảy ra biển, ngọn sóng xô đẩy cánh hoa phiêu bạt, không biết về đâu như thân phận của mình. Rồi màu “xanh xanh” bất tận của nội cỏ rầu rầu càng khiến cho nỗi buồn thêm mênh mang trong không gian; để rồi cuối cùng, nỗi buồn đó bỗng dội lên thành một nỗi kinh hoàng khi ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi. Đây là một hình ảnh vừa thực, vừa ảo, cảm thấy như sóng vỗ dưới chân, đầy hiểm họa, như muốn nhấn chìm Kiều xuống vực.

Tám câu thơ tuyệt bút với nghệ thuật tả cảnh ngụ tình kết hợp với nghệ thuật điệp ngữ liên hoàn đầu mỗi câu lục và nghệ thuật ước lệ tượng trưng cùng với việc sử dụng nhiều từ láy tượng hình, tượng thanh (thấp thoáng, xa xa, man mác, rầu rầu, ầm ầm) đã khắc họa rõ cảm giác u uất, nặng nề, bế tắc, buồn lo về thân phận của Thúy Kiều khi ở lầu Ngưng Bích. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, từ tĩnh đến

động ứng với cảm xúc của Thúy Kiều diễn ra theo chiều hướng tăng từ nỗi buồn, cô đơn, lo lắng, nỗi tuyệt vọng và cuối cùng là sự sợ hãi.

3. Kết bài

Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một trong những đoạn trích thành công nhất về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều”. Đọc đoạn trích khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du và thương cảm cho tình cảnh bất hạnh của nàng Kiều, cho nỗi đau của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Dù trang sách đã gấp lại rồi và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” vẫn là tác phẩm bất hủ của văn học Việt Nam.

Đề 7: Những nét đặc sắc về bút pháp tả cảnh ngụ tình qua 8 câu thơ cuối của đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” (*)

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
Buồn trong ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.”*

I. Mở bài

Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến trình độ đỉnh cao. Nói đến nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” đặc biệt là tám câu thơ cuối.

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
Buồn trong ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dầu dầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.”*

II. Thân bài

1. Khái quát về đoạn trích:

Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” gồm 22 câu thơ lục bát, nằm ở phần 2 “Gia biến và lưu lạc” trong tác phẩm “Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du đã miêu tả một cách rõ nét tâm trạng của Thúy Kiều trong những

tháng ngày bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích để từ đó làm nổi bật nỗi bất hạnh của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

2. Bút pháp tả cảnh ngụ tình trong 8 câu thơ cuối

a. Giải thích thế nào là tả cảnh ngụ tình

Tả cảnh ngụ tình là bút pháp nghệ thuật thông qua việc miêu tả cảnh vật thiên nhiên để khắc họa tâm trạng, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình. Đây là bút pháp thường thấy trong thơ ca trung đại.

b. Bút pháp tả cảnh ngụ tình trong 8 câu thơ cuối

Ở phần cuối của đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, Nguyễn Du đã rất thành công với bút pháp tả cảnh ngụ tình khi ra vẽ ra trước mắt người đọc 4 bức tranh thiên nhiên để từ đó diễn tả 4 nét tâm trạng của nhân vật. Tám câu thơ vừa là bức tranh tâm cảnh mà cũng là thực cảnh. Cảnh được miêu tả theo kiểu tứ bình trong con mắt trông bốn bề và từ xa tới gần.

- Từ lầu Ngưng Bích nhìn ra phía xa, Kiều thấy hình ảnh một con thuyền lẻn đênh nơi cửa bể:

“Buồn trông cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”

+ Không gian mênh mông và thời gian khi chiều tà muôn thuở gọi buồn. Giữa khung cảnh ấy chỉ có một con thuyền vô định và hiện hữu với cánh buồm thấp thoáng xa xa như một ảo ảnh.

+ Cảnh đã gợi trong lòng người tha thương nỗi buồn, nỗi nhớ về cha mẹ, về quê nhà xa cách, nỗi cô đơn và khát khao sum họp. Rồi nàng sẽ đi về đâu? Có được đoàn tụ với gia đình, với chàng Kim hay không chính nàng cũng không biết nữa chỉ biết rằng ngay lúc này đây nàng đang phải đối diện với sự cô đơn nơi đất khách quê người. Điều đó hẳn sẽ khiến người con gái tài hoa ấy vô cùng đau khổ.

- Rồi Kiều đưa mắt nhìn gần hơn, trướ mắt nàng là cảnh một con nước từ trên cao đổ xuống:

“Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu”

+ “Ngọn nước mới sa” là dòng thác từ trên cao ào ào đổ xuống. Nó gợi ra một khung cảnh dữ dội, hãi hùng. Và trên dòng nước ấy là hình ảnh một cánh hoa mỏng manh, man mác trôi trong vô định. Từ láy “man mác” mà Nguyễn Du sử dụng thật khó để diễn tả. “Man mác” vốn là một từ láy được dùng để nói về tâm trạng của con người, nó thường gợi một nỗi buồn không tên, khó tả. Nhưng ở đây, Nguyễn Du lại mượn cái tả ấy để miêu tả một cánh hoa trôi trên dòng nước. Cách dùng từ như thế làm cho cảnh vật như mang cả tâm trạng con người, cũng buồn vương man mác.

+ Hình ảnh cánh hoa mỏng manh giữa dòng thác ấy gợi lên trong ta biết bao nhiêu suy nghĩ. Liệu rằng nó sẽ đi về đâu? Ra biển cả mênh mông hay vào ao tù nước đọng? Câu hỏi ấy Kiều chẳng thể giải đáp bởi chính câu hỏi về cuộc đời mình nàng còn chẳng thể trả lời. Cuộc đời nàng cũng có khác nào cánh hoa kia, lẻn đênh, phiêu dạt. Rồi nàng sẽ đi đâu về đâu, được về với gia đình, quê hương hay lại tiếp tục bị đẩy vào vũng bùn ô nhục. Nghĩ đến điều đó, nàng chẳng khỏi cảm thấy xót xa, đau lòng.

- Cảnh tiếp tục được miêu tả ở hai câu thơ tiếp với 1 nội cỏ trải dài từ chân mây tới mặt đất:

*“Buồn trông nội cỏ rầu rầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”*

+ Đọc hai câu thơ trên, ta chợt nhớ đến bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong đoạn trích “Cảnh ngày xuân” khi mà hai chị em Thúy Kiều đi dự hội. Chỉ có khác là trong “Cảnh ngày xuân” đó là một nội cỏ xanh non mơn mớn, bồng bồng sức sống thì ở đây cảnh hiện lên là một “nội cỏ rầu rầu”.

+ “Rầu rầu” là một từ láy giàu giá trị gợi tả, nó gợi cho ta về sự tàn tạ, héo úa, thê lương. Khắp không gian lúc này là cái màu “xanh xanh” tẻ nhạt, nhàm chán trải từ mặt đất đến chân mây- cái khung cảnh dễ khiến con người ta cảm thấy vô vị và chán nản. Khung cảnh ấy lại làm Kiều nhớ đến phận mình. Nàng cũng đang ở độ tuổi xuân thì – cái tuổi được coi là đẹp nhất của cuộc đời con người với những ước mơ, những hoài bão dự định. Thế nhưng tuổi xuân của nàng giờ đây lại phải sống trong cảnh bị giam lỏng ở đây, giữa lầu Ngưng Bích chơ vơ nơi sườn núi, trải qua những tháng ngày vô vị và tẻ nhạt. Với một người con gái không chỉ xinh đẹp mà còn tài hoa như nàng thì sống như thế chẳng khác nào đã chết, đau khổ đến tột cùng.

- Và ở hai câu cuối của đoạn trích, cảnh càng được miêu tả ở gần hơn và cũng dữ dội hơn:

*“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

+ “Gió cuốn” là gió trong ngày dông bão. Nó là ẩn dụ cho những dông gió, tai ương của cuộc đời. Nó như báo trước sóng gió dữ dội của cuộc đời hay cũng là tiếng kêu đau đớn của Kiều đồng vọng với thiên nhiên. Mọi sóng gió dường như chỉ trực chờ để đổ ập xuống cuộc đời của người con gái tài hoa nhưng bạc phận. Nghĩ đến điều đó, Kiều không khỏi lo sợ bởi dù gì nàng cũng chỉ là một cô gái chưa có nhiều trải nghiệm của cuộc đời, khó có thể chống lại được những tai ương của định mệnh.

3. Đánh giá về nghệ thuật và nội dung

Đọc 8 câu thơ cuối ta dễ dàng nhận thấy điệp từ “buồn trông” được nhắc lại nhiều lần và được đặt ở đầu các câu thơ. Điều đó như càng nhấn mạnh, xoáy sâu vào nỗi buồn của Thúy Kiều. Nó khiến cho 8 câu thơ cuối giống như một đoạn điệp khúc trong bài ca sầu buồn ảo não. Cũng trong 8 câu thơ ấy, hàng loạt các câu hỏi tu từ, các từ láy giàu giá trị biểu cảm, gợi tả được Nguyễn Du sử dụng để miêu tả thành công 4 bức tranh thiên nhiên. Thiên nhiên được miêu tả từ xa đến gần, từ tĩnh đến động, từ nhạt đến đậm để diễn tả nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu kinh sợ. Tả cảnh mà gợi tâm trạng. Nguyễn Du đã thực sự rất thành công khi sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình ở 8 câu thơ này.

III. Kết bài

Có thể nói rằng tám câu thơ cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một trong những đoạn thơ thành công nhất về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều”. Lời thơ đã khơi gợi trong ta không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du, khiến

ta càng thêm thương cảm cho tình cảnh bất hạnh của nàng Kiều, cho nỗi đau của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” của Nguyễn Du vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

ĐỒNG CHÍ

(Chính Hữu)

Đề: Phân tích bài thơ Đồng chí của nhà thơ Chính Hữu

Dàn ý tham khảo

I. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

II. Thân bài

1. Khái quát chung

- Hoàn cảnh sáng tác
- Khái quát nội dung bài thơ

2. Phân tích

a. Bày câu thơ đầu: Cơ sở hình thành tình đồng chí

a.1. Cơ sở thứ nhất: Cùng chung hoàn cảnh xuất thân

- Những chiến sĩ xuất thân từ những người nông dân lao động. Từ cuộc đời thật họ bước thẳng vào trang thơ và tỏa sáng một vẻ đẹp mới, vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

+ Thủ pháp đối được sử dụng chặt chẽ ở hai câu thơ đầu, gợi lên sự đối xứng, tương đồng trong cảnh ngộ của người lính. Từ những miền quê khác nhau, họ đã đến với nhau trong một tình cảm mới mẻ.

+ Giọng thơ nhẹ nhàng, gần gũi như lời tâm tình, thủ thỉ của hai con người “anh” và “tôi”.

+ Mượn thành ngữ “nước mặn đồng chua” để nói về những vùng đồng chiêm trũng, ngập mặn ven biển, khó làm ăn. Cái đói, cái nghèo như manh nha từ trong những làn nước.

+ Hình ảnh “đất cày lên sỏi đá” để gợi về những vùng trung du, miền núi, đất đá bị ong hóa, bạc màu, khó canh tác. Cái đói, cái nghèo như ăn sâu vào trong lòng đất.

=> “Quê hương anh” - “làng tôi” tuy có khác nhau về địa giới, người miền xuôi, kẻ miền ngược nhưng cũng đều khó làm ăn canh tác, đều chung cái nghèo, cái khổ. Đó chính là cơ sở đồng cảm giai cấp của những người lính.

a.2. Cơ sở thứ 2: Cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ và lòng yêu nước

“Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng, đầu sát bên đầu”

- Những con người chưa từng quen biết, đến từ những phương trời xa lạ đã gặp nhau ở một điểm chung: cùng chung nhịp đập trái tim, cùng chung một lòng yêu

nước và cùng chung lí tưởng cách mạng. Những cái chung đó đã thôi thúc họ lên đường nhập ngũ.

- Hình ảnh thơ “súng bên súng, đầu sát bên đầu” mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc diễn tả sự gắn bó của những người lính trong quân ngũ:

+ “Súng bên súng” là cách nói giàu hình tượng để diễn tả về những người lính cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ chiến đấu. Họ ra đi để chiến đấu và giải phóng cho quê hương, dân tộc, đất nước; đồng thời giải phóng cho chính số phận của họ.

+ “Đầu sát bên đầu” là cách nói hoán dụ, tượng trưng cho ý chí quyết tâm chiến đấu của những người lính trong cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.

- Điệp từ “súng, bên, đầu” khiến câu thơ trở nên chắc khỏe, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ của những người lính.

- Nếu như ở cơ sở thứ nhất “anh” - “tôi” đứng trên từng dòng thơ như một kiểu xưng danh khi gặp gỡ, vẫn còn xa lạ, thì ở cơ sở thứ hai “anh” với “tôi” trong cùng một dòng thơ, thật gần gũi. Từ những người xa lạ họ đã hoàn toàn trở nên gắn kết.

=> Chính lí tưởng và mục đích chiến đấu là điểm chung lớn nhất, là cơ sở để họ gắn kết với nhau, trở thành đồng chí, đồng đội của nhau.

a.3. Cơ sở thứ 3: Cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn.

- Bằng một hình ảnh cụ thể, giản dị mà giàu sức gợi, tác giả đã miêu tả rõ nét tình cảm của những người lính: “*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*”

+ “*Đêm rét chung chăn*” có nghĩa là chung cái khắc nghiệt, gian khổ của cuộc đời người lính; là chung hơi ấm để vượt qua giá lạnh nơi núi rừng. Đó là một hình ảnh đẹp, chân thực và đầy ắp những kỉ niệm.

+ Đắp chung chăn đã trở thành biểu tượng của tình đồng chí. Nó đã khiến những con người “xa lạ” sát gần lại bên nhau, truyền cho nhau hơi ấm và trở thành “tri kỉ”

+ Cả bài thơ chỉ có duy nhất một chữ “chung” nhưng đã bao hàm được ý nghĩa sâu sắc và khái quát của toàn bài: chung cảnh ngộ, chung giai cấp, chung chí hướng, chung khát vọng giải phóng dân tộc.

- Tác giả đã rất khéo léo trong việc lựa chọn từ ngữ, khi sử dụng từ “đôi” ở câu thơ trên:

+ Chính Hữu không sử dụng từ “hai” mà lựa chọn từ “đôi”. Vì đôi cũng có nghĩa là hai, nhưng đôi còn thể hiện sự gắn kết không thể tách rời.

+ Từ “đôi người xa lạ” họ đã trở thành “đôi tri kỉ”, thành đôi bạn tâm tình thân thiết, hiểu bạn như hiểu mình.

- Khép lại đoạn thơ, là một câu thơ có một vị trí rất đặc biệt. Câu thơ “*Đồng chí!*” được tách riêng ở một dòng thơ rất đặc biệt, chỉ gồm một từ, hai tiếng và dấu chấm than như một sự phát hiện, một lời khẳng định, nhấn mạnh tính đồng chí là một tình cảm mới mẻ nhưng hết sức thiêng liêng cao đẹp là sự kết tinh của tình bạn, tình người giữa những người lính nông dân trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp. Câu thơ “*Đồng chí*” như một bản lề gắn kết tự nhiên, khéo léo giữa hai phần của bài thơ: khép lại phần giải thích cội nguồn cao quý thiêng liêng của tình đồng chí và mở ra những biểu hiện cao đẹp hơn của tình đồng chí.

=> Tóm lại, bảy câu thơ đầu, đã đi sâu khám phá, lí giải cơ sở của tình đồng chí. Đồng thời, tác giả đã cho thấy sự biến đổi kì diệu từ những người nông dân hoàn toàn xa lạ trở thành những người đồng chí, đồng đội sống chết có nhau.

b. Mười câu thơ tiếp: Những biểu hiện của tình đồng chí

b.1. Biểu hiện thứ nhất: Họ thấu hiểu những tâm tư, nỗi lòng của nhau:

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*

- Trước hết, họ thấu hiểu cảnh ngộ, mối bận lòng của nhau về chốn quê nhà:

+ Đó là một hoàn cảnh còn nhiều khó khăn: neo người, thiếu sức lao động. Các anh ra đi đánh giặc, để lại nơi hậu phương bọn bề công việc đồng áng, phải nhờ người thân giúp đỡ.

+ Cuộc sống gia đình các anh vốn đã nghèo khó, nay càng thêm thiếu thốn. Hình ảnh “gian nhà không”, diễn tả được cái nghèo về mặt vật chất trong cuộc sống gia đình các anh. Đồng thời, diễn tả sự thiếu vắng các anh- người trụ cột trong gia đình các anh

- Tiếp theo, họ thấu hiểu lí tưởng và ý chí lên đường để giải phóng cho quê hương, dân tộc.

+ “Ruộng nương”, “căn nhà” là những tài sản quý giá, gần gũi gắn bó, vậy mà họ sẵn sàng bỏ lại nơi hậu phương, hi sinh hạnh phúc riêng tư vì lợi ích chung, vì độc lập tự do của toàn dân tộc

+ Tác giả đã sử dụng những từ ngữ rất giản dị, mộc mạc nhưng giàu sức gợi: Từ “mặc kệ”, chỉ thái độ dứt khoát, quyết tâm của người lính. Mặc kệ những gì quý giá nhất, thân thiết nhất để ra đi vì nghĩa lớn. Đồng thời, thể hiện thái độ sẵn sàng hi sinh một cách thầm lặng của các anh vì đất nước.

- Họ thấu hiểu nỗi nhớ quê nhà luôn đau đáu, thường trực trong tâm hồn người lính

+ Họ ra đi để lại một trời thương nhớ. Nhớ nhà, nhớ quê và trên hết là nỗi nhớ những người thân. Những người lính đã dùng lí trí để trói buộc tình cảm, nhưng càng chế ngự thì nỗi nhớ nhúng càng trở nên da diết.

+ Hình ảnh “giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” vừa được sử dụng như một hình ảnh ẩn dụ, vừa được sử dụng như một phép nhân hóa diễn tả một cách tự nhiên và tinh tế tâm hồn người lính.

+ “ Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính” hay chính là tấm lòng của người ra lính luôn canh cánh nỗi nhớ quê hương và do đó họ như đã tạo cho “giếng nước gốc đa” một tâm hồn.

=> Hình tượng người lính thời kì đầu của kháng chiến chống Pháp đã hiện lên tràn đầy khí thế và ý chí kiên cường, quyết ra đi bảo vệ độc lập, tự do của Tổ Quốc.

b.2. Biểu hiện thứ 2: Những người lính đã đồng cam cộng khổ trong cuộc đời quân ngũ

Chính Hữu là người trực tiếp tham gia chiến dịch Việt Bắc thu đông năm 1947. Hơn ai khác, ông thấu hiểu những thiếu thốn và gian khổ của cuộc đời người lính. Bảy dòng thơ tiếp, ông đã dành để nói về những gian khổ của các anh bộ đội thời kì đầu cuộc kháng chiến chống pháp:

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi.
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày”*

- Bằng bút pháp miêu tả hết sức chân thực, hình ảnh thơ chọn lọc, nhà thơ đã vẽ lên bức tranh hiện thực sống động về người lính với sự đồng cảm sâu sắc. Trước hết là những cơn sốt rét rừng:

+ Tác giả sử dụng bút pháp tả thực để tái hiện sự khắc nghiệt của những cơn sốt rét rừng đang tàn phá cơ thể những người lính.

+ Trong những cơn sốt rét ấy, sự lo lắng, quan tâm giữa những người lính đã trở thành điểm tựa vững chắc để họ vượt qua những khoa khăn, gian khổ.

- Cuộc đời quân ngũ đầy thiếu thốn, gian khổ:

+ Sử dụng thủ pháp liệt kê để miêu tả một cách cụ thể và chính xác những thiếu thốn của người lính: “áo rách vai, quần vài mảnh, chân không giày”. Đó là những chi tiết rất thật, được chắt lọc từ thực tế cuộc sống người lính.

+ Những khó khăn gian khổ như được tô đậm khi tác giả đặt sự thiếu thốn bên cạnh sự khắc nghiệt của núi rừng: sự buốt giá của những đêm rừng hoang sương muối.

=> Đây là hình ảnh chân thực về những anh bộ đội thời kì đầu kháng chiến. Đây những gian nan, thiếu thốn nhưng các anh vẫn xé rừng mà đi, đạp núi mà tiến.

- Song họ vẫn giữ được tinh thần lạc quan cách mạng: Hình ảnh “miệng cười buốt giá” cho thấy thái độ lạc quan, coi thường thử thách để vượt lên khó khăn và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Tác giả đã tạo dựng những hình ảnh sóng đôi, đối xứng nhau để diễn tả sự gắn kết, đồng cảm giữa những người lính.

=> Cái hay của câu thơ là nói về cảnh ngộ của người này nhưng lại thấy được sâu sắc tấm lòng yêu thương người kia. Tình thương đó lặng lẽ mà thấm sâu vô hạn.

b.3. Biểu hiện thứ 3: Luôn sẵn sàng sẻ chia, yêu thương gắn bó

Tất cả những cảm xúc thiêng liêng được dồn nén trong hình ảnh thơ rất thực, rất cảm động, chứa đựng biết bao ý nghĩa:

“Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

- Những cái bắt tay chặt chứa biết bao yêu thương trù mến. Rõ ràng, tác giả đã lấy sự thiếu thốn đến vô cùng về vật chất để tô đậm sự giàu sang vô cùng về tinh thần

- Những cái bắt tay là lời động viên chân thành, để những người lính cùng nhau vượt qua những khó khăn, thiếu thốn.

- Những cái bắt tay của sự cảm thông, mang hơi ấm truyền cho nhau thêm sức mạnh.

- Đó còn là lời hứa lập công, của ý chí quyết tâm chiến đấu và chiến thắng quân thù.

=> Có lẽ không ngôn từ nào có thể diễn tả cho hết tình đồng chí thiêng liêng ấy. Chính những tình cảm, tình đoàn kết gắn bó đã nâng bước chân người lính và sưởi ấm tâm hồn họ trên mọi nẻo đường chiến đấu.

c. Ba câu thơ cuối: Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội

- Được xây dựng trên nền thời gian và không gian vô cùng đặc biệt:

“Đêm nay rừng hoang sương muối”

+ Thời gian: Một đêm phục kích giặc

+ Không gian: Căng thẳng, trong một khu rừng hoang vắng lạnh và phr đầy sương muối.

- Trên nền hiện thực khắc nghiệt ấy, những người lính xuất hiện trong tâm thế:

“Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”

+ Hình ảnh “đứng cạnh bên nhau” cho thấy tư thế chủ động, hiên ngang, sẵn sàng chiến đấu của người lính.

- Kết thúc bài thơ là một hình ảnh độc đáo, là điểm sáng của một bức tranh về tình đồng chí, rất thực và cũng rất lãng mạn: *Đầu súng trăng treo*.

+ Chất hiện thực: gợi những đêm hành quân, phục kích chờ giặc, nhìn từ xa, vầng trăng như hạ thấp ngang trời. Trong tầm ngắm, người lính đã phát hiện một điều thú vị và bất ngờ: Trăng lơ lửng như treo đầu mũi súng.

+ Chất lãng mạn: Giữa không gian căng thẳng, khắc nghiệt đang sẵn sàng giết giặc mà lại “treo” một vầng trăng lung linh. Chữ “treo” ở đây rất thơ mộng, nối liền mặt đất với bầu trời.

+ Hình ảnh “đầu súng trăng treo” rất giàu ý nghĩa: Súng là biểu tượng cho cuộc chiến đấu, trăng biểu tượng cho non nước thanh bình, súng và trăng cùng đặt trên một bình diện đã gợi cho người đọc bao liên tưởng phong phú: chiến tranh và hòa bình, hiện thực và ảo mộng; khắc nghiệt và lãng mạn; chất chiến sĩ- vẻ đẹp tâm hồn thi sĩ. Gợi lên vẻ đẹp của tình đồng chí, giúp tâm hồn người chiến sĩ bay lên giữa cam go khốc liệt. Gợi vẻ đẹp của tâm hồn người lính: Trong chiến tranh ác liệt, họ vẫn rất yêu đời và luôn hướng về một tương lai tươi sáng.

=> Hình ảnh “đầu súng trăng treo” xứng đáng trở thành biểu tượng cho thơ ca kháng chiến: một nền thơ ca có sự kết hợp giữa chất hiện thực và cảm hứng lãng mạn.

3. Đánh giá về nghệ thuật: Với thể thơ tự do, ngôn ngữ thơ mộc mạc giản dị, chi tiết, hình ảnh chân thực cô đọng, hàm súc nhưng giàu sức biểu cảm, bài thơ *Đồng chí* đã để lại những ấn tượng sâu sắc về tình đồng chí, đồng đội và chân dung anh bộ đội Cụ Hồ thời kì kháng chiến chống Pháp: chân thực, giản dị mà vô cùng cao đẹp.

III. Kết bài

- Khái quát lại vấn đề nghị luận
- Cảm xúc của bản thân

Đề 1: Cảm nhận về hình ảnh người lính trong đoạn thơ:

*“Súng bên súng đầu sát bên đầu,
 Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.
 Đồng chí !
 Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
 Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
 Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính
 {...}
 Đêm nay rừng hoang sương muối
 Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
 Đầu súng trăng treo.”*

1. Mở bài

Chính Hữu là cây bút thơ tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Vốn là một người lính nên các tác phẩm của ông chủ yếu viết về đề tài chiến tranh và người lính với giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, ngôn ngữ hình ảnh thơ chọn lọc, cô đọng gợi nhiều ý nghĩa biểu tượng sâu xa. “Đồng chí” là một tác phẩm như vậy. Đến với những câu thơ nói về cơ sở, biểu hiện và ý nghĩa biểu tượng của tình đồng chí, ta nhận ra được vẻ đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

2. Thân bài

Bài thơ được viết vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc (Thu Đông năm 1947). Được trực tiếp tham gia chiến đấu cùng các đồng đội, trân trọng và cảm phục trước vẻ đẹp của anh bộ đội cụ Hồ nên ông viết bài thơ tri ân đến người đồng đội, đồng chí của mình. Vì thế hình ảnh người lính được hiện lên trong đoạn thơ bức chân thực.

Trước hết qua đoạn thơ ta hiểu được hoàn cảnh chiến đấu của người lính. Họ là những người nông dân vốn quen với những công việc đồng áng. Nhưng khi đất nước có giặc ngoại xâm họ từ bỏ làng quê, ruộng vườn, tham gia chiến trường. Cuộc sống chiến đấu vô cùng thiếu thốn:

“đêm rét chung chăn” họ thường xuyên phải đối diện với thời tiết khắc nghiệt ở núi rừng Việt Bắc, với cái rét thấu thịt, thấu xương. “rừng hoang sương muối”. Có lẽ cuộc sống chiến đấu gian khổ bên chiến hào vì độc lập dân tộc, đã từ khi nào các anh trở thành tri kỉ của nhau. Vì họ đều có chung lòng yêu nước và lý tưởng sống cao đẹp: “Súng bên súng đầu sát bên đầu”

Câu thơ mang ý nghĩa tả thực, vừa mang ý nghĩa biểu trưng. Câu thơ đã gợi lên tư thế của người lính trong đêm phục kích, họ luôn sát cánh bên nhau trong mọi hoàn

cảnh nguy hiểm. “Súng bên súng” là chung một nhiệm vụ, chung hành động, “Đầu sát bên đầu” là chung chí hướng, chung lí tưởng. Chính Hữu đã dùng từ “sát, bên, chung” để diễn tả sự tâm đầu ý hợp của đôi bạn cùng chung chiến hào. Hình ảnh “Đêm rét chung chăn” là một hình ảnh đẹp, đầy ý nghĩa của người lính, kỉ niệm một thời gian khổ, thiếu thốn và đầy sự cảm thông chia sẻ với nhau. Hình ảnh giản dị, gợi cảm “Đắp chung chăn thành đôi tri kỷ”. Tấm chăn mỏng manh nhưng ấm tình đồng chí, đồng đội mà những người lính không thể nào quên. Nó đã vun đắp lên tình đồng chí của các anh.

“Đồng chí!” được tách thành một dòng riêng, là câu đặc biệt như một bản lề khép mở: Khép lại cơ sở hình thành tình đồng chí và mở ra sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội. Câu thơ vang lên như một sự phát hiện, một lời khẳng định tình đồng chí, là kết tinh mọi cảm xúc, tình cảm, của tình bạn, tình người. Hai tiếng “đồng chí” đơn sơ mà cảm động đến nao lòng, làm bừng sáng cả đoạn thơ, bài thơ.

Ba câu thơ cuối là biểu tượng đẹp nhất giàu chất thơ nhất về tình đồng chí, đồng đội cao đẹp. Với không gian “rừng hoang sương muối”, thời gian vào đêm đông rét buốt. Câu thơ cho thấy đêm nay cũng như bao đêm khác, các anh mai kích chờ giặc tới, chuẩn bị cho trận đánh giành thắng lợi cuối cùng trong chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947. Các anh dừng “Chờ giặc tới” là chờ giây phút hồi hộp căng thẳng khi ranh giới giữa sự sống và cái chết rất mong manh. Động từ “chờ” thể hiện tư thế chủ động của người lính trong đêm phục kích, cũng là tư thế chủ động của toàn dân ta sau chiến dịch Việt Bắc Thu Đông 1947.

Khép lại bài thơ là hình ảnh tuyệt đẹp và thi vị. Hình ảnh “đầu súng trăng treo” mang ý nghĩa biểu tượng gợi sự liên tưởng phong phú. Kết hợp hiện thực và lãng mạn giữa cảnh rừng đêm giá rét là 3 hình ảnh gắn kết với nhau: “người lính, khẩu súng, trăng”, súng là hình ảnh biểu tượng của cuộc chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh mà người lính đang trải qua là biểu hiện của người chiến sĩ, “trăng” là biểu tượng của cuộc sống hòa bình trong tương lai mà người lính đang hướng tới là biểu tượng của thi sĩ. “súng – trăng” là gần và xa, thực tại và mơ mộng, chất chiến đấu và chất trữ tình, chất thi sĩ và chất chiến sĩ, hiện thực và lãng mạn.

Hình ảnh người lính trong đoạn thơ là biểu tượng đẹp về người lính anh bộ đội cụ Hồ trong những năm kháng chiến chống Pháp. Đó cũng là lý do tại sao khi bài thơ ra đời tạo ra khuynh hướng sáng tác mới.

3. Kết bài

Nhà thơ Nguyễn Đình Thi từng nhận xét: “Đồng chí” là bài thơ hay và khiến ta đọc lại bài thơ đọc bằng cả tâm hồn”. Bài thơ nói chung và đoạn thơ nói riêng đã khắc họa chân thực và rõ nét hình tượng anh bộ đội cụ Hồ - Những người làm nên trang sử vẻ vang của dân tộc ta trong những năm kháng chiến chống Pháp, để rồi từ đó tự bù đắp cho thế hệ trẻ ngày nay lòng tự hào, tự tôn dân tộc, ý

thức trách nhiệm với cuộc sống, xứng đáng với sự hi sinh lớn lao của thế hệ cha anh đi trước.

Đề 6: Viết 1 đoạn văn nêu cảm nhận về 3 câu thơ cuối (*)

***Mở đoạn:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn thơ

Chính Hữu là nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Thơ ông giản dị, hàm súc và dồn nén cảm xúc. Và tiêu biểu nhất cho phong cách sáng tác ấy là bài thơ “Đồng chí”. Bài thơ khép lại với bức tranh đẹp về tình đồng chí, đồng đội, là biểu tượng cao đẹp về cuộc đời người chiến sĩ bộ đội cụ Hồ:

*“Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo”.*

Đọc khổ thơ này, người đọc nhận ra bút pháp tả thực đã được tác giả sử dụng rất hiệu quả. Lời thơ gọi cho người đọc về một không gian hoang vu lạnh lẽo nơi núi rừng Việt Bắc. Đêm càng làm cho khung cảnh trở nên đáng sợ hơn bởi kẻ thù và thú giữ có thể đến bất cứ lúc nào. Tuy nhiên hoàn cảnh ấy không hề làm cho những người lính run sợ. Họ vẫn ung dung “chờ giặc tới”. Cái từ “chờ” trong đoạn thơ này mới thực sự đặc biệt. Chỉ với một động từ ấy nhưng Chính Hữu đã cho người đọc cảm nhận được một cách đầy đủ và trọn vẹn tư thế ung dung, sự hiên ngang, lòng quả cảm, kiên cường của những người lính bộ đội cụ Hồ. Và trong phút cùng nhau “chờ giặc tới” ấy họ đã phát hiện ra một hình ảnh rất đẹp: Hình ảnh “Đầu súng trăng treo”

Có thể nói “đầu súng trăng treo” là hình ảnh đẹp nhất của bài thơ. Đây trước hết là một hình ảnh thực. Nó có thể hiểu là: Đêm khuya, trăng tà, cả cánh rừng ngập chìm trong sương muối. Trăng lơ lửng trên không, chiếu ánh sáng qua lớp sương mờ trắng đục. Bầu trời như thấp xuống, trăng như sà xuống theo. Trong khi đó, người chiến sĩ khoác súng trên vai, đầu súng hướng lên trời cao như chạm vào vầng trăng và trăng như treo trên đầu súng. Song lời thơ có lẽ không chỉ có vậy. Xưa nay, “*Trăng*” là biểu tượng cho vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, là sự sống thanh bình. “*Súng*” là hiện thân cho cuộc chiến đấu gian khổ, hi sinh và chiến tranh khốc liệt. *Súng* và *trăng*, là cứng rắn và dịu hiền. *Súng* và *trăng* là chiến sĩ và thi sĩ, là hiện thực và lãng mạn. Hai hình ảnh đó trong thực tế vốn xa nhau với với thậm chí là trái ngược với nhau nay lại gắn kết bên nhau trong cảm nhận của người chiến sĩ. Sự kết hợp hai yếu tố hiện thực và lãng mạn đã tạo nên cái vẻ đẹp độc đáo cho lời thơ đồng thời gọi lên vẻ đẹp của người lính cách mạng. Họ không chỉ là những con người có lí tưởng cao đẹp, có lòng yêu nước nồng nàn, có tinh thần quả cảm, kiên cường mà còn là những con người có *tâm hồn lãng mạn*. Và phải chăng, cũng chính vì lẽ đó, Chính Hữu đã lấy hình ảnh này làm nhan đề cho cả tập thơ của mình – tập “*Đầu súng trăng treo*” – một bông hoa đầu mùa trong vườn thơ cách mạng.

BÀI THƠ VỀ TIẾU ĐỘI XE KHÔNG KINH

Đề 1: Phân tích Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật
Dàn ý tham khảo

I. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

II. Thân bài

1. Khái quát chung

- Hoàn cảnh sáng tác
- Khái quát nội dung bài thơ

2. Phân tích

a. Luận điểm 1: Hình ảnh chiếc xe không kính

- Những người lái xe giải thích, giới thiệu một cách tự nhiên, chân thực về người bạn đường thủy chung, gắn bó của họ.

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giạt bom rung kính vỡ mất rồi

Tác giả lí giải những chiếc xe “không có kính” “bởi”, “bom giạt, bom rung”, bởi sự tàn phá, hủy diệt của chiến tranh. Hai câu thơ rất gần với câu văn xuôi, lại có giọng điệu thản nhiên càng gây sự chú ý về vẻ khác lạ của những chiếc xe không kính.

- Chiến tranh ngày càng khốc liệt, những chiếc xe không có kính sao bao chặng đường lặn lội khó nhọc đã bị bom Mĩ tàn phá, hủy diệt trở nên méo mó, biến dạng:

Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe không có xước

Điệp ngữ “không có” kết hợp với biện pháp liệt kê đã nhấn mạnh chiếc xe không chỉ không có kính mà còn không có đèn, không có mui xe, thùng xe găm đầy những vết đạn xước ... Hàng loạt các từ phủ định “không” đã diễn tả một cách độc đáo, chân thực đến trần trụi những chiếc xe trên đường ra trận. Mặc dù bị biến dạng, thiếu nhiều điều kiện để bảo vệ người lái nhưng những chiếc xe vẫn băng ra chiến trường.

b. Luận điểm 2: Hình ảnh những người lính lái xe

Thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu lại là hoàn cảnh để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh thần lớn lao của họ.

b.1. Tư thế ung dung, hiên ngang sẵn sàng ra trận:

- Trên nền của cuộc chiến tranh vô cùng gian khổ và khốc liệt ấy, tác giả đã xây dựng thành công hình ảnh những người lính lái xe TS với tư thế ung dung, hiên ngang, sẵn sàng ra trận:

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng

+ Thủ pháp đảo ngữ, đưa từ “ung dung” đứng đầu câu gợi sự bình thản, điềm tĩnh đến kì lạ của người lính.

+ Điệp từ “nhìn” được nhắc lại ba lần, cộng với nhịp thơ dồn dập, giọng thơ mạnh mẽ đã thể hiện cái nhìn khoáng đạt, bao la giữa chiến trường của người lính

+ Thủ pháp liệt kê “nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng” đã cho ta thấy tư thế vững vàng, bình thản, dũng cảm của người lính lái xe. Họ nhìn thẳng vào bom đạn của kẻ thù, nhìn thẳng vào con đường đang bị bắn phá để lái xe vượt qua.

+ Tư thế ung dung, hiên ngang của người lính lái xe ra trận được khắc họa thêm đậm nét qua những hình ảnh hòa nhập vào thiên nhiên:

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.*

- Tác giả đã mở ra một không gian rộng lớn với những con đường dài phía trước, có gió thổi, có cánh chim chiều và cả những ánh sao đêm. Đường như thiên nhiên vũ trụ như đang ùa vào buồng lái.

+ Điệp ngữ “nhìn thấy...nhìn thấy...thấy” đã gợi tả được những đoàn xe không kính nối đuôi nhau hành quân ra chiến trường.

+ Hình ảnh nhân hóa chuyển đổi cảm giác “vào xoa mắt đắng”, thể hiện tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn của người lính lái xe.

+ Hình ảnh “con đường chạy thẳng vào tim” gợi liên tưởng đến những chiếc xe phóng với tốc độ nhanh như bay. Lúc đó, giữa các anh với con đường dường như không còn khoảng cách, khiến các anh có cảm giác con đường như đang chạy thẳng vào tim. Đồng thời cho thấy tinh thần khẩn trương của các anh đối với sự nghiệp giải phóng MN

+ Đặc biệt hình ảnh so sánh “như sa, như ùa vào buồng lái” đã diễn tả thật tài tình về tốc độ phi thường của tiểu đội xe không kính khi ra trận. Cả một bầu trời đêm như ùa vào buồng lái.

=> Có thể nói, hiện thực chiến trường trong khổ thơ trên chính xác đến từng chi tiết. Và đằng sau hiện thực đó là một tâm trạng, một tư thế, một bản lĩnh chiến đấu ung dung, vững vàng của người lính trước những khó khăn, thử thách khốc liệt của chiến tranh.

b.2. Tinh thần lạc quan, bất chấp gian khổ hiểm nguy của người lính (khổ 3+4)

Những gian khổ nguy hiểm đã trở thành cuộc sống của những người lính lái xe TS. Dù trong bất kì hoàn cảnh nào, tình thế nào, người lính vẫn tìm được tinh thần lạc quan để chiến đấu và chiến thắng quân thù:

*Không có kính, ừ thì có bụi,
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.*

*Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa mau khô thôi.*

- Hình ảnh “gió”, “bụi”, “mưa” tượng trưng cho những gian khổ, thử thách nơi chiến trường.
 - Cấu trúc lặp: “không có..., ừ thì...” đi liền với kết cấu phủ định “chưa có...” ở hai khổ thơ đã thể hiện thái độ bất chấp khó khăn, coi thường gian khổ của những chiến sĩ lái xe TS
 - Hình ảnh so sánh: “Bụi phun tóc trắng như người già” và “Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời” nhấn mạnh sự khắc nghiệt của thiên nhiên và chiến trường, đồng thời cho thấy sự ngang tàn, phơi phới lạc quan, dũng mãnh tiến về phía trước của người lính TS.
 - Hình ảnh “phì phèo châm diều thuốc” và “lái trăm cây số nữa” cho thấy người lính bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy, thử thách
 - Ngôn ngữ giản dị như lời nói thường ngày, giọng điệu thì thản nhiên, hóm hỉnh...làm nổi bật niềm vui, tiếng cười của người lính, cất lên một cách tự nhiên giữa gian khổ, hiểm nguy của cuộc chiến đấu.
- => Tiểu đội xe không kính tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách mạng và thanh niên VN trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

b.3. Tình đồng chí, đồng đội cao đẹp của những người lính lái xe (khổ 5+ 6)

Sau những cung đường vượt qua hàng nghìn, hàng vạn cây số trong mưa bom bão đạn, họ lại gặp nhau để họp thành tiểu đội trong những cái bắt tay vô cùng độc đáo:

*Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.*

- Hình ảnh “Những chiếc xe từ trong bom rơi” là một hình ảnh tả thực về những chiếc xe vượt qua bao thử thách khốc liệt của bom đạn chiến trường trở về.
 - Hình ảnh “Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi” rất giàu sức gợi:
- + Thể hiện sự đồng cảm sâu sắc trong tâm hồn của những người lính.
 - + Là những lời động viên ngăn ngừa, thăm lặng mà họ dành cho nhau
 - + Là sự sẻ chia vội vàng tất cả những vui buồn kiêu hãnh trong cung đường đã qua.
- Cuộc trú quân của tiểu đội xe không kính ngăn ngừa mà thăm tình đồng đội, những bữa cơm nhanh, dã chiến, được chung bát, chung đĩa là những sợi dây vô hình giúp các chiến sĩ xích lại gần nhau hơn:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm.*

- Các định nghĩa về gia đình thật lính, thật tếu táo mà tình cảm thì thật chân tình, sâu nặng. Gắn bó với nhau trong chiến đấu, họ càng gắn bó với nhau trong đời thường.
- Những phút nghỉ ngơi thoáng chốc và bữa cơm thời chiến rất vội vã. Nhưng cũng chính giây phút hạnh phúc hiếm hoi đó đã xóa mọi khoảng cách giúp họ co cảm giác gần gũi thân thương như ruột thịt.
- Từ láy “chông chênh” gợi cảm giác bất bênh không bằng phẳng- đó là những khó khăn gian khổ trên con đường ra trận. Song, với các chiến sĩ lái xe thì càng gian khổ càng gần đến ngày thắng lợi
- Nghệ thuật ẩn dụ: “*trời xanh thêm*” gợi tâm hồn lạc quan của người chiến sĩ. Màu xanh đó là màu của niềm tin và tin tưởng ở ngày chiến thắng đang đến gần
- Điệp từ “*lại đi lại đi*” và nhịp 2/2/3 khẳng định đoàn xe không ngừng tiến tới, khẩn trương và kiên cường. Đó là nhịp sống, chiến đấu và hành quân của tiểu đội xe không kính mà không một sức mạnh tàn bạo nào của giặc Mĩ có thể ngăn cản nổi.

b.4. Lí tưởng cách mạng của những người lính lái xe.

Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước.

Chỉ cần trong xe có một trái tim

- “Vì miền Nam phía trước” vừa là lối nói cụ thể, lại vừa giàu sức gợi: Gợi một ngày mai chiến thắng, ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, Bắc Nam sum họp một nhà.
- Tác giả lí giải điều đó thật bất ngờ mà chí lí, nói lên chân lí sâu xa về sức mạnh của lòng yêu nước và lí tưởng cách mạng: “Chỉ cần trong xe có một trái tim”
- + Mọi thứ của xe không còn nguyên vẹn, chỉ cần nguyên vẹn trái tim yêu nước, trái tim vì miền Nam thì xe vẫn băng băng ra trận, vẫn tới đích
- + Đó là sự dũng cảm ngoan cường, là sức mạnh của lòng yêu nước và ý chí chiến đấu quật cường
- + Hình ảnh hoán dụ “trái tim” cho thấy: Trái tim thay thế cho tất cả, khiến chiếc xe trở thành cơ thể sống hợp nhất với người chiến sĩ để tiếp tục tiến lên phía trước => Trái tim yêu thương, trái tim can trường, trái tim cầm lái đã giúp người lính chiến thắng bom đạn của kẻ thù. Trái tim ấy đã trở thành nhân vật của bài thơ và để lại cảm xúc sâu sắc trong lòng người đọc.

3. Đánh giá chung về nghệ thuật: Với lời thơ mộc mạc gần với ngôn ngữ đời thường, giọng điệu ngang tàn, trẻ trung; cách khai thác chất liệu của chiến tranh... nhà thơ Phạm Tiến Duật đã sáng tạo nên một bài thơ với những hình tượng độc đáo.

III. Kết bài:

- Khái quát lại vấn đề nghị luận
- Cảm xúc của bản thân

Đề 2: Cảm nhận của em về đoạn thơ sau (*)

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt, bom rung kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái*

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật)

1. Mở bài:

Thế kỉ XX trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc bảo vệ tổ quốc. Có rất nhiều con người đáng được ngợi ca. Những hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn, và hình ảnh cô thanh niên xung phong nơi tuyến lửa, là những hình ảnh tiêu biểu nhất của thế hệ thanh niên Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Hình ảnh ấy đã được Phạm Tiến Duật - người được mệnh danh là “ Nhà thơ của đường Trường Sơn” tái hiện lại trong “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Bài thơ miêu tả những người lính lái xe ung dung, tự tại, lạc quan, bất chấp mọi khó khăn gian khổ, thể hiện tình đồng chí, đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha, sâu nặng.

2. Thân bài

a. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ

“*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” của Phạm Tiến Duật được sáng tác năm 1969 trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn - con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến. Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mỹ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ, tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha...

b. Cảm nhận đoạn thơ

* Hình ảnh những chiếc xe không kính:

Mở đầu bài thơ, tác giả đã giúp người đọc hình dung được hình ảnh **những chiếc xe không kính** trên tuyến lửa Trường Sơn thông qua hai câu thơ giàu chất hiện thực:

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt, bom rung, kính vỡ đi rồi*

Xe không kính là một hình ảnh quen thuộc, thường thấy ở tuyến lửa Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ. Nhưng trong thơ ca thì có lẽ đây là lần đầu hình ảnh ấy xuất hiện. Ở hai câu thơ này, hình ảnh những chiếc xe không

kính được miêu tả rất thực. Lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dừng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. Bằng biện pháp tu từ điệp ngữ với các từ phủ định “không” được lặp lại nhiều lần, Phạm Tiến Duật như muốn nói rằng xe không kính không phải do cấu tạo ban đầu của nó. Vậy thì do đâu? Câu thơ thứ 2 đã giải thích cho điều này. Với các động từ mạnh “giật, rung” lời thơ đã cho ta nhận ra rằng chính bom đạn của chiến tranh đã tàn phá khiến cho những chiếc xe vận tải vốn nguyên vẹn, lành lặn giờ đây trở thành không kính. Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn chẳng hiếm trong chiến tranh, song phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch, ngang tàn như Phạm Tiến Duật mới phát hiện ra được, đưa nó vào thơ và trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mỹ. Và từ hình ảnh ấy, tác giả đã tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, dữ dội, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.

c. Hình ảnh người lính lái xe:

*** Tư thế hiên ngang, ung dung, đường hoàng, tự tin, và tâm hồn lãng mạn:**

Song, chính trong cái ác liệt của cuộc chiến, chính từ những cái “không” đó thì tư thế **ung dung, hiên ngang** của những người lính lại được thể hiện rõ nét:

“Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”.

Tư thế của những người lính lái xe mới ung dung và đường hoàng làm sao! Đặt từ “ung dung” lên đầu câu, dường như nhà thơ muốn nhấn mạnh vào tư thế chủ động trước hoàn cảnh. Con mắt “nhìn đất”, “nhìn trời”, “nhìn thẳng” mang vẻ đẹp trang nghiêm, bất khuất như một lời thề. Chữ “nhìn thẳng” khiến ta hình dung như họ đang đối mặt thẳng thắn với gian khổ, hi sinh mà không hề né tránh, không hề run sợ. Không có kính chắn gió, người lính lái xe đã bình tĩnh, tự tin để mà:

“ Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa, như ùa vào buồng lái”.

Nhịp thơ khoan thai, cùng cách điệp lại từ “nhìn” với các hình ảnh cụ thể như “gió” - “con đường”, “sao trời”, “cánh chim”... đã diễn tả một cách chân thực và sinh động cảm giác, ấn tượng của người lính lái xe không kính trên đường ra trận. Lúc này, mọi khó khăn, nguy hiểm đã lùi lại, nhường chỗ để các anh đón nhận những âm thanh trong trẻo, ùa vào khoảng lặng của cuộc chiến ác liệt. Cuộc sống đẹp biết bao! Tâm hồn lãng mạn đã thăng hoa trong bộn bề gian truân, mất mát. Sao trời vẫn sáng đường chiến dịch; cánh chim bền bỉ, đột ngột mà không cô đơn. Từ “đột ngột” được dùng rất “đắt” trong câu đảo thành phần này đã diễn tả động thái đẹp của thiên nhiên, của cánh chim trời. Cánh chim được nghệ thuật hóa, để rồi được nhân hóa qua hai từ “sa”, “ù” hết sức tự nhiên, không vương bận. Tất cả cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của người lính lái xe Trường Sơn. Đúng là “Đường ra trận

mùa này đẹp lắm! Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây”. Có thể nói, người lính đã chiến thắng bom đạn của kẻ thù bằng cái nhìn bình thản. Hình ảnh ẩn dụ “Con đường chạy thẳng vào tim” mà họ nhìn thấy không chỉ là con đường chiến lược Trường Sơn xe đang đi mà đó còn là con đường cách mạng, con đường giải phóng miền Nam, con đường mà thế hệ trẻ Việt Nam đã mang cả tuổi thanh xuân, máu xương của mình để giữ gìn, bảo vệ; đẹp mà hiên ngang, gian khổ mà lạc quan, chất lãng mạn hòa quyện trong yếu tố hiện thực.

d. Đánh giá: NT+ ND+ nhận định về tác giả

Như vậy, bằng các biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ đầu của bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn sự khốc liệt của chiến tranh thông qua hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế ung dung, hiên ngang, bản lĩnh vững vàng của người lính lái xe trên tuyến lửa Trường Sơn. Lời thơ cho ta nhận ra ở nhà thơ PTD là niềm cảm phục, sự trân trọng, yêu mến dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

3. Kết bài

- Đánh giá chung về đoạn thơ
- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

ĐỀ 1: PHÂN TÍCH BÀI THƠ “ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ” – HUY CẬN (TÁCH ĐOẠN)

1. Mở bài

- Giới thiệu về tác giả Huy Cận
- Giới thiệu về bài thơ

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông để lại nhiều tác phẩm thơ văn có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”. Bài thơ là khúc tráng ca, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên biển cả và con người lao động trong thời đại mới. Vẻ đẹp ấy được thể hiện rất rõ qua khổ thơ 1,2,7.

(Nếu là đoạn thơ ghi đoạn thơ đó ra - rồi khái quát nội dung trong 2 dòng)

1. Thân bài

*** Khái quát hoàn cảnh sáng tác, những nét chính về nghệ thuật, nội dung, chủ đề tác phẩm.**

- Bài thơ được viết vào giữa năm 1958, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới. Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi ấy, hồn thơ của ông mới thực sự nảy nở trở lại và dồi dào cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới. Bài “*Đoàn thuyền đánh cá*” được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ “*Trời mỗi ngày lại sáng*”(1958). Bằng đôi mắt quan sát sắc sảo, trí tưởng tượng phong phú, một trái tim nhạy cảm, một tài năng nghệ thuật điêu luyện nhà thơ Huy Cận đã vẽ lên một khung cảnh lao động tuyệt vời trên biển, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người trên biển qua đó bộc lộ niềm tin, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước, trước cuộc sống.

*** Luận điểm 1: Hai khổ thơ đầu khắc họa cảnh Đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong cảnh hoàng hôn thật tráng lệ và huy hoàng.**

a. Khổ 1: Hai câu thơ đầu tả cảnh thiên nhiên trên biển

Hai câu thơ đầu bằng cảm hứng và bút pháp lãng mạn Huy Cận đã khắc họa thành công cảnh hoàng hôn trên biển với hình ảnh thật độc đáo:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa”*

Nếu chỉ căn cứ vào thực tế ta sẽ cảm thấy như vô lí bởi biển ở phía đông nước ta vốn không nhìn thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Như thế nhà thơ Huy Cận đặt điểm nhìn nghệ thuật trên con thuyền ra khơi từ biển nhìn về phía tây nhà thơ thấy mặt trời lặn xuống biển. Mặt trời xuống biển vào lúc hoàng hôn sắp tắt, như một khối lửa lớn đang chìm dần xuống biển xanh. Màn đêm dần buông xuống và vây kín bầu trời. Hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ còn những gợn sóng là cài then cửa. Tác giả đã so sánh mặt trời cuối ngày “như hòn lửa” khiến cho cảnh hoàng hôn trở nên tráng lệ, rực rỡ chứ không ảm đạm, hiu hắt như nhiều nhà thơ khác miêu tả. Điểm thêm vào tiếng sóng dịu êm là màn đêm buông xuống qua hình ảnh nhân hóa “Sóng đã cài then đêm sập cửa”. Chính biện pháp tu từ nhân hóa và liên tưởng đã làm cho cảnh biển đêm trở nên gần gũi với con người. Con người đi trong biển đêm mà như đang đi chính trong ngôi nhà của mình. Điều đó cũng cho thấy con người ra khơi trong tư thế yên tâm, an toàn, tự chủ. Như vậy chỉ bằng hai câu thơ Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm, khiến cảnh biển đẹp vừa hùng vĩ tráng lệ nhưng lại rất gần gũi với con người khác hẳn với cảnh hoàng hôn trong thơ của Huy Cận trước cách mạng tháng 8 thường buồn và hiu hắt.

*** Hai Câu thơ sau:**

*“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi”*

Chuyển ý: Chính lúc thiên nhiên vũ trụ đi vào trạng thái nghỉ ngơi, thì cũng là lúc khởi đầu một chuyến ra khơi của Đoàn thuyền đánh cá: “Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi”

Câu thơ là cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi và tâm trạng náo nức của người lao động. Đoàn thuyền đánh cá vào lúc hoàng hôn, cảnh biển lúc hoàng hôn vô cùng rực rỡ, tráng lệ cảnh vừa rộng lớn của gần gũi với con người sau một liên tưởng thú vị:

Sự mâu thuẫn làm nổi bật tư thế của người lao động trước biển cả. Nhịp thơ nhanh mạnh như một quyết đoán dứt khoát. Không phải từng chiếc thuyền lẻ tẻ đi biển mà cả một đoàn thuyền, một sức mạnh mới của cuộc đời đổi thay. Chữ “lại” trong ý thơ “lại ra khơi” là một sự khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã ổn định đi vào nề nếp. Ra khơi là một công việc diễn ra thường xuyên đều đặn một nhịp sống quen thuộc.

Cùng ra khơi trên những con thuyền là những người lao động. Họ mang theo câu hát khúc hát lên đường vang vọng: “ Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Câu hát là niềm vui, sự phấn chấn, niềm say sưa, hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với những công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho tổ quốc. Câu hát của người lao động như có một sức mạnh vật chất cùng với ngọn gió làm căng buồm chuẩn bị cho con thuyền lướt sóng ra khơi. Tác giả đã tạo ra một hình ảnh khỏe lạ mà từ sự gắn kết ba sự vật, hiện tượng: Câu hát, căng buồm, gió khơi là ba chi tiết nghệ thuật mang tính tượng trưng diễn tả tinh thần hứng khởi, hăng say và khí thế ra khơi của người dân miền biển. Như vậy bức tranh cảnh trời đêm không hề yên tĩnh mà lại ngân vang câu hát của người lao động.

b. Khổ 2: Là những câu hát ngợi ca sự giàu có, trù phú, ca ngợi nét đẹp tâm hồn của người ngư dân

Khổ thơ tiếp theo nói rõ về những câu hát để làm nổi bật một nét tâm hồn của người dân làng chài. Tiếng hát cầu mong đi biển gặp nhiều may mắn, tiếng hát ca ngợi sự giàu có của biển khơi:

*“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,
Cá thu biển Đông như đàn thoi
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng”*

Tiếng hát ấy đã làm nổi bật hình ảnh các loài cá trên biển: Cá bạc biển Đông, cá thu biển đông “Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng”. Với biện pháp nghệ thuật nhân hóa và nghệ thuật so sánh: “Cá thu như đàn thoi” , tác giả đã cho thấy vẻ đẹp lung linh rất ý nghĩa. Giọng thơ ngọt ngào vang xa, cùng những hình ảnh so sánh, ẩn dụ rất sáng tạo(cá bạc, đàn thoi, dệt biển luồng sáng, dệt lưới), nghệ thuật đối lập giữa biển đêm và luồng sáng của cá đã đem đến cho người đọc bao liên tưởng thú vị về vẻ đẹp của thơ ca viết về lao động.

Câu hát còn là để gói cá vào lưới “*Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!*”. Nghệ thuật ẩn dụ, qua cách sử dụng từ “dệt”, với mong muốn cá đến thật nhiều. Câu hát cho thấy người lao động làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc sống của mình, và niềm tin đánh bắt cá thắng lợi. Câu hát thể hiện sự gắn bó thân thiết giữa con người lao động với biển cả. Họ yêu biển gắn bó với biển.

*** Đánh giá về nội dung và nghệ thuật hai khổ thơ đầu**

Như vậy, bằng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, hai khổ thơ đầu đã phác họa thành công một bức tranh thiên nhiên kì vĩ, thơ mộng và qua đó gợi được tâm hồn phóng khoáng, tình yêu lao động và niềm hi vọng của người dân chài. Lời thơ còn cho ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tình yêu với thiên nhiên, với đất nước và niềm vui, niềm tin yêu vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

*** Luận điểm 2: Nếu hai khổ thơ đầu miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong khung cảnh rất đẹp và con người yêu lao động, yêu thiên nhiên thì 4 câu thơ tiếp lại miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá về đêm bao la hùng vĩ**

c. Khổ 3: Là hình ảnh biển đêm rộng lớn

Khổ thơ đã làm hiện lên hình ảnh con thuyền kì vĩ, khổng lồ hòa nhập với kích thước rộng lớn thiên nhiên vũ trụ. Con thuyền có gió làm bánh lái, trăng làm buồm lướt đi phơi phới giữa mênh mang trời nước:

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển bằng

Khổ thơ đã cho thấy vẻ đẹp kì vĩ, tráng lệ của đoàn thuyền đánh cá trên biển. Nhà thơ đã sử dụng thủ pháp phóng đại, cùng với những liên tưởng mạnh bạo, bất ngờ để sáng tạo ra hình ảnh người lao động. Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la đã trở thành con thuyền kì vĩ, khổng lồ, hòa nhập với kích thước rộng lớn, tầm cỡ lớn lao của thiên nhiên vũ trụ. Thiên nhiên, vũ trụ, gió, trăng như đang góp sức với con người lao động đi khám phá và chinh phục biển cả. Hình ảnh con người lao động được đặt trong nghệ thuật hài hòa của thiên nhiên (lái gió, buồm trăng, mây cao, biển bằng) để diễn tả cảnh con thuyền tung hoành giữa biển trời mênh mông và đang làm chủ biển khơi. Từ “lướt” đặc tả đoàn thuyền ra khơi với tốc độ phi thường. Thiên nhiên cùng góp sức với con người trên con đường lao động khám phá. Chỉ hai câu thơ đó thôi đã cho ta thấy sức tưởng tượng phong phú, bút pháp lãng mạn tài hoa sáng tạo của Huy Cận trong bức tranh đó nổi bật với tư thế hiên ngang của người lao động:

“Ra đậu dặm xa dò bụng biển

Dàn đan thế trận lưới vây giăng”

- Hai câu thơ đã vẽ ra trước mắt người đọc cảnh đánh cá như một trận đấu chiến, buông lưới như “dàn đan thế trận”. Những người dân làng chài trở lên lồng lộng giữa biển trời trong tư thế làm chủ, mà còn nổi bật giữa thiên nhiên vũ trụ. Họ chủ

động chinh phục biển cả. “Ra đàu dậm xa dò bụng biển” đến ngư trường người ngư dân khẩn trương lao vào cuộc: “Dàn đan thế trận lưới vây giăng”. Công việc đánh cá là một trận chiến, mỗi ngư dân là một chiến sĩ. Con thuyền, mái chèo, lưới và ngư cụ khác đều trở thành vũ khí của họ. Công cuộc lao động cũng chính là công cuộc chiến đấu chinh phục thiên nhiên. Công việc đánh cá được “Dàn đan” như một thế trận hào hùng gợi sự khéo léo như nghệ nhân của người dân làng chài và tâm hồn phóng khoáng chinh phục biển cả. Tư thế và khí thế của người dân thật là mạnh mẽ đầy quyết tâm giữa không gian bao la của biển trời.

d. Khổ 4: là bức tranh biển đêm giàu có nên thơ

Đoạn thơ còn cho thấy cảnh biển đêm lung linh huyền ảo với màu sắc của các loài cá. Nhưng câu thơ tả đoàn cá là đặc sắc nhất. Biển quê ta giàu có với những loài cá quý, cá ngon như tục ngữ đã nói: “Chim thu, nhụ đế”. Vận dụng sáng tạo cách nói của dân gian, nhà thơ viết “Cá thu biển Đông như đoàn thoi”. Ở đây lại miêu tả:

*“Cá nhụ cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóa”*

- Với một loạt hình ảnh liệt kê: Cá nhụ, cá chim, cùng cá đé, cá song đã góp phần diễn tả sự giàu đẹp của biển cả quê hương. Vẻ đẹp của các loài cá hòa quyện cùng với vẻ đẹp của trăng trên biển tạo nên một bức tranh sơn mài nên thơ và giàu chất lãng mạn. Nhà thơ sử dụng một loạt các tính từ chỉ màu sắc “lấp lánh, đen hồng, vàng chóa” để làm nổi bật lên vẻ đẹp của các loài cá những con cá song giống như những ngọn đuốc đen hồng lao đi trong luồng nước dưới ánh sáng lấp lánh là một hình ảnh rất độc đáo sáng tạo, là một nét vẽ tài hoa đẹp hơn nữa là hình ảnh “Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóa”, ánh trăng in xuống mặt nước, cái đuôi như quẫy ánh trăng tan ra vàng chóa.

- Hơn thế nữa cảnh biển đêm còn lung linh với hình ảnh:

“Đêm thở sao lùa nước Hạ Long”.

Hình ảnh nhân hóa “Đêm thở sao lùa” là hình ảnh sống động có hồn thể hiện sự sáng tạo bất ngờ của tác giả. Gợi nhịp thở của biển, vũ trụ lúc đêm về. Biển như mang linh hồn của con người, như một sinh thể cuộn trào sức sống. Nhìn bầu cá bơi lượn nhà thơ lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rầm, mắt nhìn về xa. Câu thơ kỳ ảo lung linh như đưa người đọc vào cõi mộng. Phải có tình yêu biển sâu nặng tác giả mới viết được một vần thơ tuyệt bút như vậy.

Hình ảnh những con cá đẹp hơn, rực rỡ hơn dưới ánh sáng bình minh. Nhà thơ đã sử dụng từ “bạc”, “vàng” gợi lên màu sắc sáng đẹp vừa gợi được sự giàu có quý giá của biển khơi.

c. Khổ 5: Tiếng hát hòa với gió để gọi cá và lòng biết ơn của những người ngư dân.

* Chuyển ý: Trước sự giàu có và phong phú của biển cả, đã mở ra tâm trạng hào hứng vui tươi để người dân chài lưới tiếp tục cất cao tiếng hát:

Công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng cùng thiên nhiên:

*“Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.*

Tiếng hát căng tràn trên mặt biển gọi cá vào, gợi sự thân thiết niềm vui, sự phấn khởi trong lao động. Lần thứ hai tiếng hát vang lên trên biển. Câu hát vang lên giữa biển khơi như khúc trường ca rộn rã, biển cả bao la thực sự là ngôi nhà thứ hai của ngư dân. Là một niềm hạnh phúc, niềm vui, là tâm trạng của người dân miền Bắc đi lên xây dựng CNXH. Những người dân chài cất lên tiếng hát ngọt ngào: “Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao”, là hình ảnh lãng mạn đầy chất thơ làm đẹp thêm công việc đánh cá trên biển. Âm nhạc và ánh trăng đã tạo nên những thăng hoa trong tâm hồn người lao động. Những người ngư dân còn có một tình cảm thật đặc biệt với thiên nhiên và với biển cả

*“Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.”*

Với biện pháp nghệ thuật so sánh “Biển như lòng mẹ”, tác giả đã cụ thể hóa tình cảm tha thiết con người với thiên nhiên gợi hình ảnh biển cả giàu có, biển rộng lớn bao la gợi cảm giác ấm áp thân thiết và tình yêu bằng tâm hồn tình cảm của người lao động với biển cả. Thể hiện lòng biết ơn sâu sắc của con người với thiên nhiên, đồng thời nói lên lòng tự hào của người dân làng chài với biển quê hương. Qua hình ảnh so sánh đó ta thấy được cái nhìn lãng mạn của nhà thơ Huy Cận.

g. Khổ 6: Một đêm trôi đi thật nhanh trong nhịp điệu lao động hào hứng hăng say với cảnh kéo lưới.

Công việc đánh cá của người dân nhịp nhàng với điệu vận hành của thiên nhiên vũ trụ. Một đêm trôi nhanh trong nhịp điệu lao động hứng khởi, hăng say trên bầu trời sao đã thưa và mờ cũng là lúc kéo lưới về kịp trời sáng. Cảnh kéo lưới được miêu tả đầy ấn tượng. Cả bài thơ chỉ có một chi tiết tả thực cảnh kéo lưới cũng được viết theo lối khoa trương nên vẫn nằm trong mạch cảm hứng lãng mạn:

*“ Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng”*

+ “Sao mờ” là lúc trời gần sáng, mặt trời đang lên. Đó là dấu hiệu báo một ngày mới bắt đầu. Con người đang giành giật với thời gian, chạy đua với thời gian để làm việc và cống hiến. TG trôi càng nhanh, con người lao động càng hăng say. Họ đang khẩn trương để kéo lưới kịp trời sáng. Một cuộc chạy đua âm thầm đang diễn ra giữa con người và thiên nhiên. Con người thì nhỏ bé, thiên nhiên thì lớn lao vậy mà con người dám chạy đua cùng thiên nhiên.

+ 2 câu thơ đã tạo nên bức tượng đài sừng sững của người lao động giữa vùng biển rộng. Hai chữ "*xoăn tay*" giàu chất tạo hình khiến cho người đọc hình dung tư thế của những người lao động. Đó là tư thế chắc khỏe, cường tráng, tư thế của những người đã khẳng định được vị thế của mình trên biển khơi, vị thế của người làm chủ, người chiến thắng. Bóng dáng họ sừng sững giữa biển khơi với bắp tay nổi cuồn, dưới bàn tay ấy là tấm lưới triều nặng.

+ Hình ảnh "*chùm cá nặng*" gợi liên tưởng thú vị: cá rất nhiều, che cả mắt lưới. Đó chính là thành quả lao động mà người ngư dân thu được sau một đêm vất vả. Câu thơ giúp cho ta hình dung được những cánh tay rắn chắc "kéo lưới xoăn tay" là một hình ảnh đặc tả động tác kéo lưới rất nhanh khỏe và đẹp. Những đôi bàn tay kéo lưới nhanh thoăn thoắt gợi lên vẻ đẹp rắn rỏi khỏe mạnh với những bắp tay cuồn cuồn của người dân chài kéo một mẻ lưới đầy cá nặng, "*chùm cá nặng*" là hình ảnh ẩn dụ gợi tả được mùa cá. Vẫn là phép liên tưởng và tưởng tượng bay bổng nhà thơ giúp người đọc nhận ra được vẻ đẹp dũng mãnh với những chiến tích lớn lao mà những người anh hùng lao động đạt được, họ hoàn toàn xứng đáng khi có những thành quả ấy. Hình ảnh ngư dân trên biển đêm hiện ra với tư thế làm chủ bình tĩnh, tự tin và họ lao động bằng cả niềm vui, sự lạc quan họ xứng đáng là những anh hùng lao động trên mặt trận.

Chuyển ra khơi thắng lợi và sao mờ cũng là lúc công việc đánh cá trên biển ngư dân:

*Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng*

"Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng". Câu thơ với những hành động diễn ra liên tiếp, khẩn trương tạo sự nhịp nhàng trong lao động của con người với sự vận hành của thiên nhiên vũ trụ. Con người muốn chia sẻ niềm vui với ánh bình minh.

Lời thơ miêu tả cụ thể màu sắc của thân cá. Sắc màu ấy đã khiến cho cả không gian bừng sáng lên khi sao mờ trắng khuất. Sự pha trộn màu sắc: trắng - vàng trong câu thơ thật hài hòa sinh động. Và khi người lao động vừa thu được chùm cá nặng thì cũng là thời điểm kết thúc một ngày lao động mệt nhọc, hăng say.

+ "*Lưới xếp buồm lên*" là hai hình ảnh đối lập. "*Lưới xếp*" là kết thúc của ngày lao động. "*Buồm lên*" là đón chào một ngày mới. Cánh buồm giờ đây không phải vô tri vô giác mà trở nên sống động có hồn. Và ẩn chứa đằng sau cánh buồm ấy là sức sống tiềm tàng mãnh liệt đang trỗi dậy. Cánh buồm đang vươn lên để đón nắng hồng. **Nắng hồng** là nắng bình minh của một ngày mới, một ngày trong trẻo, tươi sáng. **Nắng hồng** còn là hình ảnh ẩn dụ đặc sắc. Đó là nắng của một ngày mới, một cuộc đời mới mà cách mạng đem lại cho chúng ta.

*** Đánh giá về nội dung nghệ thuật khổ 3 - khổ 6**

Như vậy, bằng sự kết hợp giữa bút pháp tả thực và bút pháp lãng mạn, các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, đoạn thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được đầy đủ và trọn vẹn một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ với sự giàu có hào phóng của thiên nhiên đồng thời khắc họa thành công hình tượng người lao động lớn lao, phi thường. Lời thơ còn cho ta nhận ra ở nhà thơ

Huy Cận là tình yêu với thiên nhiên, với đất nước và niềm vui, niềm tin yêu vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

*** Luận điểm 3: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong buổi bình minh**

h. Khổ 7:

Khổ thơ cuối của đoạn thơ tác giả miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong buổi bình minh khi ngày mới bắt đầu. Sau một đêm cật lực “Đoàn thuyền đánh cá” trở về bến với khoang thuyền đầy ắp cá của ngư dân trong tâm thế phấn khởi, lạc quan họ lại cất tiếng hát thắng lợi hân hoan:

*“Câu hát căng buồm cùng gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”*

Câu thơ được lặp lại như một điệp khúc của bài ca lao động. Nếu như ở khổ thơ đầu bài thơ câu hát có sức mạnh đẩy đoàn thuyền ra khơi nhanh hơn thể hiện niềm vui, sự phấn chấn thì ở đây câu hát là niềm vui với thành quả. Câu hát ấy thể hiện sự phấn khởi của người dân sau một đêm lao động hăng say. Câu hát ấy trở thành niềm vui thắng lợi chính câu hát đã tạo nên khí thế của con người rất hăng say sau một đêm vật lộn với sóng gió đại dương chứ không hề mệt mỏi. Đoàn thuyền là hình ảnh nghệ thuật được dùng để chỉ những người ngư dân. Họ như đang chạy đua cùng với mặt trời để mau chóng mang thành quả lao động, những con cá tươi ngon vừa đánh bắt vào bờ phục vụ cho phiên chợ sang. Khí thế của con thuyền thật mạnh mẽ khi chạy đua của mặt trời:

*“Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới”*

- Và ở khổ thơ này hình ảnh đoàn thuyền cũng một lần nữa được tác giả miêu tả thông qua một phép nhân hóa hết sức độc đáo: “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”

+ Phép nhân hóa đã làm cho đoàn thuyền như trở thành một sinh thể sống để chạy đua với thiên nhiên bằng tốc độ của vũ trụ, nâng tầm vóc của đoàn thuyền, con người sánh ngang với tầm vóc của thiên nhiên. Không chỉ thế, lời thơ ấy còn gợi tư thế hào hùng, khẩn trương để giành lấy thời gian để lao động. Và trong cuộc chạy đua này, con người đã chiến thắng.

+ Khi “mặt trời đội biển nhô màu mới” thì đoàn thuyền đã về đến bến. Bài thơ được kết thúc bằng một hình ảnh thơ rất đẹp: “Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”. Câu thơ kết bài vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa khiến người đọc liên tưởng tới một tương lai tươi sáng, huy hoàng. Ngày mới bắt đầu – thành quả lao động trải dài muôn dặm phơi – một cuộc đời mới đang sinh sôi, phát triển...

Hai câu thơ có cấu trúc song hành diễn tả nhịp sống rất khẩn trương. Hình ảnh “mặt trời đội biển nhô màu mới” có ý nghĩa một ngày mới lại bắt đầu và chuyển ra khơi đã kết thúc. Đoàn thuyền trở về trong khung cảnh thiên nhiên tươi

sáng rực rỡ. Khi bình minh lên “Mặt trời đội biển nhô màu mới” còn là hình ảnh ẩn dụ chỉ sự đổi thay, thế đi lên của đất nước với một tương lai tươi sáng. Nổi bật trên bức tranh cảnh đoàn thuyền đánh cá là hình ảnh “Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”. Đây là hình ảnh đẹp của bức tranh sơn màu lung linh, huyền ảo được tạo nên bởi sự liên tưởng bay bổng từ sự quan sát tinh tế của Huy Cận. Câu thơ đã vẽ lên cảnh được mùa cá và cuộc sống hạnh phúc ấm no của người dân miền biển: Bềnh lao động và mồ hôi của họ đã viết lên bài ca yêu đời kỳ diệu và lãng mạn làm sao, tâm hồn của những người dân trong bài thơ.

***Đánh giá:** Đoạn thơ có âm hưởng vừa khỏe khoắn, sôi động, vừa phơi phới, bay bổng. Lời thơ đồng điệu, điệu thơ như khúc hát say mê, hào hung, lạc quan. Cách gieo vần có nhiều biến hóa linh hoạt. Những hình ảnh thơ giàu vẻ đẹp lãng mạn được sáng tạo với bút pháp khoáng đạt sử dụng thành công thể thơ 7 chữ.

3. Kết bài

Bài thơ nói chung và đoạn thơ nói riêng đã cho thấy sự thống nhất giữa thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng về lao động của Huy Cận, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động. Bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. Từ đoạn thơ trên giúp ta hình dung được khí thế lao động đầy hào hứng, phấn chấn của người dân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

ĐỀ 2: PHÂN TÍCH KHỔ ĐẦU VÀ KHỔ CUỐI BÀI THƠ “ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ” CỦA HUY CẬN

1. Mở bài

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam với một hồn thơ dạt dào cảm hứng lãng mạn về thiên nhiên đất nước, con người trong thời đại mới. Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" được nhà thơ sáng tác vào năm 1958 khi miền Bắc bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 2 khổ thơ đầu và khổ thơ cuối của bài thơ. Bài thơ là khúc tráng ca ca ngợi lao động tập thể và người lao động trên biển nếu khổ thơ mở đầu là khúc hát ra khơi đầy hứng khởi thì khổ cuối là khúc ca khải hoàn trở về sau một đêm hăng say lao động và thắng lợi trở về của người lao động.

(Viết thơ ra)

2. Thân bài

a. Khái quát : Bài thơ “ĐTĐC” được sáng tác năm 1958 nhân một chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh của nhà thơ Huy Cận. Bằng bút pháp tả thực kết hợp bút pháp lãng mạn, các hình ảnh đẹp, tráng lệ, bài thơ đã giúp ta nhận ra sự hoà hợp giữa thiên nhiên và con người lao động đồng thời bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ về quê hương, đất nước. Khổ thơ đầu nói về chuyến hành trình đánh cá gian lao và vất vả trong không khí tươi vui của đất nước, hân hoan từng bừng cùng nhau thi đua với khung cảnh thiên nhiên đẹp đẽ thì khổ thơ cuối tác giả miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong bình minh với ghe thuyền đầy ắp

cá. Hai khổ thơ là hai cảnh đối lập nhau nhưng thiên nhiên và con người luôn hòa quyện vào nhau.

b. Khổ 1 - cảnh ra khơi

Khổ thơ đầu của bài thơ đã gây ấn tượng cho người đọc bởi chất thơ đầy lãng mạn với cảnh mặt trời xuống biển:

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa

Sóng đã cài then, đêm sập cửa”

Nếu chỉ căn cứ vào thực tế ta sẽ cảm thấy như vô lí bởi biển ở phía đông nước ta vốn không nhìn thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Như thế nhà thơ Huy Cận đặt điểm nhìn nghệ thuật trên con thuyền ra khơi từ biển nhìn về phía tây nhà thơ thấy mặt trời lặn xuống biển. Mặt trời xuống biển vào lúc hoàng hôn sắp tắt, như một khối lửa lớn đang chìm dần xuống biển xanh. Màn đêm dần buông xuống và vây kín bầu trời. Hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn với màn đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ còn những gợn sóng là cài then cửa. Tác giả đã so sánh mặt trời cuối ngày “như hòn lửa” khiến cho cảnh hoàng hôn trở nên tráng lệ, rực rỡ chứ không âm đạm, hiu hắt như nhiều nhà thơ khác miêu tả. Điểm thêm vào tiếng sóng dịu êm là màn đêm buông xuống qua hình ảnh nhân hóa “Sóng đã cài then đêm sập cửa”. Chính biện pháp tu từ nhân hóa và liên tưởng đã làm cho cảnh biển đêm trở nên gần gũi với con người. Con người đi trong biển đêm mà như đang đi chính trong ngôi nhà của mình. Điều đó cũng cho thấy con người ra khơi trong tư thế yên tâm, an toàn, tự chủ. Như vậy chỉ bằng hai câu thơ Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm, khiến cảnh biển đẹp vừa hùng vĩ tráng lệ nhưng lại rất gần gũi với con người khác hẳn với cảnh hoàng hôn trong thơ của Huy Cận trước cách mạng tháng 8 thường buồn và hiu hắt.

*** Hai Câu thơ sau:**

“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi”

Chuyển ý: Chính lúc thiên nhiên vũ trụ đi vào trạng thái nghỉ ngơi, thì cũng là lúc khởi đầu một chuyến ra khơi của Đoàn thuyền đánh cá: “Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi”

Câu thơ là cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi và tâm trạng náo nức của người lao động. Đoàn thuyền đánh cá vào lúc hoàng hôn, cảnh biển lúc hoàng hôn vô cùng rực rỡ, tráng lệ cảnh vừa rộng lớn của gần gũi với con người sau một liên tưởng thú vị:

Sự mâu thuẫn làm nổi bật tư thế của người lao động trước biển cả. Nhịp thơ nhanh mạnh như một quyết đoán dứt khoát. Không phải từng chiếc thuyền lẻ tẻ đi biển mà cả một đoàn thuyền, một sức mạnh mới của cuộc đời đổi thay. Chữ “lại” trong ý thơ “lại ra khơi” là một sự khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã

ổn định đi vào nề nếp. Ra khơi là một công việc diễn ra thường xuyên đều đặn một nhịp sống quen thuộc.

Cùng ra khơi trên những con thuyền là những người lao động. Họ mang theo câu hát khúc hát lên đường vang vọng: “ Câu hát căng buồm cùng gió khơi”. Câu hát là niềm vui, sự phấn chấn, niềm say sưa, hứng khởi của những người lao động lạc quan yêu nghề, yêu biển và say mê với những công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho tổ quốc. Câu hát của người lao động như có một sức mạnh vật chất cùng với ngọn gió làm căng buồm chuẩn bị cho con thuyền lướt sóng ra khơi. Tác giả đã tạo ra một hình ảnh khỏe lạ mà từ sự gắn kết ba sự vật, hiện tượng: Câu hát, căng buồm, gió khơi là ba chi tiết nghệ thuật mang tính tượng trưng diễn tả tinh thần hứng khởi, hăng say và khí thế ra khơi của người dân miền biển. Như vậy bức tranh cảnh trời đêm không hề yên tĩnh mà lại ngân vang câu hát của người lao động.

c. Khổ 7: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong cảnh bình minh:

Chuyển ý: Nếu như khổ thơ đầu là cảnh đoàn thuyền ra khơi lúc hoàng hôn trong khung cảnh thiên nhiên rực rỡ tráng lệ. Thì khổ thơ cuối là cảnh đoàn thuyền trở về trong cảnh bình minh với khoang thuyền đầy ắp cá.

Sau một đêm đánh cá vất vả đoàn thuyền lại trở về vào lúc bình minh:

"Câu hát căng buồm cùng gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời"

Câu thơ "câu hát căng buồm" với gió khơi, gần như nguyên vẹn câu thơ trong khổ đầu tiên. Đây là lần thứ ba tiếng hát vang lên. Tiếng hát biểu hiện cho niềm vui của những người đánh cá khi được hưởng thành quả rực rỡ sau một đêm lao động vất vả. Tiếng hát ấy vang lên hùng tráng khi đoàn thuyền đang rẽ sóng trở về. Nhà thơ nhân hóa "đoàn thuyền" đang "chạy đua cùng mặt trời, chạy đua cùng thời gian. Hai tiếng "chạy đua" cho ta thấy những người đàn chài mặc dù suốt đêm làm việc không mệt mỏi nhưng sức lực của họ vẫn dồi dào, khí thế của họ vẫn mạnh mẽ. Huy Cận đã nâng cao người lên tầm vóc vũ trụ rộng lớn. Con người thật xứng đáng với tầm vóc chủ nhân biển cả, vẫn muốn dành thời gian để lao động, để cống hiến.

"Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi".

Vẻ đẹp tráng lệ của bình minh trên biển được nhà thơ miêu tả sinh động qua biện pháp nhân hóa "mặt trời đội biển" gợi cảm giác thần thoại. Mặt trời có sức mạnh lớn lao, dường như nó đang đội biển mà lên và cái "màu biển" là màu hồng bình minh, là lời chào đón của thiên nhiên với những người lao động cần cù. Đặc biệt câu thơ cuối cùng gợi ra hình ảnh đoàn thuyền nối đuôi nhau trở về, chiếc nào trên khoang cũng đầy ắp cá. Ánh mặt trời chiếu vào mắt cá khiến cho mỗi mắt cá như một mặt trời nhỏ, lấp lánh. Hình ảnh "mắt cá huy hoàng" vừa là thành quả lao

động, vừa gợi ra niềm vui, niềm tự hào của những người lao động và cuộc sống mới đầy tốt đẹp đang mở ra trước mắt. Đó là một hình ảnh đầy sáng tạo và lãng mạn.

d. Đánh giá khổ 1 + khổ 7

Bài thơ có âm hưởng khỏe khoắn, hào hùng, sử dụng nhiều biện pháp tu từ đặc sắc. Bằng bút pháp lãng mạn và sức tưởng tượng phong phú, Huy Cận đã sáng tạo ra những hình ảnh đẹp bất ngờ, dào dạt chất thơ. Bút pháp thơ khoáng đạt, âm hưởng thơ vừa khỏe khoắn, sôi nổi lại vừa phơi phới bay bổng; lời thơ đồng điệu, điệu thơ như khúc hát say mê, hào hứng, cách gieo vần có nhiều biến hoá linh hoạt, vần trắc xen lẫn vần bằng; hình ảnh thơ giàu vẻ đẹp lãng mạn; nhiều biện pháp tu từ đặc sắc (so sánh, nhân hoá); kết cấu đầu cuối tương ứng (lặp lại hình ảnh "mặt trời/ gió khơi/ câu hát"). Cả hai khổ đều thể hiện vẻ đẹp của thiên nhiên biển và con người ở cả hai thời điểm: hoàng hôn và bình minh. Thiên nhiên luôn tươi sáng, kì vĩ, tráng lệ. Con người luôn căng tràn sức sống và niềm say mê lao động.

3. Kết bài

Hai khổ thơ đầu và cuối được đánh giá là hay và đặc sắc nhất trong bài thơ, có sự đối lập về thời gian và không gian và có thể coi là chu trình khép kín trong cuộc hành trình của ngư dân lao động trên biển. Niềm vui khí thế phấn khởi không chỉ của người dân

đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của những con người lao động mới trong thời kì đi lên xây dựng

BẾP LỬA

(Bằng Việt)

Đề: Phân tích bài thơ Bếp lửa – Bằng Việt

Dàn ý tham khảo

I. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

II. Thân bài

1. Khái quát chung

- Hoàn cảnh sáng tác
- Mạch cảm xúc

2. Phân tích

a. Khổ thơ đầu: Hình ảnh bếp lửa – nơi bắt đầu nỗi nhớ

* Dòng hồi tưởng bắt đầu từ hình ảnh thân thương, ấm áp về bếp lửa. Để rồi, từ hình ảnh bếp lửa ấy, dòng kỉ niệm về bà thức dậy và được tái hiện:

*“Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm”*

- Trước hết, đó là hình ảnh bếp lửa tả thực, nhỏ bé, gần gũi, quen thuộc trong mỗi gia đình tự bao giờ.
- Hình ảnh ẩn dụ “ấp iu nồng đượm”:

- + Gọi đến bàn tay cần mẫn, khéo léo, chính xác của người nhóm lửa.
- + Gọi tấm lòng chi chút của người nhóm lửa.
- Từ “bếp lửa” được điệp lại hai lần:
- + Gọi bóng dáng của người bà, người mẹ tần tảo, thức khuya dậy sớm chăm sóc cho chồng, cho con.
- + Diễn tả dòng cảm xúc dâng tràn ùa về kí ức
- Từ láy “chờn vờn”:
- + Miêu tả bếp lửa với ngọn lửa bốc cao, bập bùng, tỏa sáng, ẩn hiện giữa màn sương sớm
- + Bếp lửa ấy mờ tỏa, chờn vờn trong kí ức về những năm tháng tuổi thơ được sống bên bà của nhà thơ
- * Một cách tự nhiên, hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy dòng cảm xúc yêu thương mãnh liệt trong người cháu: *“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”*
- Bộc lộ sự thấu hiểu đến tận cùng của sự vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của đời bà
- Chữ “thương” dùng thật đắt qua vần thơ cảm thán, diễn tả cảm xúc đến rất tự nhiên và lan tỏa tâm hồn người cháu
- => Hình ảnh “bếp lửa” đã khơi dậy trong lòng người cháu bao cảm xúc để những dòng hồi tưởng, kí ức đó ùa về khiến người cháu không khỏi xúc động

b. Những kỉ niệm tuổi thơ bên bà và kỉ niệm với bếp lửa

b.1. Những kỉ niệm hồi lên 4 tuổi

- * Đó là kỉ niệm tuổi thơ với những năm tháng gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn:

*“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
 Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
 Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy”*

- Thành ngữ “đói mòn đói mỏi”:
- + Miêu tả một hiện thực đau thương trong lịch sử: Năm 1945, do chính sách cai trị hà khắc của phát xít Nhật và thực dân Pháp đã khiến hơn hai triệu đồng bào ta chết đói
- + Câu thơ trĩu xuống, khiến lòng người như nao nao, nghẹn ngào khi nghĩ về kí ức tuổi thơ ấy.
- Hình ảnh “Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy” phần nào diễn tả hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn của người cha phải bươn chải kiếm sống đủ nghề.
- Hình ảnh “đói mòn đói mỏi” và “khô rạc ngựa gầy” là những hình ảnh đậm chất hiện thực, đặc tả được sự xơ xác, tiều tụy của những con người trong cuộc mưu sinh.

Trong những năm đói khổ ấy, cháu cùng bà nhóm lửa:

*“Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
 Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”*

- Khói bếp của bà chẳng làm no lòng cháu nhưng đã lưu giữ một kỉ niệm sống mãi không nguôi: mùi khói đã hun nhèm mắt cháu để đến bây giờ nghĩ lại “sống mũi còn cay”.
- Tác giả nhắc đi nhắc lại từ: “mùi khói”, “khói hun” gợi một sự ám ảnh về một thời gian khó đã đi qua.

- Cảm giác cay cay vì khói bếp và cái cay cay bởi nỗi xúc động của người cháu như hòa quyện, quá khứ và hiện tại như đồng hiện trên từng dòng thơ.

=> Những hình ảnh, những kỉ niệm bên bà, bên bếp lửa đã cho thấy một tuổi thơ gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn và đầy ám ảnh của tác giả. Để rồi khi đã đi xa, ông không khỏi xúc động mỗi khi nghĩ về bà và những kỉ niệm bên bà.

b.2. Những kỉ niệm hồi lên tám tuổi:

* Đó là những năm tháng cháu sống trong sự cưu mang, dạy dỗ của bà: *“Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa”*

- Gọi khoảng thời gian tám năm ròng cháu được sự yêu thương, che chở, bao bọc của bà

- Tám năm ấy, cháu sống cùng bà vất vả, khó khăn nhưng đầy tình yêu thương.

- Bếp lửa hiện diện như tình bà ấm áp, như chỗ dựa tinh thần, như sự cưu mang đùm bọc đầy chi chút của bà

* Đó là những năm tháng hồn nhiên, trong sáng và vô tư qua hình ảnh tâm tình với chim tu hú:

*“Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Tu hú kêu bà còn nhớ không bà?
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!”*

- Tiếng chim tu hú – âm thanh quen thuộc của đồng quê mỗi độ hè về, để báo hiệu mùa lúa chín vàng đồng, vài chín đỏ cành.

- Tiếng chim tu hú như giục giã, như khắc khoải điều gì tha thiết lắm, khiến lòng người trôi dạt những hoài niệm nhớ mong. Tiếng tu hú gọi nhớ, gọi thương:

+ Về tám năm kháng chiến chống Pháp “mẹ cùng cha công tác bận không về” bà vừa là cha, vừa là mẹ.

+ Về những năm tháng tuổi thơ, về một thời cháu cùng bà nhóm lửa, được sống trong tình yêu thương, đùm bọc, cưu mang trọn vẹn của bà:

*“Cháu ở cùng bà, bà kể cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”*

Các động từ: “bảo, dạy, chăm” đã diễn tả sâu sắc tấm lòng bao la, sự chăm chút, nâng niu của bà đối với đứa cháu nhỏ. Các từ “bà” – “cháu” được điệp lại bốn lần, đan xen vào nhau như gọi tả tình bà cháu quấn quýt, yêu thương.

=> Bà vừa là bà, vừa là sự kết hợp cao quý giữa tình cha, nghĩa mẹ, ơn thầy.

* Tình yêu sự kính trọng bà của người cháu được thể hiện thật chân thành, sâu sắc qua câu thơ:

“Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”

- Hình ảnh con chim tu hú xuất hiện ở cuối khổ thơ với câu hỏi tu từ là một sự sáng tạo độc đáo của Bằng Việt nhằm diễn tả nỗi lòng da diết của mình khi nhớ về tuổi thơ, về bà:

*“Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”*

+ Gọi hình ảnh chú chim đang lạc lõng, bơ vơ, cô đơn ngao ngán được ấp ủ, che chở.

+ Đứa cháu được sống trong tình yêu thương, đùm bọc của bà đã chạnh lòng thương con tu hú. Và thương con tu hú bao nhiêu, tác giả lại biết ơn những ngày được bà yêu thương, chăm chút bấy nhiêu.

=> Trong khi hồi tưởng về quá khứ, người cháu luôn thể hiện nỗi nhớ thương vô hạn và lòng biết ơn bà sâu nặng

c. Những kỉ niệm thời bom đạn chiến tranh

Từ trong khói lửa của cuộc chiến tranh tàn khốc, người bà càng sáng lên nhiều phẩm chất đẹp:

*“Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh”*

- Hình ảnh “cháy tàn cháy rụi” gợi sự tàn phá, hủy diệt khủng khiếp của chiến tranh.

- Trước hiện thực khó khăn, ác liệt ấy, bà vẫn mạnh mẽ, kiên cường không kêu ca, phàn nàn. Điều đó được thể hiện qua lời dặn dò của bà đối với cháu:

*“Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:
Bố ở chiến khu, bố còn việc bố
Mày viết thư chớ kể này kể nọ
Cứ bảo ở nhà vẫn được bình yên!”*

+ Bà đã gồng mình, lặn lội gánh vác mọi lo toan để các con yên tâm công tác

+ Bà không chỉ là chỗ dựa vững chắc cho hậu phương mà còn là điểm tựa vững chắc cho tiền tuyến.

=> Bà đã góp phần làm ngời sáng vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam vốn giàu lòng vị tha, giàu đức hi sinh.

c. Những suy ngẫm về bà và bếp lửa

Từ những kỉ niệm tuổi thơ được sống bên bà, nhận được sự yêu thương, đùm bọc của bà bên bếp lửa quê hương, người cháu suy ngẫm về cuộc đời bà và bếp lửa.

c.1. Những suy ngẫm về bà và bếp lửa

Trong bài thơ, trên dưới mười lần tác giả nhắc đến bếp lửa và hiện diện cùng bếp lửa là hình ảnh người bà, với vẻ đẹp tần tảo, nhẫn nại và đầy yêu thương. Và đến đây, tác giả đã dành một khổ thơ để nói lên những suy ngẫm về bếp lửa:

*“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một bếp lửa lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...”*

- Hình ảnh bếp lửa ở dòng thơ đầu là hình ảnh tả thực về sự vật hữu hình, cụ thể, gần gũi và gắn liền với những gian khổ của đời bà.

- Từ hình ảnh “bếp lửa” hữu hình, tác giả đã liên tưởng đến “ngọn lửa” vô hình “lòng bà luôn ủ sẵn” với ý nghĩa trừu tượng và khái quát:

+ Bếp lửa bà nhóm lên không chỉ bằng những nguyên liệu bên ngoài mà còn bằng chính ngọn lửa trong lòng bà – ngọn lửa của tình yêu thương, niềm tin vô cùng “dai dẳng”, bền bỉ và bất diệt.

+ Ngọn lửa bền bỉ và bất diệt ngày ngày bà nhóm cũng chính là nhóm niềm vui, niềm tin, niềm yêu thương để nâng đỡ cháu trên suốt những chặng đường dài.

+ Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa – ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

=> Chính vì cảm nhận, thấu hiểu được trong hình ảnh bếp lửa bình dị mà thân thuộc kia một sự kì diệu và thiêng liêng, nhà thơ đã thốt lên: “Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!”

- Các động từ “nhen”, “ủ sẵn”, “chứa” đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà, cũng là của những người phụ nữ Việt Nam.

- Điệp ngữ - ẩn dụ “một ngọn lửa” cùng kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động, tự hào.

=> Thông qua những suy ngẫm về hình ảnh bếp lửa, tác giả đã khẳng định và ngợi ca vẻ đẹp tần tảo, nhẫn nại, đầy yêu thương của bà hiện lên lấp lánh như một thứ ánh sáng diệu kì.

c.2. Những suy ngẫm về bà và cuộc đời bà.

* Hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa, ngọn lửa. Bà là người nhóm lửa, cũng là người giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng và tỏa sáng. Để rồi mỗi khi nhớ lại, người cháu vô cùng cảm phục và biết ơn bà:

*“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm”*

- Cụm từ chỉ thời gian “đời bà”, “mấy chục năm” đi liền với từ láy tượng hình “lận đận” và hình ảnh ẩn dụ “nắng mưa” đã diễn tả một cách sâu sắc và trọn vẹn về cuộc đời đầy những lận đận, gian nan, vất vả của bà .

- Thời gian có thể trôi, mọi sự có thể biến đổi, song chỉ duy nhất một sự bất biến: Suốt cả một cuộc đời lận đận, vất vả, bà vẫn “giữ thói quen dậy sớm” để làm công việc nhóm lửa, nhóm lên niềm tin, tình yêu thương cho cháu

=> Tình thương yêu tác giả dành cho bà được thể hiện trong từng câu chữ. Tình cảm ấy giản dị, chân thành mà sâu nặng thiết tha

* Bà không chỉ nhóm lửa bằng đôi tay khăng khiu, gầy guộc, mà còn bằng tất cả tấm lòng đôn hậu “ấp iu nồng đượm” đối với cháu:

*“Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”*

- Điệp từ “nhóm” được nhắc lại bốn lần, đan kết với những chi tiết tả thực mang đến nhiều ý nghĩa và liên tưởng khác nhau:

+ “Nhóm bếp lửa”, “nhóm nồi xôi gạo” là hình ảnh tả thực công việc của bà

+ “Nhóm niềm yêu thương”, “nhóm dậy cả những tâm tình” là hình ảnh ẩn dụ về công việc thiêng liêng và cao quý nhất của con người. Bà đã khơi dậy trong tâm hồn cháu và những người xung quanh niềm yêu thương, sự chia sẻ.

=> Có thể nói, cảm xúc của nhà thơ như dâng trào khi suy ngẫm về bà và bếp lửa. Khổ thơ như một sự tổng kết để ngợi ca, khẳng định về bà : Bà là người phụ nữ tần tảo, giàu đức hi sinh, luôn chăm lo cho mọi người.

d. Nhớ bà và bếp lửa

* Nỗi nhớ bà và bếp lửa gợi lên một thực tại, người cháu năm xưa đã lớn khôn, trưởng thành, đã được chắp cánh bay xa, được làm quen với những chân trời rộng lớn:

*“Giờ cháu đã đi xa, có ngọn khói trăm tàu,
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả,
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:
Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”*

- Dòng thơ đầu được ngắt thành hai câu để gợi sự chảy trôi của thời gian (từ 4 tuổi, 8 tuổi đến trưởng thành); gợi sự biến đổi của không gian (từ căn bếp của bà đến những khoảng chân trời rộng lớn)
- Điệp từ “trăm” mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ.
- Điệp từ “có” kết hợp với thủ pháp liệt kê:
- + Cho thấy người cháu đã có những thay đổi lớn trong cuộc đời, đã tìm được bao niềm vui mới.

+ Khẳng định đứa cháu không thể quên được ngọn lửa của bà, tấm lòng đùm bọc, ấp iu của bà. Ngọn lửa ấy đã thành kỉ niệm ấm lòng, thành niềm tin thiêng liêng, kì diệu nâng bước người cháu trên suốt chặng đường dài.

=> Khổ thơ chứa đựng đạo lí thủy chung, cao đẹp bao đời của người Việt: “uống nước nhớ nguồn”. Đạo lí ấy được nuôi dưỡng ở mỗi tâm hồn con người từ thuở ấu thơ, để rồi như chắp cánh để mỗi người bay cao, bay xa trên hành trình cuộc đời.

3. Đánh giá nghệ thuật: bài thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả tự sự và bình luận. Thành công của bài thơ còn ở sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi một kỷ niệm, **cảm xúc, suy nghĩ về bà và tình bà cháu.**

III. Kết bài :

- Khái quát lại vấn đề nghị luận
- Cảm xúc của bản thân.

Đề 1: Cảm nhận về người bà trong bài thơ « Bếp lửa » của Bằng Việt

1. Mở bài

Từ xưa đến nay hình tượng người phụ nữ Việt Nam đã đi vào rất nhiều tác phẩm thơ ca và không thể không kể đến bài thơ « Bếp Lửa » của Bằng Việt. Bài thơ « bếp lửa » đã xây dựng hình tượng người bà đó là sự kết tinh của những vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam :tần tảo, lam lũ, giàu đức hi sinh, tinh thần chịu đựng và yêu thương con cháu vô bờ bến.

2.Thân bài

***Khái quát:** Bài thơ « Bếp lửa » được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang là sinh viên ngành luật tại Liên Xô cũ. Bên này nỗi nhớ thương bà, bên kia là đứa cháu hiếu thảo tình nghĩa. Nỗi nhớ gợi về kỉ niệm. Trong muôn vàn kỷ niệm thì có lẽ nhớ thương nhất là hình ảnh người bà và bếp lửa mà bà nhóm nên mỗi buổi sớm mai. Theo dòng hoài niệm những mảnh kí ức cứ hiện về, ta thấy hình ảnh một bếp lửa đang cháy và dáng bà đang lặng lẽ ngồi bên. Hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa.

1. Trong ánh lửa chập chờn ta thấy hình ảnh bà hiện lên trong dáng vẻ lam lũ, cuộc sống đói nghèo, đất nước có chiến tranh.

« Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa »

« Nắng mưa » là hình ảnh ẩn dụ chỉ những gian nan, vất vả của cuộc đời bà, đây gian truân, vất vả nhiều lận đận trải qua nhiều « nắng mưa » tưởng như không bao giờ dứt. Cuộc đời bà còn gắn với những thăng trầm của lịch sử. Đó là nạn đói năm 1945 khiến hàng vạn người chết đói.

« Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi

Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy »

Thành ngữ « đói mòn, đói mỏi » cho thấy cái đói kéo dài kiệt sức.

2. Bà con là người yêu thương con cháu vô bờ bến, có ý thức trách nhiệm với vận mệnh đất nước. Khi đất nước có chiến tranh bà lặng lẽ thay con nuôi cháu hai con nuôi cháu, để con bà phục vụ kháng chiến. Trong suốt 8 năm ròng bà đã vượt lên khó khăn, gian khổ sưởi ấm lòng cháu bằng ngọn lửa của tình yêu thương.

« Tám năm ròng cháu cũng ba nhóm lửa

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học »

Các từ ngữ : « bà dạy, bà bảo, bà chăm » đã diễn ra một cách thấm thía, sâu sắc tấm lòng của bà tình yêu thương của bà bao la, sự chăm chút của bà với một đứa cháu nhỏ. Các từ « bà, cháu » được lặp đi lặp lại gợi tả tình bà cháu quấn quýt thiêng liêng và là chỗ dựa vững chắc cho cháu. Ở bà có sự kết hợp cao quý giữa công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy. Chính vì thế mà cháu nhớ về bà với tấm lòng thành kính.

3. Sống trong cuộc sống đói nghèo, trong hoàn cảnh đất nước khó khăn, thiếu thốn, trong cảnh đất nước có chiến tranh, có mối lo giặc tàn phá xóm làng.

« Năm giặc đốt làng chạy tàn, cháy rụi »

Nhưng bà vẫn vượt qua với một nghị lực bền vững. Lời dặn của bà với cháu non nao, chân thực và cảm động:

« Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh

Bố ở chiến khu, bố còn việc bố

Bố mày có viết thư chớ kể này, kể nọ

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên »

Bà dặn cháu đừng kể khó khăn, thiếu thốn hai bà cháu, xóm làng, quê hương đã phải chịu đựng để bố yên tâm công tác. Từ láy « đinh ninh » càng làm sáng tỏ nghị lực của bà. Bà vẫn vững lòng trước mọi khó khăn, thử thách làm tròn nghĩa vụ của người hậu phương để người ở tiền tuyến yên tâm công tác. Lời dặn dò trực tiếp của bà với cháu không chỉ giúp ta hình dung rõ ràng giọng nói, tình cảm, suy nghĩ của bà mà lời dặn dò còn sáng lên những phẩm chất của người phụ nữ Việt

Nam : bình tĩnh, tự tin, âm thầm chịu đựng giàu đức hi sinh và luôn vững tin trong những ngày gian khổ nhất.

Ở bài thơ « Bếp lửa » hình ảnh người bà còn nổi bật với tấm lòng yêu thương mệnh mông. Bà là người phụ nữ mang vẻ đẹp của tình đoàn kết xóm làng. Bà đã tạo được tình cảm tốt đẹp với những người xung quanh. Bà đã « Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui », tạo tình làng nghĩa xóm. Và chính những người hàng xóm, láng giềng là những người giúp đỡ bà khi có những biến cố xảy ra.

Cao hơn nữa ở bà có tình yêu đất nước sâu sắc. Vì muốn các con yên tâm công tác, làm tròn nhiệm vụ với đất nước, bà đã dặn cháu không được kể những khó khăn mà hai bà cháu ở nhà phải trải qua.

4. Không những vậy bà còn là người tần tảo, chịu thương, chịu khó, giàu đức hi sinh, chăm lo cho mọi người của bà được tác giả thể hiện một cách chi tiết và tiêu biểu:

*« Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm »*

Thời gian trôi đi mấy chục năm rồi hình ảnh bà vẫn không có gì thay đổi. « Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm » vẫn chịu thương, chịu khó, cần mẫn, dẻo dai, dịu dàng và khéo léo trong công việc nhóm lửa bếp lửa. Bếp lửa bà nhóm lên mỗi sớm mai là nhóm lên những yêu thương, niềm vui sưởi ấm san sẻ.

*« Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung đôi
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ. »*

Bà đã nhóm lên, khơi dậy niềm yêu thương những kỷ ức đẹp đẽ trong cuộc đời « nhóm niềm yêu thương », bà đã truyền hơi ấm tình người, khơi hơi dậy trong tâm hồn cháu tình yêu thương ruột thịt, tình cảm sẻ chia, tình đoàn kết xóm làng và rộng ra hơn nữa là tình yêu quê hương đất nước. « nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui ». Và cũng chính từ công việc nhóm lửa bà đã không sợ những kỉ niệm ấu thơ trong cháu để cháu luôn nhớ về nó và cũng có nghĩa là nhớ về cội nguồn, về dân tộc mình « Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ ». Bếp lửa không chỉ được bà nhen lên bằng nhiên liệu ở bên ngoài, mà còn nhen lên từ ngọn lửa trong lòng bà bằng ngọn lửa của sự sống, tình yêu thương và niềm tin.

*« Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng »*

Ngọn lửa đã tỏa sáng chân dung người bà, là biểu tượng của sự sống bất diệt như thế bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn truyền lửa, ngọn lửa của sự sống niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

***Đánh giá:** Hình ảnh người bà hiện lên trong bài thơ « Bếp lửa » qua thơ tám chữ : sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng cảm xúc thông qua sự hồi tưởng kết hợp giữa tả tự sự và bình luận.

3. Kết bài

Bài thơ « Bếp lửa » đã hiện lên hình ảnh người bà – Người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh, giàu tình yêu thương. Hình ảnh người bà đã sinh thành, nhen nhóm, duy trì sự sống. Bà đã nuôi cháu khôn lớn giữa muôn vàn khó khăn, đã cho con đi chiến đấu vì đất nước, vì dân đã âm thầm vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn của cuộc sống chiến tranh với một niềm tin và hi vọng. Bà là biểu tượng cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Chính những người như bà đã làm nên cuộc sống tươi đẹp hơn cho quê hương, đất nước.

Đề 6 : Cảm nhận của em về hình ảnh người bà trong bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt (*)

A. Mở bài:

Trong mỗi mái ấm gia đình, trong nỗi nhớ da diết của tuổi ấu thơ. Hình ảnh người bà luôn là hình ảnh đẹp nhất, lưu lại dấu ấn sâu đậm nhất trong trái tim mỗi con người. Chính trong những năm tháng khó khăn, gian khổ ấy, chúng ta sẽ nhận ra được những giá trị tinh thần vô cùng thiêng liêng và đáng quý. Những giá trị ấy, những kỉ niệm ấy sẽ tạo nên sức mạnh nâng đỡ bước chân ta trong suốt cuộc đời dài. Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt đã soi sáng chân lí giản đơn ấy. Hình ảnh “bếp lửa” đã khơi nguồn hồi tưởng của tác giả những năm tháng sống bên bà, cùng bà nhóm lên ngọn lửa nồng ấm của tuổi thơ, để người đọc biết bao thế hệ cùng rung cảm với một bản trường ca về tình bà cháu. Đọc bài thơ ấy, người đọc không khỏi ấn tượng với hình ảnh người bà- một người phụ nữ tảo tần, chịu khó, giàu tình yêu thương và giàu đức hi sinh.

B. Thân bài

1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ

Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây – Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

2. Hình ảnh người bà

***LĐ1: Là người chịu thương chịu khó, tảo tần hi sinh**

- Tuy giờ đây được sống trong điều kiện vật chất đầy đủ với tiện nghi hiện đại, nhưng mỗi lần nhớ về bếp lửa, cháu lại nhớ về bà - người bà với cuộc đời biết bao vất vả, lam lũ.

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

- Cụm từ "*biết mấy nắng mưa*" diễn tả vòng tuần hoàn khép kín của thời gian. Tình cảm mà cháu giành cho bà vượt qua thời gian, qua năm tháng. Hình ảnh "*nắng mưa*" là ẩn dụ đặc sắc cho cuộc đời lận đận lắm đắng cay, cơ cực của bà.
- Kỉ ức còn đưa nhà thơ trở về với nạn đói rùng rợn năm 1945. Cái đói chỉ là cái cớ để tác giả gợi nhớ về một tuổi thơ nhiều đắng cay cơ cực, thiếu thốn về vật chất nhưng không thiếu thốn nghĩa tình. Vượt lên trên gian khổ, thiếu thốn, vượt lên trên cái "*đói mòn đói mỏi*", với sự chịu thương chịu khó, tần tảo lam lũ, bà đã cùng mọi người vượt qua những năm tháng cơ cực ấy.
- Sự tần tảo và đức hy sinh chăm lo cho người của bà được tác giả thể hiện trong một chi tiết rất tiêu biểu

*“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa
 Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
 Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
 Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
 Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
 Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
 Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”.*

+ Cuộc đời bà là một cuộc đời đầy gian truân, vất vả, nhiều lận đận, trải qua nhiều nắng mưa tưởng như không bao giờ dứt. Hình ảnh của bà cũng là hình ảnh của bao người phụ nữ Việt Nam giàu đức hy sinh dù gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương.

*** LĐ 2: Bà là người phụ nữ nông thôn thuần hậu nhưng có bản lĩnh vững vàng, là chỗ dựa tinh thần cho con cháu.**

- Tuy chỉ là một người phụ nữ nông thôn thuần phác, thật thà nhưng ẩn đằng sau đó là sự kiên cường, bản lĩnh vững vàng, là sức sống mãnh liệt, dẻo dai. Bà đã giúp mọi người trong gia đình vượt qua nạn đói 1945 để đến bây giờ mỗi khi nghĩ lại cháu vẫn thấy "*sống mãi còn cay*". Nhớ về bà, cháu nhớ về những năm mà thực dân Pháp chiếm đóng. Hiện thực đau thương như được tái hiện lên qua từng câu chữ:

*Năm giặc đốt nhà cháy tàn cháy rụi
 Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
 Đỡ dấn bà đứng lại túp lều tranh*

- Trong gian khổ khó khăn, bà vẫn không gục ngã. Bà vẫn "*vững lòng*" dặn cháu:
*Mày có viết thư chớ kể này kể nọ
 Cứ bảo ở nhà vẫn được bình yên*

- Qua lời bà dặn cháu ta thấy được tâm hồn thật đẹp. Bà là người **lo lắng, yêu thương con cháu, nhân hậu và giàu đức hi sinh**. Bà muốn con được yên tâm công tác nên đã một mình vượt qua tất cả những khó khăn nơi quê nhà.

- Như vậy ta thấy rằng, dầu chiến tranh tàn phá, đau khổ chồng chất cũng không thể thay đổi ý chí, niềm tin của bà. Bà là **hiện thân đầy đủ nhất, sinh động nhất** cho hậu phương lớn. Bà chính là **điểm tựa, chỗ dựa tinh thần** cho con cháu:

*Rồi sớm chiều bếp lửa bà nhen
 Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn
 Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng*

- Chính bà đã nhóm lên ngọn lửa - ngọn lửa của tình yêu thương, niềm tin bất diệt. Bởi đó là ngọn lửa - trái tim, tình cảm và tâm hồn bà. Bà đã truyền cho cháu nghị lực, niềm tin một cách tự nhiên như người truyền lửa cho thế hệ sau. Một ngọn lửa thối bùng lên mơ ước, khát vọng về ngày mới thanh bình.

*** LĐ3: Bà là người yêu thương, chăm sóc và dạy cháu lên người. Bà đã nhóm lên trong cháu tình yêu thương, mơ ước và khát vọng về tương lai**

- Trong những năm đói khổ tuổi thơ của tác giả vẫn luôn tươi sáng bởi bên nhà thơ luôn có bà. Nhà thơ luôn nhận được tình yêu thương, sự chăm sóc của bà. Đó là thời gian:

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học*

- Bố mẹ đi công tác, cháu sống trong sự yêu thương, đùm bọc, chăm sóc của bà. Bà đã thay con nuôi cháu khôn lớn trưởng thành..

- Cấu trúc song hành góp phần khẳng định vai trò của bà với cuộc đời cháu. Đồng thời còn nói lên tình yêu thương vô bờ mà bà đã dành cho đứa cháu bé bỏng. Không chỉ chăm sóc, nuôi nấng, dạy dỗ cháu khôn lớn trưởng thành mà bà còn là người nâng đỡ, chắp cánh ước mơ cho cháu. Nếu cơm gạo của bà nuôi lớn cháu về thể xác thì tình yêu thương của bà nuôi lớn cháu về tinh thần, về ý chí, nghị lực niềm tin. Để rồi, mỗi khi nhớ về bà, cháu lại nhớ về hình ảnh:

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

- Cũng chính bàn tay bà đã nhóm lên bếp lửa với khoai sắn ngọt bùi, với nồi xôi gạo mới làm ấm lòng cháu những ngày đông tháng giá. Và cũng chính là bà đã thối bùng lên trong cháu ngọn lửa của tình yêu thương, khát vọng và ước mơ. Bà đã trở thành người bạn lớn, chia sẻ tâm tình. Cháu khôn lớn và trưởng thành như ngày hôm nay phần lớn là nhờ công lao chăm sóc, dạy dỗ của bà. Hình ảnh bà và bếp lửa đã trở thành kí ức thiêng liêng nâng đỡ cháu trên suốt chặng đường đời.

3.Đánh giá

- “Bếp lửa” là bài thơ cảm động viết về tình bà cháu. Qua lời thơ dung dị của BV ta thấy hiện hiện hình ảnh một người bà thật đẹp – người bà Việt Nam.

- Phải là người yêu bà sâu sắc và mãnh liệt mới có thể tạo nên những dòng thơ chân thành, chứa chan tình cảm dành cho bà đến như vậy.

C. Kết bài

- Đánh giá chung về bài thơ

- Bài thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

ÁNH TRĂNG - NGUYỄN DUY

Đề 1: Phân tích bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy

Dàn ý tham khảo

I. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

II. Thân bài

1. Khái quát chung

- Hoàn cảnh sáng tác

- **Mạch cảm xúc:** Bài thơ là một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ tới hiện tại, gắn các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Theo dòng tự sự ấy, mạch cảm xúc đi từ quá khứ tới hiện tại và lắng kết trong cái giạt mình ở cuối bài thơ

2. Phân tích

a. Vầng trăng trong quá khứ.

* Trong hai khổ thơ đầu, tác giả gọi lại những kỉ niệm đẹp, tình cảm gắn bó giữa con người và vầng trăng trong quá khứ:

*“Hồi nhỏ sống với rừng
Với sông rồi với bể
Hồi chiến tranh ở rừng
Vầng trăng thành tri kỉ*

*Trần trụi với thiên nhiên
Hồn nhiên như cây cỏ
Ngỡ không bao giờ quên
Cái vầng trăng tình nghĩa”*

- Những câu thơ ngắn với giọng tâm tình, thủ thỉ (hồi nhỏ, hồi chiến tranh) cộng với biện pháp tu từ liệt kê (đồng, sông, bể) đã gọi lại một tuổi thơ sống gắn bó, gần gũi với thiên nhiên

- Điệp từ “với” được lặp lại ba lần để nhấn mạnh sự gắn bó, thân thiết giữa con người với thiên nhiên.

- Hình ảnh “Hồi chiến tranh ở rừng”:

+ Gọi liên tưởng đến sự trưởng thành của nhân vật trữ tình, từ cậu bé thiếu niên nay đã vác súng ra chiến trường.

+ Gọi về những năm tháng gian khổ, ác liệt của chiến tranh.

- Nghệ thuật nhân hóa “Vầng trăng thành tri kỉ”:

+ Gọi liên tưởng đến những năm tháng hành quân hay phiên gác giữa rừng, có vầng trăng chiếu rọi.

+ Trăng như trở thành người bạn thân thiết, tri âm, tri kỉ, luôn đồng cam cộng khổ để chia sẻ những vui buồn đời lính.

- Hình ảnh so sánh, ẩn dụ: “Trần trụi với thiên nhiên”, “hồn nhiên như cây cỏ”:

+ Gọi về đẹp bình dị, vô tư, trong sáng của vầng trăng.

+ Đó cũng là cốt cách, vẻ đẹp hoang sơ, mộc mạc trong tâm hồn của người lính

=> Trăng hiện diện như hình ảnh của quá khứ, là hiện thân của kí ức chan hòa tình nghĩa. Bởi sự gắn bó tình nghĩa ấy, nhân vật trữ tình đã tự tâm nguyện “sẽ không bao giờ quên”.

- Từ “ngỡ” như báo hiệu sự chuyển biến trong câu chuyện cũng như trong tình cảm của con người.

=> Trong quá khứ, dẫu hoàn cảnh đầy khó khăn, khắc nghiệt, trăng vẫn đồng hành trên mọi bước đường và trở thành người bạn tri kỉ để chia sẻ mọi niềm vui, nỗi buồn. Vầng trăng đã trở thành biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình thủy chung.

b. Vầng trăng trong hiện tại.

- Song, trước sự xoay vần của thời gian, sự biến đổi của hoàn cảnh đã khiến cho mọi thứ trở nên thay đổi:

*“Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường”*

+ Tác giả đã tạo ra sự đối lập trong hoàn cảnh sống của con người giữa hiện tại và quá khứ: Từ những nhà tranh, vách nửa chôn rùng sâu, nước độc, nay trở về trong những tòa nhà khang trang, hiện đại của thành phố.

+ “quen ánh điện cửa gương” là cách nói hoán dụ để tô đậm cuộc sống đầy đủ tiện nghi, khép kín trong căn phòng hiện đại, xa rời thiên nhiên.

+ Hình ảnh nhân hóa, so sánh: “vầng trăng đi qua ngõ/ như người dưng qua đường” diễn tả sự thay đổi trong tình cảm của con người: Vầng trăng thì vẫn còn đây, thủy chung tình, nghĩa nhưng con người thì hững hờ, thờ ơ không nhận ra

=> Câu thơ mang một ý nghĩa khái quát: Khi hoàn cảnh sống thay đổi thì con người ta có thể phản bội lại chính mình, dễ dàng lãng quên đi những gian khổ, nhọc nhằn của một thời đã qua. Song, cái sự quên ấy cũng là lẽ thường tình bởi những lo toan thường nhật từ cuộc sống

- Tác giả đặt con người vào một tình huống bất ngờ:

*“Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn”*

+ Hai từ “thình lình”, “đột ngột” và cách đảo trật tự cú pháp đã góp phần diễn tả thật chính xác, ấn tượng về một sự việc đột ngột, bất thường “đèn điện tắt... tối om”

+ Ba động từ mạnh “vội, bật, tung” đã diễn tả hành động khẩn trương, vội vàng của nhân vật trữ tình.

+ Hình ảnh “vầng trăng tròn” đột ngột xuất hiện chiếu rọi vào căn phòng tối om đã tạo nên một sự đối lập: giữa ánh sáng và bóng tối. Chính khoảnh khắc bất ngờ ấy đã tạo nên bước ngoặt trong mạch cảm xúc và sự “bừng tỉnh” trong nhận thức của nhân vật trữ tình: vầng trăng kia vẫn tròn, “đồng, bể, rùng” kia đâu có mất, tất cả vẫn đồng hành cùng con người, chỉ có điều con người có nhận ra hay không.

=> Đây là khổ thơ quan trọng trong cấu tứ toàn bài, là sự chuyển biến có ý nghĩa bước ngoặt trong mạch cảm xúc, góp phần bộc lộ tư tưởng và mở ra những suy ngẫm của nhà thơ.

c. Cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật trữ tình

* Từ tình huống bất ngờ, đã mở ra những dòng cảm xúc mãnh liệt của nhân vật trữ tình:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng”*

- Tư thế “ngửa mặt lên nhìn mặt” là tư thế tập trung chú ý, mặt đối mặt

- Từ “mặt” ở cuối câu thơ là từ nhiều nghĩa, tạo nên sự đa dạng cho ý câu thơ

- + Khuôn mặt đó là khuôn mặt của tri kỉ mà nhân vật trữ tình đã bị lãng quên.
- + Mặt đối mặt đó còn là quá khứ đối diện với hiện tại, tình nghĩa thủy chung đối diện với vô tình lãng quên.
- Cuộc đối thoại không lời trong khoảnh khắc, phút chốc ấy đã khiến cho cảm xúc dâng trào. Cụm từ “rưng rưng” đã diễn tả nỗi xúc động đến nghẹn ngào, thổn thức trong cảm xúc của nhân vật trữ tình
- Giọt nước mắt như khiến con người ta trở nên thân thiết hơn, trong sáng hơn để rửa trôi đi những ý nghĩ, lo toan thường nhật để kỉ niệm ùa về:

“như là đồng là bể

Như là sông là rừng”

- Cấu trúc song hành (như là... là), cộng với biện pháp tu từ so sánh (như), điệp ngữ (như là, là) và liệt kê (đồng, bể, sông, rừng) diễn tả những dòng kí ức về một thời gắn bó, chan hòa với thiên nhiên bỗng từ từ ùa về.
- Khổ thơ cuối những suy ngẫm và triết lí sâu sắc của nhà thơ:

“Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình”

- Hình ảnh “trăng cứ tròn vành vạnh”:
- + Diễn tả vầng trăng tròn đầy, tỏa sáng giữa thiên nhiên bao la
- + Bên cạnh đó, còn tượng trưng cho vẻ đẹp của quá khứ nghĩa tình, vẫn tròn đầy, tròn vẹn mặc cho con người thay đổi, vô tình.
- Nghệ thuật nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc” gợi đến một cái nhìn nghiêm khắc song cũng đầy bao dung độ lượng. Sự im lặng ấy khiến chi nhân vật trữ tình “giật mình” thức tỉnh.
- Từ “giật mình” chính là một sự sáng tạo của Nguyễn Duy trong ý thơ:
- + Giật mình là cảm giác tâm lí của một người biết suy nghĩ chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, nông nổi trong cách sống của mình.
- + Giật mình là để nhớ lại quá khứ, để ăn năn tự trách, tự thấy cần phải thay đổi cách sống
- + Giật mình cũng là để tự nhắc nhở bản thân phải trân trọng những gì đã qua để làm bước đệm cho ngày hôm nay
- => Bài thơ “ánh trăng”, mà đặc biệt là ở khổ thơ cuối đã dồn nén biết bao tâm sự, suy ngẫm, triết lí sâu sắc. Qua đó, nhà thơ muốn gửi gắm đến mọi người lời nhắc nhở về đạo lí sống, về đạo lí “uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung.

3. Đánh giá nghệ thuật

- Giọng điệu tâm tình, tự nhiên, kết hợp với yếu tố trữ tình, tự sự khiến bài thơ như một lời tự bạch chân thành, sâu sắc.
- Hình ảnh giàu tính biểu cảm và biểu tượng.

III. Kết bài

- Khái quát lại vấn đề nghị luận
- Cảm xúc của bản thân

ĐỀ 2: Cảm nhận của em về những khổ thơ sau: (*)

*« Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với biển
hồi chiến tranh ở rừng
vàng trắng thành tri kỷ*

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa »*

A. Mở bài:

Có những tác phẩm đọc xong gấp sách lại là ta quên ngay cho đến khi xem lại mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi, nhưng cũng có những tác phẩm như dòng chảy qua tâm hồn ta để lại trong ta những ấn tượng trầm khắc trogn tâm khảm. Và “Ánh trăng” của Nguyễn Duy cũng là một tác phẩm như thế. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 2 khổ thơ đầu.

B. Thân bài

1. Khái quát về tác phẩm

Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy được sang tác năm 1978 – 3 năm sau ngày đất nước giành được độc lập. Khi đó nhà thơ đang sống và làm việc ở thành phố Hồ Chí Minh - nơi đô thị của cuộc sống tiện nghi hiện đại, nơi nhiều người lính trở về sau khi kết thúc những năm tháng chiến tranh gian khổ nhưng đầy ý nghĩa. Bài thơ là một lời nhắc nhở của tác giả với người đọc về đạo lí sống “Uống nước nhớ nguồn”, về lẽ sống thủy chung tình nghĩa.

2. Cảm nhận đoạn thơ

Mở đầu bài thơ là dòng hồi tưởng của nhân vật trữ tình về tuổi thơ, về quãng thời gian chiến đấu giải phóng đất nước, giành lại độc lập tự do:

*“Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vàng trắng thành tri kỉ”*

Lời thơ được bắt đầu bằng hai tiếng “hồi nhỏ”. “Hồi nhỏ” là biểu thị thời gian trong quá khứ. Trong khoảng thời gian ấy con người đã có những phút giây sống chan hòa với thiên nhiên. Các hình ảnh lớn dần “đồng, sông, bể” mang nhiều ý nghĩa đặc biệt khác nhau, nhưng có một điểm chung là đều mang nét hồn nhiên trong trẻo của thời trẻ con vô tư. Cánh đồng lúa, hay cỏ hoa, lúc nào cũng ngập tràn nắng gió, ngập tràn những tâm tư dịu dàng, ngập tràn cái thanh bình, hạnh phúc. “Sông” dạt dào chảy, nước sông trong vắt “soi tóc những hàng tre”, soi bóng cả cái tâm hồn ngây thơ, dong đầy biết bao ước mơ trẻ nhỏ. “Bể” hiền hậu nhưng cũng vô cùng dữ dội, mang theo bao con sóng vỗ bờ, mang theo bao hoài bão của tuổi hồng mộng mơ. Và “đồng, sông, bể” đã gắn bó với nhân vật trữ tình, một cách thấm thiết, như người bạn thuở ấu thơ thân thương gần gũi. Điệp từ “với”

được lặp lại ba lần càng tô đậm thêm sự kết nối con người với những tươi đẹp tuổi thơ, với vầng trăng dung dị của quá khứ.

-Bức tranh không gian về thiên nhiên đậm thắm ấy đã kéo theo sự vận động của thời gian, mang vầng trăng tròn đầy thời ấu thơ đi qua quãng đời chiến đấu của người lính:

*“Hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỷ”*

+ Biện pháp nhân hóa đã được sử dụng để biến trăng thành “tri kỷ”, thành người bạn chí cốt lúc nào cũng hiểu hết về nhau. Hành quân giữa đêm, trên những nẻo đường chông gai ra mặt trận, những phiên gác giữa rừng khuya lạnh lẽo, những tối nằm yên giấc dưới màn trời đen đặc, người lính đều có vầng trăng bên cạnh. Trăng ở bên, bầu bạn, cùng cảm nhận cái giá buốt nơi “Rừng hoang sương muối” cùng trải qua bao gian khổ của cuộc sống chiến đấu, cùng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ; cùng hân hoan trong niềm vui thắng trận, cung xao xuyến, bốn chồn, khắc khoải mỗi khi người lính nhớ nhà, nhớ quê. Vầng trăng vẫn tròn đầy dù trải qua bao mưa bom bão đạn, vẫn sáng trong dù đã trải qua thời gian khó khăn nhất, tối tăm nhất:

*“Trần trụi với thiên nhiên
Hồn nhiên như cây cỏ”*

Vầng trăng ngày ấy mới đẹp làm sao! Phép liên tưởng đầy tính nghệ thuật “trần trụi với thiên nhiên” cho ta thấy rõ hơn vẻ đôn hậu hiền hòa của ánh trăng. Đó cũng chính là hình ảnh con người lúc bấy giờ: không giả tạo, giả dối, không lọc lừa nhỏ nhen, không có những toan tính thiệt hơn, những đố kỵ ghen ghét. Trong sáng vô tư như tuổi thơ, chân thành và thật thà như nhiệt huyết sục sôi của người lính trẻ cách so sánh trăng với vẻ hồn nhiên như cây cỏ của nhà thơ Nguyễn Duy đã đem lại cho ta ấn tượng đó về ánh trăng quá khứ. “Cây cỏ” những sự vật tưởng chừng vô tri giác nhưng lại mang một hàm ý lớn lao: cây cỏ tạo ra đường khí giúp ích cho đời, sống cuộc sống hồn nhiên, không chen lấn giành giật với đời, không nghi kỵ xảo trá mà tự nhiên, chan hòa với mọi người mọi vật. Vầng trăng của ngày ấy thật tự nhiên, không giấu, không che đậy, gần gũi hoang sơ như dáng vóc mộc mạc của người lính, tỏa sáng vắng vạc, đẹp đến nỗi nhân vật trữ tình – người lính đã phải nói rằng:

*“Ngỡ không bao giờ quên
Cái vầng trăng tình nghĩa”*

+ Từ “ngỡ” ở đây không dừng lại làm ta hình dung rõ cái mằm mống, cái dự báo của sự lãng quên. Lãng quên cái vầng trăng tròn ắp đầy tình nghĩa, hoang sơ mộc mạc như cây cỏ, chân chất đôn hậu như người chiến sĩ đã trải lòng mình ra với thiên nhiên.

+ Đoạn thơ cũng diễn tả một cách rõ nét những nỗi đau trong lòng con người: Lúc nào cũng nghĩ là mình sẽ nhớ, cũng khẳng khẳng sẽ khắc sâu vào tâm tưởng nhưng rồi tự bao giờ, ta đã không thể cùng ánh trăng tình nghĩa kia đi trọn kiếp người được nữa. Bởi vì nó đã bị ta bỏ lại đằng sau, cùng với những kỉ niệm đáng nhớ của một thời xưa cũ ấy_ ta đã quên. Ý thơ lay động tâm hồn, thức tỉnh lương tâm những kẻ vô tình, gợi nhắc về cái “vầng trăng tình nghĩa”, về biểu tượng đẹp của một thời quá khứ hào hùng.

3. Đánh giá: NT+ ND

Như vậy, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh, nhân hóa và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ đầu của bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng trong quá khứ. Trong quá khứ, trăng không chỉ là thiên nhiên hồn hậu, trữ tình mà còn là người bạn của tuổi thơ, là tri kỉ của người lính trong những năm tháng chiến tranh gian khổ. Vầng trăng ấy đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời của nhân vật trữ tình mà chính anh cũng nghĩ rằng không bao giờ quên được. Mỗi vần thơ của Nguyễn Duy được cất lên, ta lại cảm nhận được sự trân trọng của ông dành cho thiên nhiên nghĩa tình, cho quá khứ vẹn nguyên đẹp đẽ. Tình cảm cao đẹp ấy thật đáng trân trọng.

C. Kết bài

- Đánh giá chung về đoạn thơ
- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

LÀNG

(Kim Lân)

ĐỀ SỐ 1: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ÔNG HAI QUA TRUYỆN NGẮN “LÀNG” - KIM LÂN

I. Mở bài

Cách 1: Kim Lân là nhà văn tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là truyện ngắn « Làng ». Truyện viết về hình ảnh người nông dân trong thời kì đổi mới - Đó là ông Hai một người có tình yêu với làng quê tha thiết gắn bó, hòa quyện thống nhất trong tình yêu đất nước vô cùng sâu nặng. Tình cảm thiêng liêng ấy được thể hiện xuyên suốt tác phẩm.

Cách 2: Đề tài người nông dân đã trở thành mảnh đất màu mỡ để các nhà văn ươm trồng lên biết bao kiệt tác. Trước CMT8 Ngô Tất Tố đã đem đến cho người đọc một chị Dậu với sức sống mãnh liệt của người nông dân bị áp bức, Nam Cao đem đến một lão Hạc một người giàu lòng tự trọng và lòng thương con vô bờ bến. Sau CM Kim Lân nhà văn của nông dân đã đem đến cho người đọc hình ảnh người nông dân trong thời kì đổi mới, đó là nhân vật ông Hai trong truyện ngắn « Làng ». Truyện kể về ông Hai một người nông dân có tình yêu với làng quê tha thiết gắn bó, hòa quyện thống nhất trong tình yêu đất

nước vô cùng sâu nặng. Tình cảm thiêng liêng ấy được thể hiện xuyên suốt tác phẩm

Cách 3: Tình yêu làng luôn là tình cảm gắn bó thiêng liêng trong tâm hồn mỗi người dân Việt Nam, song ở mỗi thời kì lịch sử tình cảm đó lại mang vẻ đẹp lấp lánh ánh sáng thời đại. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến người nông dân Việt Nam không chỉ yêu làng, mà còn yêu kháng chiến, yêu cách mạng. Điều này được khắc họa rõ nét qua truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân. Đọc truyện ngắn “*Làng*” của nhà văn Kim Lân, người đọc vô cùng ấn tượng về nhân vật ông Hai. Đó là một người nông dân có tình cảm yêu làng, yêu nước, đáng quý, đáng trân trọng

II. Thân bài

1. Khái quát

Truyện ngắn “*Làng*” được viết vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống quân Pháp xâm lược. Câu chuyện xoay quanh nhân vật chính là ông Hai - một người rất tự hào và yêu mến làng Chợ Dầu của mình. Do chiến tranh nên gia đình ông phải tản cư nhưng ông luôn mong ngóng tin tức về làng. Hình ảnh ông Hai đau khổ khi nghe tin làng theo giặc được miêu tả rất độc đáo. Cuối truyện, ông Hai vui mừng khi nghe tin cải chính rằng làng mình không theo giặc dù cho nhà ông bị đốt trong đám cháy ấy. Ở nhân vật này, ông Hai thể hiện nhận thức của mình, hơn cả là nhận thức chung của giai cấp nông dân trong cuộc chiến tranh vệ quốc. Từ tình yêu làng da diết, nhân vật đã nâng lên thành tinh thần yêu nước mạnh mẽ, hi sinh tài sản riêng để giữ vững lòng trung với Tổ Quốc.

2. Cảm nhận nhân vật ông Hai

a. Hoàn cảnh của nhân vật

- Ông Hai là một Lão nông quê ở làng Chợ Dầu.
- Ông lão yêu làng nên hay khoe về làng Chợ Dầu của mình. Nếu trước cách mạng ông hay khoe với sự giàu có trù phú của làng. Thì sau cách mạng ông lão luôn yêu và tự hào về phong trào kháng chiến của làng ông.
- Theo lệnh của ủy ban kháng chiến, gia đình ông phải đi tản cư. Ban đầu ông nhất định không đi cùng anh em dân quân tự vệ đánh Pháp, nhưng về sau ông tự nhủ tản cư âu cũng là kháng chiến.

=> Nhận xét: Từ hoàn cảnh của nhân vật ông Hai, nhà văn giúp người đọc nhận ra được nét phẩm chất đáng quý trong tâm hồn của lão nông chất phác. Tình yêu làng hòa quyện với tình yêu đất nước, kháng chiến đây cũng là sự thay đổi lớn trong tư tưởng và nhận thức của người nông dân trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Vẻ đẹp của nhân vật ông Hai được thể hiện chân thực và cảm động qua tác phẩm.

a. Trước khi nghe tin làng theo giặc, ở nơi tản cư, ông Hai luôn nhớ làng da diết, muốn về làng, muốn tham gia kháng chiến.

* *Chuyển ý*: Trước hết ông Hai hiện lên là một người yêu nước, yêu làng, luôn tự hào về quê hương - nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

+ Trước Cách mạng tháng Tám: Khi nhắc đến làng là ông Hai tự hào về cái “sinh phần” của viên tổng đốc làng ông, nó nguy nga, đồ sộ. Không những thế, ông còn khoe và hãnh diện với mọi người về: “con đường làng trải toàn là đá xanh. Trời mưa, trời gió bão, bùn đi không dính gót. Trong làng, nhà ngói san sát như trên tỉnh”.

+ Sau cách mạng tháng Tám: Khi khoe làng, ông còn nhắc đến những ngày “cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá...”. Điều đó cho thấy rõ ràng trong ông Hai đã có sự thay đổi về nhận thức. Trước đây ông chỉ chú ý đến cái hào nhoáng, bóng bẩy bên ngoài thì giờ đây ông trân trọng những kỉ niệm khi cùng mọi người xây dựng cho làng. Từ hình ảnh khoe làng giàu và đẹp, ông đã thay đổi nhận thức của mình. Làng vẫn giàu và đẹp đó nhưng giờ đây làng rất yêu nước, rất “tinh thần”.

- Ngoài ra, tình yêu ấy còn thể hiện khi gia đình ông xa làng đi tản cư. Ông nhớ: “Ôi nhớ làng, nhớ cái làng quá”. Điều đó không lạ bởi “làng” là nơi thân thương gắn bó, là nơi chôn nhau cắt rốn gắn với những kỉ niệm sâu sắc của người nông dân. Sự gắn bó ấy làm sống dậy tâm hồn của những sự vật tưởng gần như vô tri vô giác.

* *Liên hệ - mở rộng*: Nhà thơ Chế Lan Viên từng viết:

“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn.”

(Chế Lan Viên)

- Điều khiến người đọc trân trọng và cảm phục đó chính là lòng yêu nước nồng nàn. Mặc dù rất muốn cùng anh em ở lại giữ ngôi làng thân thuộc nhưng vì chính sách của cụ Hồ, ông Hai đành phải làm theo và tự nhủ “tản cư cũng là kháng chiến”. Có thể thấy, ông Hai và những người có suy nghĩ như ông đều tin rằng bản thân mình tuân theo điều lệnh cũng chỉ để phục vụ cho việc kháng chiến diễn ra suôn sẻ. Ấy là một cách nghĩ đơn giản nhưng có lí, có tình.

- Ở nơi xa quê hương, hình ảnh một ông lão đứng ngóng chờ nghe tin tức kháng chiến thật dễ mến. Mỗi khi có tin báo thắng lợi từ đài phát thanh “ruột gan ông như múa cả lên”, lúc ấy, ông Hai rất vui và hòa cùng tiếng reo với mọi người. Tình yêu làng của ông Hai cũng là tình yêu của biết bao nhiêu con người Việt Nam trong kháng chiến. Chính tình yêu ấy là động lực thôi thúc họ giữ đất, giữ làng, giữ nét văn hóa cổ truyền của dân tộc.

b. Tình yêu làng yêu nước của nhân vật ông Hai khi nghe tin làng theo giặc.

* *Chuyển ý*: Tình yêu làng quê hòa quyện với tình yêu đất nước của ông Hai được nhà văn khắc họa chân thực và cảm động qua một tình huống gây căng, và kịch tính đó là tình huống ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo Tây.

- Nghe tin sét đánh ấy, ông Hai bàng hoàng: “cổ ông nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được. Một lúc sau ông mới rặn ề ề,

nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi”. Từ đỉnh cao của niềm vui, niềm tin ông Hai rơi xuống vực thẳm của sự đau đớn, tủi hổ vì cái tin ấy quá bất ngờ. - Cái tin ấy được những người tản cư đã kể rành rọt quá, lại khẳng định họ *“chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại”* làm ông không thể không tin. Sự đau đớn thể hiện rõ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của ông lão.

=> Không đau đớn và bàng hoàng sao được vì sâu thẳm trong con tim ông làng Chợ Dầu là làng anh hùng, làng của kháng chiến và cách mạng. Thế mà giờ đây, tất cả niềm tin, hi vọng, niềm tự hào đã hoàn toàn sụp đổ trong ông.

- Vì vậy mà **trên đường về nhà** *“ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi”*, ông xấu hổ không dám nhìn ai, ông tự vấn lương tâm của chính mình. Rồi ông thoáng nghĩ đến mẹ chủ nhà. Còn gì chua chát, đau đớn hơn khi giọng nói của người đàn bà cho con bú vắng vọng theo: *“Cha mẹ tiên sư chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn tha. Còn cái giống Việt gian bán nước chỉ cho mỗi đứa một nhát.”* => Tình yêu làng bị sụp đổ, tình cảm của ông bị tổn thương. Và chỉ có tình yêu sâu nặng với quê hương của mình, con người ta mới thấy nỗi đau đớn ấy mà ông Hai là một ví dụ điển hình. Còn gì đớn đau hơn khi lòng tự tôn của mình lại bị một sự thật bề bàng làm cho sụp đổ. Còn gì đớn đau bằng cái nỗi đau về nơi mình luôn tự hào lại là nơi mình phải hổ thẹn?

- Sự uất ức đến căm giận theo đuổi ông mãi **khi về tận nhà**. *“Về đến nhà ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác nên bọn nó len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau”*. Lúc ấy, *“nước mắt ông lão cứ giàn ra”*, ông rít lên những tiếng kêu đau đớn, nhục nhã. Đồng cảm với nhân vật ấy, người đọc như cảm nhận sự đau đớn, hổ thẹn và uất ức theo từng cử chỉ, từng hành động của ông. Có lẽ đây là đoạn miêu tả nội tâm độc đáo nhất, thành công nhất của nhà văn. *“Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?”*.

- Nghệ thuật độc thoại nội tâm diễn tả cụ thể những câu hỏi giằng xé trong đầu ông Hai. Nếu không yêu làng đến thế thì ông không đau đớn, tủi nhục đến vậy. Ông căm thù những kẻ theo Tây, phản bội làng, ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: *“Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”*. Niềm tin, nỗi ngờ vực giằng xé trong ông. *“Ông kiểm điểm lại từng người trong óc”*, thấy họ đều có tinh thần cả *“có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy”*. Ông đau xót nghĩ đến cảnh *“người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước”*.

=> Tác giả đã để cho nhân vật trải qua từng cung bậc tâm lí, đẩy lên cao trào rồi bật ngược như vỡ òa ở phần sau. Ngẫm kĩ, ta thấy đối với người nông dân chất phác, chân lấm, tay bùn thì cái tin làng theo giặc quả thật là cú sốc to lớn, là điều đau đớn và nặng nề mà họ phải chịu đựng.

- Từ đau đớn, nhục nhã, ông Hai trở nên gắt gỏng với vợ con. Rồi tâm trạng ông Hai chuyển dần sang **lo lắng, sợ hãi**: “*Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng ... Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam – nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít.*”. Nỗi ám ảnh, day dứt nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông. Ông cảm thấy như mình mang nỗi nhục của tên bán nước Việt gian theo Tây. **Từ chỗ một con người sống cởi mở, niềm nở, ông trở thành người khép nép, lo lắng.**

- Tình thế của ông càng trở nên bế tắc, tuyệt vọng khi **bà chủ nhà có ý đuổi gia đình** ông với lý do không chứa người của làng Việt gian. Ông đau khổ không phải vì bị đuổi đi mà đau khổ vì lý do bị đuổi. Có lúc ông lại nghĩ đến việc về lại làng nhưng lại nghĩ: “*Về làm gì cái làng ấy nữa, chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ.*”, là cam chịu quay trở lại làm nô lệ cho thằng Tây. Tình yêu làng lúc này đã lớn rộng thành tình yêu nước bởi dầu tình yêu, niềm tin và tự hào về làng Dầu có bị lung lay nhưng niềm tin về Cụ Hồ và cuộc kháng chiến không hề phai nhạt. Đó là cả một nhận thức lớn trong tâm hồn của người nông dân. Với một người chỉ qua lớp bình dân học vụ, chỉ biết vài con chữ nhưng mỗi sáng vẫn đọc to từng chữ trên báo, vẫn hòa cùng mọi người bàn tán về tình hình, ta thấy tinh thần ấy thật đáng quý.

- Thật khó để ông đi đến lựa chọn: “*Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù*”. Câu nói ấy thể hiện tấm lòng son sắc của ông dành cho quê hương, đất nước, qua đó ông đưa ra quyết định, thà không quay về làng cho thấy sự kiên quyết trong cách nghĩ, cách sống của ông Hai. Niềm mơ ước lớn lao nhất của ông chính là được quay về làng thăm lại anh em, đồng chí. Vậy mà giờ đây, ông không những buộc phải bỏ làng mà còn thù làng. Chắc chắn, để đi đến quyết định này, nhân vật cũng khổ tâm và đau đớn hơn cả. Dù đã xác định thế nhưng ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm của mình đối với quê hương. Bởi thế mà ông càng xót xa, đau đớn. **Người nông dân trong văn của Kim Lân là như thế, yêu ghét rõ ràng, rạch ròi.**

- Trong tâm trạng bị dồn nén và bế tắc ấy, để vợ bớt nỗi đau đớn, dẫn vật trong lòng và yên tâm về quyết định của mình, ông chỉ biết trò chuyện với cu Húc, đứa con út, giúp ông bày tỏ tình yêu sâu nặng với làng Chợ Dầu, bày tỏ tấm lòng thủy chung son sắt với kháng chiến, với Cụ Hồ (chết thì chết có bao giờ dám đơn sai). Đó là một cuộc trò chuyện đầy xúc động. Nỗi nhớ quê, yêu quê, nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương theo giặc cứ chông chênh đan xen trong lòng ông lão. Nhưng trong ông vẫn cháy lên một niềm tin tưởng sắt đá, tin tưởng vào Cụ Hồ, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của dân tộc. Niềm tin ấy đã phần nào giúp ông có thêm nghị lực để vượt qua khó khăn này. Dường như ông Hai đang nói chuyện với chính

mình, đang giải bày với lòng mình và cũng như đang tự nhắc nhở: hãy luôn “*Ứng hộ cụ Hồ Chí Minh*”. Tình quê và lòng yêu nước thật sâu nặng và thiêng liêng.

c. Khi cái tin kia được cải chính, gánh nặng tâm lí tủi nhục được trút bỏ, ông Hai tốt cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu.

* *Chuyển ý*: Tình yêu làng, yêu nước lại một lần nữa được thể hiện rõ nét trong đoạn cuối của tác phẩm, khi đúng lúc ông Hai có được quyết định khó khăn nhất thì cái tin làng Chợ Dầu phản bội đã được cải chính.

- Sự đau khổ của ông Hai trong những ngày qua nhiều bao nhiêu thì niềm phấn khởi và hạnh phúc của ông lúc này càng lớn bấy nhiêu. Miệng ông “*bô bô*” từ đầu ngỗ, chạy hết nơi này đến nơi khác khoe với mọi người về cái tin làng ông bị đốt, nhà ông bị đốt rằng “*Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ, đốt nhẵn! Toàn là sai sự mục đích cả. Láo. Láo hết*”. Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí “*Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước*” của người nông dân lao động bình thường. Mất hết cả cơ nghiệp mà ông không hề buồn tiếc, thậm chí còn rất sung sướng, hạnh phúc. Phải chăng, niềm hạnh phúc to lớn hơn đằng sau ấy là một tấm lòng yêu nước trong sạch, kiên định theo chính sách của cụ Hồ? Đây chính là chi tiết khiến người đọc bồi ngùi, trân trọng hơn tình yêu của ông Hai dành cho làng, cho kháng chiến và cho tổ quốc Việt Nam yêu dấu.

* *Liên hệ mở rộng*: Quả đúng như nhà văn Ra-xun Gam-za-tốp đã từng nói “*Người ta chỉ có thể tách con người ra khỏi quê hương, chứ không thể tách quê hương ra khỏi con người*” có nghĩa là con người có thể rời xa quê hương về mặt khoảng không vũ trụ, địa lý nhưng trong sâu thẳm trái tim, tâm hồn mỗi người, quê hương vẫn luôn tồn tại.

3. Đánh giá khái quát

Truyện ngắn “*Làng*” đã rất thành công khi miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật ông Hai từ một tình huống có tính bất ngờ, căng thẳng, thử thách. Nội tâm nhân vật được miêu tả cụ thể gợi cảm và gây ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh day dứt. Ngôi kể mang đậm sắc thái nông thôn, góp phần khắc hoạ tính cách điển hình của nhân vật. Có được thành công này vì Kim Lân Không chỉ là một cây bút truyện ngắn vững vàng, đặc sắc mà còn rất am hiểu gắn bó với người nông dân ở nông thôn Việt Nam. Từ diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai, nhà văn ca ngợi tình cảm yêu làng yêu nước bền chặt sâu sắc trong ngày đầu kháng chiến. Nhân vật ông Hai trở thành nhân vật điển hình của người nông dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

III. Kết bài

Nhân vật ông Hai là nhân vật tiêu biểu, điển hình về người nông dân trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, người nông dân yêu làng, yêu nước, có niềm tin tuyệt đối vào cách mạng. Qua nhân vật ông Hai, ta thấy được nhận thức của người nông dân về cuộc kháng chiến. Thấy được nghệ thuật miêu tả

nhân vật tài tình của nhà văn Kim Lân cũng như tình cảm gắn bó, quý trọng người nông dân của nhà văn. Đọc truyện, ta càng thêm khâm phục và yêu thương biết bao tình yêu nước và sự hy sinh cao cả của những thế hệ đi trước và từ đó tự rút ra bài học quý giá cho bản thân: hãy biết yêu thương nơi mình sinh ra và lớn lên, hãy biết trân trọng và luôn tin tưởng về một tương lai tươi sáng.

LẶNG LẼ SA PA

(Nguyễn Thành Long)

ĐỀ 1: PHÂN TÍCH TRUYỆN NGẮN “ LẶNG LẼ SA PA” - NGUYỄN THÀNH LONG (dạy)

I. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập.

II. Thân bài

1. Khái quát chung

- **Hoàn cảnh sáng tác:** Truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” được Nguyễn Thành Long sáng tác năm 1970 trong một chuyến đi thực tế ở Lào Cai. Được in trong tập “ Giữa trong xanh” (1972). Tác phẩm tiêu biểu cho phong cách sáng tác của NTL. Đặc biệt nhân vật anh thanh niên là nhân vật chính của tác phẩm để lại cho nhiều ấn tượng sâu sắc về một con người có phẩm chất tốt đẹp. Tình yêu nghề tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, luôn lạc quan yêu đời, biết sắp xếp cuộc sống một cách khoa học, hợp lý, sống chân thành cởi mở và khiêm tốn.

- **Tóm tắt truyện:** Chuyến xe chở hành khách lên Lai Châu trèo lên núi. Trên chuyến xe có 3 vị khách đặc biệt, Bác lái xe, ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ mới ra trường trò chuyện với nhau về Sa Pa, về hội họa, về hạnh phúc, tình yêu. Chiếc xe dừng lại để lấy nước và cho hành khách nghỉ ngơi. Bác lái xe giới thiệu với ông họa sĩ và cô gái về một người cô độc nhất thế gian. Đó là anh thanh niên 27 tuổi, làm công tác vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Anh mời hai người lên nhà chơi, sau đấy họ nói chuyện với nhau khoảng 30 phút. Anh kể chuyện mình sống và làm việc tại đây. Anh rất yêu và gắn bó với công việc của mình. Anh còn thích đọc sách, trồng cây thuốc, trồng hoa, nuôi gà. Nơi anh ở ngăn nắp, gọn gàng. Nói chuyện với anh, ông họa sĩ đã vẽ anh. Nhưng anh đã giới thiệu với ông họa sĩ về ông kĩ sư dưới vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét - những người cũng giống như anh, say mê làm việc, cống hiến tuổi trẻ, trí tuệ, hạnh phúc cá nhân cho đất nước. Cô kĩ sư sau khi nói chuyện với anh TN nhận thấy bàng hoàng mỗi tình đầu nhạt nhẽo của mình từ bỏ là đúng đắn và yên tâm với quyết định nhận công tác miền núi. Sau 30 phút nói chuyện, đến giờ ốp, anh TN phải chia tay mọi người trong sự bịn rịn và quyến luyến. Anh không quên tặng hai người một làn trứng, tặng cô gái một bó hoa thật đẹp.

III. Phân tích

1. Tình huống truyện và hệ thống nhân vật

- Tình huống truyện khá đơn giản, đó chỉ là một cuộc gặp gỡ tình cờ giữa anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn với bác lái xe và hai hành khách

2. Bức tranh thiên nhiên của Sa Pa

- Thiên nhiên Sa Pa hiện lên êm đềm, lãng mạn và thật sống động: “Nắng bất ngờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây . Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tút trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên những vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe...”

+ Sử dụng biện pháp liệt kê để phô bày tất cả những nét riêng, đặc và độc đáo của thiên nhiên Sa Pa. Vẻ đẹp ấy làm say đắm lòng người và như mời gọi con người hãy đến vùng đất này để khám phá, thưởng thức.

+ Sử dụng biện pháp nhân hóa qua hình ảnh “nắng...đốt cháy rừng cây”, “nắng mạ bạc cả con đèo” gợi không gian như bừng sáng, khiến cảnh vật thêm lung linh, rực rỡ.

- Nghệ thuật nhân hóa “nắng...cháy rừng cây”, “mây bị nắng xua” khiến cho cảnh vật sống động như mang được linh hồn của thiên nhiên Sa Pa.

- Tác giả đã khắc họa được một bức tranh tráng lệ, rực rỡ, thơ mộng với những đường nét, hình khối, màu sắc đặc trưng của thiên nhiên Sa Pa. Và đó còn là cái nền để Nguyễn Thành Long tô đậm, khắc sâu vẻ đẹp của con người.

3. Con người SaPa

a. Nhân vật anh thanh niên

a1: Hoàn cảnh sống:

- Anh thanh niên là nhân vật chính của tác phẩm, nhưng anh xuất hiện không nhiều chỉ qua lời giới thiệu của bác lái xe và hiện ra trong cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ, ngắn ngủi với ông họa sĩ và cô kĩ sư nhưng cũng đủ để nhân vật anh thanh niên tỏa sáng.

- Đó là một chàng trai 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo.

- Công việc chính của anh là: đo nắng, đo mưa, đo gió, tính mây, đo chấn động mặt đất.

=> Góp phần dự báo thời tiết, phục vụ lao động sản xuất và chiến đấu.

- Gian khổ nhất là làm việc lúc 1h sáng, dù mưa gió tuyết lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài làm việc.

=> Quả thực điều kiện sống và làm việc đó của anh thanh niên là vô cùng gian khổ và khắc nghiệt, là một thử thách lớn đối với tuổi trẻ vốn thích tự do, bay nhảy, phóng khoáng. Nhưng chính hoàn cảnh sống khắc nghiệt ấy lại có thể để anh tỏa sáng nhiều phẩm chất.

Luận điểm 1: Trước hết ta thấy ở anh thanh niên là một người yêu đời, yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

+ Yêu nghề

- Một người yêu nghề, dám chấp nhận hy sinh:
- Anh thanh niên còn rất trẻ mới 27 tuổi vậy mà anh lại xung phong lên nhận công tác ở nơi xa xôi hẻo lánh, 4 năm qua anh chỉ sống và làm việc có một mình, và làm công việc hết sức đơn điệu, buồn tẻ. Chỉ nghĩ đến sự cô đơn thôi đã làm ta chán nản và muốn buông bỏ. Anh chấp nhận sống và làm việc trong một hoàn cảnh, môi trường đặc biệt: Trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo.
- Vậy mà anh lại suy nghĩ về công việc của mình vô cùng tích cực. Anh chia sẻ với ông họa sĩ : “Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?.. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn chết mất”. Anh coi công việc như người bạn của mình, anh tìm thấy niềm vui trong mỗi việc làm. Chính vì tình yêu với công việc nên anh không cảm thấy cô đơn.
- Anh tìm thấy những ý nghĩa trong công việc: “báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu”.
- + Tự hào và hạnh phúc bởi anh không chỉ giúp ích cho lao động mà cả trong chiến đấu: Phát hiện một đám mây khô giúp không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Anh cảm thấy vô cùng hạnh phúc khi được cống hiến công sức nhỏ bé của mình cho đất nước, với anh thanh niên hạnh phúc là được làm việc, được cống hiến.
- + **Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc:**
- Đó là ý thức tự giác tận tụy trong công việc: Làm việc một mình trên đỉnh núi cao, không có ai giám sát song anh vẫn luôn tự giác, tận tụy: Mỗi ngày đều có 4 lần đi “ốp” để báo về nhà, không ngần ngại những đêm mưa tuyết, anh tâm sự: “ Gian khổ nhất là vào lúc 1h sáng. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn không đủ sáng. Xách đèn ra ngoài gió tuyết và lạnh im ở bên ngoài như chực đợi mình ra là ào ào xô tới”.
- => Với thời tiết khắc nghiệt như vậy chỉ cần một chút ngần ngại anh sẽ tặc lưỡi rồi ngủ tiếp nhưng anh vẫn hoàn thành công việc của mình mặc cho giá rét, tuyết rơi mặc cho cái im lặng thật dễ sợ “ Nó như bị chặt ra từng khúc, giống như chổi lớn quét đi tất cả ... những lúc lạnh cóng mà hừng hực như cháy. Xong việc trở vào không thể nào ngủ được”. Sự quyết tâm đã chiến thắng nỗi sợ yêu nghề và tinh thần trách nhiệm giúp anh hoàn thành tốt công việc của mình. Anh hiểu công việc của mình là mấu chốt quan trọng trong công việc chung của đất nước.
- Tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, đúng giờ giấc và chính xác đến từng phút: Anh đếm từng phút trong cuộc gặp gỡ vì sợ hết ba mươi phút.
- Anh luôn hoàn thành xuất sắc công việc của mình
- Anh thanh niên là hiện thân cho những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước thêm giàu đẹp.
- => Có thể nói tình yêu nghề, trách nhiệm cao trong công việc và sự nhiệt tình cống hiến của anh chính là biểu hiện cho tình yêu tổ quốc.
- Luận điểm 2: Không chỉ là một người biết đến công việc, ở anh thanh niên còn có tinh thần lạc quan và yêu tha thiết cuộc sống, biết sắp xếp cuộc sống một cách nề nếp khoa học.**
- + **Anh biết tạo ra niềm vui trong cuộc sống:**

Một mình sống trên đỉnh núi quanh năm chỉ làm bạn với cây cỏ và sương mù lạnh lẽo gần như không có ai đến thăm, vậy mà anh không để ngôi nhà của mình trở lên bừa bộn, anh đã tạo ra không gian sống cho mình thật lí tưởng. bằng việc trồng đủ các loài hoa rực rỡ để làm đẹp cho ngôi nhà mình ở. Khi đến thăm vườn hoa của anh trồng ông họa sĩ và cô kĩ sư bất ngờ “ Đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia bỗng nhiên lại gặp hoa đơn, hoa thược dược, vàng tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong...” vườn hoa ấy chính là bằng chứng sinh động của anh về tâm hồn yêu cuộc sống của anh.

- Không chỉ biết trồng hoa, chăm chút vườn hoa, làm đẹp cho ngôi nhà của mình mà anh còn biết nuôi gà để cải thiện cuộc sống, vừa để tạo ra niềm vui cho mình, làn trứng anh biểu bác họa sĩ, bó hoa tặng cô kĩ sư chính là những thành quả tự tay anh chăm sóc vun trồng.

- Luôn tự trau dồi bản thân bằng cách đọc qua sách, để nâng cao hiểu biết và chất lượng cuộc sống.

- **Không chỉ sắp xếp, tổ chức công việc một cách khoa học, mà ngay trong cuộc sống anh cũng thật gọn gàng, ngăn nắp:** Ngôi nhà anh ở được ông họa sĩ khắc họa bằng một vài đường nét “ Một căn nhà ba gian sạch sẽ với bàn ghế, sổ sách, bản đồ thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời riêng của anh được thu gọn lại một góc trái gian với một chiếc giường con, một chiếc bàn học, một cái giá sách” khiến ông họa sĩ phải trầm trồ và bất ngờ. Chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ ta hình dung về ngôi nhà của anh. Nó tuy nhỏ bé đơn sơ, giản dị nhưng lại vô cùng gọn gàng, ngăn nắp, khoa học. => Đặt địa vị bản thân mỗi chúng ta vào địa vị anh thanh niên vậy thử hỏi mấy ai làm được như anh?

- Sống ở một nơi hẻo lánh hầu như không có người đến thăm vậy mà anh vẫn chủ động sắp xếp công việc của mình một cách khoa học, bởi anh luôn có lối sống đẹp và trân trọng cái đẹp.

- Sống một mình nhưng anh không cảm thấy cô đơn vì bên cạnh công việc anh còn có niềm đam mê đọc sách để trau dồi cho bản thân. Anh coi sách là người bạn tâm tình, chiếu sáng tâm hồn anh cũng như giúp anh kết nối với thế giới để chống chọi lại sự cô đơn đang bủa vây quanh anh.

- Chính vì vậy mà bác lái xe mua hộ sách “anh mừng quýnh” vì anh coi sách là món anh tinh thần không thể thiếu .

=> Có thể nói chính niềm lạc quan, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp, đam mê đọc sách là động lực giúp anh vượt qua khó khăn thử thách, hoàn thành tốt công việc.

Luận điểm 3: Ở anh thanh niên ta còn bắt gặp một phẩm chất đáng quý đó là sự cởi mở, chân thành, hiếu khách luôn quý trọng tình cảm của mọi người.

- Sống một mình trên đỉnh cao nên anh được bác lái xe gọi là “ Người cô độc nhất thế gian” và mắc bệnh “ Thèm người”. Vậy nên anh luôn khao khát được trò chuyện với mọi người bằng cách lấy khúc gỗ chặn ngang đường để chặn xe lại: “ Đang đi thế này chợt thấy một khúc thân cây chặn ngang đường phải hãm lại một anh thanh niên từ từ chạy đến giúp đỡ” Thì ra anh thèm người quá nên anh thanh niên kiếm cớ để dừng xe lại nhìn và nói chuyện một lát, cái hành động ấy của anh đáng yêu và thật đáng thông cảm biết bao.

- Anh còn biết quan tâm chu đáo đến những người tình cờ gặp gỡ và sẵn sàng chia sẻ yêu thương, biết vợ bác lái xe bị ốm “anh còn gửi củ tam thất để cho bác gái ngâm rượu uống”. Hành động ấy cho thấy anh luôn biết quan tâm đến mọi người.
- Khi gặp được người thì anh mừng đến mức tất cả cuống cuống như không kiềm được cảm xúc: “anh chạy vụt đi, cũng tất tả như khi đến”, “người con trai nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ”.
- Anh là một người thân thiện, cởi mở ngay cả với những người mới gặp lần đầu như ông họa sĩ và cô kĩ sư: Niềm nở, hồ hởi không giấu lòng, pha trà, tặng hoa và cả quà ăn đường. Và không dấu được lòng mình anh nói to những điều đáng nhẽ người ta chỉ nghĩ: “Bác và cô là đoàn khách thứ hai thăm nhà tôi từ tết và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay.
- Trân trọng từng giây từng phút gặp gỡ: Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

=>Anh thanh niên xứng đáng trở thành biểu tượng cho phẩm chất và con người nơi mảnh đất Sa Pa

Luận điểm 4: Mặc dù anh thanh niên hội tụ rất nhiều đức tính quý báu, nhưng ở anh lại có đức tính khiêm tốn.

- Công việc của anh đang làm góp một phần quan trọng cho những bước chuyển mình của đất nước: phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu. Nhưng anh lại cho những đóng góp của mình là vô cùng nhỏ bé so với bao người khác.
 - Khi ông họa sĩ xin kí họa chân dung, anh từ chối, e ngại: “Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn”.
- =>Qua những nét phác họa của Nguyễn Thành Long, anh thanh niên hiện lên thật chân thực, sinh động, đẹp đẽ. Giữa thiên nhiên im lặng, hắt hiu, giữa cái lặng lẽ muôn thuở của Sa Pa đã vang lên những âm thanh trong sáng, những sắc màu lung linh của những con người lao động mới như anh.

4. Các nhân vật phụ

a. Nhân vật ông họa sĩ

- Tuy không phải là nhân vật chính của truyện, nhưng ông họa sĩ có vị trí quan trọng, mang quan điểm trần thuật của tác giả. Người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông họa sĩ để quan sát, miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện.
- Trước hết, ông là một nghệ sĩ chân chính, nghiêm túc, say mê đi tìm cái đẹp: “Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại của cuộc đời ...Đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan”.
- Ngay từ những phút đầu gặp anh thanh niên, anh họa sĩ đã xúc động và bối rối. “Vì họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết. Ôi! Một nét thôi cũng đủ định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác”.
- Trước chàng trai trẻ đáng yêu, ông họa sĩ bỗng thấy như “nhọc quá” vì những điều người ta suy nghĩ về anh.
- Những lời tâm sự anh thanh niên, khiến ông chấp nhận những thử thách của quá trình sáng tác.

- Những cảm xúc và suy tư của ông họa sĩ về anh thanh niên và những vấn đề của nghệ thuật, của đời sống được gợi lên từ câu chuyện của anh thanh niên, đã làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo được chiều sâu tư tưởng của tác phẩm.

b. Nhân vật cô kĩ sư

- Cô kĩ sư là một hình ảnh đẹp đẽ, biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ: cô vừa tốt nghiệp đã tình nguyện lên miền núi Lai Châu nhận nhiệm vụ.

- Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, được nghe những điều anh tâm sự, chia sẻ về bản thân và những người khác khiến cô “bàng hoàng”

- Cái “bàng hoàng” như một sự va đập giúp cô bừng dậy những tình cảm và suy nghĩ lớn lao, đẹp đẽ:

+ Cô đánh giá, kiểm điểm đúng hơn mỗi tình đầu nhạt nhẽo mà cô đã từ bỏ

+ Vững tin và quyết tâm về quyết định cho chuyến ra đi đầu đời của mình.

- Từ quý mến, khâm phục cô dần dần thấy biết ơn vô cùng anh thanh niên. Không phải chỉ vì bó hoa to mà anh tặng mà còn vì “một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô”

=> Cuộc gặp gỡ đã khơi lên trong tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và những suy nghĩ mới mẻ, cao đẹp về con người, về cuộc sống. Đó là sự đồng cảm về lý tưởng của thế hệ thanh niên Việt Nam thời chống Mỹ. Đồng thời, qua tâm tư, cảm xúc của cô kĩ sư, ta nhận ra vẻ đẹp và sức mạnh của nhân vật anh thanh niên.

c. Nhân vật bác lái xe

- Là người xuất hiện từ đầu tác phẩm, bác là người dẫn dắt, giới thiệu một cách sơ lược và kích thích sự chú ý về nhân vật chính của tác phẩm – “Người cô độc nhất thế gian”

- Bác là một người yêu nghề và có trách nhiệm với công việc: Đã có ba mươi năm lái xe và hiểu tường tận Sa Pa

- Là một con người niềm nở và cởi mở: trên khuôn mặt hồ hởi, bác giới thiệu về thiên nhiên và cảnh sắc Sa Pa; chia sẻ với ông họa sĩ và cô kĩ sư về anh thanh niên

- Có một tâm hồn nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa

- Bác là cầu nối giữa anh thanh niên với cuộc đời: bác mua sách giúp anh; giới thiệu anh với những người bạn mới; ...

=> Mặc dù chỉ xuất hiện qua một vài chi tiết của truyện nhưng bác họa sĩ là một phần quan trọng giúp nhân vật anh thanh niên xuất hiện một cách tự nhiên và góp phần dẫn dắt chuyện

4. Những nhân vật được giới thiệu gián tiếp

- Đó là những con người làm việc miệt mài, cống hiến thầm lặng: anh bạn trên trạm đỉnh Phan-Xi - Păng cao 3142 mét; ông kĩ sư vườn rau dưới Sa Pa ngày ngày ngồi im trong vườn xu hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa xu hào

- Dám hi sinh cả tuổi và hạnh phúc cá nhân: anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét, “nửa đêm mưa gió, rét buốt, mặc, cứ nghe sét là choáng choàng chạy ra” và mười một năm chưa ngày nào xa cơ quan

=> Trong tác phẩm, những nhân vật này không xuất hiện một cách trực tiếp mà chỉ được giới thiệu gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên. Song, họ đã thể hiện

được những phẩm chất vàng trong tâm hồn, cách sống và góp phần làm sáng tỏ chủ đề, tư tưởng của truyện được mở rộng.

5. Đánh giá nghệ thuật

- Truyện xây dựng thành công nhân vật anh thanh niên nhờ vào nghệ thuật xây dựng tình huống truyện hợp lí.
 - Cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, kết hợp hài hòa giữa miêu tả, tự sự và bình luận.
 - Điểm nhìn trần thuật phù hợp với nhân vật hiện lên khách quan chân thật.
- => Giúp cho nhân vật anh thanh niên hiện lên với những vẻ đẹp về tinh thần với những nét đẹp về tình cảm, lối sống.

Nội dung: Tóm lại nhân vật anh thanh niên chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc ngắn ngủi nhưng tác giả đã kịp khắc họa được bức chân dung về con người lao động với những nét đẹp cả tinh thần, tình cảm và lối sống.

Anh thanh niên tiêu biểu cho hình ảnh những con người lao động mới với phong cách sống đẹp, sống có lí tưởng hết mình cho tổ quốc.

III. Kết bài

Đã gần nửa thế kỉ trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long vẫn còn nguyên giá trị. Tác phẩm đã cho người đọc cảm nhận rõ nét về chân dung nhân vật anh thanh niên với những nét đẹp hoàn hảo lí tưởng. Nhân vật anh thanh niên tiêu biểu cho những con người lao động ở Sa Pa nói riêng và những con người lao động trong thời đại mới nói chung. Đọc tác phẩm ta càng thêm tự hào, ngưỡng mộ và quý trọng hơn những con người đang lặng lẽ, âm thầm làm việc và cống hiến cho tổ quốc. Hình ảnh anh đã truyền cảm hứng cho bao thế hệ bạn đọc. Qua câu chuyện về anh thanh niên, về những mảnh đời lặng lẽ tưởng như thầm lặng, Nguyễn Thành Long muốn nhắn nhủ với chúng ta rằng: Hãy sống một cuộc đời có ý nghĩa không chỉ vì bản thân mà còn vì xã hội, đất nước.

Đề 7: Có người nhận xét “ Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là bài thơ bằng văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp trong sự lặng lẽ tỏa hương của thiên nhiên con người” - Hãy phân tích truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long để làm sáng tỏ nhận xét trên.

1. Mở bài

Nguyễn Thành Long là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí. Ông đã thành công trong những tác phẩm về đề tài con người mới trong công cuộc xây dựng CNXH. Một trong những truyện ngắn tiêu biểu của ông là truyện “ Lặng lẽ Sa Pa”. Tác phẩm là chuyến đi thâm nhập thực tế ở Lào Cai của nhà văn trong mùa hè năm 1970. Những yếu tố nghệ thuật tạo nên sức hấp dẫn và góp phần vào thành công của truyện ngắn là chất trữ tình. Vì thế có ý kiến cho rằng: “ Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là bài thơ bằng văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp trong sự lặng lẽ tỏa hương của thiên nhiên con người”

2. Thân bài

*** Giải thích:** Chất trữ tình là tình cảm được tạo nên từ sự hòa quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, từ tình cảm và vẻ đẹp của cách thể hiện để tạo nên rung động thẩm mỹ và tình cảm nhân văn. Chất trữ tình của truyện “ Lặng lẽ Sa Pa” toát lên từ phong cảnh thiên nhiên đẹp, thơ mộng của Sa Pa và toát lên từ nội dung của truyện, từ vẻ đẹp và con người nơi Sa Pa.

“ Lặng lẽ Sa Pa” là bài thơ bằng văn xuôi bởi đây là áng văn xuôi giàu chất thơ, ca ngợi vẻ đẹp lặng lẽ thơ mộng của thiên nhiên và con người.

1. Trước hết chất thơ của truyện “ Lặng lẽ Sa Pa” toát lên từ phong cảnh thiên nhiên đẹp, thơ mộng của Sa Pa. Phong cảnh Sa Pa được miêu tả qua cái nhìn của người họa sĩ già. Hình ảnh thiên nhiên Sa Pa mang vẻ đẹp độc đáo, kì lạ.

Đó là núi cao, thác đổ trắng xóa với mây, nắng, sương đều rất lạ. Sự bắt đầu của Sa Pa là những rặng đào ven đường, hay những đàn bò lang cổ có đeo chuông. Đó là những đặc trưng hữu hình và cuộc sống muôn màu, muôn vẻ nơi đây. Tiếp đó là những rừng cây bao bọc lẫn nhau “ Những cây thông chỉ cao quá đầu rung tí trong nắng, những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng . Rừng cây đẹp như một bức tranh với sự hài hòa phối màu sắc thật tuyệt. Hiện lên trước bức tranh cao xanh rộng lớn của núi rừng tây bắc một bức tranh thiên nhiên thu nhỏ nơi mảnh vườn của chàng trai kĩ thuật. Sau gần hai ngày qua ngót 400 cây số đường dài cách xa Hà Nội, đứng trong mây mù ngang tầm với chất cầu vồng kia, bỗng nhiên gặp lại hoa đơn, hoa thược dược , vàng tím đỏ, hồng phấn, tổ ong... ngay lúc dưới kia là mùa hè”. Vườn hoa rực rỡ cũng như tâm hồn và cuộc sống đầy màu sắc dù trong thẳm lặng của anh thanh niên, của những người lao động nơi đây.

Đẹp nhất là hình ảnh nắng. Nắng khiến cảnh sắc thêm lộng lẫy, đất trời càng thêm tỏa sáng: “ Nắng đã bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây”, tiếp đến là “ Nắng đã mạ bạc cả con đèo đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn”. Nắng làm cho bó hoa ngày một thêm rực rỡ và làm cho cô gái thấy mình rực rỡ theo.

Không chỉ nắng ở Sa Pa, mà mây ở đây cũng rất lạ: “ Mây bị nắng xua cuộn tròn lại từng cục lẫn trên những vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe”. Những chi tiết miêu tả khiến người đọc hình dung mây núi Sa Pa bạt ngàn khiến như ta đang đi trên mây. Như vậy hình ảnh mây, nắng cảnh vật nơi Sa Pa được tác giả nhân hóa cùng với sự liên tưởng độc đáo khiến người đọc cảm thấy như nhịp chạy của mây hay sự cuốn hút của nắng. Chỉ bằng vài nét phác thảo cảnh thiên nhiên Sa Pa hiện lên như một bức tranh. Đẹp đến hai lần – Cái đẹp tự nhiên của nó và đẹp qua cái nhìn của người nghệ sĩ. Thiên nhiên đẹp làm nền tôn thêm vẻ đẹp của con người nơi đây. Những đỉnh Yên Sơn, Phan xi Phăng cao vợi vợi, gọi ta nghĩ đến sự hi sinh của những con người thẳm lặng như anh thanh niên, ông kĩ sư, anh cán bộ nghiên cứu sấm sét. Cái hừng hực của nắng gọi ta nghĩ đến sự nhiệt huyết, hừng hực cháy của những con người nơi đây. Thiên nhiên thơ mộng trong sáng như con người Sa pa trong sáng, thơ mộng.

2. Nhưng thực chất thơ trong truyện “ LLSP” chủ yếu toát lên từ nội dung của truyện , từ vẻ đẹp của con người nơi Sa Pa.

Cuộc gặp gỡ bất ngờ thú vị giữa anh thanh niên, ông họa sĩ và cô kĩ sư đã để lại dư âm trong lòng người đọc. Ở cuộc gặp gỡ này ông họa sĩ đã tìm được cảm hứng

sáng tác và thấy rõ sự bất lực của nghệ thuật. Còn cô kĩ sư mang một “ấn tượng hàm ơn khó tả... chưa kịp nghĩ kĩ”

Chất thơ thấm đượm ở vẻ đẹp cuộc sống một mình của anh thanh niên, từ những nét đẹp giản dị, đáng mến của anh. Mặc dù phải làm việc trong một hoàn cảnh đặc biệt: “ Một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m”, thiên nhiên khắc nghiệt đòi hỏi sự tỉ mỉ, nhưng anh thanh niên có tinh thần và trách nhiệm cao trong công việc, có suy nghĩ đúng đắn về công việc: “ Khi ta làm việc ta với công việc là đôi... buồn chết mất”. Anh còn tạo cho mình niềm vui đó là đọc sách nghĩa là có người để trò chuyện. Anh tự tổ chức sắp xếp công việc của mình: Trồng hoa, nuôi gà, đọc sách, những lúc không vào giờ “ốp” lại xuống đường trò chuyện với bác lái xe và mọi người. Nơi anh ở luôn rực rỡ sắc màu và ngát hương thơm của những loài hoa khiến cô kĩ sư vô cùng thích thú. Hơn thế nữa anh còn là người chân thành, cởi mở, hiếu khách: “ Mời bác và cô lên chơi... lên ngay nhé!” anh còn là người rất khiêm tốn.

Vẻ đẹp của con người Sa Pa là vẻ đẹp của sự lao động, cống hiến thầm lặng như ông kĩ sư ở vườn rau, ngày này qua ngày khác ở trong vườn chăm chú quan sát cách lấy mật của ong rồi tự tay thụ phấn cho hàng trăm cây su hào. Đó là anh cán bộ nghiên cứu sấm sét 11 năm ròng không ra khỏi cơ quan, luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét để lập bản đồ tìm tài nguyên cho đất nước.

Chất thơ toát lên từ cái lặng lẽ của công việc thầm lặng ít ai biết trong một không gian vắng lặng. Trong cái lặng lẽ của đất trời là những con người, những tâm hồn không lặng lẽ vì họ làm những công việc ý nghĩa, quan trọng đối với đất nước, là sự hăng say trong công việc, cho đất nước, cho nhân dân: “ Trong cái lặng im Sa Pa... đất nước”. Những con người như anh thanh niên, ông kĩ sư, anh cán bộ nghiên cứu sấm sét giúp ta hiểu thêm ý nghĩa của những công việc thầm lặng. Họ đã viết lên bài ca về tình yêu quốc. Đó chính là vẻ đẹp tâm hồn bình dị, khiêm tốn và hồn nhiên của những con người ở Sa Pa.

Chất thơ còn toát lên từ câu chuyện anh thanh niên kể về cuộc sống của mình và những người xung quanh giữa Sa Pa lặng lẽ. Từ lời anh kể giúp ta hiểu được ý nghĩa và công việc thầm lặng.

***Đánh giá:** Có thể nói truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” có dáng dấp như một bài thơ, chất thơ bàng bạc trong toàn truyện: “ Từ quanh cảnh đẹp, hết sức thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao đến hình ảnh con người sống làm việc trong cái lặng lẽ mà không hề cô độc bởi sự gắn bó của họ với đất nước, với mọi người. Tác giả đã tạo được không khí trữ tình cho tác phẩm, nâng cao ý nghĩa và vẻ đẹp cho những công việc, những con người bình dị được miêu tả trong truyện, nhờ đó mà chủ đề trong truyện được rõ nét và sâu sắc.

3. Kết bài

Như vậy “ Lặng lẽ Sa Pa” là bài thơ văn thơ văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp trong sự lặng lẽ, tỏa hương của thiên nhiên và con người lao động. Người tri thức mới đang thầm lặng, hiến dâng cả sức lực, cả tuổi trẻ của mình cho đất nước, cho nhân dân. Chính chất thơ là một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn góp vào thành công của truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” để lại dư âm trong lòng người đọc.

ĐỀ SỐ 13.

Lặng lẽ Sa Pa là một truyện ngắn giàu chất thơ. Em hãy phân tích để làm rõ nhận định trên.

BÀI LÀM

I/ Mở bài

Nguyễn Thành Long (1925-1991), quê ở Duy Xuyên, Quảng Nam, là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí, trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. Thành công trong sáng tác của Nguyễn Thành Long không phải ở khai thác tình huống dữ dội mà là sự nhẹ nhàng, trong trẻo, thấm đẫm chất trữ tình. Tiêu biểu là truyện ngắn **“Lặng lẽ Sa Pa”** sáng tác năm 1970, trong chuyến đi thực tế ở Lào Cai, in trong tập *“Giữa trong xanh”* (1972). Đây là một **truyện ngắn thấm đẫm chất thơ**.

II/ Thân bài

1. Khái quát

Thơ là tiếng nói của tình cảm mãnh liệt, thể hiện qua ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh, nhạc điệu. Khái niệm chất thơ trong tác phẩm văn xuôi để chỉ tác phẩm có thiên hướng biểu hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc trước những vẻ đẹp cuộc sống, thiên nhiên, con người và có ý nghĩa khơi gợi cảm xúc trữ tình ở người đọc thông qua ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, giọng văn nhẹ nhàng êm ái... Trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa chất thơ được biểu hiện phong phú, bàng bạc trong cả truyện nhưng chủ yếu toát lên từ thiên nhiên đẹp đầy thơ mộng của Sa Pa, thấm đượm trong vẻ đẹp cuộc sống một mình giữa thiên nhiên lặng lẽ của anh thanh niên, từ tình cảm, cảm xúc đẹp đẽ về con người, nghệ thuật, cuộc sống của người họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ...

2. Biểu hiện của chất thơ trong đoạn trích Lặng lẽ Sa Pa:

a1. Chất thơ trong thiên nhiên:

Thật vậy, trước hết, chất thơ trong tác phẩm biểu hiện ở vẻ đẹp của thiên nhiên, cụ thể là núi rừng Sa Pa. Trong truyện, theo chuyến xe đưa ông họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ lên Sa Pa, tác giả dẫn người đọc đến với những không gian núi rừng Tây Bắc với vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng. Cảnh Sa Pa đẹp một cách kì lạ, quyến rũ khiến con người ta ngỡ ngàng khi lần đầu tiên bắt gặp. Chất thơ toát lên từ cảnh sắc Sa Pa thơ mộng như một bức tranh. Đó là nơi núi cao, thác đổ trắng xoá, với mây, nắng, sương đều rất la. Sự bắt đầu của Sa Pa là *“những rặng đào”* ven đường hay *“những đàn bò lang cổ có đeo chuông”* là đặc trưng hữu hình của cuộc sống muôn màu, muôn vẻ nơi đây. Hình ảnh rừng cây đầu mùa bao bọc lấy nhau *“Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tí trong nắng, những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng”*. Nhất là vẻ đẹp của nắng khiến cảnh sắc thêm lộng lẫy. *“Nắng bây giờ bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây”*; *“nắng đã mạ bạc cả con mèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu*

làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo”. Người ta cảm thấy như bị cuốn theo nhịp chạy của mây hay đầy xúc cảm trong sự cuốn hút của nắng. Sa Pa không hoang vu, lạnh lẽo mà mang nét đẹp thơ mộng, huyền ảo và rất đời hữu tình.

Cuối truyện, khi ông họa sĩ và cô kĩ sư tạm biệt Sa Pa, khung cảnh núi rừng lại được miêu tả một lần nữa: *“Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo”*. Tác giả không miêu tả nhiều nhưng chỉ với những nét chấm phá, qua lời văn trong sáng, giàu hình ảnh, ngôn ngữ như có đường nét, hình khối, sắc màu, cảnh sắc thiên nhiên Sa Pa hiện lên ấn tượng với vẻ đẹp trong trẻo, hữu tình. **Khung cảnh nên thơ này có tác dụng làm phong nền cho câu chuyện đầy chất thơ, là chất xúc tác đồng thời là điểm tựa cho chất thơ trong truyện được thăng hoa.**

a2. Chất thơ trong vẻ đẹp của con người:

***Anh thanh niên**

Chất thơ không chỉ biểu hiện qua thiên nhiên mà chất thơ còn biểu hiện qua con người. Trước hết nó biểu hiện qua nhân vật chính là anh thanh niên. Chất thơ toát lên từ những suy nghĩ, cảm xúc, việc làm, cách sống của anh. Đó là con người yêu nghề, có ý thức sâu sắc về công việc mình làm và hiểu rõ ý nghĩa của công việc với cuộc sống con người, có tinh thần trách nhiệm, biết vượt lên khó khăn và gian khổ của hoàn cảnh sống để hoàn thành nhiệm vụ.

Anh là một chàng trai với tâm hồn cởi mở, chân thành, có nếp sống ngăn nắp, khoa học và thơ mộng (*“một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm”*), không cảm thấy cô đơn vì có niềm vui trồng hoa, đọc sách; yêu nghề, tận tụy, có trách nhiệm và luôn tìm thấy niềm vui trong công việc *“Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”*; chân thành, cởi mở, chu đáo và biết quan tâm người khác (tặng củi tâm thất để vợ bác lái xe chữa bệnh, vui sướng khi có khách đến thăm, tiếp đãi khách nồng nhiệt, lưu luyến, tặng quà khi chia tay); thành thật, khiêm tốn (tự nhận thấy đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé so với những người khác, từ chối khi được vẽ chân dung và giới thiệu những người xứng đáng hơn mình). Có thể nói, hiện lên với những vẻ đẹp dung dị, đời thường mà cao quý, anh thanh niên hình ảnh tiêu biểu của những con người *“lặng lẽ”* giữa *“Sa Pa”*, là chân dung của con người lao động mới trong thời đại mới đang góp sức mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Tâm hồn, cách sống, từng câu chuyện về công việc của anh như những bài thơ mang vẻ đẹp nhân văn thấm đẫm. Chất thơ trong truyện bung tỏa từ chính hình tượng nhân vật này.

***Các nhân vật khác**

Chất thơ trong Lặng lẽ Sa Pa còn được thể hiện nổi bật qua vẻ đẹp của các nhân vật khác với những câu chuyện bình dị mà cảm động của họ. Tất cả đều hiện lên với những vẻ đẹp riêng. Ông họa sĩ già với khát vọng chân chính về nghệ thuật, con người từng trải, tâm huyết với nghệ thuật, khát khao đi tìm đối tượng của nghệ thuật, có tâm hồn nghệ sĩ giàu xúc cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp của tâm hồn con người và nghệ thuật. Cô kĩ sư trẻ mang nhiệt huyết của tuổi trẻ, có niềm khát khao cống hiến, sẵn sàng rời thành phố đến với miền đất xa xôi khi vừa mới ra trường; cuộc gặp gỡ với người thanh niên đã khơi dậy trong cô những tình cảm lớn lao, cao đẹp, hiểu thêm về cuộc sống tuyệt đẹp của người thanh niên, có những nhận thức sâu sắc về lẽ sống và vững tin vào con đường mình đã lựa chọn. Bác lái xe với hơn 30 năm miệt mài. Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa tận tụy với công việc, hàng ngày ngồi trong vườn chăm chú quan sát cách lấy phấn của ông, tự tay thụ phấn cho hoa su hào... Anh cán bộ nghiên cứu sét hi sinh hạnh phúc bản thân vì đam mê khoa học. Anh đồng nghiệp trên đỉnh Phan-xi-păng lặng lẽ cống hiến cho cộng đồng..., Tất cả những nhân vật của Lặng lẽ Sa Pa đều hiện lên với vẻ đẹp rạng ngời trong tâm hồn và cách sống. Không chỉ say mê, hết lòng trong công việc, họ còn biết hi sinh hạnh phúc riêng tư cho lí tưởng xây dựng, làm giàu đất nước. Dù thật lặng lẽ, bình dị (phần lớn các nhân vật đều không có tên - đây là một dụng ý nghệ thuật của tác giả) nhưng nhân cách, tâm hồn của họ vẫn tỏa vẻ đẹp nhân văn lấp lánh.

a3. Một câu chuyện thơ

Không chỉ trên phương diện nội dung, chất thơ trong Lặng lẽ Sa Pa còn được thể hiện sinh động trên nhiều khía cạnh của phương diện hình thức. Ấn tượng chung của độc giả đối với tác phẩm là câu chuyện nhẹ nhàng với cốt truyện đơn giản, tình tiết không phức tạp, diễn biến truyện không quá gây căng. Tuy có đôi lúc sôi nổi nhưng chủ yếu truyện vẫn mang giọng điệu chậm rãi, khoan thai. Đặc biệt, truyện có lớp ngôn ngữ trong sáng, giàu sức biểu cảm và hình ảnh với những biểu hiện như: Sử dụng nhiều từ ngữ chỉ màu sắc (thác trắng xóa, mây hắt từng chiếc quạt trắng, thấp thoáng trong màu xanh bao la, một vệt hình ba góc màu vàng, những ngón tay bằng bạc, nhô cái đầu màu hoa cà màu xanh của rừng, anh chỉ đỏ mặt, đứng trông mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, hoa đơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong...); Sử dụng nhiều từ láy (lặng lẽ, lả tả, thấp thoáng, dễ dàng, nhẹ nhàng, bối rối, nhỏ nhỏ, sạch sẽ, toe toe, khe khẽ, hí hoáy, loay hoay, choáng choàng, vắng vẻ, vói vói, bắn khoả, rục rờ,...); sử dụng nhiều so sánh tu từ (nó như con gián gặm nhấm người ta, nó như bị chặt ra từng khúc, các anh chị cứ như con bướm,...). **Có thể nói, lớp ngôn ngữ truyện giàu chất thơ là một trong những phương diện quan trọng làm nên chất thơ xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm.**

3. Đánh giá:

Lặng lẽ Sa Pa là truyện ngắn giàu chất thơ. Bên cạnh vẻ đẹp của thiên nhiên và con người, còn có những chi tiết rất thơ, có ngôn ngữ văn xuôi trau chuốt, nhịp điệu nhẹ nhàng... khơi gợi nhiều xúc cảm cho người đọc. Có thể nói chất thơ là một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn và thành công của truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa đặc biệt là trong đoạn trích, giúp cho chủ đề truyện được rõ nét và sâu sắc (trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước) làm nên đặc sắc văn phong và khẳng định sự tìm tòi, sáng tạo trong nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Thành Long.

III/ Kết bài

Với nghệ thuật sử dụng ngôn từ tinh tế, tạo nên những câu văn giàu hình ảnh, nhạc tính, cách kể chuyện tự nhiên, gần gũi, tạo ra những tình tiết giàu mang những chiều sâu chưa nói hết, có thể nói, truyện ngắn “*Lặng lẽ Sa Pa*” mang dáng dấp như **một bài thơ, chất thơ bàng bạc trong toàn truyện**, từ phong cảnh đẹp hết sức thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao đến hình ảnh con người sống và làm việc trong cái lặng lẽ mà không hề cô độc bởi sự gắn bó với đất nước, với mọi người. Chất thơ trong truyện còn góp phần tạo nên dấu ấn phong cách nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Thành Long

CHIẾC LƯỢC NGÀ

(Nguyễn Quang Sáng)

ĐỀ 1: PHÂN TÍCH DIỄN BIẾN TÂM LÝ NHÂN VẬT VÀ TÌNH CẢM CỦA BÉ THU QUA TRUYỆN NGẮN. (* dạy)

A. Mở bài

Cách 1: Nguyễn Quang Sáng là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Chiếc lược ngà”. Đọc truyện ta vô cùng xúc động trước tình cảm cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Đặc biệt nhân vật bé Thu đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc về một cô bé cá tính có tình yêu cha sâu sắc, mãnh liệt. (Tình cảm ấy được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm nhưng thể hiện xúc động nhất là đoạn trích sau...)

Cách 2: Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Truyện đã thể hiện những diễn biến tâm lý tinh tế và tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ mà bé Thu dành cho cha.

B. Thân bài

1. Khái quát về tác phẩm

Tác phẩm *Chiếc lược ngà* được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

- Khái quát về chủ đề: Câu chuyện tập trung thể hiện tình cảm cha con của ông Sáu với bé Thu, đặc biệt là tình yêu thương mãnh liệt của bé Thu dành cho cha.

2. Phân tích

a. Cảnh ngộ của bé Thu

Như chúng ta đã biết bé Thu sinh và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Ba em lên đường đánh giặc khi em chưa tròn một tuổi, tám năm ròng em chưa được gặp cha, em chỉ được ngắm nhìn ba qua bức hình chụp chung với má.

=> Như vậy chiến tranh đã chia cắt tình cảm khiến cho gia đình bé Thu cũng như bao gia đình VN khác phải rơi vào cảnh ngộ li tán, chia lìa.

- Tám tuổi Thu còn quá nhỏ để hiểu được sự khốc liệt và éo le của chiến tranh. Chính vì vậy cuộc gặp gỡ bất ngờ với người cha sau 8 năm xa cách đã khiến cho bé Thu có nhiều sự ngộ nhận. Từ đó ta càng thấy bé Thu phải chịu nhiều thiệt thòi và cảm thấy thương em hơn và căm ghét chiến tranh.

* Đặc điểm của bé Thu:

- Thu là cô bé cá tính, ương bướng, ngang ngạnh và đáo để.

Chuyển ý: Chính hoàn cảnh của chiến tranh đã tạo cho bé Thu một cá tính rất mạnh mẽ, ương bướng, ngang ngạnh, đáo để nhưng cũng rất trong sáng, hồn nhiên và đáng yêu.

- Trong tâm trí non nớt của bé Thu hình ảnh người cha hiện lên thật đẹp, một người cha mà em luôn thần tượng. Như vậy em yêu cha bằng một tình yêu bền vững, tuyệt đối không có gì lay chuyển được mặc dù 8 năm em chưa từng gặp và gọi một tiếng ba.

- Và để làm nổi bật tình cảm đó của bé Thu nhà văn đã đặt bé Thu vào tình huống cụ thể để bé Thu bộc lộ rõ cá tính của mình đó cũng là khi ông Sáu trở về thăm nhà sau 8 năm xa cách.

b. Thái độ và hành động của bé Thu trước khi nhận ra ông Sáu

* Khi mới gặp cha

- Diễn biến tâm lý của bé Thu: Bao ngày trông ngóng được gặp lại cha nhưng khi gặp cha Thu lại có phản ứng vô cùng dữ dội:

- Khi đang chơi ở nhà chòi bồng có người đàn ông xa lạ gọi mình là con, bé Thu tròn mắt ngờ ngác, lạ lùng nhìn. Đặc biệt khi nhìn vết sẹo dài trên má ông Sáu và thấy người đàn ông cứ tiến đến với giọng run run: “*ba đây con*” khiến cho con bé Thu chớp mắt như muốn hỏi “*Đây là ai?*”, Mặt nó tái đi rồi gọi “*Má! Má!*”

=> Phản ứng ấy của bé Thu cho thấy em rất bất ngờ trước một người đàn ông xa lạ gọi mình là con và em cũng không nhận ra ông Sáu là ba. Phản ứng hoảng sợ của bé Thu rất phù hợp với tâm lý nhân vật đồng thời cho thấy sự am hiểu tâm lý nhân vật của tác giả.

*** Ba ngày ông Sáu ở nhà**

- Ba ngày phép ngắn ngủi ông sáu ở nhà là quãng thời gian ngắn ngủi của ông Sáu ở nhà, là quãng thời gian quý báu của gia đình bé Thu. Ông Sáu tìm mọi cách vỗ về an ủi bé Thu thì Thu lại càng giữ khoảng cách, lạnh lùng, xa lánh cương quyết không gọi ông Sáu là ba.

- Khi mẹ nhắc nhở Thu bảo ba vô ăn cơm thì con bé tìm mọi cách từ chối khéo: “*Thì mẹ mời đi*”, khi bị ép thì Thu lại nói trống “*vô ăn cơm*” ông Sáu trở về không nghe thấy thì Thu lại nói vọng ra “*cơm chín rồi*” và cuối cùng không gọi được con bé bức quá quay lại mẹ và bảo “*con kêu rồi mà người ta không nghe*”, cụm từ người ta cho thấy bé Thu vẫn coi ông Sáu là người xa lạ.

- Không chỉ lời nói, bé Thu còn có những hành động, cử chỉ dứt khoát không nhận ông Sáu là ba: Đó là tình huống bé Thu phải canh nồi cơm và chắt nước cơm. Nồi cơm thì to, quá sức với một đứa trẻ 8 tuổi, khiến Thu không thể bắc được, bị đẩy vào thế bí, tưởng Thu sẽ phải gọi ông Sáu là ba để nhờ giúp đỡ nhưng không con bé vẫn nói trống: “*Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái*” ông Sáu trở về không nghe thấy và khi nồi cơm sôi sùng sục thì giọng nó vang vẻ hơn: “*cơm sôi rồi nhào bây giờ*” khi bị bác Ba dọa thì nó hơi sợ, nhăn nhó như sắp khóc nhưng nhất định không gọi ông Sáu một tiếng ba. Rồi nó loay hoay tìm lấy cái vá để múc nước cơm ra. Hành động đó của bé Thu cho thấy Thu thật ương bướng, gan góc nhưng cũng rất đáo để.

*** Khi ông Sáu gặp cái trứng cá:**

- Đỉnh điểm của sự ngang ngạnh, ương bướng của bé Thu là trong bữa cơm ông Sáu gặp cho một miếng trứng cá to vàng để vào chén bé Thu.

- Thu liền lấy đũa soi vào chén cơm rồi bất ngờ hất tung miếng trứng cá khiến cơm văng tung tóe cả mâm

=> Hành động ấy của bé Thu cho thấy sự cương quyết từ chối sự chăm sóc tận tâm của ông Sáu.

- Bị cha đánh mắng co bé ngồi im cúi gằm rồi lặng lẽ gắp miếng trứng cá vào bát và đứng dậy. Thu hiểu được việc làm của mình là quá đáng, là sai, là vô lễ với người lớn tuổi nên thấy mình hối lỗi, nhưng vẫn không thể chấp nhận người đàn ông kia là ba mình.

- Thu bỏ sang nhà bà ngoại trước khi bơi thuyền đi nó khuya dây lòi tói rợn rợn rang mét và khóc với ngoại.

=> Qua tất cả hành động trên của bé Thu ta thấy Thu rất ương bướng, ngang ngạnh và đáo để, nhưng sự ương bướng cá tính của Thu không làm người đọc khó chịu, và cũng o thấy Thu không phải là một cô bé hư, hỗn lá, mà ta lại thấy ở Thu hồn nhiên, ngây thơ có phần tội nghiệp. Cô bé cương quyết không chịu nhận ông Sáu là cha chắc có lý do vì Thu rất yêu ba và khao khát được gặp ba.

- Theo dõi tiếp mạch truyện ta thấy cá tính ương ngạnh, gan lì của bé Thu chỉ là vỏ bọc bề ngoài. Quả thực Thu là một cô bé rất giàu tình cảm, có tình yêu ba sâu sắc và mãnh liệt.

- Một đêm ngủ với ngoại, được ngoại giảng giải cho hiểu vì sao ông Sáu lại có một vết sẹo dài trên má, Thu đã hiểu ra sự khốc liệt của chiến tranh, chính chiến tranh đã làm biến dạng khuôn mặt của ba, để ba kkhong còn đẹp như bức hình

chụp chung với má nữa. Nó nằm im lẫn qua, lẫn lại, thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn đã cho thấy Thu đã hiểu ra vấn đề.

c. Thái độ và hành động của bé Thu khi nhận ra ông Sáu là cha.

- Sáng hôm sau nó theo ngoại về nhà, buổi sang cuối cùng trước khi ông Sáu lên đường, bé Thu đã thay đổi hoàn toàn thái độ, vẻ mặt của cô không còn buồn bã cau có nữa mà vẻ mặt ấy sầm lại trông rất đáng thương. Nó không nhìn ngơ ngác, lạ lẫm như trước nữa mà nhìn với một vẻ nghĩ ngợi sâu xa. Nhưng Thu chỉ dám đứng ở góc nhà nhìn ba từ xa vì cô bé mặc cảm với lỗi lầm của mình mà chưa dám nhận cha.

- Chỉ đợi ông Sáu chào tạm biệt “ Thôi ba đi nghe con” thì tình cảm bị dồn nén bấy lâu bỗng trỗi dậy thật mãnh liệt nó chạy ào tới như một con sóc rồi thốt lên “ ba...a...a!”, tiếng kêu ấy như tiếng xé, xé sự im lặng của mọi người nghe thật xót xa. Đó là tiếng ba mà Thu đã kìm nén bao năm nay, tiếng ba như vỡ tung ra trong lòng nó. Nó vừa kêu vừa chạy xô tới nhảy tót lên dang hai tay ôm lấy cổ ba nó... Chứng kiến những khoảnh khắc xúc động này nhà văn đã dung những câu văn ngắn gọn, nhiều động từ mạnh để diễn tả cảm xúc vội vàng, cuống quýt của bé Thu. Thu ôm chặt lấy cổ ba vừa khóc vừa muốn giữ chân ba ở nhà “ Ba! Con không cho ba đi nữa ba ở nhà với con” rồi “ Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”, “ Hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai bé nhỏ của nó run run”.

- Đường như Thu muốn lấy nụ hôn đó để chuộc lỗi với ba để xoa dịu những tổn thương mà nó gây cho ba nó rồi nó nghĩ rằng hai tay không thể ôm chặt lấy ba, nên nó dung cả đôi chân ôm chặt lấy ba.

- Khoảnh khắc xúc động ấy bé Thu khiến cho những người chứng kiến không ai cầm được nước mắt, còn bác Ba người kể chuyện cảm thấy khó thể như ai chiếm lấy trái tim, khoảnh khắc ấy Thu chỉ biết dặn ba vội vã: “ ba về ba mua cho con một chiếc lược ngà nghe ba”

- Có thể nói đây là đoạn văn rất thành công khi tác giả miêu tả sinh động khoảnh khắc hai cha con nhận nhau. Lúc Thu nhận ra ba cũng là lúc ông Sáu phải ra chiến trường. Chiến tranh thật éo le và khắc nghiệt đã khiến cho niềm hạnh phúc, tình phụ tử của cha con bé Thu phải chia lìa xa cách.

=> Như vậy ta thấy bé Thu đại diện cho lớp trẻ VN phải chịu nhiều thiệt thòi mất mát do chiến tranh gây ra, cả tuổi thơ phải sống xa cha, được gần ba ba ngày nhưng ba ngày cũng không trọn vẹn. cả đời chỉ được gọi tiếng ba có một lần, chỉ được nhận sự chăm sóc của ba bằng một cây lược ngà nhưng cũng phải chờ đợi. Bấy nhiêu thôi ta cũng thấy bé Thu cũng như những đứa trẻ VN khác phải chịu mất mát thiệt thòi như thế nào và cũng cho thấy sự khốc liệt của chiến tranh. Ta càng thấy thương những em bé như Thu và cảm phẫn chiến tranh.

3. Đánh giá

- Truyện thành công bởi xây dựng tình huống truyện đặc sắc. Truyện đặt nhân vật bé Thu vào tình huống gặp ba nhưng không nhận ra, khi nhận ra lại vào đúng lúc chia tay để bộc lộ diễn biến tâm lý và tình cảm sâu sắc bé Thu dành cho

ba. Từ đó, nhân vật bé Thu hiện ra thật có tình, yêu ghét rõ ràng, nhưng cũng thật hồn nhiên, trong sáng.

- Qua những diễn biến tâm lí của bé Thu, ta thấy tác giả tỏ ra rất am hiểu tâm lí bé trẻ thơ và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ.

C. Kết bài:

Chiến tranh đã lùi xa nhưng mỗi lần đọc “ Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng chúng ta lại thấy vô cùng xúc động về tình yêu cha mãnh liệt, thiêng liêng của bé Thu dành cho người cha của mình trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh cũng từ nhân vật Thu ta càng thấy trân trọng hơn tình cảm gia đình, cuộc sống hòa bình hiện nay. Ca,mr xúc viết về chiến tranh nhưng Nguyễn Quang Sáng lại không viết về bom đạn nơi chiến trường mà tác giả lại viết về đề tài tình cảm con người trong chiến tranh, tình cảm cha con thiêng liêng sâu nặng. Chính điều này có thể khẳng định bom đạn có thể hủy diệt đi tất cả nhưng không thể nào hủy diệt đi tình cảm con người, đặc biệt là tình cảm cha con, tình cảm gia đình. Với những giá trị ấy truyện ngắn “ Chiếc lược ngà” đã làm thốn thức, rung động biết bao trái tim bạn đọc hôm nay và mai sau.

ĐỀ 2: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT ÔNG SÁU TRONG TRUYỆN NGẮN “CHIẾC LƯỢC NGÀ” CỦA NGUYỄN QUANG SÁNG (*)

A. Mở bài

Cách 1: Nguyễn Quang Sáng là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Chiếc lược ngà”. Đọc truyện ta vô cùng xúc động trước tình cảm cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Truyện đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật ông Sáu - một người lính cách mạng dũng cảm, một người cha yêu thương con mãnh liệt. (Tình cảm ấy được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm nhưng thể hiện xúc động nhất là đoạn trích sau...)

Cách 2: Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

Truyện đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật ông Sáu - một người lính cách mạng dũng cảm, một người cha yêu thương con mãnh liệt.

B.Thân bài

1. Khái quát về tác phẩm

Tác phẩm *Chiếc lược ngà* được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

2. Phân tích nhân vật ông Sáu

a. Hoàn cảnh của ông Sáu

- Ông Sáu sinh ra trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, giống như bao chàng trai khác ông Sáu phải xa gia đình cầm súng vào chiến trường từ khi đứa con gái chưa đầy một tuổi, mãi đến khi con gái lên 8 tuổi ông mới có dịp về thăm nhà.
 - Nhưng bé Thu con gái ông lại nhất định không chịu nhận ba chỉ vì vết sẹo trên má nên không giống với bức ảnh chụp chung với má.
 - Bé Thu đối xử với ông Sáu như người xa lạ, đến lúc hiểu ra thì tình cha con xúc động mãnh liệt trong em, cũng là lúc ông Sáu phải trở về khu căn cứ.
 - Ở khu căn cứ ông dành hết tình cảm nhớ thương con vào việc làm chiếc lược ngà nhưng chưa kịp trao cho con ông Sáu đã hi sinh trong một trận càn của giặc. Trước lúc nhắm mắt đi xuôi ông đã kịp lấy trong túi áo chiếc lược ngà để trao lại cho người bạn.
 - Như vậy chiến tranh đã làm cho cha con ông Sáu phải li tán, cuộc đời ông chỉ được ôm con một lần và chỉ được chăm sóc con bằng một cây lược ngà mà cây lược ấy mười năm sau bé Thu mới được nhận.
- => Chiến tranh không chỉ cướp đi ông Sáu mà còn cướp đi biết bao người cha khác. Như vậy tuy không viết về bom đạn nơi chiến trường nhưng tình cảm gia đình trong chiến tranh đã làm lay động biết bao trái tim bạn đọc.

b. Đặc điểm nhân vật ông Sáu

** Ông Sáu là một người mang vẻ đẹp của người lính cách mạng*

- Kháng chiến bùng nổ ông Sáu sẵn sàng từ bỏ những gì quý giá nhất: Con thơ, vợ trẻ... để cầm súng lên đường chiến đấu
 - Trong suốt những năm tháng kháng chiến dai dẳng ông Sáu không được về nhà một lần để thăm nhà, thăm con bởi với người lính khi tổ quốc chưa giành độc lập thì họ phải lên đường chiến đấu để bảo vệ tổ quốc.
- => Như vậy ông Sáu đã gác bỏ tình riêng để ra đi cùng nghĩa lớn sẵn sàng hi sinh để bảo vệ nhiệm vụ, cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đó là biểu hiện cao đẹp nhất tình yêu tổ quốc thiêng liêng cao đẹp.

** Không chỉ là người lính mang phẩm chất anh hùng ông Sáu còn là một người cha có tình yêu thương con tha thiết, sâu nặng.* Ngay từ đầu câu chuyện người đọc có thể cảm nhận sâu sắc tình thương con của ông Sáu. Người lính đã trải qua máu lửa của chiến tranh, mưa bom bão đạn, có một khuôn mặt lạnh, một ý chí sắt thép nhưng trái tim người cha trong ông vẫn ấm nóng. Vì vậy “Chỉ cần nghĩ đến lúc được về cái tình người cha cứ nôn nao trong anh”

- Khi thuyền chèo cập bến ông đã vội vàng “nhón chân nhảy thót lên bờ, xô chiếc xuồng dạt ra xa. Hành động vội vàng đó cho thấy sự nôn nóng gặp con của anh như thế nào?

- Thấy con đang chơi ở nhà chòi mặc dù đã 8 năm chưa được gặp con, ông Sáu vẫn nhận ra bé Thu là con gái mình. Ông bước những bước dài rồi dừng lại kêu to “Thu con!”. Tiếng gọi ấy thể hiện rõ nỗi khao khát mong mỏi gặp con của một người cha. Tiếng gọi đã bị kìm nén trong suốt bao năm qua, nay lại cất lên đầy thốn thức. Và mỗi lần xúc động như vậy chiếc sẹo dài trên má của anh lại đỏ ửng lên gợn gợn. “Ba đây con!” Rồi ông dang hai tay khom người lại trong tư thế sẵn sàng ôm con vào lòng. Có thể nói mọi tâm thế, tư thế của ông đều hướng về con.

- Nhưng chính niềm mong mỏi khao khát ấy lại khiến ông đau đớn bội phần khi con gái không đáp lại sự vỗ vạ của ông. Trước tiếng gọi cùng giọng nói run run cùng vết theo dài đỏ ửng đã khiến bé Thu mặt tái đỏ, vụt bỏ chạy rồi kêu thét lên “ Má, má” cả bầu trời như sụp đổ trước mắt người cha, niềm đau, sự hụt hẫng đã bóp nghẹt trái tim ông khiến ông Sáu “ Đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt ông sầm lại thật đáng thương còn hai tay buông thõng như bị gãy”.

*** Ông Sáu ở nhà ba ngày nghỉ phép:**

- Ba ngày nghỉ phép ngắn ngủi trong cuộc đời dài chinh chiến của mình là quãng thời gian quý giá của gia đình bé Thu. Vì vậy trong ba ngày ngắn ngủi ấy ông Sáu dành tất cả tình cảm cho con. Suốt ngày ông chẳng dám đi đâu xa chỉ quanh quẩn ở nhà để được gần con. Ông ân cần nhẹ nhàng chăm chút cho con bé chỉ để được nghe con bé gọi một tiếng “ba”. Tiếng gọi ấy đối với ông là rất đổi thiêng liêng và quý giá. Nhưng càng gần gũi chăm sóc vỗ về con thì con bé càng tìm cách né tránh đẩy ông ra xa.

- Khi nghe con bé mời ông vào ăn cơm mà nó chỉ nói trống “ Vô ăn cơm”, “ cơm chín rồi” những lúc đó ông cứ ngồi im giả vờ không nghe thấy là kiên nhẫn để chờ sự đổi thay của con. Và khi con nói “ Gọi rồi mà người ta không nghe”. Hai chữ “ người ta” như vết dao cứa vào tim ông Sáu, bé Thu vẫn coi ông là người xa lạ, người dưng. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được nên ông chỉ vừa khẽ lắc đầu, vừa cười. Ông cười mà nước mắt chảy ngược vào trong.

- Khi chứng kiến con loay hoay tìm cách chặt nước cơm mà nhất quyết không chịu nhờ đến ba , trái tim ông Sáu như tan nát nhưng ông vẫn bền bỉ kiên nhẫn, bao dung với con vì ông yêu con vô bờ bến.

- Và rồi khi tình yêu quá lớn, lại gặp phải sự cự tuyệt phản ứng dữ dội của bé Thu đã có lúc khiến ông Sáu không giữ được bình tĩnh. Hành động gấp cho co miếng trứng cá ngon nhất là sự khao khát muốn chăm sóc con của một người cha mà bé Thu lại hất tung miếng trứng cá ra khỏi bát, sự ương bướng, ngang ngạnh của con đã khiến ông Sáu vung tay đánh mạnh vào mông con bé rồi hét lên: Sao mày cứng cổ vậy hả?”. Ông Sáu đánh con vì quá đau đớn bất lực. Thời gian ông ở bên con không còn nhiều mà con bé vẫn chưa chịu thừa nhận ông, vẫn không chịu gọi ông là ba. Hành động đánh con của ông là sự kìm nén của nỗi long mong mỏi quá lớn, sau tất cả nỗ lực, cố gắng với con không thành và hành động đánh con ấy đã trở thành nỗi ám ảnh day dứt, dày vò ông trong suốt những ngày ông ở căn cứ.

*** Lúc chia tay con để trở về căn cứ**

- Vào thời khắc cuối cùng ở nhà được nhìn thấy con gái, trái tim người cha được xoa dịu, bù đắp khi bé Thu kịp nhận ra ba.

- Lúc chia tay ông Sáu cố nén long, kìm nén cảm xúc của mình. Ông cũng muốn ôm con, hôn con nhưng lại sợ nó dậy nảy lên bỏ chạy nên ông: “ chỉ đứng nhìn nó với đôi mắt trù mến lẫn buồn sâu” Bao nhiêu tình yêu thương ông dành cả vào ánh mắt vừa muốn bộc lộ hết tình yêu thương với con, vừa thể hiện nỗi khao khát bị kìm nén, nỗi đau của sự khước từ. Vậy nên ông Sáu chỉ dám đứng từ xa khe khẽ dặn con: “ Thôi ba đi nghe con”

- Ông Sáu và tất cả mọi người không thể ngờ phản ứng của bé Thu nó bỗng cất tiếng gọi “ ba”. Tiếng gọi mà ông Sáu khao khát mong chờ đã vang lên khiến tim

ông như muốn vỡ ra vì hạnh phúc. Người đọc như bị lỡ nhịp tim khi âm thanh ấy cất lên: “ Ông Sáu không kìm nổi xúc động, một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt”. Những giọt nước mắt dâng trào từ trái tim yêu thương cháy bỏng đã khiến cho tất cả mọi người xung quanh không cầm được nước mắt - Còn Bác Ba người kể chuyện thì như khó thở khi cảm thấy có bàn tay ai đó đang nắm lấy tim mình.

=> Có thể nói nhà văn Nguyễn Quang Sáng thật tài tình khi miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật ông Sáu từ hành động đến tâm trạng, khiến ông hiện lên thật chân thật và sinh động với một người cha có tình yêu thương con tha thiết sâu nặng.

** Khi ông Sáu trở về chiến trường*

- Chia tay đứa con bé bỏng, ông Sáu mang theo nỗi nhớ thương con ra chiến trường và quyết tâm thực hiện lời hứa với con, ông làm tặng con chiếc lược ngà

- Dõi theo quá trình ông Sáu làm chiếc lược ngà mới thấy bao nhiêu nỗi nhớ, tình yêu con ông dồn hết vào cây lược ấy. Khi nhặt được một khúc ngà voi, ông hớn hở như một đứa trẻ mới được quà, sau đó ông ngồi tỉ mỉ dũa từng chiếc răng lược, cố công như một người thợ bạc mỗi ngày, mỗi ngày ông dũa được mấy răng lược và chiếc lược đã hoàn thành với dòng chữ khắc lên cây lược: “ Yêu nhớ tặng Thu con của ba” đã gói trọn vẹn tấm lòng của người cha nơi chiến trường dành cho con gái bé bỏng ở quê nhà. Những đêm nhớ con ông Sáu đem chiếc lược ra ngắm nghía rồi mài lên trên mái tóc của mình cho cây lược thêm bóng. Chiếc lược tuy chưa trải được mái đầu của con ông nhưng nó đã phần nào giúp ông giải tỏa nỗi day dứt, dằn vặt vì đánh con. Chiếc lược đã trở thành vật thiêng liêng, nuôi dưỡng trong ông tình cha con. Tác giả không miêu tả rõ nhưng người đọc cũng nhận ra đây là biểu tượng quý giá, thiêng liêng của tình cha con.

- Nhưng sự khốc liệt của chiến tranh đã khiến ông Sáu không trở thành hiện thực. Cây lược ngà ông chưa kịp trao tặng cho con ông thì ông đã hi sinh trong một trận càn . Trước lúc nhắm mắt có lẽ tình cha con đã tạo lên sức mạnh để ông Sáu lấy cây lược trong túi đưa cho người đồng đội của mình như một cử chỉ, một lời trăng trối cuối cùng với ánh mắt mà bác B suốt đời không thể quên để rồi bác phải thốt lên: “ Bác Ba nhận cây lược và giữ gìn mãi 10 năm mới thực hiện được lời hứa với ông Sáu, khi ấy Thu đã là một cô giao liên dũng cảm”

=> Có thể nói câu chuyện về chiếc lược ngà không chỉ ngợi ca tình cha con thiêng liêng, bất diệt tuy hoàn cảnh éo le của chiến tranh nên câu chuyện còn khơi gợi cho người đọc thấm thía sự mất mát đau thương mà chiến tranh đã gieo xuống mảnh đất Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung.

3. Đánh giá

- Xây dựng nhân vật ông sáu, tác giả đã đặt nhân vật vào các tình huống éo le để khai thác những diễn biến tâm lí, tình cảm; ngôn ngữ lời thoại nhân vật có sự chọn lọc, chi tiết cụ thể giàu biểu cảm...

- Truyện đã ca ngợi ông sáu là người chiến sĩ cách mạng dũng cảm và là người cha có tình thương con sâu nặng và cao đẹp. Qua đó, tác giả khẳng định tình cảm cha con là thứ tình cảm nhân bản bền vững, có thể tồn tại trong bất cứ hoàn cảnh nào; đồng thời cũng cho thấy những nỗi đau thương, mất mát mà chiến tranh gây ra cho cuộc sống con người.

C. Kết bài

Có thể nói, chiến tranh đã lùi xa hơn năm mươi năm nhưng hình ảnh nhân vật ông Sáu và câu chuyện về "*chiếc lược ngà*" của Nguyễn Quang Sáng vẫn để lại bao ám ảnh day dứt trong lòng bạn đọc. Câu chuyện ấy không chỉ nói lên tình cha con thấm thiết sâu nặng của cha con ông Sáu, đặc biệt là tình cảm ông Sáu dành cho con, mà còn gợi cho người đọc nỗi đau thương mất mát của chiến tranh gây ra cho bao nhiêu gia đình, con người. Từ đó, ta càng có ý thức trân trọng giữ gìn tình phụ tử cao đẹp, đồng thời trân trọng cuộc sống hòa bình đang được hưởng hôm nay.

Đề 7: Phân tích truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng Dàn ý tham khảo

I. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm

II. Thân bài

1. Khái quát chung

- Hoàn cảnh sáng tác
- Tóm tắt tác phẩm

2. Phân tích

2.1. Tình huống truyện đặc sắc

- Tác giả đã xây dựng hai tình huống truyện đặc sắc:
 - + Cuộc gặp gỡ của hai cha con ông Sáu sau 8 năm xa cách, nhưng thật chớ trêu là bé Thu không nhận ra ông Sáu là ba. Đến lúc em nhận ra thì ông Sáu lại phải lên đường trở về đơn vị. Tình huống này đã bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu đối với ba.
 - + Ở khu căn cứ, người cha dồn hết tất cả tình thương, nỗi nhớ và cả sự hi vọng vào việc làm một chiếc lược ngà để tặng con. Nhưng chưa kịp tặng con thì ông đã hi sinh trong một trận càn. Trong lúc hấp hối ông đã nhờ đồng đội chuyển chiếc lược ngà cho con. Tình huống này bộc lộ tình cảm thấm thiết của ông Sáu dành cho con.

2.2. Nhân vật bé Thu:

a. Trước khi bé Thu nhận ông Sáu là ba

- Thu là một người thương cha vô cùng. Hơn ai hết, cô luôn mong cái ngày được gặp cha để được vỗ về, chở che. Bởi thế, cuộc gặp gỡ sau tám năm xa cách những tưởng hai cha con vỡ òa trong niềm hạnh phúc thì trở trêu thay bé Thu lại bộc lộ một thái độ bất thường
 - + Trước sự xúc động, vỗ vấp của ông Sáu, cô bé từ ngạc nhiên đến hốt hoảng: "tròn xoe mắt", mặt tái đi, vụt chạy và hét lên kêu má cầu cứu.
 - + Trong suốt ba ngày nghỉ phép, khi ông Sáu càng dồn hết tình cảm để bù đắp cho Thu thì cô bé càng lạnh nhạt, xa cách, thậm chí tỏ ra ngang ngạnh, bướng bỉnh.
 - + Cô bé kiên quyết không gọi ông Sáu một tiếng ba: Nói trống không với ông Sáu (vô ăn cơm; cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái). Trong lúc khó khăn, nguy cấp khi phải chặt một nôi cơm to, nặng qua sức thì cô bé vẫn loay hoay, tự xoay xở.

+ Cô bé từ chối mọi sự vỗ về, chăm sóc của ông Sáu: trong bữa cơm, ông Sáu gắp cho nó miếng trứng cá thì nó hất ra khiến cơm bắn tung tóe, ... Chi tiết này đã đẩy câu chuyện lên đỉnh điểm của kịch tính

+ Khi bị trách phạt, phản ứng lại hành động của ông Sáu, cô bé đã ngay lập tức bỏ về nhà bà ngoại, khi xuống xuống còn cố ý khua dây lòi tói cho kêu rồn rảng thật to.

- Nguyên nhân:

+ Gián tiếp: bé Thu sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước đang chiến tranh. Bởi vậy, suốt 8 năm cô bé chỉ biết mặt ba qua một tấm hình ba chụp chung với má.

+ Trực tiếp: Ngày gặp gỡ, vết sẹo trên mặt ông Sáu đã khiến cho khuôn mặt ông khác lạ so với hình ảnh người ba trong hình mà tâm trí cô bé.

+ Do cô bé rất yêu ba, muốn bảo vệ hình ảnh người ba của mình, không cho phép người lạ mặt kia có quyền mạo nhận.

=> Sự ngang ngạnh, bướng bỉnh của bé Thu không hề đáng trách. Phản ứng tâm lý của cô bé là hoàn toàn tự nhiên. Bởi sinh ra trong hoàn cảnh chiến tranh, cô bé còn quá nhỏ để hiểu được những khắc nghiệt, éo le. Và người lớn cũng không ai chuẩn bị tâm lý cho em đón nhận những điều bất thường.

=> Miêu tả thái độ, hành động bất thường của cô bé, tác giả đã tái hiện hoàn cảnh éo le trong chiến tranh; đồng thời khắc họa được một cô bé bướng bỉnh, gan góc, cá tính đến kì lạ.

b. Khi bé Thu nhận ông Sáu là ba

- Sau khi nghe bà ngoại giải thích, bé Thu trở về nhà đúng vào buổi sáng ông Sáu lên đường trở về đơn vị. Cô bé đã đột ngột thay đổi trong sự ngỡ ngàng của ông Sáu và mọi người.

+ Không còn ngang ngạnh, cau có, cố chấp mà thay vào đó là khuôn mặt “Sầm lạ, buồn rầu” và “nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa”.

+ Khi cô bé bắt gặp cái nhìn trìu mến và buồn rầu của ba thì “đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao”.

+ Khi ông Sáu khế cất lời từ biệt thì cô bé mới chịu kêu ba một tiếng đến xé lòng: “Ba ... a ...a ...ba”.

+ Cô bé chạy xô lại ôm chặt lấy ba mình, hôn ba và hôn lên cả cái vết sẹo dài trên má.

+ Cô bé cất lời giữ ba ở nhà: “Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con”. Đây là một ước mơ rất thực, nó phản chiếu tình cảm gắn bó của bé Thu dành cho ba.

+ Cô chia tay ba với ao ước được ba mua cho cây lược ngà. Cho thấy cô muốn có vật kỉ niệm của ba để được thấy ba luôn bên mình.

=> Trong khoảnh khắc chia li, mọi khoảng cách đã bị xóa bỏ, bé Thu không che giấu sự gắn bó và tình cảm của mình dành cho ba.

=> Miêu tả những biến đổi tình cảm của bé Thu, tác giả đã một lần nữa tô đậm tình yêu thương ba của cô bé. Qua đó, ta thấy bé Thu bướng bỉnh, gan góc nhưng cũng rất giàu tình cảm.

2.3. Nhân vật ông Sáu

a. Trong ba ngày về phép thăm nhà.

- Trở về sau tám năm xa cách, bao nỗi nhớ thương khiến ông Sáu xúc động mãnh liệt.

+ Nôn nao trong lòng, không ghìm được xúc động khiến vết sẹo trên má đỏ ửng, giật giật, trông dễ sợ.

+ Ông háo hức, vội vã như không thể ghìm thêm giây phút nào: “Không thể chờ xuồng cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra...vội vàng với những bước chân dài”.

+ Ông kêu to hai tiếng thiêng liêng, thèm khát được gọi, được nghe bấy lâu nay: “Thu! Con”.

- Trước thái độ bất thường của con, ông rơi vào tâm trạng đau đớn, tủi hổ đến vô cùng: “Anh đứng sững lại đó, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”.

=> Những từ miêu tả “đứng sững lại”, “mặt anh sầm lại” và “tay buông xuống như bị gãy” đã diễn tả được nỗi đau dường như quá lớn, quá sức chịu đựng với ông Sáu.

- Trong ba ngày nghỉ phép, ông Sáu làm mọi cách để bé Thu thay đổi, kiên nhẫn chờ đợi tình cảm ở con.

+ Ông không đi đâu xa, mà luôn gần gũi, “lúc nào cũng vỗ về con”. Ông muốn bồi đắp cho con suốt tám năm trời xa cách.

+ Ông không trách giận mà chỉ khẽ lắc đầu trước sự bướng bỉnh của con bé.

+ Thậm chí khi con bé từ chối một cách quyết liệt. Chăm sóc của ông, đau đớn đến độ không giữ được bình tĩnh mà đánh con một cái.

=> Ông vô cùng dịu dàng, kiên nhẫn, khoan dung với con.

- Khi chia tay thì tình cảm cha con sâu nặng đã được bộc lộ rất xúc động:

+ Ông không dám lại gần con bé, “chỉ đứng nhìn nó, ... với đôi mắt trệu mến lẫn buồn rầu”, cố gắng kìm giữ cái ham muốn được ôm con vào lòng

+ Khi con bé nhận ông, ông “kìm được xúc động và không muốn cho con nhìn thấy mình khóc, một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con”. Ông không muốn con bé trông thấy những giọt nước mắt yêu đuối của mình, đó cũng là những giọt nước mắt hạnh phúc ứa ra từ nỗi xúc động và thương con sâu sắc.

+ Ông hứa với con bé sẽ trở về với chiếc lược ngà tặng con.

=> Tác giả đã tái hiện được tình cảm yêu thương con sâu sắc của ông Sáu, nó đã chiến thắng sự tàn bạo của chiến tranh, chiến thắng mọi biệt ly, cách trở. Tình cảm ấy luôn vẹn nguyên, ấm áp và tràn đầy

b. Khi ông Sáu trở lại chiến trường

- Ông luôn ân hận, không tâm vì lỡ trách phạt con.

- Ông dồn tất cả tình yêu và nỗi nhớ vào việc làm chiếc lược ngà tặng con.

+ Khi kiếm được khúc ngà, ông không ghìm được xúc động, đã “hớn hờ như một đứa trẻ được quà”.

+ Ông cửa từng chiếc răng lược thận trọng, tỉ mỉ và tốn công như người thợ bạc

+ Ông “tẩn mẩn” khắc từng nét chữ: “Yêu nhớ tặng Thu – con của ba”.

+ Những lúc nhớ con, ông lại đem cây lược ra ngắm và mài lên tóc cho cây lược thêm bóng

=> Ông Sáu đã dồn hết tất cả tình cảm của mình dành cho con vào việc làm chiếc lược ngà, dầu cây lược đó chưa lần nào được trải trên mái tóc của bé Thu nhưng đã phần nào gỡ rối những nỗi tơ lòng, vơi đi nỗi dày vò ân hận và nuôi dưỡng khát vọng đoàn viên.

- Thậm chí, cái chết cũng không lấy đi được tình yêu con của ông Sáu

+ Trong một trận càn, vết thương đã khiến ông kiệt sức, vậy mà ông vẫn dốc hết toàn lực, trao cây lược ngà cho đồng đội mang về cho bé Thu. Trong giây phút, ông ủy thác, gửi gắm tất cả những tình yêu, nỗi nhớ của mình qua ánh mắt.

+ Cây lược được trao tận tay cho bé Thu, điều đó cho thấy tình cha con đã không hề chết mà trở thành điểm tựa để nâng đỡ bé Thu trưởng thành.

=> Ông Sáu trở thành biểu tượng đẹp cho tình yêu thương; sự ân cần và tre chỡ của người cha dành cho con mình, qua đó ta thấy được sự bất tử của tình cảm cha con.

3. Đánh giá nghệ thuật

- Xây dựng được một cốt truyện chặt chẽ, tạo ra những tình huống bất ngờ nhưng hợp lý.

- Ngôi bút miêu tả tâm lý nhân vật, đặc biệt là tâm lí trẻ em, tinh tế và chính xác.

- Ngôn ngữ truyện : gần với khẩu ngữ và đậm màu sắc địa phương Nam Bộ.

- Ngôi kể: người kể chuyện là bác Ba, kể ngôi thứ nhất. Bác Ba là một người bạn thân thiết của ông Sáu, là người chứng kiến câu chuyện và kể lại bằng sự đồng cảm chia sẻ với các nhân vật, khiến cho nội dung kể vừa có tính khách quan vừa tăng độ tin cậy thuyết phục người đọc.

III. Kết bài

- Khái quát lại vấn đề nghị luận

- Cảm xúc của bản thân.

TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN

(Nguyễn Đình Chiểu)

A. Mở bài

Nguyễn Đình Chiểu - một nhà thơ lớn của dân tộc ta mà cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng gọi ông là “Ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc”. Một trong những tác phẩm xuất sắc gắn với tên tuổi của Nguyễn Đình Chiểu là “Truyện Lục Vân Tiên”, trong đó bài thơ “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” là trích đoạn để lại nhiều ấn tượng với người đọc đặc biệt là nhân vật Lục Vân Tiên - một hình tượng trang nam tử hành hiệp trượng nghĩa cứu người hoạn nạn, đại diện cho người anh hùng lý tưởng của nhân dân.

B. Thân bài

1. Khái quát :

“Truyện Lục Vân Tiên” là một tác phẩm truyện thơ nôm, gồm 2082 câu thơ lục bát xoay quanh cuộc đời nhân vật Lục Vân Tiên. Lục Vân Tiên là nhân vật trung tâm của tác phẩm đồng thời cũng là nhân vật mà nhà thơ Nguyễn Đình

Chiều xây dựng để kí thác những tư tưởng, quan điểm cũng như thể hiện một ước mơ về thế giới công bằng, con người sống với nhau bằng tình nghĩa chứ không phải bằng những thứ vật chất thông thường. Có thể nói trích đoạn “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” là trích đoạn thể hiện được rõ nét và sâu sắc nhất được những phẩm chất đáng quý ở Lục Vân Tiên.

2. Nhân vật Lục Vân Tiên

a. Vân Tiên mang dáng dấp của một người anh hùng hiệp nghĩa

- Nói về nhân vật LVT trong đoạn trích “LVTCNN” trước hết ta nhận thấy ở nhân vật này là **bóng dáng của một người anh hùng hiệp nghĩa, một chàng trai dũng cảm**. Điều đó được thể hiện ngay từ những câu thơ mở đầu của đoạn trích.

“Vân Tiên ghé lại bên đàng

Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”

+ Đọc những câu thơ đầu tiên này, ta không khỏi ấn tượng với một chàng trai có nghĩa khí và lí tưởng sống cao đẹp. Trên đường đi, Vân Tiên tình cờ gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành làm hại người dân vô tội. Chứng kiến cảnh đó, LVT không đành lòng khoanh tay đứng nhìn, chàng vội vàng “bẻ cây làm gậy” rồi xông vào đánh cướp. Trong khi lúc này bọn cướp vừa đông lại gươm giáo đầy mình còn chàng thì chỉ có một mình lại không có vũ khí. Rõ ràng là LVT không hề toan tính, không suy nghĩ thiệt hơn, chỉ biết rằng điều cần làm lúc này là đánh tan bọn cướp để cứu dân lành. Không phải là một người anh hùng nghĩa hiệp có tinh thần dũng cảm hẳn là chàng sẽ chẳng thể hành động được như vậy

+ Không chỉ thể hiện trong hành động, sự dũng cảm và tinh thần hiệp nghĩa của LVT còn được thể hiện trong lời nói của chàng:

“Kêu rằng bớ đảng hung đồ

Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”

=> Câu nói của VT đã thể hiện rõ thái độ của chàng. Đó là sự bất bình trước những kẻ ngang nhiên cướp bóc làm hại người dân vô tội. Lời nói ấy chính là lời tuyên chiến giữa chính nghĩa đối với thế lực phi nghĩa bạo tàn. Sau câu nói ấy là hành động Vân Tiên đánh cướp. Nguyễn Đình Chiểu đã miêu tả cụ thể hành động ấy:

“Vân Tiên tả đột hữu xông

Khác nào Triệu Tử phá vòng Đường Dang”

- Mặc dù kẻ thù lúc này đã “truyền quân bốn phía” với gươm giáo đầy mình nhưng Vân Tiên không hề sợ hãi. Chàng “tả đột hữu xông”. Thành ngữ “tả đột hữu xông” cùng với phép so sánh đã cho ta nhận ra ở VT là bóng dáng của một dũng tướng, một con người có tài thao lược và tinh thần dũng cảm. Tài năng ấy được cổ vũ bởi sức mạnh của chính nghĩa nên cuối cùng bọn cướp Phong Lai đã phải quẳng gươm giáo bỏ chạy. Và chính những phẩm chất ấy của Vân Tiên càng làm ta thêm yêu mến và cảm phục.

b. Vân Tiên là một chàng trai có tấm lòng nhân hậu, biết quan tâm và yêu thương mọi người.

Không chỉ là một người hiệp nghĩa, dũng cảm, LVT trong đoạn trích này còn là một chàng trai có tấm lòng nhân hậu, biết yêu thương và quan tâm người

khác. Nghe tiếng khóc ở trong xe, Vân Tiên đã đến gần vừa là để hỏi han quan tâm vừa là để thông báo cho người trong xe yên tâm vì giờ lũ cướp đã bị dẹp tan, không còn mối đe dọa nào nữa. Người đọc không khỏi ngạc nhiên bởi một chàng trai trẻ tuổi sao có thể chu đáo ân cần đến như vậy? Thật đáng trân trọng.

c. Vân Tiên là một chàng trai trọng lễ tiết

Và khi đọc những câu thơ tiếp theo của đoạn trích, ta lại nhận ra Vân Tiên còn nhiều những phẩm chất đáng quý nữa. Chàng thực sự là một người trọng lễ tiết. Khi biết lũ cướp đã bỏ đi, Kiều Nguyệt Nga muốn ra khỏi xe để tạ lạy tỏ lòng biết ơn Vân Tiên nhưng chàng đã vội ngăn lại bằng lời nói có phần gấp gáp:

*“Khoan khoan ngồi đó chớ ra
Nàng là phận gái ta là phận trai”*

Trong XH phong kiến, nam nữ không được tùy tiện mà gặp mặt bởi quan niệm “nam nữ thụ thụ bất thân” đặc biệt là với con gái. Việc một người con gái giao lưu, gặp gỡ với một người đàn ông không phải chồng mình có thể bị đánh giá không tốt về phẩm giá. Và vì thế mà họ cũng không được coi trọng. Hiểu được điều đó nên LVT đã ngăn cản không cho KNN ra ngoài, chàng không muốn làm ảnh hưởng đến danh dự, phẩm giá của KNN. Những chi tiết như thế chứng tỏ chàng là một người trọng lễ tiết.

d. Quan điểm về việc nghĩa và người anh hùng

Tất cả những phẩm chất đó đã khiến cho Vân Tiên trở thành một hình tượng đẹp trong lòng bạn đọc nhưng đẹp hơn cả **là quan niệm về việc nhân nghĩa** của chàng ở cuối đoạn trích này:

*“Làm ơn há dễ trông người trả ơn
Nay đã rõặng nguồn cơn
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”*

Theo quan điểm của mình, Vân Tiên cho rằng làm ơn vốn xuất phát từ tình thần chính nghĩa tự nguyện đầy chân thành, mong muốn chỉ là giúp người chứ không phải mong báo đáp, hàm ơn. Và nếu một người gặp việc nghĩa mà không làm thì không phải là người anh hùng đáng trọng. Từ quan niệm của Vân Tiên và cũng là của NĐC, chúng ta đã có thêm cái nhìn khác về một người anh hùng. Người anh hùng đâu chỉ là những người xông pha trận mạc đánh đuổi kẻ thù mà còn là những người dám xả thân vì nghĩa, dám đứng ra bênh vực lẽ phải, bảo vệ dân lành. Đó là người anh hùng của cuộc sống thường nhật.

3. Đánh giá : Có thể thấy rằng “Truyện Lục Vân Tiên” của Nguyễn Đình Chiểu là một tác phẩm bất hủ của văn học trung đại. Bằng sự kết hợp giữa tự sự và miêu tả, tác phẩm đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên. Chàng là người tiêu biểu cho cái thiện mang vẻ đẹp hào hiệp trong cái xã hội đầy bất công tàn ác. Nhân vật Vân Tiên mãi là hình ảnh đẹp mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin khát vọng về truyền thống đạo đức tốt đẹp của nhân dân ta. Thông qua nhân vật này chúng ta nhận ra ở nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu là sự trân trọng, ngợi

ca dành cho những con người dám xả thân vì nghĩa. Ông đã dạy cho chúng ta một bài học về lẽ sống đẹp ở đời.

C. Kết bài

“Truyện Lục Vân Tiên” đã khép lại rồi nhưng dường như những điều mà NĐC gửi gắm trong tác phẩm vẫn còn vang vọng mãi. Hơn hai thế kỉ đã trôi qua nhưng hình tượng Lục Vân Tiên vẫn mãi là một hình ảnh đẹp. Đọc tác phẩm này, ta không khỏi cảm phục trước tài năng và đức độ của NĐC, ta lại càng thêm trân trọng những con người sẵn sàng vì nghĩa quên thân như Lục Vân Tiên. Chàng trai trẻ tuổi ấy đã nhắc nhở thế hệ trẻ chúng ta sống phải có trách nhiệm với mọi người, sống đẹp, sống có ích cho xã hội.

MÙA XUÂN NHO NHỎ

(Thanh Hải)

Đề 1: Phân tích khổ 1 và khổ 4 bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” – Thanh Hải

1. Mở bài

Thanh Hải là nhà thơ luôn gắn bó với quê hương xứ Huế. Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được viết năm 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, chẳng bao lâu trước khi ông qua đời. Bài thơ thể hiện cảm xúc khát vọng của nhà thơ trước mùa xuân. Điều đó được thể hiện rõ nhất trong hai đoạn thơ:

*“Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng*

.....

*Ta làm con chim hót
Ta là một nhành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến”*

Từ những cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất trời ở đoạn thơ đầu. Mạch thơ chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ thái độ khát vọng được hòa nhập cống hiến với cuộc đời chung.

2. Thân bài

a. Đoạn thơ đầu đã diễn tả cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên đất trời.

“Mọc giữa dòng sông xanh

*Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời”*

Chỉ bằng vài nét phác họa nhưng rất đặc sắc (dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, chim chiền chiện hót vang trời), Thanh Hải đã làm hiện ra trước mắt chúng ta một bức tranh xứ Huế với không gian cao rộng (có chiều dài của dòng sông, chiều cao của bầu trời, chiều rộng của mặt đất và bầu trời bao la, màu sắc thật hài hòa, tươi thắm(màu xanh của dòng sông, màu tím biếc của bông hoa) và rất đặc trưng ững quê hương xứ Huế (tím biếc). Màu Tím của bông hoa hòa quyện với màu xanh của dòng sông tạo nên cảm giác dịu mát, đồng thời cũng là tín hiệu của mùa xuân xứ Huế. Tác giả đảo động từ “mọc” lên đầu câu thơ và số từ “một” (mọc giữa dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc). Để nhấn mạnh sự xuất hiện đột ngột, bất ngờ của một bông hoa đang xòe nở. Hình ảnh bông hoa đang xòe nở từ từ nhô lên, cho thấy sức sống mạnh mẽ của mùa xuân, đồng thời tạo cho bức tranh xuân thêm sống động. Bức tranh xuân còn rộn rã, tươi vui với âm thanh của tiếng “chim chiền chiện hót chi mà vang trời”. Tiếng chim trong ánh sáng xuân lan tỏa khắp bầu trời. Phải là người có tâm hồn nhạy cảm, tình yêu tha thiết với thiên nhiên với cuộc sống. Thanh Hải mới vẽ được bức tranh mùa xuân xứ Huế đẹp thơ mộng và đầy sức sống đến như vậy.

Trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời lúc vào xuân, nhà thơ có cảm xúc say sưa, ngất ngây. Thái độ nâng lưu, quý trọng vẻ đẹp ấy, cảm xúc ấy, tình cảm ấy được thể hiện qua tư thế độc đáo của một động tác trữ tình.

*“Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng”*

“Giọt long lanh” có thể hiểu là giọt mưa xuân, giọt sương long lanh trong ánh sáng của trời xuân. Nhưng giọt long lanh cũng có thể hiểu theo nghĩa ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: giọt tiếng chim. Tiếng chim từ chỗ âm thanh cảm nhận bằng thính giác chuyển thành từng giọt(Cảm nhận bằng thị giác). Từng giọt ấy lại long lanh trong ánh sáng của trời xuân có thể cảm nhận bằng xúc giác (tôi đưa tay tôi hứng). Nhà thơ đưa tay hứng từng giọt tiếng chim. Nhưng dù hiểu theo cách nào thì hai câu thơ vẫn biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời vào lúc mùa xuân và thái độ nâng niu, trân trọng vẻ đẹp ấy, cảm xúc đó, thái độ đó chỉ có được một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế ở một tấm lòng chân thành tha thiết với cuộc sống.

b. Từ cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời, mạch thơ chuyển sang bày tỏ khát vọng được hòa nhập dâng hiến cho cuộc đời chung.

*Ta làm con chim hót
Ta là một nhành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến*

Khát vọng đó được Thanh Hải thể hiện một cách chân thực trong những hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị mà đẹp, tự nhiên giàu ý nghĩa vì nhà thơ đã lấy cái đẹp tinh túy của thiên nhiên để diễn tả vẻ đẹp của tâm hồn, để nói lên ước nguyện của mình. Nhà thơ Thanh Hải muốn được làm con chim hót giữa muôn vàn tiếng chim vô tư, cống hiến tiếng hót cho đời: là một cảnh hoa giữa vườn hoa xuân rực rỡ, vô tư tỏa hương sáng cho đời. Là một nốt trầm giữa bản hòa ca muôn điệu, “con chim”, “cảnh hoa” chính là những hình ảnh tạo nên bức tranh mùa xuân Xứ Huế ở khổ đầu bài thơ đã trở lại trong khổ thơ này mang ý nghĩa mới: điều mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa tỏa hương cho đời. Điệp ngữ “ta làm” thể hiện sự tha thiết, chân thành trong thái độ của nhà thơ. Cách chuyển từ “tôi” sang “ta” tạo được sắc thái trang trọng, thiêng liêng của một lời nguyện ước. Cái “tôi” của Thanh Hải đã nói thay cho nhiều cái “tôi” khác và hóa thành cái “ta” chung. Điều tâm niệm ấy không chỉ riêng Thanh Hải mà của biết bao thế hệ Việt Nam đang sống và cống hiến cho cuộc đời chung. Nhưng cống hiến, hòa nhập mà không làm mất đi nét riêng của mỗi người. Dù là một nốt trầm trong bản hòa ca nhưng phải là nốt trầm xao xuyến. Các từ “con”, “một” (Con chim hót, một bông hoa, một nốt trầm) là cách nói khiêm tốn, chân thành và giản dị thể hiện lối sống cao đẹp của nhà thơ. Những hình ảnh tuy đơn sơ mà chứa đựng tình cảm đã cập đề cập đến một vấn đề lớn đó là ý nghĩa của đời sống cá nhân trong quan hệ với cộng đồng, mỗi người hãy mang đến cuộc đời chung một nét riêng, cái phần tinh túy của mình dù nhỏ bé.

c. Khái quát

Như vậy, ở hai đoạn thơ này có một mối liên hệ rất đặc biệt đó là từ cảm xúc đến ước nguyện, từ đón nhận, đến dâng hiến, từ mùa xuân thiên nhiên đến mùa xuân của lòng người... từ đó thể hiện lối sống cao đẹp của nhà thơ hai đoạn thơ này đã sử dụng thể thơ 5 chữ, hình ảnh tự nhiên, giản dị mà giàu ý nghĩa biểu trưng khái quát cách cấu tạo sự đối ứng chặt chẽ giọng điệu tha thiết, lời thơ giản dị, giàu tính nhạc gần với điệu dân ca miền Trung.

3. Kết bài

Qua hai đoạn thơ, người đọc thấy được tâm hồn nhạy cảm, tinh tế cùng tình yêu quê hương, đất nước cũng như khát vọng được dâng hiến cho cuộc đời chung. Tâm hồn đó, tình cảm đó, khát vọng đó khiến chúng ta vô cùng cảm phục và trân trọng.

Đề 2: Phân tích khổ 4, khổ 5 bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải

1. Mở bài

Thanh Hải là nhà thơ luôn gắn bó với quê hương xứ Huế. Một trong những bài thơ của ông để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc là bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được sáng tác năm 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, chẳng bao lâu trước khi ông qua đời trong đó có đoạn thơ rất hay:

*“Ta làm con chim hót
Ta làm một nhành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc”*

Khổ thơ trên thuộc khổ 4, khổ 5 của bài thơ. Thể hiện ước nguyện của nhà thơ được cống hiến cho đời, muốn được làm mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân chung của đất nước, của cuộc đời.

2. Thân bài

* Mạch cảm xúc: Từ những cảm xúc về thiên nhiên, đất nước ở ba khổ thơ đầu, mạch thơ chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ những suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ, khát vọng được hòa nhập, dâng hiến cho cuộc đời chung.

1.Khổ 4: Đoạn thơ diễn tả khát vọng được hòa nhập, dâng hiến của nhà thơ, được cống hiến phần tốt đẹp dù nhỏ bé của mình trước cuộc đời chung cho đất nước được Thanh Hải thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị.

*“ Ta làm con chim hót
Ta là một nhành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến”*

Đẹp, tự nhiên, giàu ý nghĩa vì nhà thơ đã lấy cái đẹp tinh túy của thiên nhiên để diễn tả vẻ đẹp của tâm hồn, để nói lên ước nguyện của mình. Nhà thơ Thanh Hải muốn được làm “con chim hót” giữa muôn vàn tiếng chim vô tư cống hiến tiếng hót cho đời, là một nhành hoa giữa vườn hoa xuân rực rỡ, vô tư tỏa hương sắc cho đời, là một nốt trầm trong bản hòa ca muôn điệu con chim, cảnh hoa chính là những hình ảnh tạo nên bức tranh mùa xuân xứ Huế ở đầu bài thơ trở lại trong khổ thơ này mang một ý nghĩa mới: Niềm mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa tỏa hương cho đời, điệp ngữ “ta làm” con chim hót được thể hiện sự tha thiết, chân thành trong thái độ của nhà thơ. Cách chuyển từ “tôi” sang “ta” tạo sắc thái trang trọng, thiêng liêng một lời nguyện ước. cái “tôi” của Thanh Hải đã nói thay cho nhiều cái

“tôi” khác và hóa thành cái “ta” chung. Điều tâm niệm ấy không chỉ riêng của Thanh Hải mà của biết bao thế hệ Việt Nam đang sống, cống hiến cho cuộc đời chung.

2.Khổ 5: Khổ thơ tiếp theo vẫn diễn tại ước nguyện của Thanh Hải

**Tâm niệm lớn nhất của nhà thơ “Một mùa xuân nho nhỏ” góp vào mùa xuân lớn của đất nước, cuộc đời chung.*

“ Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời”

Hình ảnh “Mùa xuân nho nhỏ” cùng với những hình ảnh “cành hoa, con chim, nốt nhạc trầm”... tất cả đều mang một vẻ đẹp bình dị, khiêm nhường. Thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ. Nhà thơ nguyện làm “một mùa xuân” - nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường, chỉ là “một mùa xuân nho nhỏ” góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời. Những hình ảnh đơn sơ mà chứa đựng những tình cảm đó đã được đề cập đến một vấn đề lớn đó là ý nghĩa của đời sống cá nhân trong quan hệ với cộng đồng “mùa xuân nho nhỏ” còn là hình ảnh ẩn dụ độc đáo sáng tạo, mới lạ để nhà thơ thể hiện một quan niệm sống của mình, mỗi người phải mang đến cuộc đời chung một nét riêng cái phần tinh túy của mình, dù là bé nhỏ mỗi người hãy làm một “mùa xuân nho nhỏ” góp vào mùa xuân chung của đất nước, của cuộc đời. Những cống hiến, hòa nhập mà không làm mất đi cái riêng của mỗi người. Dù là một nốt trầm những bản hòa ca nhưng phải là “nốt trầm xao xuyến” từ láy “nho nhỏ”, cùng với các từ “con”, “ một” (con chim, một nhành hoa, một nốt trầm) là cách nói khiêm tốn, chân thành mà giản dị, thể hiện lẽ sống cao đẹp khiêm nhường của nhà thơ.

b.Đoạn thơ cũng thể hiện quan niệm của Thanh Hải về sự cống hiến. Với Thanh Hải cống hiến là phải tự nguyện, không phô trương, ồn ào (lặng lẽ dâng cho đời). Và khát được hòa nhập, mong muốn được cống hiến cho đời không phải là một lúc mà là trọn đời:

“Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc”

“Tuổi 20” và “khi tóc bạc” là hai thời điểm khác nhau trong cuộc đời con người . “Tuổi 20” là khi còn trẻ, còn sung túc. “Khi tóc bạc” là khi đã về già cách nói hoán dụ đó đã cho ta thấy Thanh Hải, sự cống hiến không kể tuổi tác, thời gian. Điệp ngữ “dù là” khiến nhịp điệu câu thơ sâu lắng, giọng điệu ấm áp, xúc động, thiết tha. Hai câu thơ cho thấy một con người khi đã trải qua hai cuộc kháng chiến đã cống hiến trọn đời cho cách mạng, vẫn tha thiết được sống đẹp, sống có ích, sống với tất cả sức sống tươi trẻ điều đó đã khiến cho chúng ta xúc động vô cùng.

3. Đánh giá: Đoạn thơ được làm theo thể thơ năm chữ, giọng điệu trong sáng, thiết tha, gần với âm điệu dân ca miền Trung, nhiều hình ảnh đẹp, tự nhiên giản dị

mà gợi cảm. Giọng thơ phù hợp với tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ. Bài thơ được viết một tháng trước khi nhà thơ trở về cát bụi, nhưng không gợi một chút băn khoăn với bệnh tật, những suy nghĩ riêng tư cho bản thân mà chỉ lặng lẽ cháy bỏng một khao khát được cống hiến. Chúng ta xúc động, trân trọng và vô cùng cảm phục sức xuân bừng nở trong tâm hồn tác giả đúng vào lúc Thanh Hải đang ốm nặng trên giường bệnh. Nhà thơ đã nhìn cuộc sống bằng đôi mắt thiết tha, tràn đầy hy vọng. Đọc thơ Thanh Hải ta có cảm nhận nhà thơ có tình yêu cuộc sống mãnh liệt, ta nghe như tiếng thì thầm của mùa xuân đang đắm say lòng người.

3. Kết bài

Khổ 4 và khổ 5 của bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng yêu tha thiết và gắn bó với đất nước với cuộc đời của Thanh Hải. Đoạn thơ như một tâm niệm chân thành lời gửi gắm thiết tha của Thanh Hải đã để lại cho đời. Chúng ta càng cảm thấy khâm phục, trân trọng khát vọng hòa nhập, dâng hiến của Thanh Hải bao nhiêu thì bản thân chúng ta là học sinh cần phải bồi đức, luyện tài để góp phần nhỏ bé của mình vào mùa xuân chung của đất nước.

Đề 3: Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” chính là những cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên qua việc phân tích 3 khổ thơ đầu của bài thơ: (*) (TÁCH ĐOẠN)

A. Mở bài:

Cách 1: Thanh Hải là nhà thơ tiêu biểu trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Là con người tài hoa, giàu sức sống nghệ thuật và lắng nghe được âm thanh của cuộc sống, ngay cả những phút giây cận kề với cái chết Thanh Hải vẫn lạc quan khao khát sống, được cống hiến cho đời. Ước nguyện ấy được gói gém trong một bài thơ nhỏ xinh “ Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được xem như lời tâm nguyện thiết tha đáng trân trọng mà nhà thơ Thanh Hải để lại cho đời trước lúc đi xa. Tiếng lòng tha thiết, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời được thể hiện rõ nhất qua ba khổ thơ đầu. (Thơ)

Cách 2: Mùa xuân từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận, là nơi hội tụ bàn tay nghệ sĩ tài hoa. Thanh Hải - Nhà thơ của xứ Huế cũng góp vào vườn thơ xuân ấy một bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” . Bài thơ là tiếng lòng thiết tha, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời thể hiện ước nguyện của nhà thơ được cống hiến cho đất nước. Tiếng lòng ấy được thể hiện xuyên suốt bài thơ, đặc biệt rõ nhất qua 3 khổ thơ đầu. (Chép thơ)

B. Thân bài

1. Khái quát về tác phẩm

- Bài thơ được nhà thơ Thanh Hải sáng tác tháng 11/1980, năm năm sau ngày đất nước ta giành được độc lập. Và đây cũng là một hoàn cảnh rất đặc biệt đối với nhà thơ Thanh Hải. Ông đang bị bệnh nặng phải điều trị ở bệnh viện trung ương thành phố Huế, và một tháng sau ông qua đời. Có hiểu cho hoàn cảnh của nhà thơ trên

giường bệnh ta mới thấy hết được tấm lòng tha thiết với cuộc sống, với quê hương đất nước của nhà thơ.

2. Phân tích đoạn thơ

a. Khổ 1 - Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên

- Mở đầu bài thơ là bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải được mở ra bằng những hình ảnh, màu sắc, âm thanh hài hòa, tràn đầy sức sống:

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.*

+ Ngay hai câu mở đầu ta đã bắt gặp một cách viết khác lạ. Tác giả không viết như bình thường: “một bông hoa tím biếc mọc giữa dòng sông xanh” mà đảo lại “Mọc giữa dòng sông xanh/Một bông hoa tím biếc”. Động từ “mọc” được đảo lên đầu câu thơ là một dụng ý nghệ thuật của tác giả. Thông qua phép đảo ngữ ấy, nhà thơ như muốn khắc sâu ấn tượng về sức sống trỗi dậy và vươn lên của mùa xuân. Tưởng như bông hoa tím biếc kia đang từ từ, lồ lộ mọc lên, vươn lên, xòe nở trên mặt nước xanh của dòng sông xuân.

+ Không gian mùa xuân rộng mở tươi tắn với hình ảnh một dòng sông trong xanh chảy hiền hoà. Cái màu xanh ấy phản ánh được màu xanh của bầu trời, của cây cối hai bên bờ, cái màu xanh quen thuộc mà ta có thể gặp ở bất kì một con sông nào ở dải đất miền Trung.

+ Và nổi bật trên nền xanh lơ của dòng sông là hình ảnh “một bông hoa tím biếc”, một hình ảnh thân thuộc của cánh lục bình hay bông súng, bông trang mà ta thường gặp ở các ao hồ sông nước của làng quê. Màu tím biếc ấy không lẫn vào đâu được với sắc màu tím Huế thân thương - vốn là nét đặc trưng của những cô gái đất kinh kỳ với sông Hương núi Ngự.

=> Màu xanh của nước hài hoà với màu tím biếc của bông hoa tạo nên một nét chấm phá nhẹ nhàng mà sống động, đem lại một vẻ đẹp tự nhiên, hài hòa, một màu sắc đặc trưng của xứ Huế.

- Tuy nhiên bức tranh thiên nhiên không chỉ có “họa” mà còn có “nhạc” bởi tiếng chim chiền chiện cất lên với muôn vàn lời ca tiếng hót, reo mừng:

*“Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời.”*

+ Nhà thơ gọi “ơ” nghe sao mà tha thiết thế! Lời gọi ấy không cất lên từ tiếng nói mà cất lên từ sâu thẳm tình yêu thiên nhiên, cất lên từ tấm lòng của nhà thơ trước mùa xuân tươi đẹp với những âm thanh rộn rã.

+ Lời gọi ấy mới đầu nhen nhóm ở một góc trái tim, nhưng con người nhà thơ và những cảnh sắc, âm thanh kia như đã hòa vào làm một, cảm xúc từ đó mà òa ra thành lời, thật ngỡ ngàng, thật thích thú.

+ Cảm xúc của nhà thơ đã trào dâng thực sự qua câu hỏi tu từ: “Hót chi mà vang trời”. Thứ âm thanh không thể thiếu ấy làm sống dậy cả không gian cao rộng,

khoáng đạt, làm sống dậy, vực dậy cả một tâm hồn con người đang phải đối mặt với những bóng đen ú ám của bệnh tật, của cái chết rình rập.

=> Dòng sông êm trôi, bông hoa lững lờ, tiếng chim rộn rã... bức tranh mùa xuân xứ Huế bao giờ cũng đẹp, nhẹ nhàng, và mơ mộng như thế!

- Thiên nhiên, nhất là mùa xuân vốn hào phóng, sẵn sàng trao tặng con người mọi vẻ đẹp nếu con người biết mở rộng tấm lòng. Thanh Hải đã thực sự đón nhận mùa xuân với tất cả sự tài hoa của ngòi bút, sự thăng hoa của tâm hồn. Nhà thơ lặng ngắm, lặng nghe bằng cả trái tim xao động, bằng trí tưởng tượng, liên tưởng độc đáo:

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.

+ Cụm từ “ giọt long lanh” gợi lên những liên tưởng phong phú và đầy thi vị. Nó có thể là giọt sương lấp lánh qua kẽ lá trong buổi sớm mùa xuân tươi đẹp, có thể là giọt nắng rọi sáng bên thềm, có thể giọt mưa xuân đang rơi... Nhưng theo mạch cảm xúc của bài thơ thì có lẽ đây là giọt âm thanh của tiếng chim ngân vang, đọng lại thành từng giọt niềm vui, rơi xuống cõi lòng rộng mở của thi sĩ, thấm vào tâm hồn đang rạo rực tình xuân.

+ Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được vận dụng một cách tài hoa, tinh tế qua trí tưởng tượng của nhà thơ. Thanh Hải cảm nhận vẻ đẹp của mùa xuân bằng nhiều giác quan: thị giác, thính giác và cả xúc giác.

+ Cử chỉ “Tôi đưa tay tôi hứng” thể hiện sự nâng niu, trân trọng của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời lúc với xuân với cảm xúc say sưa, xốn xang, rạo rực. Nhà thơ như muốn ôm trọn vào lòng tất cả sức sống của mùa xuân, của cuộc đời.

=> Khổ thơ mở đầu đã mở ra một bức tranh xứ Huế thật đẹp: có hình ảnh, có màu sắc, âm thanh được họa lên từ những vần thơ có nhạc... Bài thơ được viết vào tháng 11 năm 1980, khi ấy đang là mùa đông giá rét. Như vậy, hình ảnh mùa xuân được miêu tả ở đây là mùa xuân trong tâm tưởng của nhà thơ. Đối mặt với bệnh tật, thậm chí phải đối mặt với cả cái chết, vậy mà nhà thơ vẫn hướng đến mùa xuân tươi trẻ, tràn đầy sức sống, thể hiện một tâm hồn lạc quan yêu đời, một niềm khát khao cuộc sống vô bờ. Đọc những vần thơ của ông, người đọc trân trọng hơn, yêu hơn một tâm hồn nghệ sĩ, một tình yêu quê hương, đất nước đến vô ngần.

b. Cảm xúc trước mùa xuân của đất nước

***Khổ 2**

Từ những cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, Thanh Hải tiếp tục bộc lộ những cảm xúc của mình khi đất nước bước vào một mùa xuân mới:

“Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hối hả

Tất cả như xô nhau...”

- Không phải ngẫu nhiên trong khổ thơ lại xuất hiện hình ảnh “người cầm súng” và “người ra đồng”. Họ là những con người cụ thể, những con người làm nên lịch sử với hai nhiệm vụ cơ bản của đất nước ta trong suốt quá trình phát triển lâu dài: chiến đấu và sản xuất, bảo vệ và xây dựng Tổ quốc.

- Mùa xuân đến mang đến tiếng gọi của những cố gắng mới và hi vọng mới, mang đến tiếng gọi của đất nước, của quê hương đang trên đà đổi thay, phát triển. Những tiếng gọi lặng lẽ tới từ mùa xuân làm thức dậy con người, làm trái tim con người như bùng lên rạng rỡ trong không khí sôi nổi của đất nước, của muôn cây cỏ đã đi theo người lính vào chiến trường, sát kề vai, đã cùng người lao động hăng say ngoài đồng ruộng.

- Mùa xuân không những chắp thêm đôi cánh sức mạnh cho con người mà còn chuẩn bị cho con người những “lộc” non tươi mới, căng tràn nhựa sống:

+ “Lộc” không chỉ là hình ảnh tả thực mà con mang ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng.

+ “Lộc” là nhành non chồi biếc của cỏ cây trong mùa xuân.

+ Đối với người chiến sĩ, “lộc” là cành lá ngụy trang che mắt quân thù trong cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc đầy cam go và ác liệt.

+ Đối với người nông dân “một nắng hai sương”, “lộc” là những mầm xuân tươi non trải dài trên ruộng đồng bát ngát, báo hiệu một mùa bội thu.

+ Nhưng đặc biệt hơn cả, “lộc” là sức sống, là tuổi trẻ, sức thanh xuân tươi mới đầy mơ ước, lí tưởng, đầy những hoài bão và khát vọng cống hiến của tuổi trẻ, sôi nổi trong mỗi tâm hồn con người – tâm hồn của người lính dũng cảm, kiên cường nơi lửa đạn bom rơi – tâm hồn của người nông dân cần cù, hăng say tăng gia sản xuất. “Lộc” chính là thành quả hôm nay và niềm tin, hi vọng ngày mai.

- Từ những suy nghĩ rất thực về đất nước, nhà thơ khái quát:

Tất cả như hồi hã

Tất cả như xuân xanh

+ Điệp ngữ “tất cả”, các từ láy biểu cảm “hồi hã”, “xuân xanh”, nhịp thơ nhanh => nhà thơ đã khái quát được cả một thời đại của dân tộc.

+ “Hồi hã” diễn tả nhịp điệu khẩn trương, tất bật của những con người Việt Nam trong giai đoạn mới, thời đại mới, trong công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa.

+ Còn “xuân xanh” lại bộc lộ tâm trạng nao nức rộn ràng.

=> Ý thơ khẳng định một điều: không chỉ cá nhân nào vội vã mà cả đất nước đang hồi hã, khẩn trương sản xuất và chiến đấu. Tất cả đều nao nức, rộn ràng trong mùa xuân tươi đẹp của thiên nhiên, của đất nước.

=> Thanh Hải đã rất lạc quan, say mê và tin yêu khi viết nên những vần thơ này.

- Xúc cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước khi bước vào mùa xuân, nhà thơ Thanh Hải đã có cái nhìn sâu sắc và tự hào về lịch sử bốn nghìn năm dân tộc:

“Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước”

+ Với nghệ thuật nhân hóa, Tổ quốc như một người mẹ tần tảo, vất vả và gian lao, đã làm nổi bật sự trường tồn của đất nước. Để có được sự trường tồn ấy, giang sơn gấm vóc này đã thấm bao máu, mồ hôi và cả nước mắt của các thế hệ, của những

tháng năm đặng đặng lúc hưng thịnh, lúc thăng trầm. Nhưng dù trở lực có mạnh đến đâu cũng không khuất phục được dân tộc Việt Nam:

“Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững

Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa”. (Huy Cận)

+ Đặc biệt, phép tu từ so sánh được nhà thơ sử dụng vô cùng đặc sắc, làm ý thơ hàm súc – “Đất nước như vì sao/Cứ đi lên phía trước”. Sao là nguồn sáng bất diệt của thiên hà, là vẻ đẹp lung linh của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng trong vũ trụ. So sánh như thế, là tác giả đã ngợi ca đất nước trường tồn, tráng lệ, đất nước đang hướng về một tương lai tươi sáng. Điệp ngữ “đất nước” được nhắc lại hai lần thể hiện sâu sắc ý thơ: trải qua những gian truân, vất vả, đất nước vẫn toả sáng đi lên không gì có thể ngăn cản được.

=> Ta cảm nhận được niềm tin tưởng của tác giả vào tương lai rạng ngời của dân tộc Việt Nam. Âm thanh mùa xuân đất nước vang lên từ chính cuộc sống vất vả, gian lao mà tươi thắm đến vô ngần.

3. Đánh giá

Như vậy, bằng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, nghệ thuật đảo ngữ cùng các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, hai khổ thơ đầu đã giúp người đọc cảm nhận được những cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Đó là niềm say sưa ngây ngất trước vẻ đẹp mộng mơ, dịu dàng của bức tranh thiên nhiên xứ Huế, là niềm tin, niềm vui, niềm tự hào khi đất nước bước vào xuân. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với quê hương đất nước. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

C. Kết bài

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

VIẾNG LĂNG BÁC

(Viễn Phương)

Đề 1: Phân tích bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương

1. Mở bài

Viễn Phương là cây bút thơ xuất hiện sớm nhất trong lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam. Thơ ông thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm và rất mộc mạc. Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài thơ “Viếng lăng Bác”. Bài thơ được viết trong không khí xúc động của nhân dân ta lúc công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khánh thành sau khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Bài thơ thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính của nhà thơ, của mọi người đối với Bác.

2. Thân bài

***Mạch cảm xúc:** Cảm hứng bao trùm bài thơ là niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, lòng biết ơn tự hào pha lẫn nỗi đau xót khi tác giả Từ miền Nam ra viếng lăng Bác. Mạch vận động của cảm xúc đi theo trình tự cuộc vào lăng viếng Bác. Mở đầu là cảm xúc bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét: về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương, đất nước. Tiếp đó là cảm xúc trước khi trước hình ảnh dòng người như bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác. Xúc cảm và suy ngẫm về Bác được gợi lên từ hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng: mặt trời, vầng trăng, trời xanh cuối cùng là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương Miền Nam muốn tấm lòng mình vẫn mãi mãi ở lại bên lăng với Bác.

1. Khổ 1, 2: Cảm xúc của tác giả khi đứng trước lăng

a. Khổ thơ đầu: Bài thơ là cảm xúc của tác giả khi đứng trước Lăng Bác.

Câu thơ mở đầu: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác” chỉ gọn ngắn gọn như một lời thông báo, nhưng lại gợi ra tâm trạng xúc động của một người con từ chiến trường miền Nam sau bao nhiêu năm mong mỏi bây giờ mới được ra thăm viếng Bác. Tác giả dùng đại từ “ con” nghe rất gần gũi, thân thiết, ấm áp tình yêu thương để diễn tả tâm trạng xúc động của người con ra thăm cha cách nói giảm, nói tránh khi dùng từ “thăm” thay cho từ “viếng” để giảm nhẹ nỗi đau thương, mất mát đồng thời khiến mọi người cảm thấy hình ảnh của Bác vẫn còn sống mãi trong tâm tưởng.

Hình ảnh đầu tiên mà tác giả thấy được là ấn tượng đậm nét về cảnh quan bên lăng Bác là hàng tre: “Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát” thì ra đến đây nhà thơ lại gặp một hình ảnh hết sức thân thuộc của làng quê Việt Nam và đã trở thành một biểu tượng của dân tộc “ cây tre”. Cây tre đã trở thành “Cây tre Việt Nam” và là biểu tượng của sức sống bền bỉ, kiên cường của dân tộc. Trước hàng tre Viễn Phương xúc động, tự hào và thốt lên:

*“Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.”*

Cách nói ẩn dụ “Xanh xanh Việt Nam”, cùng với phép nhân hóa “đứng thẳng hàng” làm nổi bật hình ảnh hàng tre mang màu xanh đất nước, mang dáng dấp của con người Việt Nam hiên ngang, bất khuất . Như vậy khổ thơ đầu bài thơ diễn tả niềm xúc động, thiêng liêng của tác giả khi được vào lăng viếng Bác, khi bắt gặp những hình ảnh hàng tre thân thuộc cảm xúc của tác giả trào dâng.

b. Đứng trước lăng Người tác giả trào dâng niềm xúc động thiêng liêng, thành kính. Khổ thơ thứ hai của bài thơ được tạo nên từ hai cặp câu với những hình ảnh thực và hình ảnh ẩn dụ sóng đôi ở cặp thơ thứ nhất:

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”*

Hình ảnh “mặt trời đi qua trên lăng” là một hình ảnh thực (một mặt trời thiên nhiên rực rỡ, vĩnh hằng ngày ngày đi qua trên lăng). Còn hình ảnh “mặt trời trong

lăng” đã được chuyển nghĩa, được tượng trưng hóa (chỉ bác Hồ). Hình ảnh ẩn dụ này vừa nói lên sự vĩ đại của Bác Hồ như mặt trời, vừa thể hiện sự tôn kính của nhà thơ của nhân dân. Đối với Bác Viễn Phương đã ngầm so sánh Bác với “mặt trời”. Nếu mặt trời của thiên nhiên đem lại ánh sáng, sự sống cho muôn loài chỉ Bác Hồ đã đưa đất nước ta từ một đất nước nô lệ tối tăm đến một đất nước độc lập tự do.

Hai câu thơ tiếp theo là cảm xúc của tác giả trước hình ảnh dòng người bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác:

*“ Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng 79 mùa xuân ”*

“ Dòng người đi trong thương nhớ” là hình ảnh thực: Ngày ngày dòng người đi trong nỗi xúc động, bồi hồi trong nỗi tiếc thương vô hạn khi vào lăng viếng Bác. Những dòng người đó xếp thành một hàng dài trông như những tràng hoa vô tận. Còn hình ảnh “tràng hoa” là hình ảnh đẹp và rất sáng tạo của nhà thơ : Chỉ cuộc đời những người đang vào lăng viếng Bác, đã nở hoa dưới ánh sáng của người những bông hoa tươi thắm đó đã được đến dâng lên người những gì tốt đẹp nhất. Hình ảnh ẩn dụ đó thể hiện tấm lòng thành kính của nhà thơ, của nhân dân đối với Bác . “Bảy mươi chín mùa xuân” Là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng con người “79 mùa xuân” ấy đã sống của cuộc đời đẹp như những mùa xuân và đã làm nên trong mùa xuân đất nước trong cuộc đời như vậy. Ở khổ thơ thứ hai với những hình ảnh ẩn dụ đẹp, nhà thơ đã diễn tả những niềm xúc động thành kính, thiêng liêng của mình và cũng là tất cả của mọi người khi vào lăng viếng Bác.

2. Khổ 3: Cảm xúc của nhà tác giả khi vào trong lăng.

Khổ thơ thứ 3: của bài thơ diễn tả cảm xúc và suy ngẫm của tác giả khi vào trong lăng. Từ lòng thành kính biết ơn chuyển sang niềm xúc động nghẹn ngào khi tác giả vào lăng viếng Bác. Khung cảnh và không khí thanh tĩnh trong lăng ngưng hết cả thời gian, không gian khung cảnh trong lăng Bác được nhà thơ gọi tả rất đạt bằng hai câu thơ giản dị:

*“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền”*

Hai câu thơ diễn tả chính xác và tinh tế, sự trang nghiêm yên tĩnh và ánh sáng dịu nhẹ trong trẻo của không gian trong lăng Bác. Bác đang ngủ trong giấc ngủ bình yên, thanh thản giữa “vầng trăng sáng dịu hiền”. “Vầng trăng” còn gọi ta suy nghĩ đến trong thơ Bác tràn ngập ánh trăng. Trăng của Bác lên chiến khu, trăng của Bác vào nhà lao, gần bó với Bác như người bạn tri ân, tri kỷ. Và giờ đây trăng lại canh giấc ngủ cho Bác. Đồng thời những hình ảnh “vầng trăng” nhà thơ còn muốn tạo ra một hệ thống hình ảnh vũ trụ để ví với Bác “vầng trăng” là hình ảnh ẩn dụ chỉ tâm hồn cao đẹp, sáng trong của Bác. Người có lúc là “mặt trời” ấm áp,

rực rỡ, có lúc lại dịu hiền như “ánh trăng”. Hình ảnh ẩn dụ đó vừa thể hiện niềm xúc động, vừa thể hiện tấm lòng thành kính của nhà thơ đối với Bác, đứng trước Người nhà thơ có tâm trạng xúc động, tâm trạng được biểu hiện qua một hình ảnh ẩn dụ sâu sắc:

“Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”. “Trời xanh” là hình ảnh ẩn dụ chỉ Bác Hồ với hình ảnh ẩn dụ đó nhà thơ muốn nói với người đọc Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước. Người đã hóa thành thiên nhiên, đất nước trường tồn cùng dân tộc, sống mãi trong sự nghiệp và trong tâm trí của người dân như bầu trời xanh vĩnh hằng trên cao. Diễn tả điều này, nhà thơ Tố Hữu đã từng viết: “Bác sống như trời đất của ta”. Như vậy “vầng trăng”, “trời xanh”, cũng giống như mặt trời là các hình ảnh kỳ vĩ, rộng lớn tiếp nhau cùng xuất hiện khiến chúng ta phải suy ngẫm về cái bất diệt, cái vô cùng cao cả của một con người.

Dù vẫn tin như thế nhưng tác giả không thể không đau xót trước sự ra đi của Người, nỗi đau xót đó được nhà thơ biểu hiện cụ thể trực tiếp:

“Mà sao nghe nhói ở trong tim”

Nỗi đau của quặn thắt, tê tái trong đáy sâu tâm hồn như hàng nghìn mũi kim đâm vào trái tim đang thốn thức của người con. Động từ “nói” đã diễn tả chính xác sự rung cảm chân thành của Viễn Phương khi đứng trước thi thể Người. Nỗi đau đó có lẽ không phải của riêng Viễn Phương mà là của tất cả mọi người dân Việt Nam.

3. Khổ thơ kết

Khổ thơ kết bài thơ diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn ở bên trong lăng Bác. Bài thơ được viết theo mạch cảm xúc thời gian khi còn đứng trên đất Bắc, nhưng tác giả đã bịn rịn nghĩ đến lúc chia tay, phải xa nơi Bác yên nghỉ. Và đến đây dòng cảm xúc được đẩy lên mức cao nhất, tuôn trào mạnh mẽ nhất:

“Mai về miền Nam thương trào nước mắt”

Câu thơ như một lời nói thường, giọng thơ không ồn ào mà đọc lên nghe xúc động vô cùng. Câu thơ như một lời giã biệt, lời nói giản dị mà diễn tả cảm xúc sâu lắng. Từ “trào” đã diễn tả cảm xúc mãnh liệt đó. Đó là sự luyến tiếc, bịn rịn không muốn rời xa nơi Bác nghỉ. Có lẽ tâm trạng của nhà thơ cũng là tâm trạng của muôn triệu con tim bé nhỏ cùng chung nỗi đau. Ở gần Bác dù trong giây phút nhưng có lẽ nhà thơ cũng như bao con người khác không muốn rời xa mà chỉ muốn ở mãi bên người. Nhưng tác giả cũng đã đến lúc phải trở về quê hương miền Nam, và chỉ có thể gửi tấm lòng mình bằng cách hóa thân, hoà nhập vào những cảnh vật ở bên lăng Bác:

*“Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”*

Nhà thơ “muốn làm con chim” cất tiếng hát đẹp đẽ trong lành, những âm thanh tự nhiên đến bên Bác. “Muốn làm đóa hoa tỏa hương” nơi Bác nghỉ và hơn hết

“muốn làm cây tre” để nhập vào hàng tre bát ngát bên lăng để canh giấc ngủ bình yên cho Người. Ước nguyện nhỏ bé đó thật chân thành, giản dị, tha thiết, khiêm nhường, nhưng vô cùng cao đẹp, ý nghĩa. Nhà thơ đã dùng những hình ảnh của thiên nhiên để diễn tả về ước nguyện của mình. Điệp từ “muốn làm” đã được đặt ở đầu câu diễn tả nhấn mạnh tâm trạng lưu luyến, ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ khiêm nhường nhưng vô cùng đẹp, ý nghĩa. Nhà thơ đã dùng hình ảnh của thiên nhiên để diễn tả nguyện của mình. Hình ảnh “cây tre” ở đầu bài thơ được lặp lại tạo kết cấu chặt chẽ và khép lại bài thơ cũng khép lại mạch cảm xúc của tác giả. Có lẽ ước nguyện thành kính của Viễn Phương cũng là ước nguyện chung của người dân Việt Nam đã và chưa một lần được gặp Bác.

4. Đánh giá: Qua 4 khổ thơ khá cô đọng, giọng điệu vừa trang nghiêm sâu lắng, vừa tha thiết tự hào pha lẫn nỗi xót đau, cùng với những hình ảnh thơ sáng tạo giàu ý nghĩa biểu tượng. Nhà thơ đã thể hiện niềm xúc động tràn đầy và lớn lao trong lòng khi vào lăng viếng Bác, những tình cảm thành kính, sâu sắc với Bác Hồ.

3. Kết bài

“Viếng lăng Bác” là bài thơ hay, đẹp về hình ảnh, hay về cảm xúc gợi cảm xúc sâu xa trong lòng người đọc. Bài thơ được phổ nhạc thành bài hát, đã trở thành khúc ca về tình cảm với lãnh tụ, xúc động lòng người và còn mãi với thời gian. Bài thơ (đoạn thơ) thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng thành kính thiết tha của tác giả từ khi miền Nam mới được giải phóng ra “Viếng lăng Bác”. Đó cũng là tình cảm chung của mỗi người dân Việt Nam người dân miền Nam dành cho Bác. Chúng ta đánh là học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường cần cố gắng thực hiện tốt năm điều Bác Hồ dạy, xứng đáng là con ngoan trò giỏi cháu ngoan Bác Hồ.

Đề 2: Cảm nhận của em về đoạn thơ sau: Hai khổ thơ đầu bài “Viếng Lăng bác” của Viễn Phương.

A. Mở bài:

Cách 1: Viễn Phương là cây bút thơ xuất hiện sớm nhất trong lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam. Thơ ông thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm và rất mộc mạc. Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài thơ “Viếng lăng Bác”. Bài thơ được viết trong không khí xúc động của nhân dân ta lúc công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khánh thành sau khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Bài thơ thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính của nhà thơ, của mọi người đối với Bác. Hai khổ thơ đầu của bài thơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc, khổ thơ đã thể hiện niềm xúc động thành kính, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là tất cả của mọi người khi vào lăng viếng Bác:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

.....

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”

Cách 2:

Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, một danh nhân văn hóa thế giới, một trái tim vĩ đại, một nhân cách vĩ đại, người cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam. Người ra đi để lại niềm tiếc thương vô hạn cho toàn thể nhân dân. Để rồi 7 năm sau - Năm 1976, nhà thơ Viễn Phương bồi hồi thương nhớ Người và sáng tác lên bài thơ “*Viếng lăng Bác*”. Bài thơ thể hiện niềm kính yêu, sự xót thương và lòng biết ơn sâu sắc của tác giả nói riêng, của toàn thể đồng bào Việt nói chung với vị lãnh tụ của dân tộc. Hai khổ thơ đầu của bài thơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc, khổ thơ đã thể hiện niềm xúc động thành kính, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là tất cả của mọi người khi vào lăng viếng Bác:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

.....

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”

B. Thân bài

1. Giới thiệu khái quát về bài thơ

Bài thơ “*Viếng lăng Bác*” của Viễn Phương được viết vào năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền Nam, đất nước vừa được thống nhất. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

2. Cảm nhận đoạn thơ

a. Cảm xúc của nhà thơ khi lần đầu tiên được ra thăm lăng viếng Bác

- Bài thơ được bắt đầu bằng những vần thơ viết về cảm xúc của nhà thơ khi lần đầu tiên được ra thăm lăng viếng Bác:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”

- Câu thơ mở đầu như một lời thông báo ngắn gọn, lời lẽ giản dị nhưng chứa biết bao điều sâu xa, Nhà thơ muốn nói mình là người con ở miền Nam, nơi tuyến đầu của Tổ quốc, ở nơi máu đổ suốt mấy chục năm trời. Như vậy, không đơn giản là chuyên đi thăm công trình kiến trúc, không chỉ chiêm ngưỡng trước di hài một vĩ nhân mà đó là cây tìm về cội, lá tìm về cành, máu chảy về tim, sông trở về nguồn. Đó là cuộc trở về để báo công với Bác, để được Bác ôm vào lòng và ngợi khen.

- Nhà thơ xưng “con” và gọi chủ tịch HCM là “Bác”, chữ “con” lại được đặt ở đầu dòng thơ, đầu bài thơ. Trong ngôn từ của nhân loại không có một chữ nào lại xúc động và sâu nặng bằng tiếng “con”. => Cách xưng hô này thật gần gũi, thân thiết, ấm áp tình thân mà vẫn rất mực thành kính, thiêng liêng. Với cách xưng hô và cách dùng từ của nhà thơ Viễn Phương giúp cho người đọc cảm nhận được tình cảm xúc động, nhớ

thương của một người con đối với cha. Một tiếng “con” ấy thôi cũng để diễn tả được tâm trạng xúc động của người con ra thăm cha sau bao nhiêu năm xa cách. Đó không chỉ là tình cảm riêng của nhà thơ mà còn là tình cảm chung của dân tộc Việt Nam. Thế hệ này tiếp nối thế hệ khác song tất cả đều có chung một tình cảm như thế với Bác Hồ kính yêu.

- Nhà thơ sử dụng từ “thăm” thay cho từ “viếng”:

=> Cách nói giảm, nói tránh giảm nhẹ nỗi đau thương mất mát khẳng định Bác vẫn còn mãi trong trái tim nhân dân miền Nam, trong lòng dân tộc. Đồng thời gợi sự thân mật, gần gũi: Con về thăm cha - thăm người thân ruột thịt, thăm chỗ Bác nằm, thăm nơi Bác ở để thỏa lòng khát khao mong nhớ bấy lâu.

- Đến lăng Bác, hình ảnh đầu tiên mà tác giả quan sát được, cảm nhận được, và có ấn tượng đậm nét là hình ảnh hàng tre:

“Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát”

- Hình ảnh “*hàng tre bát ngát*” ẩn hiện trong làn sương sớm mờ ảo trên đường đến thăm Bác chính là hình ảnh tả thực mang dáng hình quê hương đất nước thân yêu, bình dị. Nó cũng là hình ảnh ẩn dụ: biểu tượng cho con người Việt Nam kiên cường, bất khuất, vượt qua “*bão táp mưa sa*” muôn vàn gian khổ để thống nhất đất nước theo di ngôn của Người, rồi trở về nghiêng mình kính cẩn trước anh linh của Người.

- Những hình ảnh gợi tả gợi cảm kết hợp với nhau đã tạo nên một trường liên tưởng độc đáo, thú vị. Lăng Bác hiện lên dưới ngòi bút nhà thơ như một làng quê yên bình. Trước hàng tre Viên Phương xúc động, tự hào và thốt lên:

“Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.”

Cách nói ẩn dụ “Xanh xanh Việt Nam”, cùng với phép nhân hóa “*đứng thẳng hàng*” - là tinh thần đoàn kết đấu tranh, chiến đấu anh hùng, không bao giờ khuất phục, tất cả vì độc lập tự do của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ. Với cách nói này tác giả làm nổi bật hình ảnh hàng tre mang màu xanh đất nước, mang dáng dấp của con người Việt Nam hiên ngang, bất khuất.

- Thành ngữ “*bão táp mưa sa*” nhằm chỉ những khó khăn, gian khổ, những vinh quang và cay đắng mà nhân dân ta đã vượt qua trong trường kì dựng nước và giữ nước, đặc biệt là trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vừa qua.

=> Từ hình ảnh hàng tre bát ngát trong sương quanh lăng Bác, nhà thơ đã suy nghĩ, liên tưởng và mở rộng khái quát thành một hình ảnh hàng tre mang ý nghĩa ẩn dụ, biểu tượng cho sức sống bền bỉ, kiên cường, bất khuất của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. Dù gặp bão táp mưa sa - gặp những thăng trầm trong cuộc kháng chiến cứu nước và giữ nước, vẫn “*đứng thẳng hàng*”, vẫn đoàn kết đấu tranh, chiến đấu anh hùng, không bao giờ khuất phục. Niềm xúc động và tự hào về đất nước, về dân tộc, về những con người Nam Bộ đã được nhà thơ bộc lộ trực tiếp qua từ cảm thán “*Ôi*” đứng ở đầu câu.

=> Hàng tre ấy như những đội quân danh dự cùng với những loài cây khác đại diện cho những con người ở mọi miền quê trên đất nước Việt Nam tụ họp về đây xum vầy với Bác, trò chuyện và bảo vệ giấc ngủ cho Người. Nơi Bác nghỉ vẫn luôn xanh mát bóng tre xanh.

=> . Như vậy khổ thơ đầu bài thơ diễn tả niềm xúc động, thiêng liêng của tác giả khi được vào lăng viếng Bác, khi bắt gặp những hình ảnh hàng tre thân thuộc cảm xúc của tác giả trào dâng.

Chỉ một khổ thơ ngắn thôi nhưng cũng đủ để thể hiện những cảm xúc chân thành, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là của nhân dân đối với Bác kính yêu.

2.2. Cảm xúc của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác:

- Nhà thơ đã có những dòng thơ vô cùng xúc động về cảm xúc của mình khi hòa vào dòng người vào lăng viếng Bác:

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.”*

+ Đến đây, nhà thơ tiếp tục sáng tạo những hình ảnh thơ vô cùng độc đáo. Hình ảnh “*mặt trời đi qua trên lăng*” là hình ảnh thực. Đó là mặt trời thiên tạo, mặt trời của tự nhiên, là hành tinh quan trọng nhất của vũ trụ, nó gợi ra sự kì vĩ, sự bất tử, vĩnh hằng. Mặt trời là nguồn cội của sự sống, ánh sáng.

+ Hình ảnh “*mặt trời trong lăng*” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, độc đáo - đó là hình ảnh của Bác Hồ. Giống như “*mặt trời*”, Bác Hồ cũng là nguồn ánh sáng, nguồn sức mạnh. “*Mặt trời*” - Bác Hồ soi đường dẫn lối cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, thống nhất đất nước. Bác đã cùng nhân dân vượt qua trăm ngàn gian khổ, hi sinh để đi tới chiến thắng quanh vịnh, trọn vẹn. “*Mặt trời*” - Bác Hồ tỏa hơi ấm tình thương bao la trong lòng mỗi con người Việt Nam.

* *Liên hệ mở rộng*: Nhà thơ Tố Hữu đã so sánh Bác như:

*“Người là Cha, là Bác, là anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”.*

Cái nghĩa, cái nhân lớn lao của Bác đã tác động mạnh mẽ, sâu xa tới mỗi số phận con người.

+ Thật ra so sánh Bác Hồ với mặt trời đã được các nhà thơ sử dụng từ rất lâu:

*Người rực rỡ một mặt trời cách mạng
Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng
Đêm tàn bay chập chạng dưới chân người.*

(Tố Hữu - “*Sáng tháng năm*”)

Nhưng cái so sánh ngầm Bác Hồ nằm trong lăng rất đỏ trong cái nhìn chiêm ngưỡng hàng ngày của mặt trời tự nhiên(biện pháp nhân hóa “*thấy*”) là một sáng tạo độc đáo và mới mẻ của Viễn Phương. Cách ví đó một mặt ca ngợi sự vĩ đại, công lao trời biển của Người đối với các thế hệ con người Việt Nam. Mặt khác bộc lộ rõ niềm tự hào của dân tộc Việt Nam khi có Bác Hồ - có được mặt trời của cách mạng soi đường chỉ lối cũng như ánh sáng của mặt trời thiên nhiên.

+ Từ láy “*ngày ngày*” đứng ở đầu câu vừa diễn tả sự liên tục bất biến của tự nhiên vừa góp phần vĩnh viễn hóa, bất tử hóa hình ảnh Bác Hồ trong lòng mọi người và giữa thiên nhiên vũ trụ.

- Hình ảnh dòng người vào thăm lăng Bác đã được nhà thơ miêu tả một cách độc đáo và để lại nhiều ấn tượng:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.*

+ Từ láy “ngày ngày” có nghĩa tương tự như câu thơ câu đầu trong khổ thơ => diễn tả cảnh tượng có thực đang diễn ra hàng ngày, đều đặn trong cuộc sống của con người Việt Nam: Những dòng người nặng trĩu nhớ thương từ khắp mọi miền đất nước đã về đây xếp hàng, lặng lẽ theo nhau vào lăng viếng Bác – “Dòng người đi trong thương nhớ”.

+ Bằng sự quan sát trong thực tế, tác giả đã tạo ra một hình ảnh ẩn dụ đẹp và sáng tạo: “tràng hoa”.

- Hình ảnh “tràng hoa” ở đây được hiểu theo nghĩa thực là những bông hoa tươi thắm kết thành vòng hoa được những người con khắp nơi trên đất nước và thế giới về thăm dâng lên Bác để bày tỏ tình cảm, tấm lòng nhớ thương, yêu quý, tự hào của mình.

- “Tràng hoa” ở đây còn mang nghĩa ẩn dụ chỉ từng người một đang xếp hàng viếng lăng Bác mỗi ngày là một bông hoa ngát thơm. Những dòng người bất tận đang ngày ngày vào lăng viếng Bác nối kết nhau thành những tràng hoa bất tận. Những bông hoa - tràng hoa rực rỡ đó dưới ánh mặt trời của Bác đã trở thành những bông hoa - tràng hoa đẹp nhất dâng lên “bảy mươi chín mùa xuân” - 79 năm cuộc đời của Người.

=> Hình ảnh thơ trên biểu lộ tấm lòng thành kính, và biết ơn sâu sắc của nhà thơ, của nhân dân đối với Bác Hồ.

3. Đánh giá: nghệ thuật, nội dung

Như vậy, bằng các biện pháp tu từ ẩn dụ, nói giảm nói tránh, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, 2 khổ thơ đầu đã diễn tả được một cách sâu sắc nỗi niềm xúc động, nghẹn ngào của nhà thơ khi lần đầu tiên được ra lăng viếng Bác. Lời thơ chính là tấm lòng tác giả, của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

C. Kết bài

Bằng những từ ngữ, lời lẽ chân thành, giàu cảm xúc, nhà thơ Viễn Phương đã bày tỏ được niềm xúc động cùng lòng biết ơn sâu sắc đến Bác trong một dịp ra miền Bắc viếng lăng Bác. Bài thơ như một tiếng lòng chân thành tha thiết mà nhà thơ Viễn Phương đã nói thay cho hàng vạn nhân dân miền Nam, của toàn thể nhân dân Việt Nam đối với Bác. Bày tỏ tình cảm, niềm kính yêu tha thiết nhất, lòng biết ơn thành kính nhất với Hồ Chủ tịch.

Đề 3: Cảm nhận của em về những khổ thơ sau: (*)

*“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.*

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này...”*

A. Mở bài:

Bác Hồ là tên gọi thân yêu vang âm trong trái tim bao người, là niềm tin, là sức mạnh, là phẩm giá của con người Việt Nam, một người bạn lớn đối với tâm hồn mỗi con người, đối với thiên nhiên tạo vật... Sự vĩ đại, vẻ đẹp của Bác, lòng kính yêu với Bác đã trở thành cảm hứng cho các các nghệ sĩ sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật bất hủ. Đến sau trong đề tài thơ về Bác do điều kiện, hoàn cảnh: là người con miền Nam, cầm súng ở ngoài tiền tuyến...nhà thơ Viễn Phương đã để lại bài thơ "Viếng lăng Bác" độc đáo, có sức cảm hóa sâu sắc bởi tình đẹp, bởi lời hay. Và đọc bài thơ ấy có lẽ người đọc sẽ không khỏi ấn tượng với hai khổ thơ cuối- những lời thơ được coi là hay nhất của tác phẩm:

(trích thơ)

B. Thân bài

1. Giới thiệu khái quát về bài thơ

Bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương được viết vào tháng 4 năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền Nam, đất nước vừa được thống nhất. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

2. Cảm nhận đoạn thơ

a. Nhắc lại nội dung khổ 1

Ở hai khổ thơ đầu, bằng các biện pháp tu từ ẩn dụ, nói giảm nói tránh, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, lời thơ đã diễn tả được một cách sâu sắc tấm lòng tác giả, của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam. Và tình cảm ấy tiếp tục được bộc bạch ở hai khổ thơ cuối.

b. Những cảm xúc của nhà thơ khi vào lăng viếng Bác

- Vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian, không gian. Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác.
- Đứng trước Bác, nhà thơ cảm nhận Người đang ngủ giấc ngủ bình yên, thanh thản giữa vầng trăng sáng dịu hiền.
- Hình ảnh “vầng trăng sáng dịu hiền” gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người. Trăng với Bác đã từng vào thơ Bác trong nhà lao, trên chiến trận, giờ đây trăng cũng đến để giữ giấc ngủ ngàn thu cho Người. => Chỉ có thể bằng trí tưởng tượng, sự thấu hiểu và yêu quý những vẻ đẹp trong nhân cách của Hồ Chí Minh thì nhà thơ mới sáng tạo nên được những ảnh thơ đẹp như vậy!
- Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: “Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”.
- + “Trời xanh” trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực đó là hình thiên nhiên mà chúng ta hằng ngày vẫn đang chiêm ngưỡng, nó tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.

+ Mặt khác, “trời xanh” còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như “trời xanh” vĩnh hằng. Nhà thơ Tố Hữu đã viết: “Bác sống như trời đất của ta”, bởi Bác đã hóa thân thành thiên nhiên, đất nước và dân tộc.

- Dù tin như thế nhưng mấy chục triệu người dân Việt Nam vẫn đau xót và nuối tiếc khôn nguôi trước sự ra đi của Bác – “Mà sao nghe nhói ở trong tim”.

+ “Nhói” là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột quặn thắt. Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận trong đáy sâu tâm hồn mình: nỗi đau uất nghẹn tột cùng không nói thành lời. Đó không chỉ là nỗi đau riêng tác giả mà của cả triệu trái tim con người Việt Nam.

+ Cặp quan hệ từ “vẫn, mà” diễn tả mâu thuẫn. Cảm giác nghe nhói ở trong tim mâu thuẫn với nhận biết trời xanh là mãi mãi. Như vậy, giữa tình cảm và lý trí có sự mâu thuẫn. Con người đã không kìm nén được khoảnh khắc yếu lòng. Chính đau xót này đã làm cho tình cảm giữa lãnh tụ và nhân dân trở nên ruột già, xót xa. Cảm xúc đau đớn này, vô vọng này đã từng xuất hiện trong bài thơ của Tố Hữu:

*“Trái bưởi kia vàng ngọt với ai
Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài
Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm...”*

Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Nó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.

c. Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi rời xa lăng Bác:

- Nếu ở khổ thơ đầu, nhà thơ giới thiệu mình là người con miền Nam ra thăm Bác thì trong khổ thơ cuối, nhà thơ lại đề cập đến sự chia xa Bác. Nghĩ đến ngày mai về miền Nam, xa Bác, xa Hà Nội, tình cảm của nhà thơ không kìm nén, ẩn giấu trong lòng mà được bộc lộ thể hiện ra ngoài:

“Mai về miền Nam thương trào nước mắt”.

+ Câu thơ “Mai về miền Nam thương trào nước mắt” như một lời già biệt.

+ Lời nói giản dị diễn tả tình cảm sâu lắng.

+ Từ “trào” diễn tả cảm xúc thật mãnh liệt, luyến tiếc, bịn rịn không muốn xa nơi Bác nghỉ.

+ Đó là không chỉ là tâm trạng của tác giả mà còn là của muôn triệu trái tim khác. Được gần Bác dù chỉ trong giây phút nhưng không bao giờ ta muốn xa Bác bởi Người ấm áp quá, rộng lớn quá.

- Mặc dù lưu luyến muốn được ở mãi bên Bác nhưng tác giả cũng biết rằng đến lúc phải trở về miền Nam. Và chỉ có thể gửi tấm lòng mình bằng cách muốn hóa thân, hòa nhập vào những cảnh vật quanh lăng để được luôn ở bên Người trong thế giới của Người:

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

+ Điệp ngữ “muốn làm” cùng các hình ảnh đẹp của thiên nhiên “con chim”, “đóa hoa”, “cây tre” đã thể hiện ước muốn tha thiết, mãnh liệt của tác giả.

+ Nhà thơ ao ước được hóa thân thành con chim nhỏ cất tiếng hót làm vui lăng Bác, thành đóa hoa đem sắc hương, điểm tô cho vườn hoa quanh lăng.

+ Đặc biệt là ước nguyện “Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này” để nhập vào hàng tre bát ngát, canh giữ giấc ngủ thiên thu của Người. Hình ảnh cây tre có tính chất tượng trưng một lần nữa nhắc lại khiến bài thơ có kết cấu đầu cuối tương ứng.

Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn. “Cây tre trung hiếu” là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. Đó là lời hứa thủy chung của riêng nhà thơ và cũng là ý nguyện của đồng miền Nam, của mỗi chúng ta nói chung với Bác.

3.Đánh giá: nghệ thuật, nội dung

Như vậy, bằng các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, 2 khổ thơ cuối đã diễn tả được một cách sâu sắc nỗi niềm xúc động, nghẹn ngào của nhà thơ khi được vào lăng viếng Bác và sự lưu luyến bịn rịn khi sắp phải chia xa. Lời thơ chính là tấm lòng tác giả, của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

C. Kết bài

- Đánh giá chung về đoạn thơ
- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

ĐỀ 3: CẢM NHẬN VỀ HAI KHỔ ĐẦU (*)

A. Mở bài

B. Thân bài.

1.Khái quát: Bài thơ được viết vào tháng 4 năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền Nam, đất nước vừa được thống nhất. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

2. Cảm nhận

a. Khổ 1

*** LĐ 1:** Mở đầu bài thơ, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được **những tình cảm, cảm xúc của nhà thơ khi lần đầu tiên được ra thăm lăng Bác:**

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng”*

Bài thơ được bắt đầu bằng một lời kể hết sức giản dị nhưng chứa đựng trong nó biết bao điều sâu xa. Nhà thơ xưng “con” và gọi chủ tịch HCM là Bác. Đây là cách xưng hô quen thuộc của những người con của vùng đất Nam bộ đồng thời nó cũng gửi gắm biết bao nhiêu tình cảm và nỗi niềm xúc động của nhà thơ. Trong ngôn ngữ của nhân loại thì có lẽ “con” là cách xưng hô thiêng liêng và gần gũi nhất bởi ở đó có cả tình thân máu mủ ruột già. Cách xưng hô của Viễn Phương khiens ta nhớ đến những vần thơ của Tố Hữu:

*“Người là Cha, là Bác, là anh
Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”*

Nhà thơ lúc này giống như một đứa con xa cha lâu ngày, ngay trở về thăm cha với bao nghẹn ngào xúc động. Chỉ với một chữ “con” ấy, người đọc cũng đủ cảm nhận được lòng thành kính và niềm biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với Bác Hồ. và cũng trong câu thơ mở đầu này, nếu để ý người đọc có thể nhận thấy tác giả đã sử dụng BPTT nói giảm nói tránh khi sử dụng từ “thăm” thay cho từ “viếng” ở nhan đề bài thơ. Viếng có nghĩa là thắp hương, phúng viếng người đã khuất còn “thăm” là thăm hỏi, trò chuyện với người vẫn còn sống trên đời. Với cách dùng từ như thế, Viễn Phương đã làm vơi đi những đau buồn, mất mát cho người đọc khi Bác đã không còn. Tuy nhiên không chỉ có thế, lời thơ ấy còn là lời khẳng định Bác sẽ còn sống mãi trong trái tim của mỗi con người VN.

Ra thăm lăng Bác, điều đầu tiên gây ấn tượng cho tác giả là hình ảnh “hàng tre”. Miêu tả hình ảnh này, tác giả viết:

*“Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng”*

Hàng tre trong câu thơ này là một hình ảnh giàu ý nghĩa là gợi nhiều liên tưởng trong lòng người đọc. Đó trước hết là một hình ảnh thực. Đó là rặng tre thẳng hàng được trồng bên lăng Bác. Song không chỉ có thế, đây còn là một hình ảnh ẩn dụ đầy sáng tạo. Nó làm ta liên tưởng đến những lũy tre xanh mát ở làng quê VN gợi cuộc sống thanh bình yên ả nơi thôn dã. Hình ảnh ấy còn là biểu tượng của con người và dân tộc Việt Nam bền bỉ, dẻo dai, bất khuất, kiên cường. Hàng tre ấy cũng như những con người VN ta dù phải trải qua bao “bão táp mưa sa” thì vẫn “đứng thẳng hàng”. Câu thơ như một lời khẳng định dân tộc ta dù có gian khổ, khó khăn thì vẫn hiên ngang, kiên cường, bất khuất. Ý thơ có sự đồng điệu với những câu thơ trong bài “Tre Việt Nam” của nhà thơ Nguyễn Duy:

*“Ở đâu tre cũng xanh tươi
Cho dù đất sỏi đá vôi bạc màu”*

Có thể thấy rằng, khổ thơ đầu tiên đã để lại rất nhiều ấn tượng trong lòng bạn đọc. bằng những từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, lời thơ cho ta nhận ra niềm xúc động của nhà thơ khi được ra lăng viếng Bác. Đồng thời cũng qua đó ta cảm nhận được lòng thành kính và niềm biết ơn vô hạn của Viễn Phương dành cho Bác Hồ kính yêu.

b. Khổ 2

Và tình cảm ấy lại tiếp tục được thể hiện ở khổ thơ thứ 2 thông qua các hình ảnh ẩn dụ rất đẹp:

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”*

Đọc khổ thơ này, người đọc không khó để nhận ra một phép ẩn dụ vô cùng độc đáo. Nhà thơ đã mượn hình ảnh “mặt trời” để nói về Bác Hồ. Nếu như “mặt trời” ở câu thơ thứ nhất là mặt trời của tự nhiên, tạo hóa, đem nguồn sống và ánh sáng cho vạn vật thì “mặt trời” ở câu thơ thứ hai chính là ẩn dụ cho cuộc đời và sự vĩ

đại của chủ tịch HCM. Cũng giống như mặt trời của tự nhiên, bác đã tìm ra con đường đi cho cách mạng Việt Nam rồi soi sáng cho dân tộc ta bước tiếp trên con đường đi ấy. Bác đã đưa đất nước ta từ vùng bùn nô lệ sang một kỉ nguyên mới - kỉ nguyên của độc lập tự do. Không chỉ có VP, Tố Hữu cũng có những vần thơ viết về Người như thế:

*“Người rực rỡ một mặt trời cách mạng
Còn đế quốc là loài dơi hốt hoảng
Đêm tàn bay chập choạng dưới chân Người”*

Tuy nhiên nét đặc biệt trong thơ VP là ông còn để cho mặt trời của tự nhiên được ngắm nhìn, chiêm ngưỡng “mặt trời trong lăng”. Phép ẩn dụ kết hợp nhân hóa ấy đã cho ta nhận ra sự vĩ đại và công lao to lớn của CTHCM và cũng qua đó, lời thơ đã khẳng định Bác sẽ còn mãi, sẽ trường tồn bất diệt trong lòng mỗi người dân đất Việt. Lời thơ thật đơn giản nhưng chứa đựng trong đó là cả một tấm lòng. Chúng ta nhận ra trong những câu thơ ấy là tình yêu thương và niềm biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với Bác

Nếu như ở hai câu thơ trên nhà thơ mượn hình ảnh “mặt trời” để nói về sự vĩ đại của bác thì ở hai câu thơ tiếp theo ông lại miêu tả dòng người vào thăm lăng:

*“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”*

Lời thơ được bắt đầu bằng trạng từ “ngày ngày” qua đó diễn tả hoạt động lặp đi lặp lại. Nó cho người đọc hình dung được cảnh tượng mỗi ngày đều có những dòng người vào lăng viếng Bác với nỗi xúc động nghẹn ngào và niềm nhớ thương vô hạn. Ở hai câu thơ này, VP tiếp tục sáng tạo một hình ảnh ẩn dụ vô cùng đẹp đẽ. Đó là hình ảnh “tràng hoa”. Hình ảnh ấy gợi lên trong ta biết bao nhiêu liên tưởng thú vị. Nó khiến ta nghĩ đến những vòng hoa tươi thắm mà mỗi đoàn viếng thăm đều dâng lên người. Tuy nhiên không chỉ có thế, hình ảnh này còn là ẩn dụ cho những dòng người đang nối nhau vào lăng viếng Bác. Trong đoàn người ấy, có thể có một người con của thủ đô HN, một người từ vùng đất Nam bộ xa xôi, một cụ già, một em nhỏ hay có khi là một du khách nước ngoài. Và trong đoàn người ấy lúc này chắc chắn không thể thiếu nhà thơ. Mượn hình ảnh “tràng hoa” để miêu tả cảnh dòng người vào lăng viếng Bác là nhà thơ đã giúp người đọc cảm nhận được niềm kính yêu, sự ngưỡng mộ của cả dân tộc và của cả nhân loại đối với Bác.

3. Đánh giá:

Như vậy, bằng hàng loạt các hình ảnh ẩn dụ, các từ ngữ chọn lọc và giọng điệu tha thiết, chân thành, 2 khổ thơ đầu của bài thơ “VLB” đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn nỗi xúc động nghẹn ngào, lòng thành kính và niềm biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với Bác. Và cũng qua những vần thơ ấy ta nhận ra Bác vẫn còn mãi trong trái tim của mỗi con người, và của cả dân tộc Việt Nam.

C. Kết bài

ĐỀ 4: CẢM NHẬN VỀ HAI KHỔ CUỐI(*)

A. Mở bài

B. Thân bài

1. Khái quát (như đề 1)

2. Cảm nhận

Ở hai khổ thơ đầu, VP đã giúp người đọc cảm nhận được những nỗi niềm xúc động, lòng thành kính và niềm biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với Bác. Và tình cảm ấy tiếp tục được thể hiện ở khổ thơ thứ 3:

*“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim”*

Vào lăng viếng Bác, Viễn Phương đã thực sự xúc động khi được chiêm ngưỡng di hài chủ tịch Hồ Chí Minh. Câu thơ “Bác nằm trong giấc ngủ bình yên” đã được tác giả sử dụng BPTT **nói giảm nói tránh**. Ông không muốn thừa nhận là Bác đã ra đi mãi mãi, càng không muốn để người đọc cảm thấy đau lòng trước sự thật này. Với VP, sự ra đi của Bác thực sự chỉ là một “giấc ngủ bình yên” giữa một “vầng trăng sáng dịu hiền”. Hình ảnh “vầng trăng” trong khổ thơ này gợi lên cho ta rất nhiều liên tưởng. Hình ảnh ấy khiến ta nghĩ đến một cuộc đời giản dị, trong sáng và lối sống thanh bạch của người. Không chỉ thế, cũng từ hình ảnh ấy, ta còn liên tưởng đến những vần thơ ngập tràn ánh trăng của Bác. Đột nhiên những câu thơ được Bác viết trong những ngày bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam như lại vang lên trong lòng người đọc:

*“Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”*

Tuy nhiên đặc biệt hơn cả ở trong khổ thơ này là hình ảnh ẩn dụ “trời xanh”. Đây là một hình ảnh độc đáo và rất giàu ý nghĩa. Nhà thơ mượn hình ảnh “trời xanh” để nói về sự bất tử của Người, để khẳng định bác sẽ luôn còn mãi với non sông, đất nước. Tố Hữu cũng từng có những vần thơ giống như vậy:

*“Bác sống như trời đất của ta
Yêu từng ngọn lúa mỗi nhành hoa”*

Như thế có nghĩa là không chỉ với VP mà còn với nhiều nhà thơ khác, và với cả dân tộc thì Bác vẫn còn sống mãi. Biết là thế, nhưng nhà thơ vẫn cảm thấy “nghe nhói ở trong tim”. “Nhói” là động từ diễn tả cảm xúc trực tiếp, “nhói” có nghĩa là đau đớn, quặn thắt đến tột độ. Sự ra đi của Người đã khiến cho nhân dân cả nước nói chung, nhân dân Miền Nam và VP nói riêng vô cùng xót xa đau đớn. Nghĩ về sự ra đi của Bác, không ít người đã rơi lệ bởi đó là nỗi đau thương mất mát quá lớn của dân tộc VN. Có lẽ cũng vì thế mà có một nhà thơ đã thốt lên rằng:

*“Trái bưởi kia vàng ngọt với ai
Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài”*

Có thể thấy rằng khổ thơ thứ 3 đã diễn tả đầy đủ và trọn vẹn nỗi niềm xúc động, nghẹn ngào của nhà thơ khi được vào lăng viếng Bác và sự đau đớn xót xa khi Bác đã ra đi. Những cảm xúc ấy chính là minh chứng cho lòng yêu mến và sự biết ơn vô hạn của nhà thơ dành cho vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc VN.

3. Khổ 4

Và đến khổ cuối của bài thơ, những tình cảm dành cho Bác lại được thể **hiện thông qua những ước nguyện**:

*“ Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”*

Khổ thơ thứ tư chính là những cảm xúc luyến thương, bịn rịn của nhà thơ khi nghĩ đến việc ngày mai phải trở về Miền Nam, xa Bác, xa Hà Nội. Đường như lúc này tình cảm không thể kìm nén được nữa phải thốt ra thành lời. Câu thơ “Mai về miền Nam thương trào nước mắt” giống như một lời giã biệt- một lời nói giã dãi nhưng thiết tha vô cùng. Viễn Phương không muốn rời xa Bác dù là trong phút giây bởi Bác ấm áp, gần gũi và rộng lớn quá. Tuy nhiên, hiện thực chẳng như mong muốn, VP vẫn phải trở về Miền Nam. Không còn cách nào khác, ông chỉ có thể gửi gắm lòng mình bằng ước nguyện hóa thân vào cảnh vật:

*“Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”*

Lời thơ cho ta nhận ra BPTT điệp ngữ với điệp từ “muốn” được nhắc lại 3 lần và được đặt ở đầu các câu thơ, và đằng sau đó là những hình ảnh vô cùng đẹp đẽ. Nhà thơ muốn được làm con chim để hót vui lăng Bác, muốn được làm một đóa hoa để tô điểm hương sắc cho vườn hoa quanh lăng. Lời thơ khiến ta nhớ đến ước nguyện của Thanh Hải trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”

*“Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến”*

Nếu như Thanh Hải muốn hóa thân vào cảnh vật để làm đẹp cho cuộc đời, để cống hiến mùa xuân của cuộc đời mình vào mùa xuân chung của dân tộc thì với VP, ước nguyện hóa thân vào cảnh vật là để được bên Bác suốt đời. Tuy nhiên đặc biệt hơn cả là ước nguyện được làm “cây tre trung hiếu”. Hình ảnh cây tre đã từng xuất hiện ở khổ 1 giờ lại một lần nữa xuất hiện ở khổ cuối thông qua ước nguyện của nhà thơ. Nó tạo ra cái kết cấu đầu cuối tương ứng cho tác phẩm. Nếu như ở khổ 1, cây tre là biểu tượng của con người VN dũng cảm, kiên cường thì ở khổ thơ này, cây tre ấy lại gửi gắm ước nguyện của tác giả. Ông muốn được làm một cây tre để nhập vào hàng tre bát ngát canh giữ giấc ngủ nghìn thu cho Người. Và phải chăng ước nguyện ấy chính là lời hứa thủy chung với con đường mà Bác đã chọn. Với những ý nghĩa như thế, khổ thơ cuối thực sự đã tạo ra những ấn tượng mạnh mẽ trong lòng bạn đọc

3. Đánh giá

Như vậy, bằng hàng loạt các hình ảnh và từ ngữ chọn lọc và giọng điệu tha thiết, chân thành, 2 khổ thơ cuối của bài thơ “VLB” đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn nỗi niềm lưu luyến, bịn rịn của nhà thơ khi sắp phải xa Bác đồng thời thể hiện lòng thành kính và niềm biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc VN. Và cũng qua những vần thơ ấy ta nhận ra Bác vẫn còn mãi trong trái tim của mỗi người dân đất Việt.

C. Kết bài

Với bài thơ “*Viếng lăng Bác*” Viễn Phương đã đóng góp không nhỏ cho thi ca đề tài về Bác. Dù bao năm qua đi, bài thơ mãi mãi là tác phẩm đầy xúc cảm gửi gắm những giá trị tốt đẹp vĩnh cửu mà nhà thơ và toàn thể dân tộc dành cho Bác. Cảm ơn Viễn Phương đã để lại cho đời một bài thơ hay như thế. Đã hơn 50 năm kể từ ngày Bác đã ra đi vào cõi vĩnh hằng và cũng hơn một thập kỉ Viễn Phương trở về nhưng dư âm của bài thơ “*Viếng lăng Bác*” nói chung và hai đoạn thơ trên nói riêng sẽ còn mãi ngân vang trong tâm hồn mỗi người con đất Việt.

SANG THU

(Hữu Thỉnh)

Đề1: PHÂN TÍCH BÀI THƠ “SANG THU” – HỮU THỈNH (*)

A. Mở bài:

Cách 1: Hữu Thỉnh là một trong những cây bút tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam, trưởng thành trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ. Là một nhà thơ quân đội nhưng Hữu Thỉnh rất có duyên nên khi viết về mùa thu. Những trang thơ của Hữu Thỉnh vừa nhẹ nhàng, gần gũi, tinh tế mới lạ, giọng điệu tha thiết, ngôn ngữ hình ảnh giản dị trong sáng gợi nhiều ý nghĩa biểu tượng. Nên các tác phẩm của ông được đông đảo bạn đọc đón nhận. Bài thơ “ Sang thu” là một bài thơ như thế. Đến với tác phẩm qua những câu thơ viết về cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước khung cảnh thiên nhiên giao mùa từ hạ sang thu. Những cảm xúc ấy được thể hiện rất rõ qua... (2 khổ thơ – viết thơ)

Cách 2: Nếu mùa xuân là mùa hội tụ của những bàn tay nghệ sĩ tài hoa thì mùa thu cũng trở thành đề tài bất tận, nguồn cảm hứng quen thuộc và lâu đời trong các tác phẩm thi ca, nhạc họa. Mùa thu với tiết trời se lạnh, chiếc lá vàng bay dễ khiến lòng người dao động. Vì thế mùa thu đã trở thành nguồn cảm hứng cho các thi nhân chấp bút ngợi ca. Vườn thơ thu của dân tộc đã có rất nhiều tác phẩm viết về mùa thu để lại trong lòng người đọc những ấn tượng khó quên trong đó phải kể đến bài thơ “Sang Thu” của Hữu Thỉnh. Đến với tác phẩm qua những câu thơ viết về cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước khung cảnh thiên nhiên giao mùa từ hạ sang thu. Những cảm xúc ấy được thể hiện rất rõ qua... (2 khổ thơ – viết thơ)

Cách 3: Mùa thu luôn là đề tài, là cảm hứng quen thuộc lâu đời của thơ ca. Trong kho tàng văn học dân tộc ta đã từng biết đến một mùa thu trong veo trong thơ Nguyễn Khuyến, thu ngơ ngác trong thơ Lưu Trọng Lư, dào dạt và

đượm buồn trong thơ Xuân Diệu. Và thật bất ngờ khi ta gặp một Hữu Thỉnh tinh tế, sâu sắc đến vô cùng qua một thoáng “Sang thu”.

B. Thân bài

1. Khái quát về tác phẩm

- **Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác năm 1977 khi đất nước mới giành được độc lập 2 năm. Đây cũng là một trong những mùa thu và những người lính như Hữu Thỉnh lần đầu tiên được cảm nhận vẻ đẹp của nó trong không khí hòa bình.

- **Chủ đề tác phẩm:** Bằng tâm hồn nhạy cảm, bằng tình yêu mùa thu, quê hương nhà thơ đã mở rộng lòng mình để đón nhận giây phút chuyển mình của cảnh vật, đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Đồng thời bộc lộ những chiêm nghiệm, những suy ngẫm về con người, về cuộc đời vốn đầy đầy những khó khăn thử thách.

2. Phân tích bài thơ

a. Những tín hiệu giao mùa:

- “Sang thu” ở đây là chớm thu, là lúc thiên nhiên giao mùa. Mùa hè vẫn chưa hết mà mùa thu tới có những tín hiệu đầu tiên. Viết về mùa thu các tác giả thường dùng những chất liệu quen thuộc: Sắc vàng của hoa cúc, của lá vàng rơi hay tiếng lá xào xạc của lá ngô đồng, của rặng liễu... Còn riêng Hữu Thỉnh lại đón nhận mùa thu bằng những cảm nhận tinh tế, giản dị:

*“Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se”*

+ Thu của Hữu Thỉnh được bắt đầu bằng một mùi hương quen thuộc phảng phất trong “gió se” - thứ gió khô và se se lạnh, đặc trưng của mùa thu về ở miền Bắc. Đó là “hương ổi” - mùi hương riêng của mùa thu làng quê ở vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

+ Động từ “Phả” giàu sức gợi cảm, là động từ mạnh diễn tả mùi hương thơm nồng nàn, lan tỏa. Hương ổi “phả” vào trong “gió se” đem đến cho người đọc một sự liên tưởng thú vị: khiến cho hương thơm ấy như sánh lại và đậm đặc hơn. Làn gió heo may đã đưa hương ổi lan tỏa khắp các đường ngõ, thôn xóm. Để rồi ta nhận ra trong gió có mùi thơm hương ổi nồng nàn một tín hiệu rõ nhất báo mùa thu về.

+ “Hương ổi” gắn liền với bao kỉ niệm của thời thơ ấu, là mùi vị của quê hương đã thấm đẫm trong tâm tưởng nhà thơ và cứ mỗi độ thu về thì nó lại trở thành tác nhân gợi nhớ. => Hương ổi ấy, cơn gió đầu mùa se lạnh ấy là sứ giả của mùa thu (cũng như chim én là sứ giả của mùa xuân). Nó đến rất khẽ khàng, “khẽ” đến mức chỉ một chút vô tình thôi là không một ai hay biết.

=> Kể từ đây tín hiệu chuyển mùa khi thu về không chỉ là sắc lá vàng bay, là hoa cúc vàng nở rộ, là rặng liễu đìu hiu... mà vị sứ giả đầu tiên mang đến mùa thu cho mỗi chúng ta là “hương ổi” một thứ hương quê mộc mạc, dân dã vốn đã rất thân thuộc với mọi người. Ở đây Hữu Thỉnh đã có một hình ảnh, một tứ thơ khá mới mẻ so với thơ văn cổ viết về mùa thu, nhưng lại vô cùng quen thuộc và gần gũi đối với mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt là người dân miền Bắc mỗi độ thu về.

Chuyển ý: Tín hiệu sang thu không chỉ bằng hương ổi, gió se mà còn được gợi ra bằng hình ảnh “sương thu”. Với Hữu Thỉnh sương thu không chỉ đẹp, nhẹ nhàng,

mong manh hư ảo mà còn rất con người nó đang ngập ngừng lưu luyến trước bước đi của thời gian:

*“Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về”*

+ Nhà thơ đã nhân hóa làn sương qua từ láy “chùng chình”. Phép tu từ ấy đã thổi hồn vào những sự vật vô tri, vô giác để làn sương mỏng manh ấy như có tâm hồn, có cảm nhận riêng như ai đó đang nửa muốn đi, nửa muốn ở, ngập ngừng vương vấn khi bước chân qua ngưỡng cửa mùa thu. Câu thơ lắng đọng tạo cảm giác mơ hồ đan xen nhiều cảm xúc.

* *Liên hệ mở rộng*: Với nhà thơ Nguyễn Du thì mùa thu như khói biếc: “*Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng*”. Còn nhà thơ Tản Đà thì sương thu nhẹ nhàng như hơi thở của làn khói: “*Khói thu xây thành*”

+ Ở đây sương thu của Hữu Thỉnh, không phải là làn sương dày đặc, mịt mù như trong câu ca dao quen thuộc miêu tả cảnh Hồ Tây lúc ban mai “*Mịt mù khói tỏa ngàn sương*”, hay như nhà thơ Quang Dũng đã viết trong bài thơ “*Tây Tiến*”: “*Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi*” mà là “*Sương chùng chình qua ngõ*” gợi ra những làn sương mỏng manh, mềm mại, giăng mắc màn khắp đường thôn ngõ xóm làng quê. Nó làm cho khí thu mát mẻ và cảnh thu thơ mộng, huyền ảo, thong thả, bình yên.

- “Ngõ” ở đây vừa là ngõ thực của làng quê, nhưng cũng có thể là con ngõ thông giữa hạ và thu chăng? Tâm trạng sang thu hay tâm trạng con người đang lưu luyến đợi chờ, tiếc nuối một điều gì đó trước ngưỡng cửa thời gian.

=> Như vậy tín hiệu chuyển mùa được tác giả cảm nhận bằng tất cả các giác quan: khứu giác (hương ổi), xúc giác (gió se) rồi đến thị giác (làn sương), tuy vậy trước những tín hiệu ban đầu ban đầu của khoảnh khắc giao mùa, cảm xúc của nhà thơ còn mơ hồ chưa rõ ràng. Cảm xúc ấy còn được thể hiện qua từ “bỗng” diễn tả tâm trạng bất ngờ như chưa kịp chuẩn bị. Và từ: “*Hình như thu đã về*”. Câu thơ như lời tự hỏi lòng mình là một câu hỏi tu từ thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng. Từ “*Hình như*” là sự phỏng đoán nửa tin, nửa ngờ, một tâm trạng mơ hồ, phân vân, không thật rõ ràng. Đúng là một trạng thái cảm xúc của thời điểm chuyển giao. Thu đến nhẹ nhàng quá, mơ hồ quá.

=> Câu thơ gợi một chút mơ hồ về thời gian rõ nét đồng thời Hữu Thỉnh đã rất tinh tế thể hiện được những cảm nhận về cảm xúc giao mùa của đất trời, của lòng người một cách ngất ngây và say đắm. Phải là một con người có tâm hồn yêu thiên nhiên tinh tế, nhạy cảm mới có thể cảm nhận được những tín hiệu ban đầu của khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu.

Khổ 2. Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa

* *Chuyển ý*: Nếu khổ thơ thứ nhất là những cảm nhận về mùa thu còn mơ hồ, chưa rõ nét thì đến khổ thơ thứ hai bức tranh mùa thu đã được hiện hữu rõ ràng, đậm nét qua dấu ấn đối thay của cảnh vật. Sau giây phút ngỡ ngàng và khe khẽ vui mừng, cảm xúc của thi sĩ tiếp tục lan tỏa, mở ra trong cái nhìn xa hơn, rộng hơn:

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã*

- Dấu ấn bức tranh mùa thu được tác giả cảm nhận qua 3 nét vẽ cụ thể: với những hình ảnh: “*dòng sông*”, “*cánh chim*”, “*đám mây*”.

- Hình ảnh dòng sông được tác giả miêu tả qua từ láy “*dềnh dàng*” cùng biện pháp nhân hóa giúp người đọc hình dung trạng thái của dòng sông mùa thu khác hẳn với mùa hạ. Nếu mùa hạ song cuộn cuộn trở nặng phù sa, dữ dội bao nhiêu thì đến mùa thu dòng sông ấy lại trở lên hiền hòa. Nó trôi một cách lững lờ, ung dung, thong thả như đang dạo chơi. Hình ảnh dòng sông gợi lên vẻ đẹp êm dịu của bức tranh mùa thu đã đi qua mùa giông bão. Cái “*dềnh dàng*” của dòng sông không chỉ gợi ra vẻ êm dịu của bức tranh thiên nhiên mùa thu mà còn mang đầy tâm trạng của con người như chậm lại, như trẻ nãi, như ngấm ngội nghĩ suy về những trải nghiệm trong cuộc đời.

- Đối lập với hình ảnh hiền hòa, chậm chạp, khoan thai của dòng sông là sự vội vàng của những cánh chim. Không gian trở nên xôn xao, không có âm thanh nhưng câu thơ lại gợi được cái động. Chim là động vật vô cùng nhạy cảm, chúng nhận ra trong gió heo may cái se lạnh của mùa thu đang về và mùa đông đang tới. Vậy nên chúng gấp gáp làm tổ, hối hả tha mồi, tất bật chuẩn bị cho những ngày tháng trú đông an toàn nhất hay sự vội vã của một hành trình về phương Nam trú rét. Nhưng cái tinh tế của hồn thơ Hữu Thỉnh lại ở từ “*bắt đầu*”. Không phải là những cánh chim đang vội vã mà mới chỉ là bắt đầu. Nhận ra quy luật này chắc hẳn Hữu Thỉnh phải là người rất yêu cuộc sống nên mới có tâm hồn nhạy cảm, mới có thể nghe được, thấy được cái vỗ cánh bắt đầu của những cánh chim, cái cựa mình rất nhẹ của thời gian.

* Liên hệ mở rộng: Nhà thơ Xuân Diệu từng viết:

“ *Không gian như có dây tơ*
Bước đi sẽ đứt động hờ sẽ tan”

- Ấn tượng nhất trong bức tranh mùa thu chính là hình ảnh:

Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

- Đây là một hình ảnh thơ sang tạo, một liên tưởng độc đáo, chỉ bằng mười con chữ gói gọn trong hai câu thơ mà người đọc có thể hình dung ra một bầu trời trong veo, những đám mây trắng lững lờ trôi, nắng mùa hạ vẫn còn vương lừng trời, hắt ánh vàng lên đám mây mỏng nhẹ. Thiên nhiên hai mùa như đang trộn lẫn, đang giao hòa trong ánh mây bay.

- Động từ “*vắt*” thể hiện thật tài tình tạo ra nhiều liên tưởng giúp người đọc có thể hình dung những đám mây nhẹ trôi bồng bềnh uốn lượn như dải lụa mà ai đó tung lên trời. Cũng có thể gợi cho ta nghĩ đến cây cầu dải yếm hay cầu Ô Thước trong truyện “*Ngưu Lang, Chức Nữ*” bắc trên dải ngân hà... Biết bao liên tưởng thú vị được gợi ra từ hình ảnh đám mây đã trở thành nhịp cầu nối liền hai dải thời gian, nối liền hai bờ không gian và thời gian giữa hạ và thu. Bước qua dải cầu mây mềm mại ấy tức là ta đã bước qua mùa hạ sôi động để sang với mùa thu dịu dàng, quyến rũ.

* Liên hệ mở rộng: Trong thơ ca Việt Nam, không ít những vần thơ nói về đám mây trên bầu trời thu:

“*Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt*”

(Nguyễn Khuyến - “Thu điếu”)

Hay: “Lớp lớp mây cao đùn núi bạc”

(Huy Cận - “Tràng giang”)

=> Tài của Hữu Thỉnh là ông đã lấy cái thời gian siêu hình của sự vật để miêu tả thời gian định tính của vũ trụ. Dòng sông, cánh chim, đám mây đều được miêu tả bằng nghệ thuật nhân hóa, thổi hồn vào sự vật làm cho bức tranh thu trở nên hữu tình và thi vị.

3. Những suy tư, chiêm nghiệm của nhà thơ:

* *Chuyển ý*: Nếu ở hai khổ thơ đầu của bài thơ, dấu hiệu mùa thu đã khá rõ ràng trong không gian và thời gian, sang khổ cuối vẫn theo dòng cảm xúc ấy, tác giả bộc lộ suy ngẫm của mình về con người, về cuộc đời:

Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa

- Bức tranh phong cảnh lúc giao mùa được tác giả gợi tả bằng những hình ảnh quen thuộc. Bằng giác quan nhạy cảm, tinh tế Hữu Thỉnh đã nghe thấy, nhận thấy và đong đếm được những nắng, những mưa, những âm vang của cuộc sống.

- Hàng loạt những phó từ chỉ mức độ giảm dần như vẫn còn “vơi dần, bớt” để nói về trạng thái đặc điểm của thiên nhiên nắng, mưa, sấm khi sang thu.

- Với một hồn thơ bay bổng, một trái tim nhạy cảm, một giác quan tinh tế Hữu Thỉnh đã cảm nhận trên bầu trời thu nắng hạ vẫn còn nhưng không còn gay gắt, chói chang, đổ lửa như nắng mùa hạ. Mưa mùa hạ vẫn còn nhưng sang thu mật độ thưa hơn, nhẹ hơn, nó không dữ dội như những cơn mưa mùa hạ nữa. Chớp thu sấm màu hạ còn theo bước chân mùa hạ đi vào mùa thu nhưng âm vang giảm hẳn. Sang thu con người, vạn vật dường như đã quen dần với tiếng sấm mùa hạ nên không còn bất ngờ và kinh hãi nữa.

- Hai câu thơ cuối bài lắng xuống với nhiều triết lí sâu xa:

Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi”.

Hai câu thơ vừa mang nghĩa tả thực, vừa mang nghĩa tượng trưng:

+ Tả thực: - Sấm là hiện tượng bất thường của tự nhiên

- Hàng cây đứng tuổi là hàng cây cổ thụ sống lâu năm, hàng cây ấy đã trải qua nhiều tác động của tự nhiên trở nên vững vàng, mạnh mẽ hơn.

+ Đồng thời câu thơ còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa:

Sấm và hàng cây đứng tuổi là hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa sâu xa:

+ “Hàng cây đứng tuổi” chỉ những con người đứng tuổi từng trải. Họ trở lên vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh.

=> Giọng thơ trầm hẳn xuống, câu thơ không đơn thuần chỉ là giọng kể, là sự cảm nhận mà còn là sự suy nghĩ, chiêm nghiệm về đời người. Nhìn cảnh vật biến chuyển khi thu mới bắt đầu, Hữu Thỉnh nghĩ đến cuộc đời khi đã “đứng tuổi”. Phải chăng, mùa thu đời người là sự khép lại của những tháng ngày sôi nổi với những bất thường của tuổi trẻ và mở ra một mùa thu mới, một không gian mới, yên tĩnh, trầm lắng, bình tâm, chín chắn...trước những chấn động của cuộc đời.

=> Vậy là “Sang thu” đâu chỉ là sự chuyển giao của đất trời mà còn là sự chuyển giao cuộc đời mỗi con người. Hữu Thỉnh rất đời tinh tế, nhạy bén trong cảm nhận

và liên tưởng. Chính vì vậy những vần thơ của ông có sức lay động lòng người mãnh liệt hơn.

3. Đánh giá

- Bằng biện pháp tu từ nhân hóa, các hình ảnh thơ tự nhiên, không trau chuốt mà giàu sức gợi cảm, thể thơ năm chữ, bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh đã thể hiện một cách đặc sắc những cảm nhận tinh tế để tạo ra một bức tranh chuyển giao từ cuối hạ sang thu nhẹ nhàng, êm dịu, trong sáng nên thơ... ở vùng đồng bằng Bắc Bộ để từ đó gửi gắm những suy nghĩ rất sâu sắc về con người và cuộc đời. Đọc “Sang thu”, ta nhận ra ở Hữu Thỉnh là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, là một tâm hồn tinh tế và vô cùng nhạy cảm. Điều đó thật đáng để ta trân trọng.

C. Kết bài

Đã rất nhiều năm trôi qua nhưng đến nay bài thơ “sang thu” vẫn còn nguyên giá trị. Những khổ thơ trên đã góp phần làm nên thành công ấy cho bài thơ. Bài thơ mang một chút buồn, dịu dàng và lặng lẽ, thiên nhiên và con người cùng một nhịp sang thu. Cảnh thu và tình thu đang lồng vào nhau, thấm thiết và lưu luyến bồi hồi, vừa trang nghiêm, vừa chững chạc. Một mùa thu thật đẹp, lặng lẽ và dịu dàng, gửi gắm vào đó là tình cảm của con người với quê hương, đất nước. Với những giá trị ấy Hữu Thỉnh cùng với “sang thu” sẽ sống mãi trong lòng bạn đọc hôm nay và mai sau.

NÓI VỚI CON

(Y Phương)

Đề 1: Cảm nhận của em về những điều cha nói với con trong đoạn thơ sau:

(*)

*Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

A. Mở bài:

Cách 1: Y Phương là một trong số ít những nhà thơ dân tộc tày, Thơ ông chủ yếu viết về đề tài quê hương mình. Các bài thơ của ông đều thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi. “Nói với con” là một trong những bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác ấy. Đọc bài thơ ta cảm nhận được tình cảm thiêng liêng, ấm áp của gia đình và cụ thể

hơn đó là tình phụ tử. (Tình cảm ấy được thể hiện rõ nét trong khổ đầu của bài thơ...)

Cách 2: Tình cảm gia đình - thứ tình cảm ấm áp, thiêng liêng nhất trong trái tim mỗi con người đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận của thơ ca Việt Nam. Ta đã từng bắt gặp tình cảm thiêng liêng ấy trong bài thơ “Con cò” của Chế Lan Viên, trong “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Và đến với “Nói với con” một thi phẩm thơ nổi tiếng của Y Phương, một lần nữa ta lại được cảm nhận cái thiêng liêng, ấm áp của tình cảm gia đình mà cụ thể hơn chính là tình phụ tử. Đến với bài thơ (đặc biệt là khổ thơ...) ta hiểu được những lời nhắn nhủ tha thiết của Y Phương với con.

B. Thân bài

1. Khái quát về tác phẩm

-

- Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi thế hệ nhà thơ vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài 21 năm. Nền kinh tế nước ta lúc ấy như người bệnh trọng mới hồi dậy. Cái nghèo khó phủ lên từng con phố, bản làng ... Nhà thơ Y Phương viết “Nói với con” nhằm động viên tinh thần và tôn vinh dân tộc tày của mình qua hình thức tâm sự của người cha với con (Lúc này con gái nhà thơ mới được 1 tuổi). Tình yêu con lớn dần cùng tình yêu dân tộc, vừa xúc động thiêng liêng vừa chân thành mạnh mẽ, trong sáng.

- Vị trí đoạn thơ: Khổ thơ trên nằm ở phần đầu của bài thơ, là lời người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người.

2. Cảm nhận về những lời nhắn nhủ của Y Phương

a. Nhắc nhở con về cội nguồn gia đình

- Mở đầu bài thơ, là lời người cha nói với con chính là cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người - tình yêu thương vô bờ bến mà cha mẹ dành cho con – đó là tình gia đình:

*Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười.*

- Nhịp thơ 2/3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được lấy lại, tạo ra một âm điệu tươi vui, quấn quýt: “chân phải” - “chân trái”, rồi “một bước” - “hai bước”, rồi lại “tiếng nói” - “tiếng cười”....

- Bằng những hình ảnh cụ thể, giàu chất thơ kết hợp với nét độc đáo trong tư duy, cách diễn đạt của người miền núi, bốn câu thơ mở ra khung cảnh một gia đình ấm cúng, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười.

- Lời thơ gợi về ra trước mắt người đọc hình ảnh em bé đang chập chững tập đi, đang bi bô tập nói, lúc thì sa vào lòng mẹ, lúc thì níu lấy tay cha.

- Ta có thể hình dung được gương mặt tràn ngập tình yêu thương, ánh mắt long lanh rạng rỡ cùng với vòng tay dang rộng của cha mẹ đưa ra đón đứa con vào lòng. Từng câu, từng chữ đều toát lên niềm tự hào và hạnh phúc tràn đầy. Cả ngôi nhà như rung lên trong “tiếng nói”, “tiếng cười” của cha, của mẹ. Mỗi bước con đi,

mỗi tiếng con cười đều được cha mẹ đón nhận, chăm chút mừng vui. Trong tình yêu thương, trong sự nâng niu của cha mẹ, con lớn khôn từng ngày.

=> Tình cha mẹ - con cái thiêng liêng, sâu kín, mỗi dây ràng buộc, gắn kết gia đình bền chặt đã được hình thành từ những giây phút hạnh phúc bình dị, đáng nhớ ấy

=> Lời thơ ngay từ đầu đã chạm đến sợi dây tình cảm gia đình sâu kín của mỗi con người nên tạo được sự đồng cảm, rung động sâu sắc đến độc giả.

b. Nhắc nhở con về cội nguồn quê hương

- Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người được Y Phương nói đến không chỉ là gia đình mà còn là quê hương, là thiên nhiên tươi đẹp và thấm đượm nghĩa tình. Như bầu sữa tinh thần thứ hai, quê hương với cuộc sống lao động, với thiên nhiên tươi đẹp, tình nghĩa đã nuôi dưỡng, sẻ chia giúp cho contrường thành.

- Quê hương vốn là một khái niệm vô hình nhưng rất đổi thân thương. Với mỗi người, quê hương hiện lên với những nét khác nhau. Nếu như với Tế Hanh, quê hương là “con sông xanh biếc, nước gương trong soi tóc những hàng tre”, với Đỗ Trung Quân, “quê hương là chum khế ngọt”, “là con điều biếc” thì với Y Phương, quê hương chính là người đồng mình, là rừng, là núi:

Người đồng mình yêu lắm, con ơi!

Đan lờ cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát.

- Quê hương hiện ra qua hình ảnh của “người đồng mình”. Nói với con về những “người đồng mình”, nhà thơ như đang giới thiệu ân cần đây là những người bản mình, người vùng mình, người dân quê mình gần gũi, thân thương.

=> Cách gọi như thế, cùng với hô ngữ “con ơi” khiến lời thơ trở nên tha thiết, trìu mến.

- Người đồng mình là những con người đáng yêu, đáng quý bởi sự khéo léo trong lao động: “Đan lờ cài nan hoa - Vách nhà ken câu hát”. Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của họ được gợi ra qua những hình ảnh thật đẹp! Những nan nứa, nan tre dưới bàn tay tài hoa của người quê mình đã trở thành “nan hoa”. Vách nhà không chỉ ken bằng tre, gỗ mà còn được ken bằng những câu hát si, hát lượn.

- Người đồng mình là những con người đáng yêu, đáng quý bởi sự lạc quan trong cuộc sống: Họ dựng nhà gỗ, tre, nứa Vách nhà không chỉ được ken bằng những vật liệu đó, mà còn được ken bằng những câu hát. Câu thơ “ Vách nhà ken câu hát” gợi người đọc hướng tới một điều trong quá trình lao động dựng nhà, dựng cửa người đồng mình luôn cất cao tiếng hát. Các động từ “cài”, “ken” vừa miêu tả chính xác động tác khéo léo trong lao động vừa gợi sự gắn bó, quấn quýt của những con người quê hương trong cuộc sống lao động.

=> Cái “yêu lắm” của “người đồng mình” là gì nếu không phải là cốt cách tài hoa, là tinh thần vui sống? Phải chăng, ẩn chứa bên trong cái dáng vẻ thô mộc là một tâm hồn phong phú, lãng mạn biết bao?

* *Chuyển ý:* Quê hương với những con người tài hoa, tâm hồn lãng mạn, cũng là quê hương với thiên nhiên thơ mộng, nghĩa tình. Qua lời của người cha quê hương còn được hiện hữu qua hình ảnh “rừng” và con đường:

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng.

- Nếu như hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn nó với những hình ảnh khác cách nói của Y Phương: là thác lũ, là bạt ngàn cây hay rộn rã tiếng chim thú hoặc cả những âm thanh “*gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi*”, những bí mật của rừng thiêng... Nhưng Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh “hoa” để nói về cảnh quan của rừng. Nhưng hình ảnh ấy có sức gợi rất lớn, gợi về những gì đẹp đẽ và tinh túy nhất. Hoa trong “Nói với con” có thể là hoa thực - như một đặc điểm của rừng - và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mỹ góp phần diễn đạt điều tác giả đang muốn khái quát: chính những gì đẹp đẽ của quê hương đã hun đúc nên tâm hồn cao đẹp của con người ở đó. Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương. Đó cũng chính là một nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi “con đường cho những tấm lòng”.

- Điệp từ “cho” mang nặng nghĩa tình. Thiên nhiên đem đến cho con người những thứ cần để lớn, giành tặng cho con người những gì đẹp đẽ nhất. Thiên nhiên đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống.

=> Bằng cách nhân hoá “rừng” và “con đường” qua điệp từ “cho”, người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của “người đồng mình”. Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm.

* *Chuyển ý*: Cuối cùng, cội nguồn sinh thành, nuôi dưỡng mỗi người trưởng thành chính là những kỉ niệm êm đềm đẹp đẽ, hạnh phúc và tuyệt vời nhất của cha mẹ:

Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới

Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.

- “*Ngày cưới*” chính là minh chứng tuyệt vời nhất cho tình yêu của cha mẹ và con cũng chính là kết tinh của tình yêu ngọt ngào ấy. “*Ngày cưới*” là ngày gặp gỡ của những tấm lòng, của những con người quê hương.

- “*Ngày đầu tiên đẹp nhất*” ấy có thể là ngày cưới của cha mẹ nhưng nó cũng có thể là ngày con chào đời, ngày bố mẹ được hạnh phúc đón chờ con. Người cha nhắc đến những kỉ niệm ngày cưới của mình với con - điểm tựa của hạnh phúc - chính là để mong con luôn nhớ, con lớn lên trong tình yêu trong sáng và hạnh phúc của cha mẹ. Con là kết quả của tình yêu và hạnh phúc gia đình. Đó là điểm xuất phát mọi tình yêu thương trong con. Như vậy, tình cảm riêng đã hoà vào tình cảm chung, tình cảm gia đình đã hoà vào tình cảm quê hương, đất nước.

Đoạn thơ mở ra bằng hình ảnh đưa con, kết thúc bằng hình ảnh cha mẹ, mở ra bằng cội nguồn gia đình, kết thúc bằng cội nguồn quê hương, gia đình và quê hương đã cho con nghĩa tình, đã bao bọc, chở che con ngay từ khi bắt đầu con cất tiếng khóc chào đời. Quê hương và gia đình sẽ mãi mãi luôn bên nhau, nâng đỡ con trong suốt hành trình dài của cuộc đời.

- Theo nhà thơ Y Phương chia sẻ: Tình cảm của những đôi trai gái, của cha mẹ được nảy nở, bắt nguồn từ tình yêu đối với quê hương, tình yêu đối với cuộc sống lao động. Như vậy, nhà thơ quan niệm: Khi con người sống gắn bó với quê hương, với lao động thì con người sẽ tìm được tình yêu, hạnh phúc.

=> Mạch thơ có sự đan xen, mở rộng: từ tình cảm gia đình mà nói tới quê hương.
=> Đoạn thơ vừa là một lời tâm tình ấm áp, vừa là một lời dặn dò đầy tin cậy của người cha trao gửi tới con.

* *Liên hệ mở rộng*: Tâm sự với con về tình cảm thiêng liêng đó chắc hẳn nhà thơ muốn nhắn nhủ với con rằng: Con hãy yêu gia đình, yêu quê hương mình đừng bao giờ quên cội nguồn sinh dưỡng đó bởi đúng như nhà thơ Đỗ Trung Quân từng viết:

*“ Quê hương mỗi người chỉ một
Như là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người”*

3. Đánh giá

Bằng những hình ảnh thơ đẹp, giản dị bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, người cha muốn nói với con rằng: vòng tay yêu thương của cha mẹ, gia đình, nghĩa tình sâu nặng của quê hương làng bản - đó là cái nôi đã nuôi con khôn lớn, là cội nguồn sinh dưỡng của con. Con hãy khắc ghi điều đó. Và sau mỗi lời thơ ấy, người đọc dễ dàng nhận ra được tình yêu thương vô bờ bến mà Y Phương dành cho cô con gái đầu lòng, dành cho Trùng Khánh quê hương ông. Tình cảm đẹp đẽ ấy thật đáng trân trọng.

C. Kết bài

Qua lời thủ thi, tâm tình của người cha nói với con, với cách tư duy diễn đạt giàu hình ảnh của người miền núi, kết hợp với hình thức tâm tình, trò chuyện nhẹ nhàng của người cha, hình ảnh của quê hương, của người đồng mình hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là suối nguồn ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. Khép lại trang thơ, người đọc không chỉ thấy được chất Tây thâm đượm trong từng câu, từng chữ, hình ảnh mà còn thấy được tình cảm gia đình chính là thứ tình cảm vô cùng cao quý và thiêng liêng song hành cùng với tình yêu của đất nước, của quê hương. Nó chính là thứ động lực mãnh liệt để vun đắp và nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người.

Đề 2: Cảm nhận của em về những điều cha nói với con trong đoạn thơ sau:

(*)

*“Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt*

*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.”*

A.Mở bài:

Cách 1: Y Phương là một trong số ít những nhà thơ dân tộc tày, Thơ ông chủ yếu viết về đề tài quê hương mình. Các bài thơ của ông đều thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi. “Nói với con” là một trong những bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác ấy. Đọc đoạn thơ trên ta hiểu được lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ấy: (thơ...)

Cách 2: Tình cảm gia đình - thứ tình cảm ấm áp, thiêng liêng nhất trong trái tim mỗi con người đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận của thơ ca Việt Nam. Ta đã từng bắt gặp tình cảm thiêng liêng ấy trong bài thơ “Con cò” của Chế Lan Viên, trong “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Và đến với “Nói với con” một thi phẩm thơ nổi tiếng của Y Phương, một lần nữa ta lại được cảm nhận cái thiêng liêng, ấm áp của tình cảm gia đình mà cụ thể hơn chính là tình phụ tử. Đọc đoạn thơ trên ta hiểu được lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ấy: (thơ...)

B. Thân bài

1. Khái quát về tác phẩm

- Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi thế hệ nhà thơ vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài 21 năm. Nền kinh tế nước ta lúc ấy như người bệnh trọng mới hồi dậy. Cái nghèo khó phủ lên từng con phố, bản làng ... Nhà thơ Y Phương viết “ Nói với con” nhằm động viên tinh thần và tôn vinh dân tộc tày của mình qua hình thức tâm sự của người cha với con (Lúc này con gái nhà thơ mới được 1 tuổi). Tình yêu con lớn dần cùng tình yêu dân tộc, vừa xúc động thiêng liêng vừa chân thành mạnh mẽ, trong sáng.

- Vị trí đoạn thơ: Đoạn trích trên nằm ở phần thứ hai và cũng là phần cuối của bài thơ. Là lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ấy

2. Cảm nhận về những lời nhắn nhủ của Y phương

a. Nhắc lại nội dung đoạn 1

Ở khổ thơ đầu, bằng những hình ảnh thơ đẹp, giản dị bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, Y Phương đã nói với con về cội nguồn sinh dưỡng. Ông muốn nói với con rằng gia đình và quê hương chính là cái nôi đầu tiên của cuộc đời mỗi con người, là nơi ta được lớn lên, được yêu thương che

chở. Từ đó lời thơ nhắc nhở người đọc cần biết trân trọng gia đình và quê hương của chính mình.

b. Nhắc nhở con về những phẩm chất đẹp đẽ của người đồng mình

- Trong cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình.

Luận điểm 1: Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước (Giàu ý chí, nghị lực).

* *Chuyển ý*: Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

Người đồng mình thương lắm con ơi!

- Đoạn thơ bắt đầu bằng cảm xúc “ Thương lắm con ơi”. Nếu trong khổ thơ trên người đồng mình “yêu lắm con ơi” - yêu cuộc sống vui tươi bình dị, yêu bản làng thơ mộng, yêu những tấm lòng chân thật nghĩa tình, thì đến đây người cha nói với con “thương lắm con ơi” - bởi sau từ “thương” đó là những nỗi vất vả, gian khó của con người quê hương => Người cha biểu lộ tình cảm yêu thương chân thành về gian truân, thử thách cùng ý chí mà người đồng mình đã trải qua.

* *Chuyển ý*: Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động, mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn.

- Bằng cách tư duy độc đáo của người miền núi, Y Phương đã lấy sự từng trải (buồn) để đo chiều cao, lấy chí lớn để đánh giá độ xa. Sắp xếp tính từ “cao”, “xa” trong sự tăng tiến, nhà thơ cho thấy khó khăn, thử thách càng lớn thì ý chí con người càng mạnh mẽ. Qua đó ta thấy rằng người đồng mình sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc, lam lũ. Họ nhẫn nhục chịu đựng nỗi buồn dai dẳng của mảnh đất quê hương. Điều này khẳng định người đồng mình thật can trường, dũng mãnh, không khuất phục trước hoàn cảnh biết vươn lên..

=> Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc.

Luận điểm 2: Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn.

* *Chuyển ý*: Với niềm tự hào về ý chí, nghị lực và truyền thống tốt đẹp của “ người đồng mình”, cha mong con luôn sống nghĩa tình, thủy chung với quê hương:

Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

- Phép liệt kê với những hình ảnh ẩn dụ “đá gập ghềnh”, “thung nghèo đói” => gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc của những người đồng mình

- Điệp ngữ “sống”, “không chê” và điệp cấu trúc câu cùng hình ảnh đối xứng đã nhấn mạnh: người đồng mình có thể nghèo nàn, thiếu thốn về vật chất nhưng họ không thiếu ý chí và quyết tâm. Người đồng mình chấp nhận và thủy chung gắn bó cùng quê hương, dẫu quê hương có đói nghèo, vất vả. Và phải chăng, chính cuộc

sống nhọc nhằn, đầy vất vả khổ đau ấy đã tôi luyện cho chí lớn để rồi tình yêu quê hương sẽ tạo nên sức mạnh giúp họ vượt qua tất cả.

* *Chuyển ý*: Đồng thời người cha khuyên con phải có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống:

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc

- Phép so sánh “Sống như sông như suối” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sống trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

- Người cha khuyên con hãy sống cuộc đời rộng lớn, tự do, khoáng đạt, không thụ động chấp nhận thực tại mà luôn hướng tới tương lai không bao giờ cam chịu cuộc sống nhỏ bé tầm thường. Đã có biết bao nhà thơ, nghệ sĩ viết về vấn đề này.

- Thành ngữ dân gian “*Lên thác xuống ghềnh*” gợi bao nỗi vất vả, lam lũ. Cách nói ẩn dụ “*lên thác xuống ghềnh*” kết hợp lời nói mộc mạc thường ngày “*không lo cực nhọc*”, cha khuyên con hãy sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách của cuộc đời, không được chùn bước, nản chí. Nên con hãy ngẩng cao đầu dũng cảm vượt qua chông gai, thử thách của cuộc đời. Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.

=> Cha dặn con điều đầu tiên con phải sống ân nghĩa thủy chung vì đây là nền tảng hình thành nên giá trị một con người.

Luận điểm 3: Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc:

* *Chuyển ý*: Phẩm chất của những con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi:

Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

- Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa bao tâm tình.

- Cụm từ “thô sơ da thịt” là cách nói bằng hình ảnh cụ thể của bà con dân tộc Tày, người ca ngợi những con người mộc mạc, giản dị, chất phác, thật thà, chịu thương, chịu khó.

- Cụm từ “chẳng nhỏ bé” khẳng định sự lớn lao của ý chí, của nghị lực, cốt cách và niềm tin.

- Phẩm chất của con người quê hương được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi. Tuy “*người đồng mình*” không mấy đẹp đẽ ở hình thức “*thô sơ da thịt*” nhưng luôn ẩn chứa một sức mạnh tinh thần lớn lao, không bao giờ nhỏ bé, không bao giờ thôi ước vọng vươn cao. Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa bao tâm tình. Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng mình. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “*thô sơ da thịt*” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí, về mong ước xây dựng quê hương.

* *Chuyển ý*: Lời cha giản dị, ân cần trang nghiêm, chắc nịch đã giúp đứa con nhận ra rằng chính nhờ những “người đồng mình” như thế, những con người có ước mơ xây dựng quê hương với những truyền thống, phong tục tốt đẹp:

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục.

- Lời nói của Y Phương đậm ngôn ngữ dân tộc - độc đáo mà vẫn chứa đựng ý vị sâu xa.

- Hình ảnh “Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương” vừa mang tính tả thực (chỉ truyền thống làm nhà kê đá cho cao của người miền núi), vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc: Người đồng mình bằng chính bàn tay và khối óc, bằng sức lao động đã xây dựng và làm đẹp giàu cho quê hương, xây dựng để nâng tầm quê hương. Còn quê hương là điểm tựa tinh thần với phong tục tập quán nâng đỡ những con người có chí khí và niềm tin.

- Câu thơ đã khái quát về **tinh thần tự tôn dân tộc**, về ý thức bảo vệ nguồn cội, bảo tồn những truyền thống quê hương tốt đẹp của người đồng mình. “*Đục đá*” là công việc vô cùng nặng nhọc, đòi hỏi phải bền bỉ, nhẫn nại. “*Đục đá*” vào ý thơ đã trở thành hình ảnh sinh động, gợi cảm. Bởi qua ý thơ, hình ảnh ấy giúp ta hình dung hiện thực người dân lao động miền núi bằng khát vọng và ý chí “*đục đá kê cao quê hương*” đã tôn tạo vẻ đẹp văn hóa của dân tộc với bao thiên tai, bão lũ, bao bọn giặc hung tàn để gìn giữ, bảo vệ quê hương của cả dân tộc. Đó là hình ảnh Sơn Tinh (thời Hùng Vương thứ 18) bốc từng quả đồi..., là hình ảnh anh hùng Núp và dân tộc Ba Na anh em đã quyết tâm không khuất phục giặc Pháp bảo vệ cho vùng đất Chư-Lây thân yêu, làm nên chiến tích lịch sử. Cách mạng hào hùng cho quê hương, đất nước.... Hình dung ra điều ấy, ta mới thấy chi tiết “*đục đá kê cao quê hương*” là một hình ảnh ẩn tượng, chứa chan niềm tự hào cao độ của nhà thơ đối với dân tộc thân yêu.

* *Chuyển ý*: Khép lại đoạn thơ bằng âm hưởng của một lời nhắn nhủ trù mên với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu:

Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.

- Ý thơ “Tuy thô sơ da thịt” và “không bao giờ nhỏ bé” được lặp lại với bốn câu thơ trước đó càng trở nên da diết, khắc sâu trong lòng con về những phẩm chất cao đẹp của “người đồng mình”. Nhưng hai tiếng “Lên đường” cho thấy người con đã lớn khôn và tạm biệt gia đình - quê hương để bước vào một trang đời mới.

- Trong hành trang của người con mang theo khi “lên đường” có một thứ quý giá hơn mọi thứ trên đời, đó là ý chí, nghị lực, truyền thống quê hương. Lời dặn của cha thật mộc mạc, dễ hiểu, thấm thía, ẩn chứa niềm hi vọng lớn lao của cha, hi vọng đứa con sẽ tiếp tục vững bước trên đường đời, tiếp nối truyền thống và làm vẻ vang quê hương.

- Hai tiếng “Nghe con” lắng đọng bao cảm xúc, ẩn chứa tình yêu thương vô bờ bến của cha dành cho con. Câu thơ còn gợi ra một cảnh tượng cảm động đang diễn

ra lúc chia li: cha hiền từ âu yếm nhìn con, xoa đầu con và người con ngoan ngoãn cúi đầu lắng nghe lời cha dặn.

=> Ca ngợi những đức tính tốt đẹp của người đồng mình, cha mong con sống có tình nghĩa với quê hương, phải giữ đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của cha ông từ bao đời để lại. Hơn nữa, con phải biết chấp nhận gian khó và vươn lên bằng ý chí của mình.

=> Người cha muốn con hiểu và cảm thông với cuộc sống khó khăn của quê hương, tự hào về truyền thống quê hương, tự hào về dân tộc để vững bước trên con đường đời, để tự tin trong cuộc sống.

- Nhịp thơ chậm rãi chân thành, nghe như lời nhắn nhủ tha thiết từ trái tim người cha. Một lần nữa người cha khẳng định người đồng mình “*thô sơ da thịt*”, đó là hình ảnh đáng trân quý và tự hào. Hình ảnh của sự vất vả, lam lũ nơi núi rừng bạt ngàn. Hình ảnh khỏe khoắn, rắn rỏi của người dân lao động miền núi. Vẻ ngoài tuy không đẹp, tuy thô sơ, chân chất mộc mạc nhưng người cha nhắn con hãy nhớ, dù đi đâu, con cũng không bao giờ ngừng nuôi chí lớn, hãy luôn tự hào về quê hương dân tộc, hãy sống với khát vọng và đam mê. Người dân quê ta có thể nhỏ bé về vóc dáng, thô sơ về vóc dáng nhưng khí phách, tinh thần thì thật lớn lao. Sự đối lập giữa hình thể và tâm hồn càng khẳng định niềm tự hào về những con người dân tộc miền núi, càng cho thấy được tình yêu thương, tự hào của người cha dành cho quê hương. Câu cuối “*nghe con*” nghe vừa nhẹ nhàng mà vừa dứt khoát như lời nhắn nhủ và khẳng định: trên đường đời, dù con có đi đâu làm gì cũng hãy tự hào về dân tộc, về những con người của núi rừng, luôn mang trong mình khát khao, nghị lực, khí phách lớn lao.

=> Đoạn thơ chứa chan ý nghĩa, mộc mạc, đầm ấm mà sâu sắc. Nó tựa như một khúc ca nhẹ nhàng mà âm vang. Lời thơ tâm tình của người cha sẽ là hành trang đi theo con suốt cuộc đời và có lẽ mãi mãi là bài học bổ ích cho các bạn trẻ - bài học về niềm tin, nghị lực, ý chí vươn lên.

3. Đánh giá

Bằng giọng thơ vừa thiết tha, trù mến vừa trang nghiêm và các hình ảnh thơ cụ thể, chọn lọc, đoạn thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những phẩm chất đẹp đẽ của người đồng mình. Người đồng mình là những người giàu ý chí nghị lực và niềm tin, luôn thủy chung tình nghĩa, phóng khoáng lãng mạn ... Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra tình yêu, niềm tự hào và sự gắn bó sâu nặng của nhà thơ với con người quê hương mình. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

C. Kết bài

Qua lời thủ thi, tâm tình của người cha nói với con, với cách tư duy diễn đạt giàu hình ảnh của người miền núi, kết hợp với hình thức tâm tình, trò chuyện nhẹ nhàng của người cha, hình ảnh của quê hương, của người đồng mình hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là suối nguồn ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. Khép lại trang thơ, người đọc không chỉ thấy được chất Tày thấm đượm trong từng câu, từng chữ, hình ảnh mà còn thấy được

tình cảm gia đình chính là thứ tình cảm vô cùng cao quý và thiêng liêng song hành cùng với tình yêu của đất nước, của quê hương. Nó chính là thứ động lực mãnh liệt để vun đắp và nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người.

NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI – LÊ MINH KHUÊ

Đề 1: Nêu cảm nhận của em về nhân vật Phương Định đoạn trích sau: (*)

“...Văng lạng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ theo dõi mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.

Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng...

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

[...]

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mặn mặn, cát lạo xạo trong miệng.

(Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi, Ngữ văn 9, tập hai, trang 117-118)

A.Mở bài:

Đường Trường Sơn- tuyến đường huyết mạch gắn liền với những năm tháng kháng chiến chống Mỹ dữ dội mà hào hùng của dân tộc. Tuyến đường ấy không chỉ in sâu trong kí ức của những người lính bước ra từ chiến tranh mà còn ghi dấu trong nền thơ ca cách mạng với những tác phẩm thơ văn hay, đặc sắc nhất, đó chính là hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật, đó là những cô gái mở đường trong "Khoảng trời, hố bom" của Lâm Thị Mỹ Dạ. Cũng viết về chiến tranh, viết về tuyến đường Trường Sơn lịch sử, Lê Minh Khuê qua truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" đã tái hiện đầy chân thực, xúc động về hình ảnh của những cô gái thanh niên xung phong làm công tác trinh sát mặt đường, đo đất đo đá, lấp hố bom để đảm bảo lưu thông cho đoàn xe chi viện. Trong tác phẩm này, có

lẽ đoạn trích kể lại một lần phá bom của Phương Định là đoạn trích khiến người đọc ấn tượng nhất

2. Cảm nhận đoạn trích

a. Khái quát về tác phẩm

Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971 – thời điểm cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái Nho, Thao, Phương Định để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mỹ cứu nước.

b. Cảm nhận về đoạn trích

b.1 Giới thiệu sơ lược về hoàn cảnh sống chiến đấu và công việc của PĐ

Phương Định là nhân vật chính trong truyện ngắn “NNSXX” của LMK. Cô và 2 người đồng đội của mình sống ở chân một cao điểm trên tuyến lửa Trường Sơn. Công việc hàng ngày của cô là “Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Phá bom là công việc hằng ngày của cô. Có ngày 5 lần, ngày nào ít thì 3 lần. Và LMK cũng đã tái hiện lại một cách cụ thể và sinh động một lần Phương Định phá bom như thế để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp trong tâm hồn cô.

b.2 Cảm nhận về nhân vật qua đoạn trích đã cho

*** Đoạn trích cho thấy Phương Định là một cô gái kiên cường, dũng cảm.**

Đọc đoạn trích này, điều đầu tiên chúng ta nhận ra ở Phương Định là vẻ đẹp của sự kiên cường và lòng dũng cảm. Mặc dù phá bom đã trở thành công việc quen thuộc của cô nhưng là một cô gái trẻ trong khoảnh khắc đối diện với cái chết, cô cũng không tránh được sự sợ hãi. Chính sự sợ hãi ấy đã làm cho các giác quan của cô trở nên nhạy bén. Cô cảm nhận được “*Văng lảng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vọt vờ từng cụm trong không trung*”. Chi tiết này cho thấy Lê Minh Khuê rất am hiểu tâm lí của con người. Nếu bà để cho Phương Định không có cái cảm giác sợ hãi kia thì có vẻ như không phù hợp với tâm lí của một cô gái trẻ. Để cho Phương Định cũng cảm thấy sợ hãi không chỉ phù hợp với tâm lí con người mà còn làm nổi bật lòng dũng cảm trong cô. Dù sợ hãi thế nhưng cô đã dũng cảm để chiến thắng được nỗi sợ hãi của mình và bình tĩnh phá bom. Phá bom là một công việc không hề đơn giản. Cái chết có thể đến bất cứ lúc nào, chỉ một phút chậm trễ là có thể mất mạng. Phải thật sự dũng cảm cô mới dám nhận nhiệm vụ ấy. Và cũng vì hiểu được sự nguy hiểm trong công việc của mình nên Phương Định nhanh chóng đào đất phá bom. Có những lúc cô thấy rung mình vì nghe thấy một tiếng động sắc đến gai người, vì cảm nhận được vỏ quả bom nóng. Thế nhưng bằng sự kiên cường và lòng can đảm của mình cô đã hoàn thành xong công việc. Trong đoạn văn miêu tả tâm lí của PĐ khi phá bom nổ chậm, LMK đã sử dụng hàng loạt các câu đặc biệt với nhịp điệu nhanh hơn bình thường. Cách diễn đạt như thế giúp người đọc cảm nhận được cái không khí và cảm giác căng thẳng của PĐ khi thực hiện công việc phá bom nổ chậm. Không khí càng căng thẳng bao nhiêu ta càng nhận ra lòng dũng cảm của cô bấy nhiêu.

Chưa dừng lại ở đó, tinh thần dũng cảm của Phương Định còn tiếp tục được bộc lộ ở đoạn văn tiếp theo qua suy nghĩ của cô. Phá bom là đối diện với thần

chết nhưng Phương Định lại nói “Tôi cũng nghĩ đến cái chết ,nhưng một cái chết rất mờ nhạt” .Nhà văn tỏ ra khá am hiểu tâm lí nhân vật .Cô cũng như bao người khác yêu tha thiết cuộc sống này , không phải không nghĩ đến cái chết nhưng một cái chết mờ nhạt ,nghĩa là không đậm nét, không ám ảnh đến nỗi sợ hãi .Bởi đã chấp nhận đi thanh niên xung phong vào Trường Sơn là đi theo một lí tưởng cao đẹp ,sẵn sàng hiến dâng trọn vẹn tuổi thanh xuân của mình cho tổ quốc.

***Liên hệ:** Câu nói của Phương Định làm ta nhớ đến những ca từ trong bài *Tự nguyện* của nhạc sĩ Trương quốc Khánh cũng nói về về lí tưởng sống của tuổi trẻ :

*“Nếu là chim tôi sẽ làm loài bồ câu trắng
Nếu là hoa tôi sẽ làm một đóa hướng dương
Nếu là mây tôi sẽ làm một vầng mây ấm
Là người tôi sẽ chết cho quê hương.”*

Có thể thấy rằng, lẽ sống cống hiến hi sinh vì quê hương đất nước bao giờ cũng là lẽ sống đẹp. Nó như ánh sáng soi đường để chúng ta vượt qua mọi khó khăn thử thách, mọi vất vả chông gai để trở thành một người có ích cho cộng đồng, cho xã hội

Quay trở lại với Phương Định sau khi phá bom nổ chậm. Mặc dù đã hoàn thành nhiệm vụ, nhưng cô luôn lo lắng “*liệu mình có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai*”. Cái suy nghĩ “*làm thế nào để châm mìn lần 2*” thật đáng để ta cảm phục. **Châm mìn lần 2** còn nguy hiểm hơn gấp ngàn vạn lần so với lần châm mìn thứ nhất. Bởi bom có thể nổ bất cứ lúc nào. Chỉ cái suy nghĩ ấy thôi cũng cho thấy được lòng dũng cảm tuyệt vời của cô gái Hà Thành Phương Định. Người đọc tự hỏi “*Điều gì đã khiến một cô gái trẻ trung, mơ mộng, lãng mạn như PĐ lại trở nên gan dạ, dũng cảm đến thế?*” Phải chăng đó chính là tình yêu tổ quốc. Chính lòng yêu nước đã thôi thúc cô vào chiến trường và giờ đây cũng chính tình cảm ấy đã tiếp thêm sức mạnh cho cô để cô trở nên mạnh mẽ, kiên cường để hoàn thành nhiệm vụ.

*** Phương Định là một cô gái giàu lòng tự trọng**

Không chỉ dũng cảm, kiên cường, Phương Định còn là một cô gái giàu lòng tự trọng, luôn muốn hình ảnh của mình đẹp đẽ trong mắt mọi người nhất là các anh pháo thủ. Cô kể: *Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ theo dõi mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.* Cô không muốn hình ảnh của mình xấu đi trong mắt các chiến sĩ .Dù nguy hiểm hiểm đến đâu cũng không được phép run sợ .Cô tự nhủ với chính mình;" Tôi sẽ không đi khom .các anh ấy không thích cái kiểu đi khom ". Như vậy coi trọng danh dự đã tiếp thêm cho cô nghị lực để cô thực hiện công việc của mình. Nét đẹp ấy của Phương Định thật đáng để ta trân trọng

3. Đánh giá

- Như vậy, bằng hàng loạt các câu trần thuật đơn, câu rút gọn, câu đặc biệt , nhịp ngắt dồn dập, nghệ thuật độc thoại nội tâm, phân tích tâm lí nhân vật độc đáo, tình huống kịch tính, điểm nhìn của tác giả hòa lẫn vào điểm nhìn tâm trạng của nhân

vật để tạo nên không khí căng thẳng, hiểm nguy và khắc họa tâm lí Phương Định. Thông qua đó, ta thấy rõ phẩm chất anh dũng, kiên cường của nhân vật. Đó là phẩm chất tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mỹ.

C. Kết bài:

- Đánh giá chung về đoạn trích
- Đoạn trích khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

Đề 2: Cảm nhận nhân vật Phương Định trong truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê. (*)

A.Mở bài:

*“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.*

Đó là tinh thần của cả thời đại chống Mỹ. Đó là hình ảnh những anh bộ đội, những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn đã đi vào văn chương và trở thành mạch nguồn cảm xúc xuyên suốt văn học một thời. Đó là những người lính lái xe trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật; “Mảnh trăng cuối rừng” của Nguyễn Minh Châu; những cô gái mở đường trong “Khoảng trời hố bom” của Lâm Thị Mĩ Dạ... Cũng được khơi nguồn từ cảm hứng ấy, truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê lại đem đến cho người đọc những cảm xúc mới mẻ về hình ảnh những nữ thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Họ vừa mang vẻ đẹp của những cô gái tuổi mười tám, đôi mươi hồn nhiên giàu mộng mơ, lại vừa mang vẻ đẹp của người lính giữa chiến trường gan dạ, dũng cảm không sợ hi sinh. Ấn tượng nhất trong tâm trí bạn đọc là hình ảnh nhân vật chính, cô thanh niên xung phong, cô “hoa hậu” trong lòng bom đạn – Phương Định.

B. Thân bài:

1. Khái quát (Dẫn dắt vào bài):

- Lê Minh Khuê là nữ nhà văn đã từng có năm tháng tuổi trẻ gắn bó với những con đường Trường Sơn mưa bom, bão đạn, từng chứng kiến, trải qua và chia sẻ những gian khổ, hi sinh của người lính giữa chiến trường. Bởi vậy những trang viết của bà về con người và cuộc sống nơi đây thật chân thực và xúc động vô cùng. Ở “Những ngôi sao xa xôi” cũng vậy, hiện thực cuộc sống giữa chiến trường và hình ảnh những nữ thanh niên xung phong với cuộc sống gian khổ một thời cứ hiện lên sống động sau từng câu chữ.
- Ấn tượng sâu đậm nhất mà Lê Minh Khuê để lại trong lòng bạn đọc ở “Những ngôi sao xa xôi” là hình ảnh những con người dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm cao, có tình đồng chí, đồng đội sáng ngời, có tâm hồn trong trẻo, giàu mơ mộng, và nhạy cảm. Tất cả những vẻ đẹp ấy được thể hiện tập trung nhất ở nhân vật Phương Định, và chủ yếu qua đời sống nội tâm của cô.

2.Nhân vật Phương Định

2.1. Hoàn cảnh sống và chiến đấu đầy gian khổ:

- Phương Định cùng những người đồng đội của mình ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhiều nhất bom đạn, sự nguy hiểm và ác liệt, từng ngày từng giờ phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ. Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc: “Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lẫn lộn. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất”. Đó là hiện thực đầy mùi chiến tranh, không có màu xanh của sự sống, chỉ thấy thần chết luôn rình rập.

- Công việc của các cô đặc biệt nguy hiểm. Họ phải chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch để đo và ước tính khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Nhiệm vụ của họ thật quan trọng nhưng cũng đầy gian khổ, hi sinh, phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.

2.2. Vẻ đẹp của Phương Định:

- Cuộc sống gian khổ giữa chiến trường ác liệt, công việc đầy nguy hiểm và luôn phải đối mặt với cái chết, nhưng Phương Định vẫn giữ được sự hồn nhiên, trong sáng của tuổi trẻ, luôn thể hiện tinh thần dũng cảm không sợ hi sinh, lòng lạc quan và tình đồng đội gắn bó sâu sắc. Cô ngời sáng lên vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu, vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ.

a. Lí tưởng sống cao đẹp, tinh thần dũng cảm:

- Vẻ đẹp của nhân vật Phương Định được tỏa sáng ở lí tưởng sống cao đẹp và tinh thần dũng cảm, không sợ gian khổ, hi sinh

+ Rời ghế nhà trường phổ thông, Phương Định xung phong ra mặt trận, cùng thế hệ của mình “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai” để giành độc lập, tự do của Tổ quốc. Cô ra đi mà không tiếc tuổi thanh xuân, nguyện dâng hiến hết mình cho đất nước:

“Ôi Tổ quốc! Nếu cần, ta chết

Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông...”.

+ Đối mặt với nguy hiểm, cô và những người đồng đội của mình thật sự là những anh hùng. Phương Định nghĩ về hoàn cảnh sống nơi đây một cách giản dị và cho là có cái thú riêng: “Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ...”. Công việc phá bom đầy nguy hiểm và phải luôn đối mặt với thần chết được cô kể với giọng điệu bình thản, pha sự hóm hỉnh: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần.

Ngày nào ít: ba lần”. Thật là biết đùa trước gian khó.

+ Đặc biệt, hi sinh mất mát của bản thân cũng được Phương Định coi hết sức nhẹ nhàng: “Tôi bây giờ vẫn còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi. Tất nhiên Tôi không vào viện quân y”. Nếu không có cái nhìn lạc quan và một tinh thần dũng cảm thì Phương Định không thể có cách nói bình thản như thế.

+ Cuộc sống nơi chiến trường luôn đối mặt với thử thách, nguy hiểm và cái chết đã tôi luyện ở Phương Định lòng quả cảm, không sợ hi sinh. Tâm lí Phương Định trong một lần phá bom được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác. Khung cảnh và không khí chưa đầy sự căng thẳng nhưng Phương Định vẫn có nét tâm lí rất con gái, cảm giác: “Có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình” để rồi sự dũng cảm ở cô như được kích thích bởi lòng tự trọng: “Tôi đến gần quả bom,... tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đường hoàng mà bước tới”. Ở bên quả bom, cận kề với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người cũng trở nên sắc nhọn: “Thình thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành”. Tiếp đó, là cái giây phút căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom. Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng là “một cái chết mờ nhạt, không cụ thể”, còn cái chính vẫn là: “liệu mình có nổ, bom có nổ không?”. Đây là một trách nhiệm rất cao trong công việc, là lòng dũng cảm vô song. Có thể khẳng định rằng: Phương Định và những đồng đội của cô thực sự là những người anh hùng, nhưng là những anh hùng mà không tự biết. Chính điều đó, khiến cho nhân vật Phương Định trở nên đáng mến.

b. Vẻ đẹp hồn nhiên, mơ mộng, và tình nghịch của Phương Định:

- Nét nổi bật và cũng là điểm hấp dẫn nhất ở Phương Định chính là vẻ đẹp của một tâm hồn trong sáng, hồn nhiên và mơ mộng:

+ Phương Định là nữ sinh của thủ đô thanh lịch bước vào chiến trường. Cô có một thời học sinh – cái thời áo trắng ngây thơ, hồn nhiên và vô tư sống bên mẹ trong một căn buồng nhỏ ở một đường phố yên tĩnh. Những hoài niệm của cô về thời học trò thật đáng yêu, luôn sống trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến tranh.

+ Sau những giây phút căng thẳng ở cao điểm, xong việc là thở phào chạy vào hàng, là sà ngay vào một thế giới khác – thế giới con gái với những mơ mộng: nằm dài trên nền ẩm, lưỡi biếng nheo mắt nghe ca nhạc từ cái đài bán dẫn nhỏ, có thể nghe, có thể nghĩ ngợi lung tung... Phương Định mê hát và thích nhiều bài hát: những bài hành khúc bộ đội hay hát trên những ngã đường mặt trận; thích dân ca quan họ mềm mại, dịu dàng; thích Ca-chiu-sa của hồng quân Liên Xô; thích ngồi bó gối mơ màng trước lời bài hát dân ca Ý trữ tình... Thích hát, Phương Định còn

bịa ra lời mà hát, ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Rõ ràng, thích hát là nét tâm lí của thời đại – cái thời tiếng hát át tiếng bom, nhưng đây cũng là nét cá tính ở Phương Định hé lộ vẻ đẹp phong phú của tâm hồn. Trong tiếng hát, có ý thức về lý tưởng, có khao khát về quê hương, tình yêu của tuổi trẻ và có cả khát vọng được trở về cuộc sống thanh bình.

+ Cũng như bao cô gái mới lớn, Phương Định rất nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Phương Định đẹp với “hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn” và “đôi mắt nâu nâu dài dài hay nheo lại như chói nắng, hay có cái nhìn xa xăm”. Biết mình đẹp, cô thích ngắm mình trong gương, có chút kiêu ngâm khi biết mình được các anh pháo thủ và lái xe thăm hỏi. Cô vui và tự hào về điều đó nhưng không hay biểu lộ tình cảm của mình mà thường tỏ ra kín đáo giữa đám đông. Lê Minh Khuê đã rất tinh tế khi phát hiện ra cái nét tâm lí kiêu ngâm ấy ở Phương Định. Đó là cái kiêu ngâm của một cô gái trẻ có ý thức sâu sắc về vẻ đẹp cuộc sống. Chính nét tâm lí rất đời thường, rất con gái này khiến nhân vật Phương Định càng trở nên gần gũi, chân thực và đáng yêu.

+ Vẻ đẹp tâm hồn Phương Định ngời sáng nhất khi cơn mưa đá bất ngờ ập đến. Chỉ một cơn mưa đá mà bao ngọt ngào, căng thẳng, hiểm nguy của chiến trường tan biến, để nhường chỗ cho niềm vui con trẻ òa nở, cuống cuồng:” Mưa đá!Cha mẹ ơi!Mưa đá!”. Chỉ một trận mưa đá vụt đi qua cũng đánh thức ở Phương Định rất nhiều kỉ niệm và nỗi nhớ về thành phố, quê hương, về gia đình, về tuổi thơ thanh bình của mình. Sau cái say sưa của niềm vui con trẻ là nỗi nhớ da diết khôn nguôi. Nhớ rất nhiều: người mẹ, cái cửa sổ ngôi nhà, những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, cái cây, vòm trời của nhà hát, bà bán kém và đám trẻ háo hức vây quanh; con đường nhựa sau cơn mưa, những ngọn đèn trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong truyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên... Tất cả vừa rõ ràng, vừa mờ ảo; vừa đồng hiện, vừa vụt hiện trong tâm trí; vừa gần gũi, vừa xa xôi. Những hoài niệm làm dịu cơn khát, những cơn khát cháy lòng, những hi vọng xa xôi. Tất cả ào đến, xoáy mạnh cũng mãnh liệt, dữ dội như cơn mưa đá. Tất cả làm thành hành trang tâm hồn của cô thanh niên xung phong, tiếp cho cô sức mạnh, thắp cho cô niềm tin và tỏa sáng vẻ đẹp của người chiến sĩ Trường Sơn, của những ngôi sao xa xôi.

c. Tình đồng chí, đồng đội nồng ấm:

- Ở Phương Định nét đẹp còn được ngời sáng trong tình đồng đội thăm thiết. Cô luôn yêu thương triu mến và quan tâm đến đồng đội. Cô lo lắng cho chị Thao và Nho lên cao điểm chưa về đến nỗi “nói như gắt vào máy” khi đại đội trưởng hỏi tình hình. Cô hiểu chị Thao và Nho như biết về những chị em ruột thịt. Đó là chị Thao sợ máu và vắt nhưng khi chiến đấu lại rất dũng cảm. Trong cuộc việc, ai cũng gồm chị bởi sự bình tĩnh, cương quyết, táo bạo. Với Nho, cô em út của tổ trinh sát thì Phương Định rất muốn bế trên tay. “trông nói nhẹ mát như một que

kem trắng. Biết bao trùu mến, yêu thương trong cái nhìn ấy. Khi Nho bị thương, cô vỗ về và chăm sóc như một người y tá: “moi đất, bế Nho đặt lên đùi”, “rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than”, “tiêm cho Nho” rồi “pha sữa trong cái ca sắt...”. Đặc biệt, cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những chiến sĩ mà cô gặp ngày đêm trên con đường ra mặt trận. Với cô “những người đẹp nhất, thông minh, cam đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ”.

=> Tình đồng chí đồng đội của Phương Định thật thiêng liêng, cao cả và đáng quý! Chính điều đó đã tiếp thêm sức mạnh cho cô để cô hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

3.Đánh giá

- Có thể nói, xây dựng nhân vật Phương Định, Lê Minh Khuê đã chọn được những phương thức trần thuật hợp lí khi nhà văn đặt điểm nhìn vào nhân vật chính của mình để nhân vật tự kể chuyện. Nhờ vậy, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật – tâm lí Phương Định đạt đến độ tinh tế nhất. Ngôn ngữ trần thuật qua nhân vật chính làm cho tác phẩm có giọng điệu, ngôn ngữ tự nhiên gần với khẩu ngữ, trẻ trung, nữ tính. Lời kể linh hoạt, cùng câu ngắn dài, nhịp nhanh tạo không khí chiến trường, nhịp kể chậm lại khi hồi tưởng như gợi nhớ kỉ niệm của tuổi thơ êm đềm... Tất cả góp phần tạo nên một nhân vật chính- một Phương Định thật như ở ngoài đời và một Phương Định rất Hà Nội.

- Qua dòng suy nghĩ và tâm trạng của nhân vật Phương Định, cuộc sống chiến đấu của các cô thanh niên xung phong được tái hiện đầy đủ, chân thực và sinh động với vẻ đẹp tỏa sáng. Hình tượng về những nữ thanh niên xung phong Trường Sơn không hiếm trong văn học chống Mỹ, song với những sáng tạo riêng của mình, Lê Minh Khuê trong truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng giàu mơ mộng, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, sự hi sinh và rất lạc quan của họ. Đó là hình ảnh đẹp, tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam đã sống và chiến đấu, hi sinh tuổi thanh xuân của mình cho Tổ quốc thân yêu:

*“Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi
Họ đã sống và chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước”.*
(“Đất nước” – Nguyễn Khoa Điềm).

C. Kết bài

- Đọc truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" khám phá vẻ đẹp nhân vật Phương

Định, ta yêu mến, tự hào về các cô thanh niên xung phong, Phương Định, Nho, chị Thao, mười cô gái ngã ba Đồng Lộc và bao nhiêu cô gái mở đường khác trên tuyến lửa Trường Sơn đã “Xẻng tay mà viết nên trang sử hồng” (Tố Hữu). Vẻ đẹp của họ mãi mãi tỏa sáng như vì sao lấp lánh trên bầu trời, trong sự cảm phục và lòng biết ơn của cả dân tộc:

“Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng
Những vì sao ngời chói lung linh”

(“Khoảng trời hố bom” – Lâm Thị Mĩ Dạ